

THERAVADĀ
PHẬT - GIÁO NGUYÊN - THỦY

00955



Babbaj,
Kingsa

PĀRAMĪ

THẬP ĐỘ

QUYỂN I

VĀNSARAKKHITA
MAHA THERA
HỘ-TÔNG TỶ-KHUU

2.505
1961

à
n
c
l
a
h
ho
V
ng
R
5
1
9
hi
0
ah
7
kh
ia
b
nh,
6
0
1
1
4
3

**PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA**

**THẬP ĐỘ
(*DASA PĀRAMĪ*)**

Soạn giả

**TRƯỜNG LÃO HÒA THƯỢNG HỘ TÔNG
(*VAÑSARAKKHITA MAHĀTHERA*)**

MỤC LỤC

QUYỂN I.....	4
LỜI TỰA.....	4
PHÁP THẬP ĐỘ HAY THẬP BA-LA-MẬT (DASA PĀRAMĪ).....	4
1. <i>Bố thí ba-la-mật (dāna pāramī)</i>	5
2. <i>Trì giới ba-la-mật (sīla pāramī)</i>	7
3. <i>Xuất gia ba-la-mật (nekkhamma pāramī)</i>	7
4. <i>Trí tuệ ba-la-mật (paññā pāramī)</i>	7
5. <i>Tinh tấn ba-la-mật (virīya pāramī)</i>	8
6. <i>Nhẫn ba-la-mật (khanti pāramī)</i>	8
7. <i>Chân thật ba-la-mật (sacca pāramī)</i>	8
8. <i>Quyết định ba-la-mật (adhiṭṭhāna pāramī)</i>	9
9. <i>Bác ái ba-la-mật (mettā pāramī)</i>	9
10. <i>Xả ba-la-mật (upekkha pāramī)</i>	9
TRUYỆN ĐỨC BỒ TÁT.....	9
<i>Bodhisatta - đức Bồ-tát</i>	10
<i>Hạn kỳ tu hạnh ba-la-mật (pāramī) của Bồ-tát</i>	10
<i>Ba danh hiệu đức Bồ-tát</i>	11
<i>Hai hạng Bồ-tát</i>	11
<i>Samodhānadhamma - tám liên hợp pháp</i>	11
<i>Buddhabhūmidhamma - trình độ pháp</i>	11
<i>Ajjhāsayaḍḍhamma - sáu khuynh hướng pháp</i>	12
<i>Acchariyadhamma niyatabodhisatta - phi thường pháp của Xác định Bồ-tát</i>	12
1. <i>Temiya Jātaka – Truyện Đức Temiya (Bồ tát tu hạnh xuất gia ba-la-mật)</i>	13
2. <i>Mahājanaka jātaka – Truyện Mahājanaka (Bồ tát tu hạnh tinh tấn ba-la-mật)</i>	18
3. <i>Suvannasāma jātaka – truyện Suvannasāma (Bồ tát tu hạnh bác ái ba-la-mật)</i>	25
4. <i>Nemirājajātaka – truyện Nemirāja (Bồ tát tu hạnh quyết định ba-la-mật)</i>	28
5. <i>Mahosatha jātaka – truyện Mahosatha (Bồ tát tu hạnh trí tuệ ba-la-mật)</i>	34
QUYỂN II.....	75
LỜI TỰA.....	75
6. <i>Bhūridata jātaka – truyện đức Bhūridata (Bồ tát tu hạnh trì giới ba-la-mật)</i>	75
6. <i>Candakumara jātaka – truyện Candakumāra (Bồ tát tu hạnh nhẫn nhục ba-la-mật)</i>	89
1. <i>Nārada jātaka – truyện Nārada (Bồ tát tu hạnh xả ba-la-mật)</i>	96
2. <i>Vidhura jātaka – truyện Vidhura (Bồ tát tu hạnh chân thật ba-la-mật)</i>	107
3. <i>Vessantara jātaka – truyện đức Vessantara (Bồ tát tu hạnh bố thí ba-la-mật)</i>	125
ĐÂY XIN LƯỢT GIẢI VỀ 13 THIÊN THEO THỨ TỰ LÀ:.....	145

Quyển I

LỜI TỰA

Thập độ là chính đạo yếu điểm của đức Thế Tôn mà hành học Phật cần phải hiểu biết cho tinh tường là điều quan trọng nhất.

Chúng ta, người mong được thành Phật, lẽ cố nhiên, phải học và hành pháp ba-la-mật theo Bồ-tát, nên đọc truyện Bồ-tát. Vì cụm từ “pháp ba-la-mật” là giáo lý chính thức của đức Phật, mà người sẽ thành Phật, trước tiên, phải tu hạnh Bồ-tát, hành pháp ba-la-mật.

Bồ-tát có nghĩa là bậc sẽ giác ngộ pháp tối cao, không cho sanh già bệnh chết, thoát ly thống khổ luân hồi. Hơn nữa, sự thông hiểu cốt tích Bồ-tát là một phương pháp phát sanh trí tuệ, đem đến nhiều hạnh phúc và cho ta trở nên bậc thượng lưu quân tử (trước khi chưa thành Phật), vì Bồ-tát có đủ tài đức đặc biệt phi thường.

Mong cho chư vị Phật tử nhận được và thấu rõ pháp thập độ cứu cánh giải thoát, chúng tôi không nệ tài hèn, học kém, tìm phiên dịch 10 tích Bồ-tát (các tiền kiếp của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni) tu đầy đủ phạm hạnh Ba la mật. Trong mỗi truyện đều có nêu gương chí thiện của Bồ-tát.

Chúng tôi, chỉ hy vọng cho tất cả muôn loài được lãnh hội chánh pháp, ngõ hầu mau đạt đến Niết-bàn vô sinh bất diệt.

Mong thay!

Hộ Tông Tỳ khuru

Ratanattayapūjā

PHÁP THẬP ĐỘ hay THẬP BA-LA-MẬT (DASA PĀRAMĪ)

Phạn ngữ: pāramī hay pāramīta¹ dịch là độ hoặc đấng bỉ ngạn, nghĩa là đến bờ kia. Ba-la-mật là nhân đến bờ kia hoặc là pháp báu hay là pháp của các bậc cao nhân, là con đường đi của đấng: Chánh đẳng Chánh giác (Sammāsambuddha), Độc giác (Pacceka-buddha), Thinh văn giác (Savakabuddha). Những người tu Phật, nếu muốn thành một trong 3 bậc giác ấy, cần phải một lòng tinh tấn tu hành theo pháp thập độ cho được viên mãn, bằng chẳng vậy thì không thể đắc đạo quả Niết-bàn được.

Thập độ là pháp giải thoát, ngăn ngừa ái dục, ngã mạn, tà kiến không cho nhiễm vào tâm, do lòng từ thiện. Nếu bố thí, trì giới mà còn vọng cầu danh lợi hoặc ngã mạn tự cao, khinh bỉ kẻ khác thì chẳng đáng gọi là người tu thập độ, vì không lòng từ bi đối với chúng sanh.

Hơn nữa, bậc tu pháp thập độ nếu bị chê trách hoặc được ngợi khen thì các ngài vẫn tự nhiên bất động, ví như tảng đá liền lạc, dù bị mưa to gió lớn cũng không lay chuyển. Như thế mới đáng gọi là người tu thập độ. Các bậc trí tuệ không hay tưởng đến những việc của mình đã làm, nghĩa là không lòng ăn-năn, than tiếc hoặc bất bình đến người nhạo báng mình.

Hỏi: Có sao bậc trí tuệ không đem lòng phiến trách kẻ nhạo báng mình? *Đáp:* Vì các ngài không hay để ý những lời chê khen của người đời. Dầu có người nào hợ ý khen tặng rằng: anh hoặc thầy là hạng thông minh tài trí tuệ, các ngài cũng không tỏ ưa thích.

¹ Tầu âm là: ba-la-mật (Sanskrit: Paramita).

Hỏi: Tại sao vậy? *Đáp:* Bởi các ngài thâm xét rằng: Nếu ta làm lành thì cái quả lành ấy sẽ cho ta hưởng những hạnh phúc, từ đây. Lại nữa, các ngài thường làm những việc mà người khó làm, vì có đức tin nhiều và giàu lòng sốt sắng bởi các ngài có trí tuệ thông rõ thời vụ.

Hỏi: đáu bi nạng hoặc ba-la-mật có mấy pháp? *Đáp:* Có 10 pháp: **1)** *dānaṃ*: thí, là đem của cải hoặc Phật pháp mà cho chúng sanh; **2)** *sīlaṃ*: giới, là không phạm điều luật của đức Phật đã răn cấm hoặc gìn giữ thân và khẩu được trong sạch; **3)** *nekkhammaṃ*: xuất gia, là sự đi tìm đạo đức cao thượng hoặc dứt bỏ vợ con, của cải mà đi tu hành; **4)** *pañña*: trí tuệ, là thông suốt tất cả các pháp; **5)** *viriyam*: tinh tấn, là một lòng cố gắng tu hành tấn tới; **6)** *khantī*: nhẫn nhục, là gắng chịu những điều sỉ nhục; **7)** *saccaṃ*: chân thật, là không gian tà, giả dối; **8)** *ādhitthānaṃ*: quyết định, là quyết định không thay đổi chí hướng; **9)** *mettā*: bác ái, hiền lành, nhân từ, mong cho tất cả mọi loài được vui; **10)** *upekkhā*: xả, là không vui, không buồn, thờ ơ không để ý, có tâm bình đẳng.

1. Bồ thí ba-la-mật (dāna pāramī)

Sẵn có tác ý lành, đem tài vật của mình như: vật thực, y phục, chỗ ở, thuốc men, cho chúng sanh do lòng bác ái gọi là bồ thí ba-la-mật. Bồ-tát hằng có lòng hoan hỷ trong việc bồ thí, ngài rất thỏa mãn khi tìm được dịp đem của cho người, cho nên ngài ráng bồ thí một lòng bất hối.

Xem truyện như sau đây rồi rõ. Kinh *Jātaka* trang 323 có dẫn tích đức Bồ-tát (tiền kiếp của Phật Thích Ca Mâu Ni) trong một kiếp nọ, ngài sanh làm quan đại thần của vua *Brahmadatta*. Quan đại thần ấy, rất mong được đôi giày và cây dù bằng lá thốt nốt của đức vua. Trong 12 năm mà ngài không dám xin của người. Vì thế, Bồ-tát hay tìm dịp bồ thí. Nhưng Bồ-tát khi đem vật gì cho ai rồi, ngài không cần được báo đáp, hoặc trông mong được lợi ích riêng. Ngài làm như quên hoặc kể như vật thí ấy mất đi vậy, không lòng thương tiếc, muốn người trả ơn.

Lại nữa, ngài không giấu giếm một vật gì cả. Nếu có người muốn xin món chi thì Bồ-tát liền cho món ấy hoặc có kẻ nào muốn xin vật gì mà không dám tỏ lời, xin biết được ngài hoan hỷ cho ngay. Khi Bồ-tát cho vật thực thì ngài không bao giờ đem vật không ngon hoặc không vừa lòng người mà cho; ngài thường cho những thức ăn vừa ý người. Cách bồ thí của Bồ-tát như vậy mới đáng gọi là bồ thí chân thành.

Về các vật dụng, ngài thường bồ thí 10 món như sau: **1)** *annadāna*: thí các món ăn thì ngài nguyện cầu cho tất cả chúng sanh đều được 5 điều hạnh phúc: sắc đẹp, yên vui, mạnh khỏe, trí tuệ, thánh quả mà người hằng đem lòng hoan hỷ; **2)** *pānadāna*: thí nước lạnh hoặc nước nóng, ngài cầu cho tất cả chúng sanh đều khỏi sự đói khát; **3)** *vatthudāna*: thí y phục thì ngài cầu được nhan sắc xinh đẹp như kim thân để giác ngộ và hỏ thẹn các tội lỗi; **4)** *yānadāna*: thí xe, ngựa, kiệu, võng, thì ngài cầu đắc lực thông được an lạc Niết-bàn; **5)** *gandhadāna*: thí các vật thơm thì ngài cầu được món giới hương; **6)** *mālāvilepanadāna*: thí tràng hoa và các vật để tắm, thì ngài cầu được tướng trang nghiêm của Phật; **7)** *āsanadāna*: thí chỗ ngồi, thì ngài cầu được bồ đoàn của Phật tọa; **8)** *seyyadāna*: thí chỗ nằm, thì ngài cầu được chỗ nằm của Phật卧; **9)** *avāsadāna*: thí chỗ ở, thì ngài cầu khi ngài thành Phật thì tất cả chúng sanh đều qui y theo ngài; **10)** *padīpeyyadāna*: thí đèn đuốc, thì ngài cầu được ngũ nhãn, nhất là nhãn thông.

Lại nữa, đức Bồ-tát còn bồ thí thêm 6 món như sau: **1)** *rūpadāna*: thí sắc, là dùng tràng hoa, y phục xinh đẹp cúng dường đến Tam bảo, thì ngài cầu cho được hào quang phóng ra một sải, chung quanh thân ngài; **2)** *saddadāna*: thí tiếng là dùng đờn kèn cúng dường đến

Tam bảo hoặc dâng cúng nước mía, dầu, dùng làm thuốc cho các vị pháp sư, khuyên người đi nghe pháp hoặc tự mình nói pháp cho người nghe, thì ngài cầu cho có tiếng thanh tao, dịu dàng như tiếng của vị Đại Phạm thiên; **3)** gandhadāna: thí các mùi thơm cúng dường đến tam bảo, ngài nguyện khi được chúng quả bồ đề, thì chúng sanh đều đem lòng cảm mến ngài; **4)** rasadāna: thí vật cao lương cúng dường đến Tam bảo, ngài nguyện khi được chúng quả bồ đề, thì chúng sanh đều đem lòng cảm mến ngài; **5)** patthabbadāna: thí chỗ nghỉ ngơi (giường, ghế, ván ngựa) cúng dường đến Tam bảo, thì ngài nguyện cho thành bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; **6)** bhesajjadāna: thí thuốc men, nước mía, dầu, mật ong, v.v... cúng dường đến Tam bảo, thì ngài nguyện cho khỏi sanh, lão, bệnh, tử, khổ.

Bồ-tát còn thí thêm 10 món nữa: **1)** dāsānambhijjissadāna: thí tô tở, là thả kẻ hầu hạ khỏi vòng nô lệ, thì ngài nguyện cho được sự giải thoát, dứt phiền não và lòng ái dục; **2)** anavajjakhiddhā vatihetudāna: thí những sự chơi vô tội, thì ngài nguyện chúng sanh phát lòng hoan hỷ nghe pháp của ngài; **3)** puttadāna: thí con trai, ngài nguyện khi chúng được phật quả, thì con của ngài cũng được gặp ngài; **4)** dāradāna: thí vợ, thì ngài nguyện cho đắc pháp vô thượng bồ đề; **5)** rājadāna: thí ngôi vua, thì ngài nguyện cho thành vị pháp vương; **6)** rājadāna: thí tay, thì ngài nguyện cho tay ngài nắm cả pháp báu để tế độ chúng sanh và cho ngài được thoát khỏi 5 đại hồng thủy² nhất là ngũ dục hồng thủy; **7)** kānānasādidāna: thí thân thể (tai, mũi), thì ngài nguyện cho được ngũ căn thanh tịnh; **8)** cakkudāna: thí mắt, thì ngài nguyện cho được ngũ nhãn³ nhất là thiên nhãn; **9)** mamsalohitadāna: thí máu thịt, ngài nguyện cho có thân thể tròn đủ; **10)** uttamanga dāna: thí đầu, thì ngài nguyện cho thành Vô Thượng đại giác.

Các sự bố thí ấy, chia ra làm 3 hạng: **1)** pháp dứt bỏ các món dùng của mình (vợ, con, của) mà cho, gọi là bố thí đến bờ kia (dānapāramī); **2)** pháp dứt bỏ tay, chân, mắt, thịt mà cho, gọi là bố thí đến bờ trên (dāna upapāramī); **3)** pháp dứt bỏ mạng sống của mình mà cho, gọi là bố thí đến bờ cao thượng (dāna paramatthapāramī).

Đức Bồ-tát đã bố thí các vật ngoài thân của ngài, mà ngài chưa vừa ý, nên ngài thí đến tay, chân, mắt, mũi, da, thịt của ngài. Tuy vậy, cũng chưa mãn nguyện, nên thí đến mạng sống của ngài, ngài mới an lòng.

Trong kiếp đầu thai làm thái tử Vessantararāja, lúc lên 8 tuổi ngài có nguyện rằng: Nếu có người đến hỏi xin trái tim, là nơi nương tựa của tâm, là sanh mạng của ta, thì ta mở ngực lấy tim đem thí chẳng sai. Nếu họ hỏi xin mắt thì ta dùng dao bén rọc lấy mắt để trên bàn tay mà cho người. Tuy nhiên, nếu có người hỏi xin thịt, ta sẽ cắt thịt mà cho, với lòng hoan hỷ của ta.

Các pháp bố thí (đại hoặc tiểu thí) đã giải trên đều thích trong Kinh⁴. Xin các bậc thiện trí tuệ thức, nếu muốn biết thêm, nên xem trong các thứ kinh Jātaka (Tiền thân Đức Phật) ấy.

² Phiền não ví như nước lụt to, nhận chúng sanh chìm trong bể khổ: Ngũ dục hồng thủy (kamogkha); sắc giới hồng thủy (bhavogha); tà kiến hồng thủy (ditthogha); vô minh hồng thủy (avjjogha).

³ Thiên nhãn (dibbacakkhu); nhục nhãn (mamsacakkhu); huệ nhãn (paññacakkhu); Phật nhãn (Buddhacakkhu); toàn nhãn (samantecakkhu).

⁴ (Mahā-Sūdassana Jātaka trang 95, kinh Sasa Jātaka trang 316, kinh Samkhabrahmana Jātaka trang 442, kinh Akitta Brahmana Jātaka trang 480, kinh SiviJātaka trang 499, kinh Nimi Jātaka trang 411, kinh Vessantara Jātaka trang 547). Xin các bậc trí thức, nếu muốn biết thêm, nên xem trong các thứ kinh Jātaka.

2. Trì giới ba-la-mật (sīla pāramī)

Lời ngay thật mà đức Bồ-tát hằng trau dồi, do sự sáng trí tuệ và thương xót chúng sanh (nghĩa là: ngài hằng thốt lời ngay thật và hữu ích) bởi ngài có lòng từ bi đối với chúng sanh không phân giai cấp, gọi là trì giới trong sạch.

Bồ-tát hằng tránh xa tội lỗi và cố tìm làm việc lợi ích. Bởi đạo hạnh của ngài như vậy, nên gọi là trì giới đến bờ kia. Dầu xuất gia hay cư sĩ, ngài vẫn trì giới trong sạch không khi nào để lấm nhơ. Lúc tại gia, ngài giữ giới cư sĩ không vi phạm. Khi xuất gia, ngài càng hết lòng tinh tấn, thọ trì tứ thanh tịnh giới rất trong sạch theo 4 pháp là: **1)** giới bốn thanh tịnh vì đức tin; **2)** ngũ căn thanh tịnh giới vì trí tuệ nhớ; **3)** chánh mạng thanh tịnh giới do tinh tấn; **4)** quán tưởng thanh tịnh giới do tuệ lực. Trong mỗi kiếp chuyển sanh đức Bồ-tát đều trì giới được trong sạch. Cách hành đạo của Bồ-tát có giải rõ trong kinh Ganavera Jātaka số 318.

Giới Ba-la-mật chia ra làm 3 hạng: **1)** dầu có sự thiệt thòi đến vợ, con, đức Bồ-tát cũng quyết giữ giới được trong sạch, gọi là trì giới đến bờ bên kia (sīla pāramī); **2)** dầu có sự tai hại đến thân thể, Bồ-tát cũng chẳng vi phạm giới luật mà ngài đã nguyện thọ trì, gọi là trì giới đến bờ trên (sīla upapāramī); **3)** nếu có hại đến sanh mạng đi nữa, Bồ-tát quyết không phá giới gọi là trì giới đến bờ cao thượng (sīla paramattha pāramī)⁵

3. Xuất gia ba-la-mật (nekkhamma pāramī)

Đức Bồ-tát hằng có chí xuất gia, vì lòng từ bi, nhất là ngài thường thấy những điều tội lỗi của ngũ dục và suy xét để tránh xa. Vì thế, nên ngài quyết định xuất gia tu hành đến bờ kia. Tiếng pabbajjā nghĩa là pháp xuất gia tu hành, dứt bỏ vợ con, của cải.

Lại nữa, các công đức cao thượng nhất là nhập định, đều là phương pháp của bậc xuất gia. Hạng này có thể dứt trừ phiền não, xa lìa dục giới. Nếu đức Bồ-tát không xuất gia ở nhà hành đạo cư sĩ, ngài trì pháp phạm hạnh (brahmacariya dhamma) không sai phạm như đã có giải trong kinh Darimukkha Jātaka.

Xuất gia Ba-la-mật chia làm 3 hạng là: **1)** cách dứt bỏ vợ, con, là nhân vật yêu mến mà xuất gia, gọi là xuất gia đến bờ kia (nekkhamma pāramī); **2)** cách dứt bỏ thân thể, tứ chi mà xuất gia, gọi là xuất gia đến bờ trên (nekkhamma upapāramī); **3)** cách dứt bỏ sự sống mà xuất gia, gọi là xuất gia bờ cao thượng (nekkhamma paramatthapāramī).

4. Trí tuệ ba-la-mật (paññā pāramī)

Pháp thấu rõ 3 tướng (vô thường, khổ não, vô ngã) để diệt trừ tà kiến mà đức Bồ-tát hằng nguyện đạt đến, gọi là trí tuệ đến bờ kia. Giải rằng: Các danh sắc đều phải hư hoại do 3 tướng đã giải trên. Trí tuệ thấy chắc như vậy gọi là samannalakkhana là pháp thấy rõ sự khổ về danh⁶, sắc⁷. Hơn nữa, danh hằng duyên theo trần cảnh đều phải hư hoại, vì thời tiết (nóng, lạnh). Trí tuệ xét rõ như vậy, gọi là trí tuệ cao thượng. Các bậc Bồ-tát hằng ghi nhớ đến 3 tướng ấy, không bao giờ quên, dù là các ngài chưa đạt đến bậc toàn giác.

Hỏi: Tại sao con người và Chư thiên đều hết lòng cầu nguyện cho được đắc đạo quả A-la-hán. Còn đức Bồ-tát thì lại chẳng mong được đạo quả ấy? *Đáp:* Bởi ngài đã chí hướng theo bậc Chánh Biến Tri. Trí tuệ của ngài thường hồi hướng cho chúng sanh. Hơn nữa, chư

⁵ Các bậc thiện hữu trí thức muốn biết rõ giới ba-la-mật, nên tìm xem trong các kinh Jātaka, nhất là kinh Sīlavanaga số 72, Lomahamsa số 94, Kurudamma số 276, Bangāmala số 421, Ruramiga số 482, Campeyya số 506, Chaddanda số 514 và Bhūridatta Jātaka số 543.

⁶ Thọ, tướng, hành, thức.

⁷ Sắc thân tứ đại là: đất, nước, gió, lửa.

Bồ-tát khi rõ được pháp nào chơn chánh thì các ngài hằng đem ra giảng giải cho thiên hạ, không giấu giếm.

Trí tuệ Ba-la-mật chia ra làm 3 hạng: **1)** đức Bồ-tát ít quyền luyến vợ, con, ngài hằng lo làm những việc lợi ích đến chúng sanh, nên gọi là trí tuệ đến bờ kia (paññā pāramī); **2)** đức Bồ-tát hằng hy sinh thân thể của ngài để tìm sự lợi ích cho chúng sanh, nên gọi là trí tuệ bờ trên (paññāupapāramī); **3)** đức Bồ-tát không màng đến mạng sống của ngài, chỉ mong được sự lợi ích cho chúng sanh, nên gọi là trí tuệ đến bờ cao thượng (paññā paramatthapāramī).

5. Tinh tấn ba-la-mật (virīya pāramī)

Đức Bồ-tát hằng cố gắng tìm làm những lợi ích cho chúng sanh, không thối chuyển, dầu có việc chẳng lành đến cho ngài, ngài cũng giữ một lòng tu hành tinh tấn. Nếu rõ điều nào chơn chánh thì ngài cố gắng thực hành, để chúng sanh thấy mà xu hướng theo.

Tinh tấn đáo bỉ ngạn chia ra làm 3 hạng: **1)** dứt bỏ vợ, con, cố sức làm những việc lành, gọi là tinh tấn đến bờ kia (virīya pāramī); **2)** dứt bỏ tứ chi, máu, thịt không than tiếc, nhất tâm tu hành không gián đoạn, gọi là tinh tấn đến bờ trên (virīya upapāramī); **3)** cố gắng tận diệt hoặc nghiệp dù có sự hại đến sanh mạng, ngài cũng một lòng bất thối, gọi là tinh tấn đến bờ cao thượng (virīya paramatthapāramī)⁸.

6. Nhẫn ba-la-mật (khanti pāramī)

Đức Bồ-tát thường tu hạnh nhẫn, dằn lòng sân hận, vì tâm từ bi của ngài đối với chúng sanh. Ngài hằng thương xót và hiền lành, không oán giận chúng sanh, gọi là nhẫn đến bờ kia.

Đức Bồ-tát hay ghi nhớ rằng: Chúng sanh toàn là thân bằng quyến thuộc của ngài, ngài hằng xá tội lỗi cho chúng sanh vì lòng hỉ xả của ngài. Nếu có kẻ nóng giận chửi mắng Ngài vô cớ, ngài chẳng chấp trách, cho nên ngài ít hay tỏ ý bất bình. Dầu có ai đại nộ muốn đánh hoặc cắt tay chân ngài, ngài cũng chẳng đem lòng oán thù hay nói xấu kẻ ấy. Ngài lại cầu nguyện cho họ được an vui trường thọ.

Nhẫn đáo bỉ ngạn chia ra làm 3 bậc: **1)** nhẫn về việc làm lỗi của chúng sanh đối với vợ, con, gọi là nhẫn đến bờ kia (nhẫn chẳng phải chỉ nín thinh, mà cần nói lời ôn hoà cao thượng và lợi ích mới gọi là nhẫn đáo bỉ ngạn) (khanti pāramī); **2)** nhẫn với việc làm sai của chúng sanh phạm đến thân thể, gọi là nhẫn đến bờ trên (khanti upapāramī); **3)** nhẫn đến việc quấy của chúng sanh phạm đến mạng sống mà ngài chẳng nóng giận (oán thù), gọi là nhẫn đến bờ cao thượng (khanti paramattha pāramī).⁹

7. Chân thật ba-la-mật (sacca pāramī)

Sự xa lánh lời nói không thật vì lòng từ bi của Bồ-tát, gọi là chân thật đến bờ kia.

Lời thật ấy chia ra làm 3 bậc: **1)** dầu có tai hại đến vợ, con, ngài chẳng nói sai lời, gọi là chân thật đến bờ kia (sacca pāramī); **2)** dù có sự tai hại đến thân thể nhưng chẳng nói sai lời, gọi là chân thật đến bờ trên (sacca upapāramī); **3)** dù có tai hại đến mạng sống, cũng chẳng nói sai lời gọi là chân thật đến bờ cao thượng (sacca paramattha pāramī).

⁸ Những người tu Phật muốn biết rộng thêm về phép tinh tấn, nên tìm xem kinh Vanapatha Jātaka số 2, Serivanijja Jātaka 3, Kurunja số 21, Bhojājaniya Jātaka số 23.

⁹ Những người tu Phật muốn tu pháp nhẫn, muốn tìm hiểu thêm, nên xem kinh Varājovāda jātaka số 151, Mahisa jātaka số 278, Khantivada jātaka số 313 .v.v...

8. Quyết định ba-la-mật (adhithhāna pāramī)

Chí nguyện một lòng bất thối, nghĩa là: Nếu Bồ-tát đã quyết định tu thì ngài chỉ nhất tâm hành đạo, y theo lời nguyện của ngài không lòng thối chuyển, gọi là quyết định đến bờ kia.

Quyết định chia ra làm 3 bậc: **1)** nếu vợ, hoặc con của đức Bồ-tát có sự khó khăn đến đâu, ngài không bỏ qua lời nguyện, sự tu hành tinh tấn như thế gọi là quyết định đến bờ kia (adhithhāna pāramī); **2)** dù có sự thiệt thòi đến tứ chi, thân thể của ngài, ngài vẫn nắm giữ lời nguyện, không thoái bộ, gọi là quyết định đến bờ trên (adhithhānaupapāramī); **3)** dẫu có sự hại đến mạng sống, ngài chẳng khi nào thụt lùi bỏ lời nguyện, gọi là quyết định đến bờ cao thượng (adhithhāna paramattha pāramī).

9. Bác ái¹⁰ ba-la-mật (mettā pāramī)

Cách tìm sự lợi ích an vui cho chúng sanh và không lòng sân hận mà đức Bồ-tát hằng thực hành gọi là bác ái đến bờ kia.

Bác ái Ba-la-mật chia làm 3 bậc: **1)** không làm mất sự lợi ích an vui của chúng sanh, mặc dù có việc dữ đến vợ, con, thì ngài cũng chẳng sân hận, gọi là bác ái đến bờ kia (mettā pāramī); **2)** dẫu có kẻ làm hại đến tứ chi, thân thể, ngài vẫn không bất bình, gọi là bác ái đến bờ trên (mettā upapāramī); **3)** dẫu có kẻ hại đến mạng sống của ngài, ngài vẫn thương xót, gọi là bác ái đến bờ cao thượng (mettā paramattha pāramī).

10. Xả ba-la-mật (upekkha pāramī)

Đức Bồ-tát hằng đè nén lòng ưa thích và sự bất bình theo tình dục của chúng sanh, do tâm bác ái của ngài, gọi là xả đến bờ kia.

Xả ba-la-mật chia ra làm 3 bậc: **1)** đức Bồ-tát hằng có lòng không thiên vị đối với người, nhất là với vợ, con của ngài, xả như thế gọi là xả đến bờ kia (upekkha pāramī); **2)** đức Bồ-tát hằng giữ lòng bậc trung, với những người ân hoặc vô ân với ngài, không lòng thiên vị, gọi là xả đến bờ trên (upekkha upapāramī); **3)** dẫu có kẻ nào hại đến mạng sống hoặc cứu tử ngài, thì ngài vẫn giữ tâm điềm nhiên đối với những người ấy, gọi là xả đến bờ cao thượng (upekkha paramattha pāramī).

Phép thập độ này, trong mỗi bộ có chia ra làm 3 bậc: đáo bỉ ngạn đến bờ kia (pāramī), đáo bỉ ngạn đến bờ trên (upapāramī), đáo bỉ ngạn đến bờ cao thượng (paramattha pāramī). Tổng cộng là tam thập độ (30 độ).

Thập độ có thể độ người chứng 3 quả Bồ đề: Chánh đẳng Chánh giác (sammāsambodhi), Độc giác (paccekabodhi), Thanh văn giác (sāvaka bodhi). Những người tu Phật tùy sở thích, nên nguyện cho được kết quả một trong 3 bậc giác này. Hàng học Phật nếu chẳng thực hành theo pháp thập độ, thì chẳng mong đạt đến Niết-bàn. Vì thế các bậc thiện hữu trí tuệ thức tinh tấn tu hành theo pháp thập độ này, không để xuôi, thì sẽ ắt đạt đến bậc tiêu dao, tự tại chẳng sai.

- Dứt pháp thập độ -

TRUYỆN ĐỨC BỒ TÁT
BODHISATTA - BODHISATVA

¹⁰ Bác ái còn gọi là pháp ‘Từ’.

Những người mong hiểu Phật giáo, nên đọc truyện Bồ-tát. Vì cụm từ ‘Phật giáo’ có nghĩa là lời Phật dạy, mà người sẽ là Phật, trước tiên phải tu hạnh Bồ-tát. Hơn nữa, sự thông rõ sử kinh về đức Bồ-tát là một phương pháp phát sanh trí tuệ, đem đến cho ta nhiều lợi ích, giúp cho ta nên bậc quý nhân.

Truyện Bồ-tát, hay nói một cách khác là cốt tích của vị anh hùng (virapurasa) hoặc bậc đại nhân (mahāpurasa) vì là bậc xuất chúng, đáng làm gương độ đời trở thành người hào kiệt hoặc đại nhân được, bằng không cũng khiến cho người đời càng phát tâm trong sạch, xác nhận trung thành đối với Tam bảo. Họ càng thấu rõ chân lý, tự xét đoán, quyết định rồi hoan hỷ, mát mẻ thực hành theo, tâm linh của người thêm sáng suốt thanh cao.

Với từ ‘Bồ-tát’, chúng ta nên quan sát tỉ mỉ mẫu truyện sau đây, rồi đem so sánh tài trí tuệ của mình với đức tính của Bồ-tát có danh hiệu là người anh hùng và đại nhân.

Bodhisatta - đức Bồ-tát

Cụm từ Bồ-tát (Bodhisatta hoặc Bodhisatva) dịch là người sẽ giác ngộ pháp tối cao, không thể so sánh được, hoặc là sự thông suốt pháp không cho sanh, già, bệnh, chết, và những khổ não, dù là một tí ti nào. Các sự hiểu biết khác như là: sáng tác văn chương, sáng tạo máy móc v.v... chỉ có lợi ích trong đời, không sao sửa được sự sanh, già, bệnh, chết là những điều khổ trọng đại vậy.

Những bậc đặc pháp ba-la-mật là: dāna (bố thí), sīla (trì giới), nekkhamma (xuất gia), paññā (trí tuệ), viriya (tinh tấn), khantī (nhẫn nại), sacca (ngay thật), adhiṭṭhāna (quyết định), mettā (bác ái), upekkhā (xả), cả bậc thấp, bậc trung và bậc cao, đều gọi là Bồ-tát. Bậc này sẽ chứng quả Chánh đẳng Chánh giác, là pháp giác ngộ thoát ly sanh tử luân hồi lần tất cả sự thống khổ ở đời.

Lại nữa, Bồ-tát có 3 hạng: Pannādhika, Saddhāhika, Viriyādhika.

Chú giải: 1) Pannādhika: Hạng có trí tuệ nhất. Bồ-tát hạng này có trí tuệ nhiều hơn các đức tính khác. Nghĩa là cũng có đức tin, tinh tấn, vv... Nhưng kém hoặc yếu hơn trí tuệ. 2) Saddhāhika: Hạng có đức tin nhất. Bồ-tát hạng này có đức tin nhiều hơn các đức tính khác. 3) Viriyādhika: Hạng có tinh tấn nhất. Bồ-tát hạng này có tinh tấn nhiều hơn các đức tính khác.

Tóm tắt: Bồ-tát hạng nhất có trí tuệ hướng dẫn, hạng nhì có đức tin hướng dẫn, hạng ba có tinh tấn hướng dẫn.

Hạn kỳ tu hạnh ba-la-mật (pāramī) của Bồ-tát

Cả 3 hạng Bồ-tát đều phải thực hành tròn đủ 30 phép ba-la-mật (pāramī: đến bờ kia, Sangkrit: pāramīta), nhưng mau hoặc lâu khác nhau.

- 1) Paññādhika bodhisatta: Bồ-tát có trí tuệ nhất phải tu 20 a-tăng-kỳ (asankheyya) và 100.000 kiếp. Trong thời đại tu chia ra làm 3 thời lý: thời kỳ trừ định (âm thầm ước nguyện) sẽ cố gắng cho được thành bậc Chánh đẳng Chánh giác phải trải qua 7 a-tăng-kỳ; thời kỳ thuyết minh (nguyện ra lời) phải trải qua 9 a-tăng-kỳ; thời kỳ được Phật dự đoán phải trải qua 4 a-tăng-kỳ và 100.000 đại kiếp.
- 2) Saddhādhika bodhisatta: Bồ-tát có đức tin nhất, phải tu 40 a-tăng-kỳ và 100.000 kiếp. Thời kỳ trừ định phải trải qua 14 a-tăng-kỳ; thời kỳ thuyết minh phải trải qua 8 a-tăng-kỳ; thời kỳ được Phật dự đoán phải trải qua 8 a-tăng-kỳ và 100.000 kiếp.
- 3) Viriyādhika bodhisatta: Bồ-tát có tinh tấn nhất phải tu 80 a-tăng-kỳ và 100.000 kiếp.

Thời kỳ trừ định phải trải qua 28 a-tăng-kỳ; thời kỳ thuyết minh phải trải qua 36 a-tăng-kỳ; thời kỳ được Phật dự đoán phải trải qua 16 a-tăng-kỳ và 100.000 kiếp.

Ba danh hiệu đức Bồ-tát

- Bồ-tát có trí tuệ nhất gọi là Ugghatitaññū: Có thể chứng quả, khi đức Phật vừa khởi đầu thuyết pháp. Bồ-tát hạng này, được nghe Phật thuyết pháp, nếu cần quả Thinh văn giác phân tích, khi vừa nghe Phật thuyết đầu đề thì được chứng quả ngay.

- Bồ-tát có đức tin nhất gọi là Vipacitaññū: Có thể chứng quả, khi đức Phật vừa thuyết pháp xong. Bồ-tát hạng này, được nghe pháp đức Phật, nếu muốn chứng quả Thinh văn giác, lực thông sẽ đắc khi vừa nghe xong thời pháp.

- Bồ-tát có tinh tấn nhất gọi là Neyya: Có thể tiến dẫn được. Bồ-tát hạng này, muốn chứng quả Thinh văn giác lực thông có lẽ chứng được khi đã nghe Phật thuyết pháp tỉ mỉ rõ ràng từng chi tiết.

Hai hạng Bồ-tát

Trong 3 hạng Bồ-tát đã giải rút ngắn lại còn 2 là: bất định (aniyata) và xác định (niyata)

- 1) Bất định Bồ-tát: Cả 3 hạng Bồ-tát, nếu chưa được Phật dự đoán gọi là Bất định Bồ-tát, nghĩa là không định chắc sẽ thành Phật vị lai, có thể sẽ thành bậc Độc giác hoặc Thinh văn giác.
- 2) Xác định Bồ-tát: Khi đã được Phật dự đoán gọi là Xác định Bồ-tát, nghĩa là định chắc sẽ chứng quả Chánh Biến Tri

Samodhānadhamma - tám liên hợp pháp

Bồ-tát được Phật dự đoán, cần phải có đầy đủ 8 liên hợp pháp là:

- 1) Manussattam: Phải là người nam thật.
- 2) Lingasampatti: Phải có đầy đủ hình tướng của người nam
- 3) Hetu: Phải có đặc sắc đặc Thinh văn giác, như Sumedha đạo sĩ v.v..., nghĩa là nếu cần thành Thinh văn giác thì đắc ngay trong thời đó.
- 4) Satthāradasanam: Phải gặp Phật và được làm điều cao thượng, dâng đến đức Phật như vị đạo sĩ Sumedha trải thân làm cầu dâng cho Đỉnh Quang Phật (Dipankāra) ngự đi.
- 5) Pabbajjā: Phải là người xuất gia chơn chánh (đạo sĩ cũng được).
- 6) Gunasampatti: Phải có đủ đức tính phi thường, nhất là ngũ thông, bát thiên.
- 7) Adhikāro: Phải được làm việc tốt cao thượng là xả thí sinh mệnh và vợ con, do tác ý, mong được chứng bậc Toàn Giác.
- 8) Chandatā: Phải có tâm hăng hái đầy đủ trong sự tu chứng đạo quả, không mong điều chi khác, dù khổ nào thế nào cũng không nao núng.

Khi được đủ cả 8 đức tánh trên trong kiếp nào thì mới được Phật dự đoán là xác định Bồ-tát.

Buddhabhūmidhamma - trình độ pháp

Là pháp chỉ về đạo đức với tài năng cao, thấp của đức Bồ-tát, xác định Bồ-tát là bậc chắc sẽ chứng quả Phật Toàn Giác, phải có trình độ xuất chúng phi thường.

Bốn trình độ pháp: ussāha: có nghị lực; ummagga: có nhiều trí tuệ; avatthānam: có sự quyết định kiên cố; hitacariyā: chỉ làm điều lợi ích.

Chú giải: Ussāha: Có nghị lực. Xác định Bò-tát có khả năng quả quyết trong khi làm việc lành, không thoái bộ. Ummagga: Có nhiều trí tuệ. Xác định Bò-tát có sự hiểu biết tinh tường trong nhân quả của mọi việc, rằng thế nào là điều lành, dữ, rồi tránh nhân ác, cố tạo điều lành để thọ quả vui. Avatthāna: Có sự quyết định kiên cố. Xác định Bò-tát khi đã làm điều thiện nào, thì nguyện làm cho thành tựu, không bỏ dở. Hitacariyā: Chỉ làm điều lợi ích. Xác định Bò-tát chỉ làm điều lợi ích cho mình và cho người, lánh xa nghiệp ác.

Trong 4 pháp trên, nên sắp theo thứ tự như vậy: ummagga: có nhiều trí tuệ; hitacariyā: chỉ làm điều lợi ích; avatthāna: có sự quyết định kiên cố; ussāha: có nghị lực.

Chú giải:

Khi làm một việc gì thì cần phải áp dụng theo thứ tự của trình độ pháp. Trước tiên, phải dùng trí tuệ (trình độ pháp thứ nhất) quan sát rồi mới bắt đầu làm (trình độ pháp thứ nhì), tiếp theo dùng sự quyết định (trình độ pháp thứ ba) sau cùng đến nghị lực (trình độ pháp thứ tư). Đức Xác định Bò-tát, mỗi khi hành động một việc gì dù lớn hay nhỏ, ngài hằng suy nghĩ, dự liệu tinh tường, thấy có lợi ích thật rồi, quyết chí tâm làm cho kỳ được, dù gian lao đến đâu cũng không ngã lòng, bỏ dở. Hạng phạm nhân, chưa phải là Xác định Bò-tát, cũng nên trì chí trụ trong 4 trình độ pháp như thế, mới mong đem mình ra khỏi bể khổ luân hồi, khỏi vòng sanh tử, hưởng quả vị siêu thoát. Bậc có 4 trình độ pháp, mới gọi là người thượng lưu (panitapuggala). Người chưa có đủ 4 trình độ pháp, gọi là kẻ hạ lưu (omakapuggala).

Ajjhāsayadhamma - sáu khuynh hướng pháp

Lệ thường Xác định Bò-tát hằng có 6 khuynh hướng pháp là: alobhajjhāsaya: thiên về không tham; adosajjhāsaya: thiên về không sân; amohajjhāsaya: thiên về không si; nekkhammajjhāsaya: thiên về xuất gia; pavivekajjhāsaya: thiên về an tĩnh; nissaranajjhāsaya: thiên về thoát ly.

Chú giải: Thiên về không tham: Là không mong được riêng về mình, hằng quan tâm đến những lợi ích cho kẻ khác, tức là sẵn có tác ý bố thí. Thiên về không sân: Là chận đứng tâm không cho nóng giận, khi phát sân thì lấy đức từ bi đè nén. Thiên về không si: Là không ngây dại, có trí tuệ không vội tin. Xác định Bò-tát hay suy nguyên nhân quả rồi mới tin. Thiên về xuất gia: Xác định Bò-tát, hằng bỏ đi tu, lìa khỏi sự thương yêu, quyến luyến ngũ dục. Thiên về an tĩnh: Xác định Bò-tát, hằng lánh xa chốn huyên náo, tìm ngụ trong nơi thanh vắng một mình. Thiên về giải thoát: Là tìm đường ra khỏi phiền não, để thoát ly các sự thống khổ ở đời.

Như thế, chúng ta thấy rõ Bò-tát có đặc tính ra sao, có khuynh hướng khác thường thế nào. Chúng ta nên cố gắng hành theo, để hưởng quả vui cho mình và cho kẻ khác.

Acchariyadhamma niyatabodhisatta - phi thường pháp của Xác định Bò-tát.

Đức Xác định Bò-tát có 7 pháp phi thường, đáng cho trời, người nhận rằng cao thượng vượt khỏi thường nhân là: pāpapatikuthacitto: có tâm chán nản điều ác; pāsaranacitto: có tâm truyền thiện; adhimuttakālakiriyā: có tâm khuynh hướng về sự chết; visesajanattam: người đặc biệt không giống kẻ khác; tikalaññū: biết rõ ba thời kỳ; pasūtikālo: khi đản sinh; manussajātiyo: sinh ra làm người.

Chú giải:

- 1) Pāpapatikuthacitto: Có tâm chán nản điều ác. Xác định Bồ-tát, hằng hổ thẹn (hiri) và ghê sợ (ottappa) tội lỗi, vừa thấy điều chi xấu xa thì ngài liền ngã lòng ví như lông gà bị cháy.
- 2) Pāśāranacitto: Có tâm truyên thiện. Xác định Bồ-tát hằng có tâm hoan hỷ với việc lành, không thoái bỏ trước lẽ phải. Nếu làm việc gì mà chưa toại nguyện thì không khi nào chán nản bỏ qua.
- 3) Adhimuttakālakiriyā: Có tâm khuynh hướng về sự chết. Xác định Bồ-tát, sanh trong cõi trời trường sinh, ngài sợ mất thì giờ tu pháp Ba la mật, nên Ngài nguyện rằng: xin cho sinh mạng tôi đừng tồn tại nữa. Nguyện xong, ngài đi thọ sanh ngay (điều này nếu chưa phải là Xác định Bồ-tát thì không thi hành được).
- 4) Visesajanattam: Người đặc biệt không giống kẻ khác. Xác định Bồ-tát trong kiếp chót, thọ sanh vào lòng mẹ không giống như thường nhân.
Thường nhân: khi ở trong thai bào hết sức là u tối và vậy bần; phải úp mặt vào lưng mẹ, lưng xoay ra bụng mẹ. Trái lại, Xác định Bồ-tát ngự trong nơi sạch sẽ, không chút bợn nhơ dính mình. Ngài ngồi xoay mặt ra phía trước và ngồi bán già như vị pháp sư trên pháp tọa.
- 5) Tikalaññū: Biết rõ ba thời kỳ. Xác định Bồ-tát trong kiếp chót biết rõ 3 thời kỳ: khi giáng sinh từ cõi trời vào lòng mẹ; khi ngự trong thai bào 10 tháng; khi đản sinh.
Đức Độc Giác và 2 thủ đệ tử Phật là Dvikālaññū chỉ biết 2 thời kỳ: Khi sanh vào lòng mẹ và lúc ở trong thai bào. Tám mươi vị Thinh văn giác là Ekakālaññū chỉ biết một thời kỳ là khi thọ sanh vào lòng mẹ. Ngoài ra, phàm phu chẳng có ai biết như ba hạng trên.
- 6) Pasūtikālo: Khi đản sinh. Xác định Bồ-tát trong kiếp chót, giờ đản sanh, ngài duỗi 2 tay theo 2 chân, trong thoáng mát, ngài ra khỏi thai bào ví như vị pháp sư đang xuống pháp tọa, trong khi bà mẹ ngài đang đứng. Mẹ ngài và ngài không thọ khổ chi cả. Ngày đức Bồ-tát đản sinh vạn vật trong vũ trụ đều rung rinh.
- 7) Manussajātiyo: Sinh ra làm người. Xác định Bồ-tát trong kiếp chót, ngài có thể lực sinh ra theo 3 nhân là: đời vừa cho ngài truyền bá Phật pháp; hân hạnh có người xuất gia để thừa hành giáo pháp của ngài; nơi có dịp để lưu truyền xá lợi, sau khi Phật nhập Niết-bàn; sự phi thường của Xác định Bồ-tát trong kiếp chót, chỉ có 3 là pháp thứ 5, 6, 7.

– *Dứt cụm từ ‘Bồ-tát’* –

1. Temiya Jātaka – Truyện Đức Temiya (Bồ tát tu hạnh xuất gia ba-la-mật)

Mā paticca yaṃ vibhaneyya idaṃ sathā jetavane viharanto mahabhinekkamma paraminārabha kathesi – Thuở đức Thế Tôn là đấng Giáo chủ của trời người. Ngài ngự nơi Kỳ Viên tịnh xá, có đề xướng hạnh tu xuất gia Ba-la-mật của ngài trong tiền kiếp như dưới đây:

Ngày nọ, chư tăng hội họp trong giảng đường, tán dương oai lực của đấng cứu thế. Nhờ nhĩ thông, đức Thế Tôn hiểu rõ, rồi ngự đến giảng đường hỏi chư tăng rằng: “Các người luận về điều chi?” Có vị tỳ khuru bạch: “Chúng tôi không nói chi khác hơn là bàn về đức Thế Tôn từ bỏ ngai vàng xuất gia tìm đạo”. – “Như Lai chẳng phải chỉ có xuất gia trong kiếp cuối cùng này đâu, trong các kiếp trước cũng có xuất gia vậy”, nói đến đây rồi Ngài nín thính. Chư tăng bèn bạch: “Xin đức Thế Tôn từ bi diễn giải tiền kiếp cho chúng tôi nghe”.

Đức Phật bèn gọi các thầy tỳ khuru: “Bhikkhave, này các thầy! Atite kāle, trong thời quá khứ có một hiền vương danh hiệu là Kāsikarāja trị vì trong xứ Bārānasī. Hoàng hậu là Candadavi. Không bao lâu hoàng hậu thọ thai và đến ngày mãn nguyệt khai hoa.

Đây nói về đức Bồ-tát giáng sinh từ cung trời Đạo Lợi vào lòng mẹ là hoàng hậu của vua Bārānasī. Ngày ấy gió mưa tầm tã khắp mọi nơi khiến cho toàn dân đều mát mẻ hoan hỷ. Nhà chiêm tinh của vua vào tâu rằng: “Hoàng tử có đủ tướng tốt, có thể làm cho đời được an vui, vì thế ngày đức Bồ-tát đản sanh, vua, hoàng hậu, hoàng thân quốc thích đồng đặt tên là Temiyakumāra”. Trước khi giáng sanh, Temiya Bồ-tát đã là một vị hoàng đế trị vì trong xứ Bārānasī 20 năm. Khi thăng hà, ngài bị sa xuống địa ngục Đổng Sơn (Ussudanaraka) tám mươi ngàn (80.000) năm, bởi nghiệp ác đã tạo. Khi hết kiếp, ngài được sanh trên cung trời Đạo Lợi, rồi giáng sanh làm hoàng tử của vua Bārānasī tên Temiya như đã giải.

Sinh ra được một tháng, nhũ mẫu bồng hoàng tử đến hầu vua cha, được vua ẵm vào lòng nâng niu, yêu mến. Khi đó có quân dẫn 4 tội nhân vào tâu để vua cha phân xử. Đức vua tùy tội nặng nhẹ mà phán đoán tử hình và phạt tù 4 tội nhân. Được nghe vua cha phán đoán, hoàng tử rất ghê sợ đối với hình phạt, ngài liền hỏi tướng rằng: “Ta từ đâu mà sanh lên đây”, nhờ có trực giác, ngài biết được tiền kiếp¹¹ (jāṭisasarannāna). Kiếp kế ta từ Đạo Lợi Thiên cung giáng sanh xuống. Ngài xét nghĩ thêm: “Trước kia ta ở đâu mà đến Đạo Lợi Thiên cung”. Ngài biết rằng từ địa ngục đổng sơn. Trước khi sa địa ngục là một Hoàng đế tại thủ đô Bārānasī này. Ngài bèn nghĩ rằng: Rồi đây khi ta trưởng thành sẽ kế vị vua cha, lên án tội nhân (xử trảm hay gông cùm, xiềng xích...), như thế ta sẽ sa địa ngục như kiếp trước chẳng sai. Xét thấy vậy làm cho ngài phát tâm chán nản, rất ghê sợ sự nghiệp Đế Vương.

Sau khi nhũ mẫu bồng ngài về cung nội, ngài quá lo sợ và nghĩ: Thế nào cho ta khỏi làm vua, do tâm lành của ngài, có vị thiên nữ là mẹ của ngài trong kiếp trước hiện xuống khuyên nhủ (chỉ cho hoàng tử nghe biết mà thôi): “Này Temiya con ôi! Nếu con muốn lánh ngại vàng, con phải là người liệt, câm và điếc đi, như thế mới mong thoát khỏi được”. Chỉ rõ phương pháp cho hoàng tử, rồi vị thiên nữ liền biết mất, hoàng tử rất vui mừng. Khi nhận được lời giáo huấn của vị thiên nữ, ngài bèn thực hành y theo lời dạy, cho đến ngày ra khỏi đền vàng. Từ đó hoàng tử không cử động, không khóc la, kẻ nào kêu gọi, trêu chọc, ngài tỏ ra như không hay, biết. Vì thế, các nhũ mẫu lấy làm lo sợ, buồn rầu, bèn tâu với hoàng hậu. Hoàng hậu khám xét rõ tự sự rồi tâu lên đức vua. Vua cho ngự y đến khám, tìm không ra căn bệnh của hoàng tử. Ai ai cũng lấy làm ngạc nhiên. Đến giờ ăn các nhũ mẫu cho hoàng tử dùng như thường, nhưng Ngài không cử động, la khóc, như dáng điệu người tê liệt, câm điếc. Không hiểu vì sao lại như thế? Do đó, mới bày ra 17 cách thử thách là: thử bằng sữa, bánh, trái cây, đồ chơi, thực phẩm, lửa, voi, rắn, diến kịch, múa đao, tiếng tù và, tiếng trống, đèn, ruồi, nước tiểu và phân, than lửa, thanh nữ theo thứ tự của mỗi cách. Cách thử bằng sữa: Không cho hoàng tử bú, để xem Ngài có phải liệt, câm, điếc thật chẳng? Nếu không, ngài phải la khóc trong khi đói khát. Nhưng lúc đói nhiều, hoàng tử có trí tuệ nhớ tự hoá rằng: “Này Temiya! Sự đói này không bằng thử người bị hình phạt đói khổ trong địa ngục đổng sơn đâu. Nếu người bất thường, làm cho thất nguyện mà cử động, la khóc, người sẽ không thoát khỏi ngại vàng, là nhân gây nhiều tội ác, rồi phải xa địa ngục nữa”. Được tự khuyên mình như thế, ngài nhẫn nại với sự đói khổ, rồi nằm yên. Cách thử bằng bánh: Các nhũ mẫu để hoàng tử nằm trên long sà, xung quanh có những đồng nam, rồi đem bánh trưng bày trước mặt gần hoàng tử, cho các trẻ con giành nhau ăn, để rình xem

¹¹ Có kiếp ngài biết được như thế.

hoàng tử có tranh lấy bánh chăng. Nhưng không thấy ngài động đậy. Cách thử bằng trái cây: Thừa lúc hoàng tử đi, dùng trái cây để trước mặt ngài, cho trẻ con tranh nhau như trước, hoàng tử cũng vẫn an tĩnh tự nhiên. Cách thử bằng đồ chơi: Thông thường trẻ con thích đồ chơi (voi, ngựa, xe...). Một hôm các nữ mẫu đem các vật chơi như xe, ngựa voi đến dâng cho hoàng tử, để xem cử chỉ của ngài, song cũng vô ích. Cách thử bằng thực phẩm: Để quá giờ ăn, đem thực phẩm cho trẻ con ăn trước mặt hoàng tử, mà chẳng thấy ngài đòi hỏi chi cả. Cách thử bằng lửa: hoàng tử đã lên 5 tuổi, các nữ mẫu bồng ngài để giữa đám trẻ đang chơi đùa. Bỗng nhiên họ đốt lá cây, lửa cháy xung quanh làm cho các trẻ em sợ, la hoảng chạy trốn. Nhưng hoàng tử vẫn im lặng. Cách thử bằng voi: Các nữ mẫu âm hoàng tử để nằm chơi đồng trống, có cả trẻ nhỏ tùy tùng chơi tại đó, đoạn cho thả voi chạy ngang qua chỗ hoàng tử, các trẻ kinh hãi kiếm đường lánh nạn, mà hoàng tử làm như không hay biết chi cả. Cách thử bằng rắn: Vua cho người đem rắn cuốn khoanh dần thân hoàng tử. Rắn cũng không đủ làm cho ngài lo sợ chi cả. Cách thử bằng kịch vui: Vua cho bọn hát múa đến diễn kịch, có cả trẻ nhỏ tùy tùng cùng xem. Đến lúc giễu cợt, các nhi đồng vỗ tay, reo cười có trêu gheo hoàng tử, mà ngài vẫn bất động. Cách thử bằng dao: hoàng tử lên 9 tuổi, vua cho đao phủ múa gươm vào ngay hoàng tử, dường như muốn sát hại ngài, để xem cử chỉ của ngài, nhưng vô hiệu quả. Cách thử bằng tiếng tù và: Vua cho bồng hoàng tử để ngồi giữa đám đông, thỉnh thoảng đồng thổi tù và một lượt nghe rất rùng rợn, để xem coi hoàng tử có thật điếc chẳng? Lệ thường, khi chúng ta ngồi hoặc nằm, mà ngẫu nhiên nghe tiếng vang động, thì giật mình hoảng hốt. Song hoàng tử làm như chẳng nghe chi cả. Cách thử bằng trống: Thừa lúc hoàng tử đang yên giấc, vua cho đánh trống vang rền, rất huyên náo. Nhưng hoàng tử vẫn nằm im. Cách thử bằng đèn: Hoàng tử lên 12 tuổi, vua cho đem đèn rất nhiều để xung quanh giường của hoàng tử, rồi đồng thời đốt lên sáng loà, đoạn từ từ họ cho đèn cháy lu xuống đều nhau, sau cùng tắt hết, chỉ chừa một ngọn đèn to, vặn tim lên cho cháy thật sáng, để xem cử chỉ của hoàng tử, coi ngài có liếc xem chẳng? Lệ thường ta có thái độ bất thường trước nghịch cảnh, song hoàng tử không động đậy chi cả. Cách thử bằng ruồi: Hoàng tử lên 13 tuổi, vua cho thị vệ lấy nước mía thoa vào khắp thân thể hoàng tử, rồi bồng ngài đem để chỗ trống cho ruồi bu nút. Hoàng tử vẫn chiến thắng với sự khổ, không chút than phiền. Cách thử bằng nước tiểu và phân: Trải qua hai ngày, hoàng tử đại tiểu tiện không ai tắm rửa. Trước cảnh bẩn thỉu hôi thúi như thế, nhưng hoàng tử không chút than phiền. Cách thử bằng lửa: Vua cho đem than lửa, để chung quanh gần mình hoàng tử. Theo người thường không ai chịu nổi, mà ngài vẫn điềm nhiên. Cách thử bằng thanh nữ: Hoàng tử lên 16 tuổi. Vua cho các công chúa, tiểu thư trang điểm, xinh lịch vào khiêu gợi tình ái của hoàng tử, hoàng tử vẫn bất động. Đây là cách thử cuối cùng của vua cha. Sau khi đã thi hành 17 cách thử thách, làm cho đức vua cùng triều thần đều hết phương kế, đồng cho hoàng tử là liệt, câm, điếc thật, là kẻ bất hạnh không nên dưỡng sinh¹² trong đền nữa. Vua cha định cho người đem đi hạ sát, mặc dù hoàng hậu hết sức khẩn cầu, cũng không chuẩn cho. Vua bèn truyền đao phủ đem hoàng tử lên xe, ra cửa thành tây đưa vào rừng chôn sống. Vào đến rừng bọn đao phủ ngừng xe, đào hầm để chôn sống hoàng tử.

Trong khi ấy, hoàng tử thấy là dịp may được lìa khỏi ngôi vàng mà từ lâu ngài đã mong muốn. Ngài nghĩ rằng: “Đây là cơ hội thuận tiện và cũng vừa lúc cho ta bày tỏ sự thật”. Vừa nhận xét như thế, ngài liền duỗi tay, chân để thử sức mình. Thấy rằng có đủ lực lượng như thường. Ngài bèn xuống nắm gọng xe đưa lên khỏi đầu quay nghe vụt vụt. Lúc đó bọn đao phủ xem thấy kinh hồn, cho là phi thường, họ đến quỳ trước hoàng tử mà tạ tội, rồi phi

¹² Nuôi giữ sức khỏe.

báo cho vua và hoàng hậu hay. Vua cùng triều thần đồng ngự đến nơi, thỉnh cầu hoàng tử trở về kế vị vua cha. Hoàng tử từ tạ và tâu cho vua cha rõ nguyên nhân mà hoàng tử phải nhẫn nại với những thử thách đến 16 năm. Ngài mong thoát ly để vị, để được xuất gia và xin vua cha cho phép tu đạo sĩ. Thấy rõ nguồn cơn về chí nguyện cao cả của hoàng tử, vua cha không thể ép uổng và bắt buộc dĩ phải phê chuẩn. Chẳng bao lâu, nhờ sự tinh tấn tu hành, đức Bồ-tát tham thiền đắc định phi thường. Ngài hiện thân thông, biến hoá cho mọi người thấy và thuyết về tội ngũ dục, khiến cho quần thần nhất là vua cha và mẫu hậu của ngài đều phát tâm hoan hỷ trong sạch xin xuất gia tu theo rất đông. Khi mệnh chung, ngài được sanh lên cõi Phạm thiên. Những người đã tu theo giáo pháp của ngài cũng đều tùy định lực mà được sanh lên cõi trời Dục giới và Sắc giới cả.

Khi chúng ta được xem truyện Temiya Bồ-tát đã giải tóm tắt, quý độc giả nên tự hỏi mình rằng: Hành động của Temiya Bồ-tát có chi là quan trọng hay cao thượng chăng? Nếu chỉ xem sơ thiếu thì quý vị chỉ nghĩ rằng Bồ-tát Temiya vì quá mong được xuất gia, nên mới ráng chịu bao thử thách đến 16 năm. Có khi cũng dám chê trách ngài rằng sao quá nông nổi.

Quý vị nào có nhiều duyên lành mong sự giải thoát, xem rồi thẩm xét mới thấy rõ chơn lý mà phát tâm trong sạch. Vì sự tích của Temiya Bồ-tát có đầy đủ 4 trình độ pháp và 6 khuynh hướng pháp, phân tích như sau:

- Đức Temiya Bồ-tát cam tâm chịu với bao thử thách trọn 16 năm trường (thuộc về trình độ pháp thứ nhất “có nghị lực”).
- Đức Temiya Bồ-tát quán tưởng thấy tội khổ trong địa ngục và để vị là nguyên nhân cầu thả, có thể gây nghiệp ác to tát. Ngài chán nản ghê sợ ngôi vua sẽ đến cho ngài, ví như người ghê tởm ô trược. Ngài quá sợ địa ngục hơn các cách thử thách mà vua cha đã ban hành đối với ngài (thuộc trình độ pháp thứ nhì “có nhiều trí tuệ”).
- Đức Temiya Bồ-tát, từ khi được nghe vị thiên nữ khuyên ngài phải nên quyết chí làm người liệt, câm, điếc cam chịu các thử thách cho đến khi ra khỏi đền vàng, được như ý nguyện, dù là phải nhẫn nhục đến 16 năm (trình độ pháp thứ ba “quyết định kiên cố”).
- Đức Temiya Bồ-tát cam chịu nhiều điều cực nhọc với chí xuất gia. Ngài tinh tấn tu chứng bát thiền và hướng dẫn phần đông, nhất là vua cha và mẹ ngài cùng xuất gia theo giáo pháp của ngài. Tất cả đạo sĩ hành theo đạo ngài, từ thấp lên cao đều được sanh lên cõi trời (thuộc về trình độ pháp thứ tư “chỉ làm những điều lợi ích”).

Nói về phẩm tính của Temiya Bồ-tát, chúng ta thấy rằng ngài “khuynh hướng không tham”. Như lúc họ bỏ, không cho ngài thọ thực, trọn một, hai ngày mà ngài vẫn điềm nhiên, không cử động. Chỉ cho ta thấy rằng ngài có khuynh hướng không tham ăn, nhất là không tham ngai vàng, thật là một bậc phi thường vậy. Những điểm ấy cũng chưa cực kỳ quan trọng hơn là cách thử cuối cùng là vua cho đem các thanh nữ trang điểm xinh đẹp, toàn là con dòng vua, quan trong triều, đến khiêu gọi tình ái, mà ngài vẫn lãnh đạm. Ngài rất sợ về tình trường¹³. Điều này chứng tỏ rằng, ngài có khuynh hướng không tham trong xúc vật thực (phassāhāra) tức là vật ăn mê mẩn tính thần của phàm nhơn. Đây chỉ cho ta thấy rằng: Xác định Bồ-tát hằng “khuynh hướng không tham”, dù là đối với thực phẩm và ngũ dục.

Đức Xác định Bồ-tát hằng “khuynh hướng không sân” là đối với các cách thử thách. Nếu kẻ khác bị bỏ không cho ăn một, hai ngày thì phát sân, kêu la, than khóc là thường tình; hoặc có người đem nước mía thoa khắp mình, bỏ cho ruồi bu nút, thử hỏi mình có chịu được chăng? Đây là đức tính phi thường của Xác định Bồ-tát.

¹³ Cuộc ái tình trai gái.

Đức Xác định Bò-tát hằng “khuyh hướng không si” với sự khích động tình ái của thanh nữ, ngài chẳng màn và cũng không ưa thích lời thỉnh cầu của vua cha để trở về, lên ngôi cửu ngũ tại Bārānasī. Ngài không thất nguyện, vẫn cố gắng chịu bao gian lao thử thách trọn 16 năm, cho đến khi được xuất gia hành đạo.

Đức Xác định Bò-tát hằng “khuyh hướng xuất gia”, bởi ngũ dục là nhân sanh tội lỗi, khổ nhiều hơn vui, là những điểm ám ảnh người đời phải chìm đắm trong bể khổ.

Đức Xác định Bò-tát hằng “khuyh hướng an tĩnh”, là người hoan hỷ cho đao phủ chôn ngài vào rừng để chôn sống. Ngài không vừa lòng ở chốn huyên náo, ồn ào, rất trở ngại cho ngài tu chứng đến bát thiên được. Cần phải ngụ trong nơi thanh vắng, mới có thể làm được những điều thanh cao mau chóng và hướng dẫn kẻ khác làm điều lợi ích được dễ dàng. Đây là đức tính phi thường của Xác định Bò-tát. Sự an tĩnh có hai là: an tĩnh bên ngoài: là xa lánh náo nhiệt; an tĩnh bên trong: là yên lặng phiền não.

Đức Xác định Bò-tát, hằng “khuyh hướng thoát ly” để quyền, xuất gia tu đạo sĩ. Ngài cố gắng thực hành Chánh pháp, từ bỏ những vui thích thế sự, ảo mộng, vô thường bằng pháp thiên định, ấy là chí hướng phi thường của Xác định Bò-tát.

Cụm từ ‘Xác định Bò-tát’, cũng như Temiya Bò-tát, đều phải luôn luôn hành 30 ba-la-mật, 4 trình độ pháp và 6 khuyh hướng pháp. Những pháp ấy hằng in sâu vào tâm não của các ngài.

Truyện Temiya Bò-tát, đã diễn giải tóm tắt trên đây, chỉ cho ta thấy rằng: Chư Xác định Bò-tát hay có tâm quả quyết trong sự xuất gia. Dù là một việc phước thiện nào, các ngài cũng nhất định thực hành đầy đủ 4 trình độ là: nghị lực, trí tuệ, quyết định, chỉ làm những lợi ích đến mình và cho kẻ khác. Khi làm một việc gì, các ngài hằng dùng trí tuệ trước tiên, để tìm xét theo nhân quả, thấy rõ có hiệu nghiệm, mới quyết định kiên cố thực hành cho đến khi mãn nguyện.

Hơn nữa, các ngài có đủ pháp khuyh hướng không tham, không sân, không si, xuất gia tìm nơi an tĩnh và thoát tục; không say đắm trong bả lợi danh của cuộc đời ảo mộng, cố công tu luyện cho đến khi chứng quả Phật. Quan sát cho tỉ mỉ, ta thấy rằng: Xác định Bò-tát là bậc xuất chúng xứng đáng với lời mà đức Siddhattha tuyên bố trong lúc ngài dẫn sanh rằng:

Aggohamasmi settho	Ta là bậc cao nhất trên đời
Aggohamasmi jettho	Ta là người quý nhất trên đời
Aggohamasmi anuttaro	Ta là bậc trí tuệ tôn trên đời
Ayamanti mā jāti natthi dāmi punabbhavo.	Sự sinh ra của ta kiếp này, là kiếp cuối cùng, nay ta chẳng còn sinh nữa.

Satthā imamaṃ dhammadesanaṃ āharitvā - Đức Thế Tôn thuyết xong, gọi chư tăng mà rằng: “Bhikkhave - Nay các thầy! Chẳng phải Như Lai chỉ từ bỏ ngai vàng trong kiếp này đâu, kiếp sanh ra làm Temiya, Như Lai cũng bỏ để vị vậy”. Samodhānesu - Ngài hợp các tiền kiếp lại rằng: Bhikkhave: Nay các thầy! Devadhitā: Thiên nữ khuyên hỏi ta đó, sau này là tỳ khuru ni Upalavaṇṇatherī; Sarathī: xa phu sau là Xá Lợi Phất tỳ khuru; Sakko: Trời Đê Thích sau là A Nậu Lâu Đà tỳ khuru; Mātāpitaro: cha mẹ của ta sau là Tịnh Phạn Vương và Maya hoàng hậu. Sesaparisa những bộ hạ tùy tùng, sau là hàng Phật tử. Temiya Pandito: bậc hiền minh Temiya sau là (Āhameva) Như Lai vậy.

–Dứt tích Bò-tát Temiya tu hạnh xuất gia–

2. Mahājanaka jāta – Truyện Mahājanaka (Bồ tát tu hạnh tinh tấn ba-la-mật)

Atite kāle: Trong thuở quá khứ có một vị Hoàng đế danh là Mahājanaka, trong kinh đô Mithilā. Tassa ranno devaputta: Đức Hoàng đế có hai hoàng tử là: Arikhajana và Pojana. Vua cha phong con trưởng (Arikhajana) làm đông cung, con thứ (Pojana) làm đại tướng.

Không bao lâu Hoàng đế băng hà, đông cung lên kế vị, rồi phong cho em Pojana làm thứ vương. Vì vua quá tin lời sàm tấu của nịnh thần, nên bắt em là thứ vương hạ ngục. Sau thứ vương vượt ngục trốn khỏi, chiêu binh mãi mã¹⁴ trở về tranh ngôi báu, giết được vua anh (Arikhajana) rồi đoạt vị. Hoàng hậu của vua Arikhajana, khi hay tin chồng tử trận, bà bèn tìm đường tẩu thoát. Lúc đó nhờ đức Bồ-tát vào thọ sanh trong thai bào, nên khiến trời Đế Thích hiện xuống, giả làm xa phu thỉnh hoàng hậu lên xe, đưa bà đến kinh đô Kālacampaka ty nạn, rồi từ biệt biến mất. Hoàng hậu tìm chỗ an nghỉ, nương nấu trong một phước xá. Khi ấy có một vị Bà-la-môn trừ danh, giáo sư (Dīsāpamokkha) trong thành Kālacampaka dẫn năm trăm đồ đệ đi tắm, thấy hoàng hậu liền phát tâm thương hại như em ruột (do phước báu của đức Bồ-tát trong thai bào) nhận làm em gái, rồi đem về cho vợ chăm nom như em ruột. Không bao lâu, hoàng hậu sanh được một hoàng nam diện mạo khôi ngô, xinh đẹp, màu da như vàng, đặt tên là Mahājanaka. Lớn lên đùa giỡn với trẻ con. Bồ-tát có nhiều sức mạnh nên lũ trẻ rất kiêng nể. Bữa nọ, vì bất bình, Bồ-tát đánh bọn trẻ chạy, chúng mách cha mẹ chúng hay, rồi chỉ Bồ-tát mà rằng: “Đấy, nó là đứa không cha”. Bồ-tát nghe qua lòng chẳng yên, về hỏi mẹ: “Cha con đâu?” Hỏi nhiều lần hoàng hậu khó giấu được, nên nói rõ tự sự. Từ đó, Bồ-tát an lòng thủ phận, trầm tư suy nghĩ. Lên 16 tuổi, ngài rất thông minh, trong năm trăm đồ đệ của vị trừ danh giáo sư chẳng ai sánh bằng.

Một hôm, Bồ-tát Mahājanaka hỏi: “Mẹ có vật chi quý giá chẳng?” Hoàng hậu đáp: “Khi ra khỏi thành, mẹ có đem theo nhiều báu vật để làm của cho con”. Bồ-tát xin phân nửa dùng làm vốn buôn bán lấy lời, với mục đích là chiêu binh mãi mã trở về phục nghiệp. Ngài xin phép mẫu hậu xuống thuyền qua biển về kinh đô Mithilā (xứ Phụ vương của ngài đã trị vì). Không may, thuyền ra biển đến ngày thứ 7, bị trận bão to phải chìm. Lúc bấy giờ, các thủy thủ sợ chết, khóc la, khẩn cầu ông này bà nọ bảo hộ. Trái lại, Bồ-tát tìm thực phẩm độ cho no, rồi lấy y phục nhúng dầu, mặc vào, xong leo lên cột buồm, nhảy ra xa khỏi bầy cá đang ăn các thủy thủ. Ngài lội mãi như thế, đến ngày thứ 7, thấy trăng tròn, biết là rằm, ngài bèn dùng nước mặn súc miệng rồi nguyện thọ trì bát quan trai và không quên sự cố gắng. Trong kiếp ngài là Bồ-tát Mahājanaka này, gọi là Bồ-tát tu hạnh tinh tấn đến bờ kia (virīya pāramī).

Thuở đó, có một thiên nữ tên là Manīmekhalā lãnh trách nhiệm cứu vớt nạn nhân trong biển, song nàng mắc đi dự hội với các thiên nữ khác nên không hay biết (do tiền nghiệp của Bồ-tát). Đến ngày thứ 7, thiên nữ mới rõ có Bồ-tát mắc nạn trong biển đã 7 ngày, nàng liền bay đến ngay trên chỗ Bồ-tát đang lội, rồi cất tiếng gọi: “Người thanh niên này! Vì sao ngươi đến chịu chết trong biển to như vậy?” Bồ-tát nghĩ rằng đây chắc là thiên nữ đến cứu ta, rồi đáp: “Mẹ ôi! Xin mẹ từ bi ra ơn cứu độ con với!” Thiên nữ nghe những lời cảm động như thế, liền hỏi tiếp: “Do nguyên nhân nào, mà con phải lâm nạn trong biển này? – “Vì tôi mong đi buôn lấy lời, để tìm dịp chiêu binh mãi mã về phục hồi đế nghiệp vua cha tôi”. (Ngài kể hết cho thiên nữ nghe). – “Thôi con đừng lo ngại, mẹ đến đây để cứu con được đặc kỳ sở nguyện”. Nàng vớt Bồ-tát, bay đến kinh đô Mithilā, rồi trở về. Bồ-tát vào ngục uyển của đức vua Mithilā nằm nghỉ mê man, vì quá cực nhọc trọn 7 ngày đêm trong biển.

¹⁴ Mộ binh tập ngựa.

Thuở đó, đức vua trong thủ đô Mithilā đã thăng hà 7 ngày, mà chưa có người xứng đáng lên kế vị. Công chúa Sīvalī của vua thành tâm khâu cầu người có trí tuệ lên ngôi vàng, thay thế vua cha, thì nàng cũng hoan hỉ làm hoàng hậu, để thừa kế đế nghiệp. Công chúa cho đòi vị cố vấn vào, cho ông biết tâm ý của nàng. Vị cố vấn bèn tâu: “Đề hạ thần cầu khấn Chư thiên, rồi cho xe rông chạy vòng quanh kinh thành Mithilā, long xa ngừng ngay một nhân vật nào, hạ thần sẽ thỉnh vị ấy lên ngôi báu trị vì thiên hạ”. Công chúa hoan hỷ nhận lời.

Sáng ra, triều thần cho long xa nhiều¹⁵ ba vòng thành, rồi ra cửa đông chạy về hướng ngự uyển. Xe chạy rất nhanh, không ai theo kịp. Vị cố vấn ra lệnh, không cho chặn xe, dù chạy đến 100 do tuần¹⁶ cũng được, chúng ta cứ theo sau. Xe chạy đến chỗ Bô-tát nằm, quay 3 vòng rồi ngừng bên cạnh Bô-tát, dường như mong thỉnh ngài lên xe. Vị cố vấn chạy đến, chờ các quan hội họp đông đủ, bảo cùng nhau rằng: “Vị nằm trên tảng đá có tướng mạo đoan trang, không biết có đáng lên ngôi báu chăng? Nếu thật là người có trí tuệ xứng đáng với ngôi rồng, dù là nghe tiếng ngựa xe, tiếng trống, tiếng kèn cũng không vội ngồi dậy, xem bên này, ngó bên kia rồi chạy đi. Các người hãy đánh trống, thổi kèn mau lên, như thế mới thấy rõ là người có phước hay bất hạnh”. Khi đó, kẻ đánh trống, người thổi kèn một lượt nghe vang rền. Nghe trống, kèn, Bô-tát ngồi dậy xem thấy đám người, đoán biết ngài vàng đã đến, ngài bình tĩnh nằm trở lại như cũ, nằm nghiêng bên phải. Vị cố vấn lại gần quan sát hai chân của Bô-tát rồi tâu rằng: “Thật là bậc quý nhân, thỉnh ngài ngồi dậy, ngôi trời đã đến cho ngài rồi”. Bô-tát hỏi: “Chúa của các người đi đâu?”

– Tâu, Hoàng thượng của chúng tôi đã thăng hà 7 ngày.

– Đức hoàng tử, thứ vương của đức vua không có sao?

– Tâu, không. Chỉ có một công chúa mà thôi.

Bô-tát ngồi dậy và nhận lời cầu thỉnh. Triều thần đồng đến làm lễ, mặc long bào cho ngài theo lễ tôn vương, xong thỉnh ngài ngự lên long xa, hộ giá về thành Mithilā, thống trị quốc dân hiệu là Mahājanaka Hoàng đế. Ngài phán rằng: “Tất cả triều thần, trước ở tước vị nào, nay giữ như cũ”.

Khi công chúa nghe vua ngự vào cung nội, bèn sai hoạn quan đến thỉnh vua, thử coi ngài có trí tuệ thế nào. Hoạn quan tâu rằng: “Công chúa thỉnh Hoàng thượng vào lập tức”. Đức vua nghe cũng tự nhiên, như không nghe biết, rồi tỏ lời rằng: “Tòa lâu đài này đẹp”. Hoạn quan không biết làm cách nào cho vua nghe lời tâu của mình được, rồi trở vào tâu với công chúa: “Những lời mà lệnh bà dạy, hạ thần đến tâu, vua không để ý đến”. Công chúa nghe qua hiểu rằng đây là bậc đại phước. Công chúa sai hoạn quan đi tâu với đức vua 2, 3 lần như thế. Đức vua cũng vẫn lãnh đạm như trước. Ngài từ từ bước đi như thường, uy phong lẫm liệt, khác nào như chúa sấm lâm. Công chúa xem thấy lấy kính phục, không dám trường mặt để được gặp ngài và rất kính sợ. Nàng chỉ dám đưa tay lên làm dấu hiệu cho đức Bô-tát dừng chân.

Khi lên ngôi vàng, đức vua dạy xây cất các phước xá tại các cửa thành cho ngài bố thí mỗi ngày, có trữ đủ các vật dụng cho những kẻ bệnh tật, nghèo nàn đói khổ. Đức Bô-tát không quên cho triều thần đi rước mẹ và vị trú danh giáo sư tại xứ Kālacampaka, về đến dâng đủ báu vật để báo hiếu về đền đáp ơn dày của vị giáo sư. Từ ngày lên ngôi thống trị trong nước, Bô-tát ban bố phóng thích tội nhân, chiêu an bá tánh, chấn bản dân nghèo. Quốc dân hằng được an cư lạc nghiệp. Thật là đời thái bình thịnh trị.

¹⁵ Đi xoay quanh.

¹⁶ Một do tuần bằng 16 cây số.

Thuở đó, Bò-tát là dòng dõi của chư Phật, thấy dân gian an hoà. Ngài nhớ đến lúc bị nạn 7 ngày trong biển, ngài phát tâm hoan hỷ, phỉ lạc, tuyên bố rằng: “*Āsinsattheva puriso na bandeyya pandito passāmiroham attānam...* – Người có trí tuệ hay cố gắng trong mọi phương diện. Sự tinh tấn là một đức tính thanh cao, đem đến nhiều lợi ích cho mình và cho kẻ khác. Ta đã được thấy rõ điều đó trong lúc ấy rồi. Những người lười biếng đi cùng ta, đã phải làm mồi cho cá. Còn ta nhờ sự tinh tấn không để đuôi, lội đến 7 ngày, gặp được thiên nữ Manimekhalā cứu độ đến kinh đô Mithilā. Do đó, bậc trí tuệ, dù gặp phải khổ thân tâm đến đâu, cũng không bỏ sự tinh tấn, hãy đạt đến hạnh phúc tối cao, mới vừa với danh hiệu là bậc trí tuệ. Sinh ra có ngũ uẩn, trong vòng sanh tử luân hồi, có hạng được vui, kẻ lại chịu khổ, người được giàu sang mà vui, kẻ nhiều của cải mà khổ cũng có, vì bị tử thần giết hại, như bảy trăm thủy thủ đi cùng ta. Hơn nữa, chẳng phải người muốn chi được nấy, mong vật này lại được món khác, có lúc không cầu mà được. Như ta nào ngờ hôm nay mà được ngôi báu như vậy, cũng do sự tinh tấn của ta”.

Khi lên ngai vàng, Bò-tát tinh tấn thực hành 10 pháp vương¹⁷ (*dasa dhammarāja*) bổ thí, trì giới trong sạch. Ngày nọ, đến mùa trái cây, quan giữ ngục uyển đem dâng các thứ quả và hoa thơm, ngài bèn dạy dọn dẹp ngục uyển để ngài đi ngoạn cảnh. Đến ngục uyển, Bò-tát thấy xoài chín mong được dùng. Nơi đây có một cây có trái và một cây không trái. Quan giữ ngục uyển bẻ xoài chín dâng đến đức Bò-tát. Đức Thứ vương “*Dīghāvukumāra*” (con ngài) và các quan thấy thế, họ tranh nhau bẻ ăn, làm cho cây xoài có trái trở nên trụi. Sau khi ngắm cảnh vật ngục uyển xong, Bò-tát trở về ngang qua cây xoài có trái chín lúc này, bây giờ rụng lá, gãy cành, còn cây không trái vẫn sum suê tươi tốt. Đức Bò-tát hỏi: “Vì nhân nào mà trong hai cây xoài, một cây trụi, một cây thì cành lá xanh tươi?” Các quan tâu: “Cây xoài có trái, sau khi Hoàng thượng đã thọ trái rồi, quan quân đồng nhau tranh giành hái bẻ, nên phải bị trụi lụi, cây kia không trái nên còn nguyên”. Được nghe như thế, Bò-tát bèn than rằng: “Ôi! Cây xoài có trái khác chi sự nghiệp Đế vương. Ta ngồi trên ngai vàng, cũng như cây xoài có trái, biết bao kẻ nghịch đã chực sẵn giết hại ta. Nếu ta muốn khỏi người thù oán thì nên xuất gia tìm đạo mới được an nhàn như cây xoài không trái, nhành lá vẫn xanh tươi”. Xét vậy, đức Bò-tát liền cho đòi quan đại thần vào rồi phán rằng: “Từ nay chỉ cho một người mỗi bữa đem thực phẩm, nước dùng và tắm rửa răng cho trộm mà thôi, về việc triều chính, các người đảm đương như cũ. Chẳng nên cho ai vào châu ta, vì ta định tu hành”.

Đáng thương xót cho triều thần lẫn dân gian, không được gần Thiên nhan, họ than van hoài cảm. Họ đồng nhau hỏi thăm người dâng cơm cho Bò-tát mỗi ngày, có thấy ngài nói lời chi chẳng. Quan hầu đáp: “Phần nhiều chỉ thấy ngài nín thinh”.

Đôi khi ngài nhớ đến đức Độc giác là một vị Sa-môn ngục trong lâm sơn thanh vắng mới là hạnh phúc cao thượng. Các ngài không còn bận lòng lo đến thế sự ảo huyền, cũng không bị phiền não cuốn lôi trong đường tội lỗi. Các ngài chỉ tham thiền, quán tưởng ... “Ôi! Tôi xin hết lòng thành kính lễ bái các ngài”... “Ngẫm nghĩ đến cuộc đời vô thường, thật là đáng chán”... “Ôi! Bao giờ ta mới được xuất gia, ra khỏi đền vàng, vào tu trong non tuyết lãnh, cho tâm thần được an tĩnh”... “Ôi! Bao giờ ta mới thoát ly ngôi rồng gác tía, quan quân, bà-la-môn, cung phi mỹ nữ, họ làm cho ta phải bận lòng mệt trí tuệ. Bao giờ sự đi đứng, đó đây một mình, không người ràng buộc sẽ được kết quả đến ta”... “Ôi! Giờ nào ta mới được xuất gia, cạo tóc, mặc y casa, mang bát, đi khát thực tự do theo ý chí ta”... “Ôi! Bao giờ ta được đi trì bình, khát thực trong mùa mưa liên tiếp 7 ngày, dù y bị ướt ta cũng không quên đi khát thực”... “Ôi! Khi nào ta mới có sự tri túc, không thương tiếc sự vật,

¹⁷ Pháp dành cho vua.

lia cây này, đến bóng cây khác, ra khỏi rừng kia, sang rừng nọ, từ thạch động này tìm đến hang đá khác, chỉ trải đi một mình, không còn lo sợ chi cả! Dù ngũ dục hoặc sự giàu sang đến đâu ta cũng chẳng màng!”

Đức Bồ-tát ngự trong cung cấm tu hành được 4 tháng như vậy. Một hôm, ngài dạy quân hầu đến chợ mua y casa và bình bát đem về dâng ngài, đừng cho một ai hay biết. Ngài mặc y, mang bát lấy làm thoả thích và tuyên ngôn rằng: “Aho sukham parāmam sukham – Sự xuất gia này là hạnh phúc thực, hạnh phúc cao thượng thật”. Trọn đêm mặc y casa, đến sáng sớm, ngài ngự ra khỏi thành.

Hoàng hậu Sīvalī, vì quá thương nhớ vua, liền cho đòi cả bảy trăm phi tần, dạy phải trang điểm xinh đẹp, để vào hầu vua sáng mai này. Các nàng ráng làm thế nào, để cám dỗ đức vua ở trong đời. Sáng ra, hoàng hậu và các phi tần đồng nhau vào thành nội, đang lên thì đức Bồ-tát ngự xuống. Thấy mặc y mang bát tưởng là đức Độc giác đến dạy đạo, nên các bà không để ý. Khi lên tận tầng trên, thấy tóc cạo bỏ đó và long bào, ngọc bái cởi để lại long sàng, mới rõ khi này không phải là đức Độc giác, mà là đức vua. Hoàng hậu cùng cung phi lập tức chạy theo để nài nỉ, cầu khẩn Bồ-tát trở lại. Thương thay! Hoàng hậu cùng cung phi theo sau khóc than rằng: “Hoàng thượng ôi! Ngài nữ nào đành bỏ chúng tôi, không nơi nương tựa, không còn ai dạy bảo lẽ phải lời ngay, hết lòng thương xót, cứu vớt như Hoàng thượng! Muôn tâu Hoàng thượng! Khẩn lạy ngài trở về cùng chúng tôi, tội nghiệp. Nếu mất ngài, chúng tôi không an thân được!” Khóc than, kể lể làm ồn ào náo động cả xứ. Chúng dân hay rõ câu chuyện, cũng đều cảm động khóc theo các cung phi. Hoàng hậu và các cung phi theo kịp vua, đồng quỳ lạy khẩn cầu, than khóc trước mặt ngài “Xin Hoàng thượng trở lại”. Nhưng đức Bồ-tát không đáp, cũng không ngó đến ai, vẫn tiến hành tự nhiên.

Hoàng hậu nghĩ ra kế, bảo các quan trở về cho quân gom cỏ khô, vật cũ, đốt cháy tung bùng trong đền, rồi kêu la cầu cứu rằng: “Đền vua bị cháy” hoàng hậu thừa dịp ấy, quỳ tâu rằng: “Tâu Hoàng thượng, xin ngài nhìn xem, lửa cháy đỏ trời tại hoàng cung. Cầu Hoàng thượng từ bi trở lại coi chữa lửa rồi sẽ ngự đi”. Than van thế nào, Bồ-tát vẫn làm ngơ không đáp, không hỏi thăm, cũng không liếc xem. Thấy vậy, dân gian đồng chê trách Bồ-tát rằng: “Lửa cháy thành như thế, mà đức vua đành lãnh đạm, không nghĩ tưởng thương xót chúng dân đau khổ; dù Hoàng thượng có ngự đi nơi nào chẳng nữa, cũng nên về chữa lửa rồi sẽ đi, cũng không trở ngại.” Tiếng la khóc càng vang rền: Lửa cháy đến kho vàng, kho báu, kho lương thực, mà đức vua cũng không dừng bước. Triều thần và dân chúng đồng khẩn cầu, nhất là hoàng hậu và cung phi lẫn theo chân, vật mình than khóc rất thảm đạm rằng: “Xin Hoàng thượng từ bi thương xót, trở về cứu độ chúng tôi”. Đức Bồ-tát trả lời rằng: “Ye tan no natthi kiñcānan.... Người nào không có phiền não, không bị phiền não dục và vật dục chi phối, kẻ ấy sống được hạnh phúc. Như ta, không bận vì phiền não, ta đây là người xuất gia, chẳng có chi là của cải, dù thành nội kia bị cháy tiêu tan, cũng chẳng can chi đến ta, chẳng có một vật gì của ta bị cháy cả”. Nói xong, Bồ-tát ra cửa bắc rồi tiến hành. Hoàng hậu bèn bày kế dạy các quan giục quân giả làm giặc đến cướp phá hoàng cung, rồi cho quân phi báo rằng: “Tâu Hoàng thượng, nay có quân cướp giết người đoạt của rất nhiều”. Hoàng hậu đến quỳ tâu: “Bây giờ, có nhiều kẻ cướp, suy mưu làm loạn, đoạt kho tàng, sát hại lương dân, lấy ngọc ngà châu báu, thành phố phải hư hại, nhân dân chịu nạn cướp bóc khổ sở vô cùng, Hoàng thượng đành lòng nào sống một mình, mà để nhân dân phải chịu khổ. Xin Hoàng thượng mở lượng từ bi thương xót, trở về trừ bọn cướp trước, rồi sau sẽ ngự đi cũng chẳng muộn”. Bồ-tát biết rõ là mưu kế của hoàng hậu, ngài ngâm câu kệ rằng: “Sukham vajavāpa yesam no natthi kinñcanam... Nay sīvalī! Người không bị

phiền não dục và vật dục chi phối, người ấy hằng sống được an vui. Như hôm nay, ta không bận vì phiền não, đã là kẻ xuất gia vô tài sản, dù kẻ cướp đoạt hết thành Mithilā cũng chẳng có một vật gì là của ta cả. Chúng cũng chẳng cướp được một vật gì của ta, bởi ta thường được phỉ lạc, dùng phỉ lạc làm vật thực, như các vị Phạm thiên no lòng nhờ phỉ lạc. Chư Phạm thiên nhập định và ở được an vui nhờ thiên định thế nào, ta cũng được an vui như thế ấy”. Bô-tát giảng giải thế nào, cũng không một ai chịu bỏ ngài, họ vẫn theo bèn gót không ngừng nghỉ. Khỏi kinh đô, lối hai ngàn thước, Bô-tát muốn cho quần thần và hoàng hậu, cung phi trở về, nên ngài lấy cây gạch một đường ngang qua con lộ làm dấu, xong, ngài phán hỏi các quần thần: “Đây là đất của ai?”

– Tâu, của Hoàng thượng.

– Vậy kẻ nào qua khỏi hoặc làm mất dấu vết này, trẫm sẽ chiếu theo luật hình mà trị tội.

Nghe như thế, không ai dám vượt qua khỏi, hay làm mất dấu gạch ấy. Mọi người thấy vậy, nhào lăn, khóc than thảm đạm tại nơi đây. Còn hoàng hậu thì không dám theo vì quá nể lệnh vua, nhưng lại sợ mất người đáng kính mến, nên bà gieo mình vật vã khóc than, thật đáng thương hại. Vì quá quý mến, hoàng hậu không còn sợ chi liền đứng dậy chạy riết theo đức Bô-tát. Quần thần cho rằng hoàng hậu đã lấp mất dấu gạch rồi nên đồng chạy theo sau. Bô-tát nhắm hướng bắc đi ngay vào núi Tuyết Sơn. Hoàng hậu dẫn đường quan quân đi theo Bô-tát đến 20 do tuần.

Thuở đó có một vị đạo sĩ danh là Nārada. Đạo sĩ ngụ trong thạch động Tuyết Sơn, khi xuất định, đạo sĩ tuyên minh rằng: “Ôi! Thật là hạnh phúc cao thượng, hạnh phúc thật”. Đạo sĩ nghĩ rằng: Trong đời này ai có chí hướng tìm hạnh phúc như vậy chẳng? Đạo sĩ biết có đức Bô-tát Mahājanaka là dòng dõi của bậc Toàn giác, đang xuất gia tìm đạo thanh cao, nhưng khó làm cho hoàng hậu và đại chúng trở về được, sợ ngài thối chuyển. Vậy, ta nên đến đó giúp cho ngài càng phát đức tin trong sạch. Vị đạo sĩ bèn vận thần thông bay đến, ngồi trên hư không, trước mặt Bô-tát, rồi thốt rằng: “Kim maheso mahāgho so kanuā āmeva kiriyā samanataneva pucchāmi hatthesobhisato janoti – Nay thầy Sa-môn thọ trì phạm hạnh pháp! Tôi xin hỏi: Do nhân chi mà đại chúng theo dính người, có cả tiếng ngựa, xe, rộn rục như cuộc đại lễ trong kinh thành? Nay thầy Sa-môn. Quần chúng theo hộ vệ đến đây là thế nào?”

– Bạch đạo sĩ, ngài đã rõ rồi, tiếng họ than van vì đức vua Mahājanaka bỏ ngôi vàng, xuất gia hành đạo. Bạch ngài, nay tôi lìa để vị để tu phạm hạnh. Bậc trí tuệ không ưa thích sự huyền ảo, không thương tiếc chỗ ăn ngon, ngủ kỹ, để tìm trí tuệ sáng suốt, tôi đây cũng thế. Nay tôi cũng chưa hoàn toàn xuất gia, vì còn bị đại chúng ràng buộc, họ muốn cho tôi trở về trị vì như trước, nên họ mới theo khẩn cầu tôi.

– Nay thầy Sa-môn! Người không nên cho mình vượt khỏi phiền não. Bậc xuất gia chẳng phải chỉ mặc y casa, cạo tóc đó đâu, chưa lìa được lưới phiền não đâu? Phiền não làm hư hại đường trời, người.

– Bạch ngài, tôi từ bỏ ngôi vàng, chẳng mong được ngũ dục ở cõi người và trời, như thế còn có chi nguy hiểm đến tôi nữa chẳng?

– Nay thầy Sa-môn! Điều nguy hiểm trong thân thể của người, sẵn chờ cám dỗ người chẳng ít. Tình trạng ngủ ngủ, thức thức là điều nguy hiểm. Lười biếng là điều nguy hiểm. Tình trạng mơ màng, ưa thích ngủ dục là điều nguy hiểm. Tình trạng ưa thích nhục dục là điều nguy hiểm. Tình trạng ham ăn là điều nguy hiểm.

Này Sa-môn! Người có tướng mạo đẹp như vàng, khi cho họ hiểu rằng ta là vua, bỏ ngôi tìm đạo, họ dâng thực phẩm quý đầy bát, thọ thực no đủ, xong ngủ mê và ngây, đến lúc

thức lại không dậy, trở ngủ nữa. Ngủ rồi thức, thức rồi ngủ như vậy là điều nguy hiểm, làm cho thôi bộ sự xuất gia. Ngủ ngủ, thức thức như vậy là nhân sanh lười biếng, không quét chỗ ngủ, không xách nước để dùng, dần dần sẽ sanh dục tư duy¹⁸ là nhân chán nản trong sự xuất gia. Tất cả điều nguy hiểm đó, đều phát sanh do ăn no ngủ kỹ. Này Sa-môn! Không nên câu thả, tưởng rằng ta có tăng tướng rồi là vượt khỏi hỷ phiền não đâu?

– Bạch đạo sĩ, ngài đến đây thức tỉnh tôi, thật là hân hạnh vô cùng. Bạch ngài, xin cho tôi biết quý danh của ngài?

– Pháp danh tôi là Nārada đạo sĩ.

– Vì thấy thầy là bậc cao quý, sẽ đem những lợi ích đến chúng sanh sau này, nên tôi mới gặp thầy. Này Sa-môn! Chẳng nên ưa thích nhục dục, chẳng nên chán nản trong sự xuất gia, hãy cố gắng tinh tấn, phát tâm hoan hỷ thực hành chánh pháp cho đến ngày mãn nguyện. Này Sa-môn! Thầy nên tinh tấn tu pháp “Tứ vô lượng tâm¹⁹ đừng bỏ qua. Nên bỏ túc giới, định, tuệ cho viên mãn, chẳng nên ngã mạn rằng ta là vị vua xuất gia tu hành, cần phải thọ trì pháp nhẫn nại, quan tâm về sự dập tắt phiền não, không nên tự cao mà hại người, phải thực hành thập thiện nghiệp, ngũ thông, bát thiên cho hoàn bị. Như thế, sự xuất gia của thầy mới đem lại nhiều kết quả tốt, không thôi bộ và hối hận về sau.

Giảng giải xong, vị đại sĩ từ giả trở về núi. Sau đó có một vị đạo sĩ nữa là Mitājāna khi vừa xuất định như Đạo sĩ Nārada, cũng đến khuyên giáo đức Bồ-tát. Đạo sĩ hỏi:

– Do thân nào mà ngài xuất gia?

– Bạch, tôi là Hoàng đế tại kinh đô Muthilā, vì xét thấy đời là khổ, chúng sanh mê đời, không thấy trạng thái vô thường của vạn vật, cho đời là vui thú hơn cả, nên say đắm cuộc đời mộng ảo. Họ gây biết bao nghiệp ác, vì lòng tham, sân thúc đẩy, rồi phải chịu hình phạt trong kiếp hiện tại, sau khi chết còn phải bị sa đọa trong 4 ác đạo, không biết đời kiếp nào mới ra khỏi được. Bởi thấy thế, tôi phát tâm chán nản, ghê sợ không tiếc ngại vàng, của báu, vợ đẹp, hầu xinh, để tìm đường đạo đức, thoát ly thống khổ. Nếu còn quyến luyến, tôi không sao tránh khỏi như quần chúng.

Đạo sĩ Mitājāna nghe được như thế, bèn hỏi: “Những lời ngài nói đó, ai là thầy của ngài, hay là nhờ nghe đức Độc giác chỉ dạy?”

– Bạch, tôi chưa từng nghe ai giáo huấn, vì khi còn ở ngôi báu, có ngày nọ, tôi đi ngoạn cảnh, đến ngự uyển thấy hai cây xoài: Cây có trái bị trơ trụi, cây không trái còn nguyên. Tôi xét nghĩ rằng: Sự nghiệp đế vương của tôi ví như cây xoài có trái, sẽ bị nhiều người tranh giành mai hậu. Kẻ vô tài sản như bậc xuất gia, tam y, quả bát, không nhà không cửa thì hằng được an vui như cây xoài không trái, vẫn được xanh tươi. Tôi đem mình so sánh với hai cây xoài nên sanh lòng chán nản rồi xuất gia như vậy: Bạch ngài người giết cọp vì muốn được da, sát voi mong được ngà, hại người mong đoạt của. Gia chủ không trí tuệ, ở một mình ắt bị kẻ nghịch sát hại, bằng có pháp trí tuệ thì hẳn được vui như sự xanh tươi của cây xoài không trái; của cải nhiều thì lo nhiều, bị nhiều người ganh ghét oán thù. Hạnh xuất gia chơn chánh là hạnh phúc thật. Vì thế, tôi mới bỏ đế quyền, tìm tu một mình trong nơi thanh vắng. Bạch ngài, hai cây xoài đó là thầy tổ của tôi, dạy tôi thực hành theo bậc xuất gia như vậy.

– Này thầy Sa-môn! Thầy không nên câu thả, hãy tinh tấn trợ trì pháp xuất gia cho đến kỳ cùng. Khuyên Bồ-tát rồi, đạo sĩ trở về chỗ ngủ.

¹⁸ Là suy nghĩ ngũ dục.

¹⁹ Từ, bi, hỷ, xả.

Thì khi ấy, hoàng hậu quỳ tâu nài nỉ Bô-tát trở về, vì chúng đang khóc than, kể lẽ không ai nương nhờ, xin Hoàng thượng hồi triều tôn vương cho hoàng tử rồi sẽ ngự đi xuất gia. Bô-tát đáp: “Nay ta đã từ bỏ ngôi vàng, quan quân thân quyến không còn bận lòng một cái gì cả”. Hoàng hậu vật mình nhào lăn khóc than rằng: “Ôi! Kiếp trước tôi đã tạo nghiệp chi mà nay phải chịu phân ly chồng vợ như vậy. Hoàng thượng xuất gia bỏ tôi một mình, biết nương cậy vào đâu!”

– Nay Sīvalī! Nên nghe ta chỉ giáo, người ở trong của cải là nhân khiến mình gây nghiệp ác. Khi nàng trở về thành tôn vương cho hoàng tử rồi phải giúp con trị vì trăm họ, gây thêm nghiệp thân, khẩu, ý ác, vì quyến luyến trong sự nghiệp. Ta đã dứt được tình thương nhỏ hẹp, trải đi khát thực nuôi mạng, do sự bố thí của mỗi nhà chút ít. Xuất gia là điều thoát khổ, của cải là nhân sanh những nghiệp tội. Nay Sīvalī nàng nên suy xét...

Bô-tát và hoàng hậu tranh luận nhau dài theo đường cho đến tối. Quan quân che trại cho Bô-tát và hoàng hậu nghỉ. Nhưng Bô-tát ngự đi tìm ngụ dưới tàng cây một mình.

Sáng ra, Bô-tát vẫn tiến hành, hoàng hậu cùng quần chúng theo sau. Đi gần đến chợ, có người nướng thịt, để sơ ý nên chó tha, chạy đến thấy Bô-tát và hoàng hậu đang đi, nó sợ hoảng chạy bỏ miếng thịt lại. Bô-tát nghĩ rằng, miếng thịt này chó đã bỏ, không còn mền tiếc như vật vô chủ, thế là vô tội, đáng cho người xuất gia dùng. Ta hãy thọ miếng thịt này. Ngài bèn lượm miếng thịt, phủ bụi rồi đặt vào bát, đên nơi có nước, ngài tìm chỗ để thọ thực. Hoàng hậu xem thấy, kể lẽ khóc than rằng: “Hoàng thượng không gớm thịt của chó tha mà lượm đem dùng. Ôi! Thật là thê thảm”. Bô-tát đáp: “Nàng vô trí tuệ, đây là vật thực cao quý”. Rồi Ngài tìm ngôi nơi khuất mắt hoàng hậu mà thọ thực. Hoàng hậu trách Bô-tát ăn thịt của chó tha không nhòm gớm. Bô-tát đáp: “Này Sīvalī! Vậy vô chủ là món trong sạch, đáng cho bậc xuất gia dùng. Trái lại vật không hợp pháp dù có giá trị đến một trăm ngàn bạc thì ta nhòm gớm và hổ thẹn, không ước mong”.

Đi đến trước, gặp nhóm trẻ đang chơi cát, có một em gái một tay đeo một chiếc xuyên, tay kia đeo hai chiếc. Tay đeo một chiếc không nghe khua động, tay đeo hai chiếc thì chạm nhau nghe lạch cạch. Bô-tát liền nghĩ rằng: Nàng Sīvalī theo sau ta không tốt vì phụ nữ là phiền não của xuất gia. Người đời xem thấy họ dèm siểm. Bô-tát liền hỏi thử đứa bé: “Này cháu! Vì nhân nào mà tay cháu đeo một chiếc xuyên không nghe kêu, còn tay đeo hai chiếc lại nghe tiếng?” Đứa bé đáp: “Vì có hai vật mới có chạm nhau ra tiếng, như có hai người sẽ có lời qua tiếng lại. Bạch ngài, ngài là bậc xuất gia, tại sao lại có phụ nữ xinh đẹp theo sau? Lệ thường, dù là em gái, người xuất gia cũng chẳng nên đi chung, chỉ đi một mình mới được trong sạch”. Bô-tát nghe qua rất thỏa thích, bèn nói với nàng Sīvalī: “Nàng có nghe lời trẻ em nói y như ta chẳng? Này Sīvalī! Ta đã bị trẻ nhỏ chê trách, vậy nàng chẳng nên theo ta nữa. Đây là con đường rẽ hai, mỗi người đi mỗi ngã. Nàng vừa lòng đường nào thời cứ dời bước, ta đi đường khác. Nàng đừng theo sau tỏ ý chồng vợ cho người đời chê trách”. Hoàng hậu nghe Bô-tát nói như thế, rất đau lòng xót dạ, nhưng cũng theo sau ngài luôn. Đi đến một dặm đường nữa, gặp một người thợ vót tên lấy cây vót rồi ngắm xem bằng một mắt. Bô-tát lại gần hỏi: “Nhân chi người nheo mắt lại mà nhắm cây tên?”

– Bạch Ngài, nếu xem cả hai mắt, thì thấy không ngay, vì hai mắt sẽ thấy cây tên khum queo, thế nào, người xuất gia cũng nên tu một mình mới có kết quả, nếu tu hành mà dẫn vợ trang điểm như thế kia, hăng có tai hại và vô hiệu.

Bô-tát nói với hoàng hậu rằng: “Nàng Sīvalī này! Có nghe thợ vót tên nói chẳng? Họ là người tay sai của ta, mà còn tỏ lời chê trách ta như thế, nàng không nên đi chung cùng ta nữa, hãy đi ngã khác đi”. Hoàng hậu vì quá nể, vâng lời cố gắng đi riêng một đoạn đường, đau lòng chịu không nổi, liền dắt đại chúng trở lại theo sau Bô-tát nữa. Đến gần núi, Bô-

tát bèn ngồi xuống nhỏ một cọng cỏ, cho hoàng hậu xem và thốt rằng: “Cọng cỏ này không còn dính liền với gốc nữa được, thế nào, nàng với ta cũng chẳng phải là vợ chồng nữa như cọng cỏ ấy. Nàng đừng theo gót ta mà luống công, hãy trở về ở một mình đi, ta cũng chỉ ở riêng một mình mà thôi. Như thế, mới mong thoát khổ được. Muốn giải thoát hãy tu hành như ta vậy”. Nghe Bồ-tát nói những lời tuyệt vọng, hoàng hậu khóc nức nở, từ đây ta và Mahājanaka (Bồ-tát) chẳng còn là vợ chồng nữa, hẳn rồi. Nàng nhào lặn ra khóc thảm thương vô cùng khổ não đến bất tỉnh. Thừa dịp hoàng hậu hôn mê, Bồ-tát đi nhanh vào rừng sâu tuyết lạnh, tham thiền đắc định được an vui như ý nguyện. Khi hết kiếp, ngài sanh lên cõi Phạm thiên.

Quan quân đến nơi thấy hoàng hậu nằm mê trên đất, vội vã dạy người đến cấp cứu. Khi tỉnh dậy, hoàng hậu xem tứ phía không thấy Bồ-tát bèn hỏi: “Có ai thấy Hoàng thượng đi nơi nào chẳng?” – “Tâu lệnh bà, chúng tôi theo sau lệnh bà, nào thấy được”. Hoàng hậu liền sai người tìm đủ các hướng mà không một ai gặp Bồ-tát cả. Hoàng hậu vật mình, kêu la khóc kể thật là đau đớn, thiết tha, không sao tả xiết, ai nghe cũng đều xúc động thương tâm; cung phi, triều thần; chí dân gian đều khóc và theo bà. Hoàng hậu bèn dạy xây tháp để kỷ niệm và dâng hương hoa cúng dường trong các chỗ như: nơi đức Bồ-tát đứng trong giờ chót, nơi đức Bồ-tát hỏi người thợ vót tên, nơi đức Bồ-tát hỏi đứa bé đeo xuyên, nơi đức Bồ-tát nghe vị đạo sĩ Nārada giảng đạo.

Về thành, vào đến cung nội, thấy các nơi mà Bồ-tát thường đến ngoạn thưởng (ao sen, vườn hoa, hồ tắm,...), hoàng hậu càng nghĩ tưởng, càng khóc than thảm đạm. Sáng ra lâm triều, hoàng hậu truyền cho bá quan văn võ làm lễ tôn vương cho đông cung lên kế vị; xong, hoàng hậu cạo tóc xuất gia tu trong ngục uyển, thực hành theo lời dạy của Bồ-tát, tham thiền đắc định. Sau khi mệnh chung, bà sanh lên cõi trời Phạm thiên.

Đức Phật Tổ Thích Ca chúng ta, khi đã giảng thuyết xong tích đức Bồ-tát Mahājanaka, gọi chư tăng rằng: “Này các thầy! Như lai chẳng phải chỉ bỏ ngai vàng đi xuất gia trong kiếp cuối này đâu. Thuở Như Lai là Mahājanaka được kế vị rồi cũng bỏ đi tu như đã giải...”

Ngài thuyết thêm pháp Tứ Đế rồi hợp Bốn sanh truyện như vậy: Tasā sakko unumiddho akosi, samu darakkhitā devadhita upalavañña eva, narado sārputto, mitājino maggalāno, kumārikā khemā bhikkhunī, usukāro ānandoceva, qesapurisā buddhāparisā, sāvalidevā rāhulomātā, dīghayukumāro, āhulo, mātāpitaro mahārājakulāni ahesun mahājanakarinado āha meva sammāsambuddho akosāti. Tasā: Thuở đó, đức Đế Thích nay là tỳ khuru A Nậu Lô Đà; thiên nữ cứu vớt nạn nhân trong biển, nay là tỳ khuru ni Upalavaññatherī; đạo sĩ Nārada nay là Đại Đức Xá Lợi Phất; đạo sĩ Mitājana nay là Đại Đức Mục Kiền Liên; trẻ gái đeo xuyên nay là tỳ khuru ni Khemā; người thợ vót tên nay là đức Ananda; tất cả những người còn lại (đã có trong câu truyện) nay là hàng Phật tử; hoàng hậu Sivalī nay là mẹ Rāhula; Dīghāvukumāra nay là Rāhula; cha mẹ của đức Mahājanaka nay là đức Tịnh Phạn vương và hoàng hậu Māyā. Còn Mahājanaka nay chính là đấng Chánh đẳng Chánh giác tức là Như Lai đây.

– *Dứt tích bồ tát Mahājanaka* –

3. Suvannasāma jātaka – truyện Suvannasāma (Bồ tát tu hạnh bác ái ba-la-mật)

Thuở nọ, đức Thế Tôn ngự tại Kỳ Viên tịnh xá của trưởng giả Cấp Cô Độc, vì lòng từ bi về lời thỉnh cầu của chư tăng mà giảng thuyết rằng: Atite kāle bhikkhave... Này các thầy tỳ khuru! Trong kiếp quá khứ, tại thủ đô Bārānasī có đức vua Karalyayaksa trị vì, quốc dân được an vui lạc nghiệp.

Thuở ấy, có hai ngư ông ngư hai bên bờ một con sông kết bạn thân cùng nhau, hằng ngày thường lai vãng thăm viếng và có hứa cùng nhau rằng, nếu một bên sanh con trai, một bên sanh con gái, thì sẽ làm thông gia. Không bao lâu, hai người vợ của hai bạn ngư ông, một người sanh con trai, một người đẻ con gái. Cha mẹ bên gái đặt tên con là Pārikākumārī, bên trai đặt danh con là Dukurakumāra. Khi hai con đến tuổi cập kê, cả hai đều có nhan sắc xinh đẹp. Một hôm, cha mẹ cô Pārikā, hỏi con rằng: “Cha mẹ đã hứa từ lâu sẽ làm sui với người bạn bên kia sông. Nay con đã lớn khôn, cha mẹ định gả con cho cháu Dukurakumāra là con của ngư ông ấy, con nghĩ thế nào?” Nàng Pārikā nghe cha dạy như thế, bèn nghĩ rằng: Cha mẹ ta là dòng dõi làm nghề sát sanh để nuôi sống, không hổ thẹn và ghê sợ tội, nếu ta nghe theo, ta cũng sẽ là hạng ngư ông, sau chết không khỏi sa trong ác đạo, phải chịu khổ nhiều đời kiếp. Nàng thưa rằng: “Con không ưa thích làm nghề sát sinh đâu”. Cha mẹ nàng thấy vậy nín thinh.

Về Dukurakumāra, cha mẹ chàng cũng khuyên chàng cưới cô Pārikā, Dukurakumāra nghĩa rằng: Cha mẹ ta chỉ biết làm nghề ác, nếu ta nghe theo ắt không tránh khỏi chịu quả khổ trong địa ngục. Vạn vật trong đời toàn là vô thường vắn vỏi, ta ưa thích phụ nữ làm gì! Ta hãy xuất gia tu hành thoát khỏi phiền não. Chàng thưa với cha mẹ, xin cho phép chàng xuất gia tìm đạo.

Sáng hôm sau, vị thanh niên Dukurakumāra dậy sớm suy nghĩ rằng: Ta không vừa lòng, thương tiếc trong phiền não dục, theo lời chỉ giáo của cha mẹ ta. Nhưng không rõ tâm của nàng Pārikā ra sao, vậy ta nên gửi thư hỏi thử ý kiến nàng xem, rồi chàng liền viết thư như vậy: “Này nàng thanh nữ Pārikā, nàng có sắc lịch thiên hương. Cha mẹ nàng vui lòng gả nàng cho ta. Ta không ưa thích tình dục, mong dứt bỏ phiền não để tránh khỏi địa ngục. Vậy nàng nghĩ thế nào?” Viết xong, chàng bảo kẻ ở chuyển thư giao đến nàng Pārikā. Xem qua thư của Dukurakumāra, nàng khen rằng: Chàng thanh niên này cũng có chí hướng như ta. Vậy sau khi làm lễ thành hôn, ta sẽ tu hành, được dễ dàng hơn. Vị Dukurakumāra được thư trả lời như ý muốn, hết lòng hoan hỷ.

Sau khi đã hành lễ cưới rồi, mỗi người đều giữ bổn phận ngũ riêng, khác với thường nhân. Ngày nọ, vợ chồng bèn bàn cùng nhau, nếu ta ở chung với cha mẹ ta là người sát sanh như vậy, ta phải tùy cha mẹ, rồi bị sa địa ngục. Vậy ta hãy xin phép cha mẹ cho chúng ta vào non tu luyện, mới mong thoát ly ác đạo được. Sáng ra, hai vợ chồng Dukura đến lạy, xin phép cha mẹ đi xuất gia vào rừng. Cha mẹ không vui lòng và nói rằng: “Hai con nên ở nhà ráng tập rèn nghề nghiệp cho thuần thực, để nuôi mạng như cha mẹ, có hay chăng? Hai con không phải là kẻ tê bại chân tay mà bỏ nghề của cha mẹ”. Dukura nài nỉ rằng: “Chúng con không dám hành nghề sát sanh, vì sự giết hại sanh linh rất là tội lỗi, sau khi chết phải chịu khổ trong địa ngục, không ai cứu vớt được” Nghe con nói như vậy cha mẹ càng nổi giận mà mắng rằng: “Hai con là kẻ lười biếng. Vậy hai con muốn đi thì cứ đi, và từ đây đừng trở lại nhà này nữa”. Được cha mẹ cho phép, vợ chồng Dukura rất hoan hỷ, lạy từ tạ cha mẹ, rồi đồng nhau vào rừng hành đạo.

Sự xuất gia của Dukura và nàng Pārikā rất trong sạch, phát sanh lễ cảm ứng đến đức Đệ Thích, ngài biết rõ tự sự, bèn sai một vị trời xuống tế độ vợ chồng Dukura. Vị trời ấy xuống phía trước gần nơi đó, biến ra hai tịnh thất nhỏ, rồi đề chữ trước thất rằng: Nếu người nam nữ nào đã phát nguyện làm đạo sĩ, hãy vào đây ngụ được tự do như của mình, vị trời ấy bay về tâu cho đức Đệ Thích rõ. Vợ chồng Dukura đi đến hai tịnh thất, có đủ vật phụ tùng, nhìn lên thấy bảng đề lấy làm vui thích, rồi nguyện làm đạo sĩ, tu phạm hạnh không nhớ tưởng đến vật dục và phiền não dục nữa.

Thời gian qua, trời Đê Thích xét thấy không bao lâu, vợ chồng đạo sĩ sẽ bị mù. Ngài từ bi hiện xuống để tế độ, ngài khuyên hai đạo sĩ nên xả giới ở với nhau cho có con, để sau này nhờ con phụng dưỡng, trong khi già yếu bệnh tật. Vợ chồng đạo sĩ không thuận theo lời khuyên, vì mong thọ trì phạm hạnh cho được trong sạch, mặc dù bị nghiệp dữ đến cho quả. Đức Đê Thích bèn khuyên rằng: “Ngài có thể rờ bụng cô đạo sĩ ba lần, được chăng?” Ông đạo sĩ đồng ý, nên làm thỉnh. Đức Đê Thích hiểu ý ông đạo sĩ khứng chịu, bèn trở về Đạo Lợi thiên cung, thỉnh đức Bồ-tát giáng sanh. Vị đạo sĩ nhớ làm theo lời dạy của đức Đê Thích thì cô đạo sĩ thọ thai. Đến kỳ khai hoa sanh ra được Bồ-tát, có Chư thiên hiện xuống hộ trì săn sóc, tắm rửa cho đức Bồ-tát mỗi ngày, Bồ-tát lên 7 tuổi, đạo sĩ đặt tên là Suvānāsāma. Mỗi ngày, đạo sĩ vào rừng hái trái về nuôi Bồ-tát. Lúc sau, Bồ-tát xin theo, để giúp đỡ cha mẹ, được 7 ngày, đạo sĩ dạy Bồ-tát ở nhà, không cho theo nữa.

Một ngày nọ, vợ chồng đạo sĩ vào rừng hái trái, bị cơn mưa to, nên tìm chỗ đục nơi một gò mồi cao ráo. Lúc ấy có một con rắn độc phun nọc độc ra nhằm mắt của hai đạo sĩ đều mù cả. Không thấy đường về, phải bơ vơ trong rừng. Đây là quả của tiền nghiệp mà hai đạo sĩ đã tạo, từ kiếp trước cho thuốc trị mắt bệnh nhân, khi mắt đã lành, mà họ nói là chưa vì không muốn trả tiền công. Hai vợ chồng thầy thuốc bất bình, chế thuốc độc nhỏ vào mắt, làm cho bệnh nhân phải mù. Do tiền nghiệp đó mà phải chịu quả khổ, cả vợ lẫn chồng đều mù mắt. Thấy trời chiều mà cha mẹ chưa về, Bồ-tát đi tìm gặp mẹ cha bị mù loà, đang bối rối trong rừng, biết rõ nguồn cơn. Ngài than van kể lể, thương xót cha mẹ vô cùng, xong dẫn song thân về tịnh thất.

Từ đó, Bồ-tát hết lòng phụng dưỡng cha mẹ. Ngài cất nhà tắm, cầu xí, gánh nước sẵn cho cha mẹ cần dùng và ngài luôn luôn niệm pháp bác ái. Mỗi ngày vào rừng hái trái ngon ngọt dâng đến cha mẹ. Những loài thú thấy Bồ-tát có tính hiếu đạo, nhất là từ bi đối với mọi loài, nên hằng theo chung quanh ngài; khi vào rừng, lúc đi gánh nước, chúng không lìa ngài.

Thuở đó, đức vua Karaliyaksa trị vì trong kinh đô Bārānasī, nhân dân được an cư lạc nghiệp, nước giàu, dân mạnh, nên đức vua cầu thả, chỉ biết sa mê tửu sắc, quên nghĩ đến tội phước chánh tà. Đức vua nghĩ rằng, trăm ngự trong đền không có chi là phi thường, để trăm vào rừng bắn thú cho mọi người rõ tài năng của trăm. Ngài vào sâu, xin phép vua cha và mẫu hậu. Được lệnh Phụ vương phê chuẩn, đức vua Karaliyaksa vào rừng săn bắn. Đi đến gần một rạch nước trong có rất nhiều thú rừng, ngài thấy có các loài thú, lần lần theo một thanh niên, mang thùng đi gánh nước. Đức vua lại gần thấy Bồ-tát rất đẹp trai, định hỏi thăm, song nghĩ rằng nếu ta lên tiếng, bầy thú chạy tan thì bắn sao được, khi trở về đền vua cha hỏi, có thịt thú lạ đâu mà dâng. Nghĩ thế, ngài bèn giương cung bắn trúng Bồ-tát té nhào. Vì tên có tẩm thuốc độc, làm cho Bồ-tát rất đau đớn, khổ sở. Ngài nghĩ phải chịu quả khổ của nghiệp ác đã tạo, ngài không nên oán trách ai và cất tiếng mời người nào đã bắn tôi xin lại đây cho tôi tỏ vài lời. Đức vua Karaliyaksa nghe lấy làm lạ, người bị nạn đã không oán giận, mà lại còn mời ta đến để nói chuyện. Vậy ta nên đến đó xem. Đức vua nghe Bồ-tát than rằng: “Ai là người giết tôi? Từ khi tôi sanh ra đến nay được 16 tuổi, cha mẹ tôi và tôi chẳng bao giờ làm điều ác. Nay tôi phải chịu chết đã đành, nhưng rất thảm thương, cha mẹ tôi đều mù loà biết lấy ai nương nhờ. Ông là ai mà đến đây hại tôi thế này?”

– Ta là Hoàng đế trong thủ đô Bārānasī, vì ham việc săn bắn, mong tìm thịt thú, mà lỡ tay nhằm cháu, thật trăm không có ý đâu.

– Đại vương đã bắn trúng tôi, bây giờ lại chối, tôi đâu tin được. Ôi! Tôi phải chết, bỏ cha mẹ mù loà biết lấy ai phụng dưỡng, thật là đáng thương xót cha mẹ tôi vô cùng.

Đức vua nghe mấy lời than van của Bò-tát, lấy làm động lòng, chua xót nói rằng: “Thôi! Cháu an tâm, để ta tìm đến chỗ ở, phụng sự hai vị đạo sĩ thay thế cháu, đến trọn đời của ta”. Bò-tát nghe đến đây phát tâm hoan hỷ, bèn tỏ lời Sādhu²⁰ rồi tắt hơi.

Lúc đó, có thiên nữ tên Sunadarī ngự trên cây gòn đầy. Nàng thường hộ trì Bò-tát, song lúc Bò-tát bị tên, nàng mắc đi dự hội nên vắng mặt. Khi trở về nàng thấy Bò-tát chết liền trách đức vua bằng nhiều lời rằng: “Đức vua sao không ghê sợ tội lỗi. Ngài sẽ sa địa ngục chẳng sai. Bò-tát đây là người rất hiếu thuận, hết lòng phụng sự mẹ cha, là hai vị đạo sĩ, không rời. Đức vua phạm tội như vậy, không sao tránh thoát quả khổ”. Đức vua Karaliyaksa nghe tiếng mà chẳng thấy người, biết rằng là Chư thiên, tinh thần hoảng hốt và cảm động thương hại Bò-tát. Ngài đến gần thi hài Bò-tát mà khóc than, rải hoa cúng dường. Ngài nguyện phải phụng dưỡng hai đạo sĩ ấy thế Bò-tát. Đức vua gánh nước về đến tịnh thất và thưa với hai đạo sĩ rõ tự sự. Hai đạo sĩ kể lễ khóc than, rồi yêu cầu đức vua dẫn đến chỗ Bò-tát chết. Đến nơi, hai đạo sĩ vuốt ve con và phát nguyện rằng: “Yena saccena yan sāmo dhamamacārīpure ahu etena saccavajjena, visansāmassa haññatūti – Con chúng tôi thực hành phạm hạnh pháp trong sạch, gồm có bác ái pháp, là người hiếu đạo, là nơi thương yêu của cha mẹ, thật là bậc tu hạnh bác ái. Do lời thành thật này, xin cho thuốc độc tiêu tan khỏi mình Suvanāsāma con chúng tôi lập tức”. Vị Thiên nữ cũng nguyện: “Na me piyataro kociañño sāmehi vijjati, etena saccavajjena visansamassa haññatūti – Tôi ngự trên núi Gandhamādāna đã lâu, đạo sĩ Suvanāsāma người mà tôi vừa lòng thương mến, không ai bằng. Do lời chân thật này, xin cho thuốc độc tiêu tan khỏi mình đạo sĩ tức khắc”. Nhờ đức tu trong sạch và tiền nghiệp đã hết, nên khi đó thuốc độc không làm hại được. Tức thì Bò-tát sống lại, luôn cả mắt của hai vị đạo sĩ cũng được sáng tỏ như xưa, thật là hạnh phúc biết bao.

Sau khi đó, bèn đem nhau trở về tịnh thất. Đức vua cũng về theo và xin thọ giới tu theo Bò-tát và hai đạo sĩ.

“Tamattamaṃ pakāsento tathā āha”; Khi đức Thế Tôn dẫn tiên tích Dukura, rồi Ngài giảng tiếp rằng: Đạo sĩ Dukura nay là Kasapa²¹, cô đạo sĩ Pārikā nay là Vadhakāpilā tỳ khuru, thiên nữ Sunadarī nay là Upavaṇṇa tỳ khuru, ngài Suvanāsāma Bò-tát tức là Như Lai đây.

–Dứt truyện Bò-tát Suvanāsāma–

4. Nemirājajātaka – truyện Nemirāja (Bò tát tu hạnh quyết định ba-la-mật)

Thuở nọ, đức Thế Tôn ngự nơi vườn xoài của đức vua Maghadevarājā tại kinh đô Mithilā, ngài phán rằng: “Này Ananda! Đây là nơi mà ngày xưa Như Lai đã sanh ra là Hoàng đế Maghadevarājā”, rồi Ngài nín thinh.

Đức Ananda bèn quỳ bạch, cầu đức Thế Tôn từ bi giảng tiếp cho chúng tôi nghe. Đức Phật thuyết rằng: “Atīte kāle bhikkhave... Này các thầy tỳ khuru! trong thời quá khứ, Như Lai sanh ra là Hoàng đế Madhadevarājā, thống trị tại thủ đô Mithilā này, tuổi thọ rất lâu. Nhưng Hoàng đế đó không say mê danh lợi, có bảo người thợ cạo nhớ, khi thấy có một sợi tóc bạc thì cho ngài hay.

Một hôm, người thợ cạo nhổ tóc bạc trình bày, ngài bèn ban thưởng thợ cạo, rồi dạy đòi hoàng tử vào để truyền ngôi báu. Trước khi ra đi xuất gia hành đạo. Ngài dặn dò hoàng tử rằng: “Khi thấy có tóc bạc, con nên xuất gia ngay, đừng quên, con chớ bỏ qua tục lệ nhà

²⁰ Sādhu: đúng rồi.

²¹ Ca Diếp.

ta”. Vua cha dạy xong, cạo tóc, mặc y, tu đạo sĩ, tham thiền tứ vô lượng tâm. Sau khi ngũ uẩn tan rã, ngài được sanh lên cõi Phạm thiên.

Hoàng Tử nổi ngôi, khi được biết có một sợi tóc bạc, cũng xuất gia theo lời vua cha dạy bảo. Các con cháu phụ truyền tử kế như vậy được tám ngàn bốn trăm vị.

Đức vua xuất gia trước hết là Maghadevarāja khi đã sinh lên cõi Phạm thiên, xét thấy dòng dõi ta đã tu hành theo tục lệ, trải qua được tám ngàn bốn trăm vị, nay còn 2 vị nữa sẽ không theo thói cũ, như thế sẽ mất dòng họ nhà vua và mất cả điều hạnh phúc. Vậy ta nên giáng sanh để nối dòng, ngõ hầu tiếp độ quần sanh. Lập tức, ngài xuống thọ thai vào lòng hoàng hậu. Đến ngày khai hoa là một vị hoàng tử xinh đẹp khác thường, màu da như vàng. Nhà chiêm tinh của vua cha xem tướng và tâu rằng: “Hoàng Tử có tướng rất quý, sau này sẽ nối dòng vua được lâu dài, là nơi chí ông cha xuất gia tìm đạo”. Vì thế mà vua đặt tên là Nemirājakumāra.

Khi được lên ngôi cửu ngũ, đức Nemirāja Bồ-tát dạy cất 5 phước xá (tại 4 cửa thành và một giữa đền) trữ sẵn vật dụng thí cho mọi người cần dùng, mỗi ngày 5 ngàn lượng. Ngài thọ trì ngũ giới và bát quan trai giới rất trong sạch. Ngài dạy về tội phước, chánh tà, làm lành được vui, gây dữ chịu khổ. Dân gian đều hoan hỷ hưởng ứng theo lời dạy của ngài, nên sau khi mệnh chung đều sanh lên Thiên cung cả.

Những người được sanh lên cõi trời nhiều vô số, và thường hội họp nhau, tán dương công đức của vua Nemirāja Bồ-tát rằng: “Tất cả chúng ta đều nhờ đức Bồ-tát chỉ dạy tu hành, nay mới được hưởng quả vui như vậy. Thật hiếm người có đức tính như hoàng đế Nemirāja Bồ-tát này. Đến ngày bát quan trai giới, đức Nemirāja Bồ-tát nguyện thọ trì rất trong sạch, ngài hằng suy nghĩ không biết giới và bố thí điều nào cao quý hơn. Ngài tìm hiểu mãi không ra, khiến cho đức Đế Thích khó chịu, rồi xét biết. Đức Đế Thích bèn hiện xuống, ngự trên hư không cho đức Nemirāja Bồ-tát thấy, Bồ-tát bèn hỏi: “Ngài là ai xin cho trăm rở?”

– Ta là vua trời, đến đây để giải đáp câu hỏi của Đại vương.

– Tâu Đại vương, giới và bố thí, pháp nào cao quý hơn?

– Tâu, giới cao quý hơn.

– Kẻ trì giới được làm người, không tà dâm gọi là giới thấp, có thể sanh vào nhà vua, được quả người như ý nguyện. Nếu trì giới mà đắc cận định, gọi là bậc trung sẽ sanh lên Dục giới thiên. Tham thiền đắc định, là bậc thượng, sẽ sanh lên cõi Phạm thiên.

Tỳ khưu trong Phật giáo, hành đạo trì giới trong sạch, mong lên Dục giới thiên, gọi là giới thấp. Vị nào đã có giới trong sạch, cố gắng tham thiền đắc định, sẽ thọ sanh trong Phạm thiên, gọi là giới bậc trung. Những bậc trì giới, tham thiền và quán tưởng pháp minh sát sẽ thấy rõ Niết-bàn, là giới bậc thượng. Còn những người bố thí trong sạch cũng sanh lên Dục giới thiên, nhưng khó lên cõi Phạm thiên. Song, hạng cư sĩ cần phải bố thí, trì giới mới trong sạch được.

Có tích 7 vị vua là: Sāgara, Sela, Bhajja, Bhāgisara, Usinara, Atthaka, Assaka, Puthujana, cả 7 vị vua cố gắng bố thí rất nhiều, sau khi thăng hà đều được sanh lên 6 cõi Dục thiên, không thể lên Phạm thiên giới được. Ngoài ra có nhiều vị vua tinh tấn bố thí cũng không qua khỏi đời ma quỷ, tức là lục Dục thiên.

Có lời chú giải rằng: Điều mà đức Đế Thích gọi lục dục thiên và nhân gian chỉ danh là “cõi ma quỷ” (Peta loka) thật là đúng lắm. Vì Chư thiên và người đều có tâm mong mỗi ưa thích tình ái trong sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nếu đã ước mong trong ngũ dục rồi, dù không phải là lia nơi nương tựa cũng gọi là cô ái tử (con mồ côi cha mẹ) trong đời này.

Nếu không có nơi nhờ cậy, mà không phải là ma quỷ, thì lục đục thiên và nhân gian cũng đáng gọi là đời ma quỷ thật. Đúng theo Phật ngôn như vậy: Ye adutiyā naramanti... nasukhāva ragā... – Người nào ưa thích, cố gắng tìm phụ nữ, khi kiếm được đem về làm bạn trăm năm cùng nhau thì vừa lòng, nhưng bằng không thì rầu rĩ. Người hạng này, dù có của cải như trời Đế Thích, được vui nhờ kẻ khác cũng đáng gọi là mồ côi thật.

Hơn nữa, kẻ nào không gặp, không thấy, không được, không tìm hương vị của phi lạc phát sanh từ cái tâm an tĩnh, tức là nhập định. Người như đây, dù có tài sản nhiều như đức Đế Thích, cũng đáng gọi là cô ái tử thật.

Đức Đế Thích giảng thuyết nhiều sự tích, đem so sánh để phá nghi của đức vua Nemirāja cho thấy rõ rằng: Quả báo của giới, cao quý hơn phước bố thí. Song, muốn trì giới được trong sạch, cần phải bố thí để dứt lòng tham lam bòn xén. Đức Đế Thích lại dẫn thêm tích như sau.

Thuở trước, có vị Hoàng đế trong thủ đô Bārānasī, hằng ưa thích bố thí. Có một đạo sĩ thường đến trì bình²² tại nhà vị cố vấn (Purohita) của đức vua. Vị Purohita thấy đạo sĩ, có giới hạnh trang nghiêm bèn tín thành thỉnh vào nhà để bát luôn ba ngày. Vị cố vấn nghe được giáo lý, xin xuất gia. Đạo sĩ dạy phải chờ lệnh vua. Vị cố vấn vào đền xin, vua cho phép và dặn dò, nên trở lại tế độ trăm với. Vị cố vấn theo đạo sĩ tu hành chẳng bao lâu cũng đắc định, được tự do đi khát thực. Bữa nọ, vị đạo sĩ mới này, nhớ đến lời yêu cầu của đức vua, bèn xin phép thầy vào thành trì bình. Đức vua nhìn biết rồi thỉnh vào đền nội. Khi cúng dường xong, đức vua bạch hỏi: “Bạch đạo sĩ, ngài ngụ trong rừng một mình hay sao?”

– Tâu Đại vương, trong rừng có cả 10 ngàn vị.

– Cầu ngài thỉnh các vị đạo sĩ ấy đến cho tôi cúng dường.

– Không tiện. Các ngài không mong hưởng thực phẩm quý, nên khó thỉnh. Nếu Đại vương vào rừng gần đó, tôi sẽ thỉnh cho.

Đức vua hoan hỷ vâng lời, liền dạy quan quân chuẩn bị đầy đủ thực phẩm quý, để vào rừng dâng cúng 10 ngàn vị đạo sĩ.

Sáng hôm sau, vua đồng cùng triều thần vào đến rừng, được cúng dường như nguyện. Đức vua phát tâm trong sạch thỉnh tất cả 10 ngàn vị đạo sĩ cho phép cúng dường mỗi ngày, như thế đến một muôn năm²³.

Tâu Đại vương, mặc dù đức vua ấy có tâm trong sạch bố thí không chọn vị nào cao hoặc trung hay thấp hạ, cũng không phân giai cấp xã hội, cho rằng vị này trước nghèo, giàu hay sang hèn chi cả. Như thế, mà sau khi đức vua đó thăng hà, chỉ được sanh lên cõi Dục giới thiên mà thôi. Còn 10 ngàn vị đạo sĩ toàn là hạng xuất gia, song có giới trong sạch, tham thiền, đắc định. Sau khi mệnh chung, các ngài đều thọ sanh lên cõi Phạm thiên cả. Tâu Đại vương, đức vua trong thủ đô Bārānasī thuở đó, chính là tôi đây. Giải cho đức Nemirāja biết rõ ‘giới’ có phước cao quý hơn ‘bố thí’ như thế, đức Đế Thích liền trở về Đạo Lợi thiên cung.

Khi về đến, thấy Chư thiên hội họp đông đủ tại phước xá, đức Đế Thích bèn phán rằng: “Các ông tụ hội nơi đây nên chú ý nghe trăm giảng thuyết. Trăm xuống cõi người, để phá nghi cho đức vua Nemirāja. Đức Nemirāja thật là một vị Hoàng đế đạo đức, bố thí, trì giới và khuyên nhân dân lánh dữ làm lành vô số kể. Ngài là một bậc trí tuệ hiếm người sánh kịp. Ngài không phân biệt giữa ‘giới’ với ‘bố thí’ điều nào cao quý hơn. Trẫm đã giải phân minh cho đức Nemirāja hiểu, nên mới trở về đây”. Chư thiên đồng tâu rằng: “Đức Nemirāja

²² Khất thực.

²³ Muôn là 10 ngàn. Thời kỳ này nhân loại sống trên muôn tuổi.

là thầy của chúng tôi, nhờ ngài khuyên bảo, chúng tôi mới tạo được nhiều nghiệp lành, nên sau khi thác đều được lên Đạo Lợi thiên cung này, hưởng phước cõi trời như mong muốn. Tất cả chúng tôi đồng khẩn cầu Hoàng thượng từ bi cho vị trời Mātālī xuống rước đức vua Nemirāja lên đây cho chúng tôi thấy mặt, vì chúng tôi nhớ ân đức của ngài lắm”. Đức Đế Thích hoan hỉ nhận lời yêu cầu của Chư thiên, đòi vị Mātālī đến phán rằng: “Người hãy đem xe rồng xuống rước đức vua Nemirāja”.

Khi xe trời xuống gần tới, nhằm ngày rằm trăng tỏ, chúng dân thấy rõ xe trời bay xuống, rất lầy lầm lạp, rồi chờ xem xe ấy đến. Họ tin chắc là xe trời xuống rước đức vua, vì đức vua chúng ta bố thí, trì giới trong sạch, trong đời chưa ai sánh bằng. Xe trời xuống tới đền vua, vị trời Mātālī tâu thỉnh đức vua Nemirāja, theo lời dạy của đức Đế Thích. Đức Nemirāja liền từ giả và dặn bảo triều thần, ân cần xem xét việc triều chính và thay thế ngài làm việc bố thí mỗi ngày, rồi lên xe trời đi cùng Mātālī. Mātālī tâu rằng: “Bây giờ Hoàng thượng muốn đi ngã nào, nếu Hoàng thượng muốn xem địa ngục, cho biết trong đó tội nhân bị hành phạt cách nào, tôi xin hộ giá đưa ngài đi xem”. Đức Nemirāja đáp: “Như thế, nên đi xem địa ngục trước, rồi sẽ lên Thiên cung”. Vị trời Mātālī liền lái xe đi qua những địa ngục như:

- 1) Địa ngục cường thủy²⁴ trong địa ngục này nước vẫn sôi hoải. Tội nhân bị quỷ sứ dùng đủ thứ vũ khí cháy đỏ (gươm, dao, đao, búa, riều...) đâm, chém, đập, bừa tội nhân té nhào trong địa ngục. Khi ở trong địa ngục, cũng có các khí giới chém đâm v.v... và bị nước chua sôi thấm vào mình, chịu muôn vàn lần đau khổ, không kể xiết, cả ngày lẫn đêm chỉ nghe tiếng kêu la, than khóc không dứt. Tâu Hoàng thượng, những tội nhân đó ở thế gian ý mạnh hiếp yếu, chửi, mắng, đánh, đập, hành hạ người, nên nay phải sa địa ngục này, thọ khổ như vậy.
- 2) Địa ngục chó dữ: Trong địa ngục này có chó to bằng voi trắng, đen, đỏ, vàng đủ màu, chúng rượt cắn và xé tội nhân la khóc vang rền. Tội nhân chạy trốn đường nào cũng không khỏi, chó cắn xé thịt, ăn đến xương, lại bị lửa cháy hoả hào thiêu đốt, rồi hoàn hình sống lại liền, để chịu hình phạt như thế nữa, vì nghiệp duyên chưa hết. Tội nhân trong địa ngục này, vì kiếp trước bòn xén, không bố thí giúp đỡ kẻ đói khát, tật bệnh và khinh rẽ chửi mắng bậc tu hành, lại còn khuyến dụ kẻ khác làm theo họ, nay phải chịu trị tội như vậy.
- 3) Địa ngục sắt lửa cháy đỏ: Tội nhân trong địa ngục này bị quỷ sứ đánh bằng cây sắt cháy đỏ và đâm bằng lao trước mặt thâu đến lưng, đầu đến trôn, té ngã trong địa ngục, toàn thân thể bị cháy đỏ. Tội nhân trong địa ngục này, kiếp trước hay chửi mắng, đánh đập, hà hiếp người vô tội.
- 4) Địa ngục than lửa: Tội nhân bị quỷ sứ đánh bằng cây sắt đỏ, rồi liệng trong địa ngục than lửa. Quỷ sứ lấy búa, riều bừa đầu, chặt thân hình ra nhiều đoạn, bị lửa than đốt cháy. Tội nhân la khóc kêu vang không kể xiết. Tội nhân trong địa ngục này, kiếp trước giả dối quyền tiền để cất chùa, xây tháp cúng dường Tam bảo, nhưng đem tiền về nuôi sống, nên phải sa đọa vào địa ngục này.
- 5) Địa ngục đồng sôi: Tội nhân bị bỏ vào đó, trôi qua, lại, chìm xuống tận đáy, bị nước đồng sôi, chịu khổ kêu la thảm đạm. Tội nhân trong địa ngục này, trước kia chửi mắng khinh rẽ bậc tu hành, Sa-môn, Bà-la-môn, nên nay phải thọ quả khổ như thế.

²⁴ Một thứ nước chua rất mạnh.

- 6) Địa ngục nước sắt cháy đỏ: Quỷ xứ bắt tội nhân vắn cổ bằng dây sắt cháy đỏ rồi liệng vào địa ngục này. Tội nhân trong địa ngục này, kiếp trước bắt chim vắn cổ nhỏ lông, bẻ giò, nên nay phải sa đọa trong địa ngục này.
- 7) Địa ngục trấu: Trong địa ngục này có đầy nước trong, tội nhân bị hành đốt nóng, thấy nước trong muốn uống cho mát, khi uống vào, nước thành trấu cháy thiêu thân mình. Tội nhân trong địa ngục này, kiếp trước dùng trấu trộn lộn với lúa để bán cho kẻ khác, nên nay phải bị hành phạt như vậy.
- 8) Địa ngục lao: Quỷ sứ dùng lao, đâm, chém, đứt làm nhiều đoạn. Tội nhân trong địa ngục này, trước kia trộm cướp của, tiền, gạo, lúa, trâu, bò để nuôi sống, nên nay phải bị hành phạt như vậy.
- 9) Địa ngục vũ khí cháy đỏ: Quỷ sứ trói tội nhân bằng dây sắt cháy đỏ khi tội nhân té nằm, quỷ sứ dùng các khí giới đâm, chém, đập, bừa v.v.... Tội nhân bị đọa trong địa ngục này, bởi kiếp trước giết thú, heo, gà, vịt, tôm, cá v.v... đem bán, nên nay phải sa vào địa ngục này.
- 10) Địa ngục phần và nước tiểu: Tội nhân khi quá đói khát, quỷ sứ liệng vào địa ngục cho ăn phần và uống nước tiểu. Người nào kiếp trước quên ơn thầy, phần bạn và trộm của ân nhân, nên phải sa trong địa ngục này.
- 11) Địa ngục máu và mù: Quỷ sứ bỏ tội nhân trong địa ngục này, cho ăn máu và mù thay cơm. Địa ngục này dành cho kẻ giết mẹ, cha, chửi mắng Tỳ khuru.
- 12) Địa ngục hành người gian xảo: Quỷ sứ dùng móc lưỡi cho chảy nước miếng, rồi lấy búa đập vào chân tội nhân. Tội nhân trong địa ngục này, trước kia gian xảo bán đồ quá giá, miệng nói lời dịu ngọt cho họ mua lầm.
- 13) Địa ngục núi sắt: Quỷ sứ liệng tội nhân trong địa ngục đồng sôi hoặc bị núi sắt ép, thân hình toàn là máu mù. Những người phụ nữ nào mất trinh thất tiết với chồng, thông dâm với kẻ khác, mới sa trong địa ngục này.
- 14) Địa ngục hầm than lửa: Quỷ sứ hành tội nhân bằng vũ khí đâm, chém v.v... rồi liệng trong địa ngục than lửa cháy đỏ. Địa ngục này dành cho người tà dâm vợ con kẻ khác.
- 15) Địa ngục tà kiến: Những người thấy không chơn chánh là hiểu rằng: Bồ thí không có quả phước; cúng dường, làm lành, gây dữ không có quả báo; mẹ cha không phải là mẹ cha; đời này đời sau không có v.v... phải sa vào địa ngục này.

Vị trời Mātālī tâu với đức vua Nemirāja rằng: Chúng sanh vì vô minh và ái dục, không rõ đời là tội khổ, gây biết bao ác nghiệp nên chịu biết bao muôn vàn khổ não như thế, Hoàng thượng đã xem thấy rõ, khi trở về thế gian nên tỏ bày cho nhân gian biết.

Nói về đức Đế Thích, dùng nhãn thông xem thấy Mātālī đang đưa đức Nemirāja quan sát địa ngục, ngài nghĩ rằng địa ngục rất nhiều nếu xem cho đều đủ, thì vua Nemirāja phải thăng hạ trước khi lên Thiên cung, nên ngài sai vị trời Mahājavana đến triệu về. Khi Mātālī được lệnh đức Đế Thích, bèn tâu với đức Nemirāja rằng, lệnh Hoàng thượng đã xem sơ lược địa ngục rồi, xin đưa ngài lên cõi trời. Vị trời Mātālī lái xe đến một dinh thự có hào quang sáng ngời rực rỡ. Vị trời Mātālī tâu rằng: Đây là dinh của một thiên nữ. Thuở Phật Kassapa ra đời, nàng là một nô tỳ của một triệu phú Bà-la-môn. Ông Bà-la-môn này, muốn trai tăng bồ thí đến chục sư, bèn lấy một ngàn lượng bạc dạy vợ con đi mua thực phẩm. Vợ con không vừa lòng làm theo, ông Bà-la-môn liền bảo nô tỳ, cô tớ gái này rất hoan hỉ, đi chợ mua sắm các thứ thức ăn, đem về làm ra bữa trai tăng, có đủ thực phẩm quý. Cô tớ rất vui với sự bồ thí đó, đến khi mạng chung, được sanh lên là vị thiên nữ trong dinh thự này, có các tùy tùng hầu hạ. Vị trời Mātālī, liền lái xe chạy tới nữa, thấy 7 tòa lầu đài sáng đủ 7

báu, có rất nhiều thiên nữ hầu hạ. Đức vua Nemirāja xem thấy rất thỏa thích bèn xin vị trời Mātālī giảng cho biết sự tích: “Tâu lệnh Hoàng thượng, hồi Phật Kassapa, có một vị trưởng giả tên Sonadinna, ngụ xứ Kāsikarāja, phát tâm trong sạch cất 7 chánh điện dâng đến chư tăng và cúng dường đủ 4 vật dụng. Ông trưởng giả tin thành lo săn sóc 7 chánh điện đó cho đến khi thác, sanh lên làm chủ 7 tòa lầu đài này, thật là sang trọng”. Vị trời Mātālī lái xe đến trước gặp một tòa lầu lớn, cao 25 do tuần toàn là ngọc pha lê sáng rỡ, có cả thiên nam, thiên nữ, ca sang thật là vui thú. Đức Nemirāja xem thỏa mãn, cầu Mātālī giảng cho biết: “Tâu, Chư thiên ở trong tòa lầu to toàn bằng ngọc pha lê, có rất đông Chư thiên hầu hạ vui thú đó, là do tiền kiếp đã tạo nhiều nghiệp lành: bố thí, trì giới và thọ bát quan trai cho đến ngày cùng, nên được sanh lên ở tòa lầu quý báu như thế. Vị trời Mātālī lái xe chạy tới trước cho đức Nemirāja xem các dinh thự của Chư thiên bằng ngọc pha lê, xà cừ, mã não, san hô, hồ phách, v.v... có hào quang chiếu diệu xem rất ngoạn mục. Đức Nemirāja hỏi về tiền kiếp của Chư thiên này. Mātālī tâu: “Chư thiên đó thưở làm người trong thế gian, đời Phật Kassapa có bố thí, trì giới dâng vật dụng đến chư tăng hằng ngày và thọ bát quan trai trong sạch, lập chùa, cất tịnh thất. Sau khi bỏ ngũ uẩn, được sanh về cõi này, ngụ trong các tòa lầu cao đẹp toàn bằng 7 báu, có nhiều ngọc nữ hầu hạ, ca múa hát ngày đêm, như thế”.

Đức Đế Thích dùng nhãn thông thấy Mātālī đang lái xe cho đức Nemirāja xem các dinh thự Chư thiên, ngài bèn nghĩ rằng: Nếu Mātālī cho đức Nemirāja xem hết các lầu đài của Chư thiên, thì tuổi thọ của ngài phải hết trước. Đức Đế Thích liền sai vị khác đến triệu Mātālī về gặp. Mātālī được lệnh, liền quay xe lên Đạo Lợi thiên cung. Xe đang bay trên hư không, đức Nemirāja xem thấy 7 tầng núi chập chồng, xung quanh Tu Di sơn vương (Merurāja pabbato), có biển Sīdhantara nước rất trong và rất sâu, không có thể dùng vận tải gì mà qua biển đó được cả, vật chi sa trong biển phải chìm ngay. Đức Nemirāja muốn biết rõ, bèn hỏi vị trời Mātālī rằng: “Biển và núi đó tên gì?”

– Tâu, 7 lớp núi cao từng bậc theo thứ tự, từ thấp đến cao, nhất là núi Sudassana, rồi đến Khokāra, Vikayugunadhara, Neminadara, Vinantaka, và Hassakaṇṇa v.v... Nước biển Sīdhantava chảy theo các khoảng, núi đó là nơi du lãm của Gandhabba²⁵ và Dạ-xoa, là nơi cư ngụ của các đạo sĩ Sidhividyaḍhara và các Kinnara (mình chim đầu người).

Lên đến Đạo Lợi cung, vua Nemirāja thấy nhiều hình ảnh của đức Đế Thích chung quanh Tu Di sơn vương. Đức Nemirāja hỏi do nhân nào như thế? Mātālī tâu: “Đó là đề ngừa, không cho bọn nghịch đến phá, nhất là hạng A-tu-la thiên, khi lên núi thấy ảnh của đức Đế Thích thì sợ”. Vào đến phước xá Sudhammā devasabhā có cả Chư thiên sẵn chờ đón tiếp và thỉnh đức Nemirāja xuống xe vào trong phước xá. Đức Đế Thích mời ngồi và tâu rằng: “Xin thỉnh đức vua ở lại hưởng ngai vàng chung với trăm, đừng trở về nhân gian làm gì”. Đức Nemirāja tâu: “Tôi không dám! Vì chẳng phải là phước tôi tạo. Người không làm phước mà thọ của kẻ khác, ví như người ăn xin. Tôi chỉ mong cố gắng tạo phước báu, bố thí, trì giới, tham thiền, rồi quả lành sẽ đến cho tôi, mới là chánh đáng”. Đức Đế Thích và Chư thiên thỉnh cầu đức Nemirāja thuyết pháp. Thuyết pháp xong, ngài tán dương ân đức của Mātālī. Nhờ vị Mātālī nên ngài thấy rõ địa ngục là nơi hành phạt những kẻ đã gây nghiệp ác và được xem các dinh thự của Chư thiên có hào quang chói lợi, mong chi được này, cũng do các ngài tạo đủ phước nơi kiếp trước. Ngự tại Đạo Lợi thiên cung 7 ngày (tính theo ngày ở thế gian) rồi đức vua Nemirāja từ biệt đức Đế Thích và Chư thiên trở về nhân gian. Đức Đế Thích cho Mātālī lái xe đưa đức Nemirāja về đến thành Mithilā.

²⁵ Càn thác bà.

Các triều thần vào lạy mừng và tâu hỏi thăm về cõi trời Đạo Lợi. Đức Nemirāja giảng thuyết nghe cõi trời rất là hạnh phúc, cùng là cảnh đẹp an vui. Nếu ai mong được sanh về cõi trời, cần phải tu hành tinh tấn, nghe pháp, bố thí, trì giới, thọ bát quan trai cho trong sạch, khi chết nhờ phước đã tạo, chắc sẽ thọ sanh lên Dục giới thiên. Đức Nemirāja không say mê sự nghiệp Đế vương. Ngài dặn thợ cạo khi thấy một sợi tóc bạc của trẫm, thì cho trẫm hay. Không bao lâu, thợ cạo nhổ một sợi tóc bạc dâng cho ngài xem, thấy sợi tóc bạc Ngài giựt mình, biết là già yếu rồi, ta không còn sống bao lâu nữa, tử thần sẽ đến tìm ta. Vậy ta phải xuất gia hành đạo. Hoàng Tử quỳ tâu: “Phụ vương, do nhân nào mà Phụ vương đành bỏ con đi xuất gia. Cầu Phụ vương từ bi cho con biết trước”. Đức Nemirāja phán rằng: “Uttaman garukāmeyhan... pabbajā samajo mananti – Nay con! Phụ vương nay đã già rồi, tóc bạc này là kẻ đem tin thứ nhì, đã phát sanh rõ rệt, cha đã qua khỏi tuổi trung niên rồi. Cha đang vào thời kỳ đến tay tử thần, không sao cầu thả như trước được. Nay đến thời kỳ cho cha xuất gia tu hành, con hãy ở lại an vui”. Ngài bèn làm lễ tôn vương cho hoàng tử. Chỉ dạy, dặn dò xong, ngài xuất gia làm đạo sĩ ngụ tại ngụ uyển tham thiên pháp ‘tứ vô lượng tâm’, đến khi mạng chung được lên cõi trời Phạm thiên. Dòng dõi Đế vương này, phụ quyền tử kế và xuất gia liên tiếp được tám ngàn bốn trăm vị.

Đức Giáo chủ Thích Ca Mâu Ni đã dẫn cổ tích, giảng thuyết như thế, Ngài bèn gọi chư tăng và giảng tiếp rằng: “Chẳng phải Như Lai chỉ xuất gia hành đạo Ba-la-mật trong kiếp này mà thôi. Trong các tiền kiếp, Như Lai cũng có xuất gia tu thập độ vậy”.

Ngài hợp tiền kiếp lại như vậy: Thuở ấy, đức Đế Thích nay trở lại là Anuruddho, vị trời Mātālī nay là Ananda, tất cả tám ngàn bốn trăm vị vua nay là hàng Phật tử, đức Nemirāja nay là Aham eva! Như Lai Sammāsambuddho Giác ngộ Chánh Biến Tri như thế.

– *Dứt truyện Bồ tát Nemirāja*–

5. Mahosatha jātika – truyện Mahosatha (Bồ tát tu hạnh trí tuệ ba-la-mật)

Pancālo sabbasenāyāti iman dhammadesanan satthā jetavane viharanto paññāpāramī arabbha kathesi – Thuở đức Giáo chủ ngụ trong Kỳ Viên tịnh xá. Ngài thuyết về tích Mahosatha Bồ-tát tu hạnh trí tuệ Ba la mật, nhất là:

Pañcālo sabbasenāya iti ... Hi - Giảng thuyết rộng ra rằng: Ekadivasam. Một ngày nọ đức Thế Tôn gọi: Nay các tỳ khưu: Trong thời quá khứ có một vị Hoàng đế danh là Videharāja thống trị trong thủ đô Mithilā. Đức vua có bốn vị giáo sư là: Senaka, Kaminda, Devinda, và Pakuttha.

Một đêm kia, đức vua nằm mộng thấy như có bốn đám lửa cháy lên ngọn bằng nhau. Có một tia lửa nhỏ bằng con đom đóm, ở giữa bốn đám lửa ấy, phục cháy lên ánh sáng rực rỡ chiếu diệu bốn phương trời (chỉ cõi Phạm thiên). Chúng dân đều đem lễ vật đến cúng dường, đi dập trên ngọn lửa đó, nhưng không bị phỏng. Khi vua tỉnh giấc cho đòi bốn vị giáo sư vào dạy đoán điềm mộng của ngài. Bốn vị giáo sư tâu: “Bốn đám lửa to, tức là bốn chúng tôi, thường hầu hạ lệnh Hoàng thượng mỗi ngày đây. Còn tia lửa nhỏ chiếu sáng bốn hướng, cao tốt trời che ánh bốn chúng tôi là bậc có nhiều trí tuệ”.

Nói về đức Bồ-tát từ cung trời Đạo Lợi giảng sanh vào lòng bà Sumanadevī, vợ ông Triệu phú Sirivaddhanasetthi ở phía đông nhà vua. Lúc ấy cũng có một ngàn vị trời cùng giáng sanh với đức Bồ-tát, làm con của một ngàn tiểu phú gia ở gần đó. Đến kỳ khai hoa, đức Đế Thích xuống để một hoàn thuốc vào tay đức Bồ-tát, sanh ra khỏi lòng mẹ, đức Bồ-tát có cầm hòn thuốc, mẹ ngài thấy vậy, hỏi: “Con cầm vật chi trong tay?” Bồ-tát tuy mới sanh mà biết nói, đáp: “Thưa mẹ, đây là vị thuốc, ai có bệnh chi uống cũng mạnh”. Lập tức mẹ ngài cho mài thuốc, bảo đem cho chồng uống, vì ông triệu phú mang bệnh đã 7 năm

mà chữa không lành. Khi uống vào thì ông triệu phú bình phục như xưa. Do đó mà đặt tên Bô-tát là Mahosatha. Từ đấy, tiếng đồn ai có bệnh chi đến xin thuốc uống đều lành cả.

Lên 7 tuổi, đức Bô-tát thường hiệp chơi với một ngàn trẻ nhỏ, con của tiểu phú gia. Một ngày nọ, đang cùng nhau chơi ngoài trời, bị trận bão to, các trẻ đều sợ chạy tìm đụt mưa gió, đức Bô-tát có sức mạnh hơn nên chạy đến trước, mấy trẻ nhỏ kia chạy sau bị mưa gió to té khóc. Sau lúc đó, đức Bô-tát bèn nói với các trẻ nhỏ kia rằng: “Chúng ta hãy nên đậu tiền mỗi người một lượng để cất phước xá. Các trẻ đồng ý. Được một ngàn lượng luôn cả đức Bô-tát, rồi mượn thợ cất 5 phước xá như: Phước xá dành cho các thầy Sa-môn, Bà-la-môn; phước xá dành cho người thương mại; phước xá dành cho kẻ nghèo đói và phụ nữ mang thai; phước xá để giảng đạo phá nghi những điều khó hiểu; phước xá cho các diễn kịch viên. Cất xong, cho thợ vẽ nhiều bức tranh ảnh rất có mỹ thuật (có ao sen trồng đủ thứ cây, vườn hoa, hồ tắm) trông thật ngoạn mục, như trên Thiên cung. Những hành khách được đến đó đều ghé vào nghỉ mát, ngắm cảnh như ý muốn. Đức Bô-tát thường chăm nom, săn sóc và có trữ đủ các thức ăn, uống, tắm rửa cho hành khách. Ai có điều chi nghi ngờ, đều được đức Bô-tát phá nghi, theo ý nguyện.

Nói về đức vua Videharāja, hằng tưởng nhớ đến lời dự đoán của bốn vị giáo sư, nên cho quan quân đi xem xét bốn phương, để tìm nghe tin tức bậc trí tuệ. Các thám tử dò xét đến hướng đông, gặp các phước xá của đức Bô-tát, mượn thợ cất thật là đẹp. Hỏi han thì chúng dân cho biết những phước xá này, không phải tự nhiên mà thợ làm được. Nhờ Hosatha Kumāra²⁶ mới lên bảy, có nhiều trí tuệ, dạy cho thợ cất và vẽ tranh đó. Vị thám tử nghe qua, rồi tính từ ngày đức vua nằm mộng đến nay là 7 năm, nên định chắc rằng đây là bậc trí tuệ ứng nghiệm theo điềm mộng của vua. Vị thám tử bèn viết sớ tâu lên vua rõ. Đức vua hỏi ý kiến bốn vị giáo sư, các vị này sợ có bậc trí tuệ đến thì mình sẽ mất lợi, nên tâu rằng: “Xin để cho quan quân xét nét rồi sẽ hay. Chớ sự cất phước xá dù tốt đẹp đến đâu ai cũng có thể tạo được”. Đức vua nghe theo nên truyền cho thám tử ở lại trong nơi đó, chờ xem có chi lạ nữa chăng.

1) Một ngày kia, có người lái bò ở gần đấy thả bò cho ăn, còn anh chàng thì nằm nghỉ dưới bóng cây rồi ngủ quên. Kẻ trộm thấy vậy dẫn bò đi. Khi người chủ thức dậy không thấy bò, tìm xem biết kẻ trộm dắt bò đi, anh chủ bò rượt theo kịp, đòi bò lại. Kẻ trộm cũng đành là bò của y. Hai người cãi nhau đến gần phước xá của đức Bô-tát, ngài nghe biết rõ là của ai, nhưng, muốn cho công chúng phân minh, ngài bèn hỏi kẻ trộm rằng: “Bò này anh mua từ đâu?”

– Thưa, bò này của tôi, sanh ra tại nhà.

– Anh cho nó ăn vật chi?

– Thưa, tôi cho nó ăn cháo hoặc đậu.

Ngài hỏi đến chủ bò: “Anh được bò này tại đâu?”

– Tôi đã mua nó tại làng kia, có nhiều người nghe thấy.

– Anh cho nó ăn vật chi?

– Thưa, tôi nghèo chỉ cho nó ăn cỏ.

Đức Bô-tát dạy người đem cháo đậu và cỏ để coi bò ăn vật nào. Thấy rõ, nó chỉ ăn cỏ, theo lời khai của chủ bò, nên chủ được trả bò lại. Phần đông bèn đánh đập kẻ trộm rồi đuổi đi.

²⁶ Trẻ Mahosatha.

2) Có một phụ nữ nghèo đến hồ tắm của đức Bồ-tát, thay y phục để trên bờ hồ, rồi xuống tắm. Có cô nọ thấy vậy phát tâm tham, đi ngay đến hỏi thăm rồi lấy áo quần mặc thử, xong, mang đi luôn. Người nữ đang tắm, bèn lên đuổi theo nắm kéo lại la rằng: “Cô này lấy đồ của tôi”. Cô trộm y phục cãi rằng là của y. Phần đông nghe đều hội lại xem coi. Đức Bồ-tát đang chơi với một ngàn trẻ em, nghe cãi nhau như thế liền hỏi: “Hai cô bằng lòng cho tôi xử đoán dùm cho chăng?”

– Thưa, chúng tôi vừa lòng lắm.

Bồ-tát bèn hỏi cô trộm rằng: “Vật này cô ướp bằng mùi gì?”

– Thưa, tôi ướp bằng các mùi hoa thơm.

Bồ-tát hỏi cô chủ: “Cô thắm y bằng vật gì?”

– Thưa, tôi chỉ thắm y bằng mùi hoa thường.

Đức Bồ-tát bèn dạy nhờ người nữ khác, biết mùi ngửi thử coi, rõ thật chỉ có mùi hoa thường. Bồ-tát bèn dạy trả y phục lại cho cô chủ và ngài khuyên cô trộm y chẳng nên làm nghiệp xấu xa như vậy nữa. Từ đó, tiếng đồn của đức Bồ-tát là bậc trí tuệ phi thường.

3) Có một phụ nữ ẵm con đi tắm, rồi để con nằm trên y, cô xuống tắm trong hồ sen. Trong lúc đó, có một Dạ-xoa nữ thấy, muốn bắt đứa bé để ăn thịt, nên biến làm một cô gái đến hỏi đứa bé ngộ nghĩnh, rồi ẵm nựng, chốc lát bỗng đứa bé đi luôn. Thấy vậy, người mẹ liền đuổi theo kịp la rằng: “Tại sao bỗng con tôi đi đâu?”

– Đây là con của tôi, nào phải con của cô.

Khi cả hai phụ nữ cãi nhau, đến phước xá của đức Bồ-tát. Bồ-tát mời vào, rồi thấy cử chỉ của phụ nữ, ngài biết rõ tự sự, ngài bèn hỏi rằng: “Hai cô có muốn tôi đoán giùm cho chăng?” Cả hai cô đồng bằng lòng. Bồ-tát dạy để đứa bé nằm xuống, rồi bảo Dạ-xoa nắm tay trẻ, mẹ thiết nắm chân trẻ. Ngài tuyên bố, người nào giành được là mẹ của đứa trẻ này. Hai phụ nữ kéo qua nín lại, làm cho đứa trẻ đau điếng, khóc la, người mẹ thấy con khóc, động lòng từ bi buông con ra, đứng dậy than van không nỡ làm cho con đau khổ. Khi ấy đức Bồ-tát tuyên bố rằng: “Lệ thường phụ nữ không phải là mẹ thì không lòng thương xót con trẻ. Phụ nữ bắt được đứa trẻ là kẻ trộm. Cô kia là mẹ thực vì có tâm tội nghiệp con”. Đức Bồ-tát hỏi dạ-xoa nữ: “Vì sao cô lại trộm con của người?”

– Thưa, tôi mong ăn thịt nó.

– Nay phụ nữ ác, từ đây người không nên tạo nghiệp dữ nữa. Vì kiếp trước người là kẻ ác, nay mới luân hồi làm Dạ-xoa. Người làm như vậy có nên chăng?

Đức Bồ-tát khuyên bảo Dạ-xoa rồi dạy thọ trì ngũ giới. Người mẹ đứa trẻ hết lòng cảm tạ đức Bồ-tát rồi từ biệt ẵm con ra về.

4) Có một thanh nam tên là Agotrakāla lùn, đi làm thuê bảy năm mới cưới được vợ, trang điểm xinh đẹp, dẫn vợ về quê hương. Đến một con sông, cả hai vợ chồng đều sợ, không dám lội qua, lúc đó có một anh nhà nghèo danh Dīghapittī lung dài cũng vừa đến nơi ấy. Anh lùn bèn hỏi: “Anh ôi! sông này sâu hay cạn?” Biết là người sợ nước, nên dối rằng: “Sông này sâu lắm, có cả cá dữ”.

– Anh có thể qua sông này được chăng?

– Tôi thường qua lại, sấu và cá dữ đã quen với tôi rồi, không làm gì tôi đâu.

– Vậy, anh có thể đưa chúng tôi qua bờ bên kia được chăng?

– Được, không sao đâu, mà thầy và cô muốn tôi đưa ai qua trước?

– Đưa vợ tôi trước.

– Được.

Rồi Dīghapittī liền khòem công vợ anh lùn xuống sông, lúc ra xa bờ, anh này giả bộ rùn xuống làm cho anh kia thấy là sông sâu, rồi khuyên vợ anh lùn nên lấy anh làm chồng, vì anh giàu sang, có tài tứ đông đủ. Bị gạt như vậy, vợ anh lùn hoan hỉ ưng thuận. Khi qua đến bờ rồi, bèn dắt nhau đi luôn. Thấy thế, sợ mất vợ, anh lùn liền lội đại xuống sông, nhưng rồi lại sợ, trở lên đôi ba lần như vậy. Cuối cùng, vì quá yêu vợ nên liều chết, ra đến giữa sông mới rõ rằng cạn, anh chàng liền rượt theo kịp, la, bảo anh lưng dài phải trả vợ lại. Hai bên cãi cọ nhau đến phước xá của đức Bồ-tát. Bồ-tát dạy kêu hai bên vào, rồi hỏi anh lưng dài trước: “Anh tên họ là gì, cha mẹ vợ tên gì, làm nghề gì, vợ anh tên chi?” Rồi Ngài hỏi đến anh lùn: “Vợ anh tên gì, cha mẹ vợ tên gì?” Kế đến, ngài hỏi người phụ nữ, biết rõ phía nào phải. Đức Bồ-tát xin công chúng nghe và hiểu giùm coi ai phải ai quấy. Ngài hỏi Dīghapittī rằng: “Có phải anh là người cướp vợ người chăng?”

– Dạ phải.

– Anh chẳng nên làm việc xấu như vậy nữa.

Bồ-tát dạy giao vợ lại cho anh Āgotrakāta. Công chúng rất khen ngợi đức Bồ-tát là bậc trí tuệ.

Vị thám tử vâng lệnh vua ở lại quan sát hành vi của Bồ-tát, có dâng sớ về đền tâu cho vua rõ tất cả những phán đoán của đức Bồ-tát. Đức vua được tin như thế, bèn hỏi ý bốn vị giáo sư. Họ đồng tâu: Xin đức vua nên chờ xem đã.

5) Có một người chủ xe, đem xe để gần vườn rồi đi tắm. Đức Đế Thích xem thấy nghĩ rằng để ta làm cho trí tuệ của đức Bồ-tát (là dòng dõi của Phật) rõ rệt trong đời. Ngài hiện xuống trộm chiếc xe, đem khỏi nơi ấy. Người chủ xe sau khi tắm xong, không thấy xe. Xem kỹ thấy người trộm đang đem xe đi. Đuổi theo kịp, người chủ đòi xe lại. Hai bên đều viện lẽ là xe của mình, cãi nhau đến phước xá của đức Bồ-tát. Đức Bồ-tát dạy mời người vào, rồi ngài xem qua, rõ chắc ai là chủ xe. Ngài hỏi: “Hai người có vui lòng cho tôi xử đoán chăng?”

– Thưa, chúng tôi chịu.

Bồ-tát dạy ai chạy theo kịp xe là của người đó. Chủ xe theo kịp một lúc rồi mệt, không theo nổi nữa. Về phần đức Đế Thích đuổi theo kịp xe, chẳng thấy mệt nhọc chi cả. Đức Bồ-tát cho công chúng biết rằng: “Người theo kịp mà không mệt nhọc chi cả, đó là đức trời Đế Thích trên Đạo Lợi thiên cung”. Rồi Ngài hỏi lại đức Đế Thích rằng: “Có phải ngài là đức Đế Thích hiện xuống đây chăng?”

– Này cháu là bậc trí tuệ, thật vậy, ta là trời Đế Thích.

– Do nhân nào mà ngài đến đây làm như thế?

– Vì ta muốn cho trí tuệ của Bồ-tát thêm rõ rệt.

Xong ngài bay lên hư không, tuyên bố khen ngợi trí tuệ Ba-la-mật của Bồ-tát, rồi ngài trở về trời.

Về phần vị đại thần trở về triều tâu với đức vua Videhāraja rằng: “Tâu Hoàng thượng, em Mahosetha Pandita xử đoán thật là phân minh theo công lý, cho đến đức Đế Thích hiện xuống thử cũng cho là bậc trí tuệ phi thường”. Đức vua Videhārāja bèn phán hỏi bốn vị giáo sư rằng: “Nên mời em trí tuệ đến hay thế nào?”

– Tâu, để chờ xem thêm nữa đã.

Đức vua Videharāja cũng mặc tướng.²⁷

Ngày nọ, đức vua muốn thử thách Mahosetha Pandita, dạy người chuốc cây bằng thừng hai đầu rồi gọi đến hỏi dân trong làng Bô-tát, ai biết đầu nào là gốc ngọn. Người nào biết phân biệt rõ rệt, trăm sê ban thưởng một ngàn lượng. Nhân dân trong làng không một ai phân biệt được, bèn đem đến cho Triệu phú Sirivaddhana (cha Bô-tát), vị Triệu phú gọi Bô-tát đến, rồi trình bày khúc cây đó. Bô-tát đem khúc cây thả trong nước, đầu chìm trước, đầu chìm sau và ngài hỏi công chúng rằng: “Lệ thường, (cây) đầu gốc nặng hay đầu ngọn nặng?”

– Thưa, phía gốc nặng hơn.

– Phải rồi, gốc nặng hơn ngọn.

Cha của Bô-tát tâu lên đức vua rõ. Đức vua rất thoả thích.

6) Lần này đức vua gọi hai cái đầu người, dạy dân chúng quan sát coi đầu nào của người nữ, đầu nào của người nam. Chúng dân tìm không ra, nên đem đến đức Bô-tát. Ngài giải rằng. Lệ thường đầu của người nữ có đường tóc rẽ cong, còn đầu của người nam thì đường tóc rẽ ngay. Các người trả lời như thế đi.

Đức vua được nghe rất khen và hỏi ý kiến bốn vị giáo sư, họ cũng còn tâu để chờ xem nữa đã.

7) Đức vua dạy dân làng Bô-tát phải nạp bò có sừng nơi chân, có đuôi ở đầu, kêu mỗi ngày 3 lần. Nếu kẻ nào không nạp sẽ bị phạt một ngàn lượng. Đức Bô-tát dạy: “Điều nói có sừng ở chân tức là cựa gà, có đuôi ở đầu tức là mông gà, kêu mỗi ngày 3 lần tức là gà gáy”. Đức vua nghe rất hoan hỷ.

Đã nhiều lần thấy Bô-tát Mahosatha trả lời đúng đắn theo câu hỏi, đức vua hết lòng hoan hỷ, chỉ mong mau được gặp mặt Bô-tát, nên bàn với bốn vị giáo sư. Họ cũng cản ngăn nữa. Phen này không cần hỏi nữa, ngài dạy dọn long xa cho ngài ngự đi rước Bô-tát. Ra khỏi thành không bao xa, ngựa bị vấp chân té, đi không tiện nên phải trở về. Bốn vị giáo sư vào châu thăm vua và tâu rằng: “Vì không nghe lời tâu của hạ thần, nên Hoàng thượng mang tai nạn như thế. Tâu lệnh Hoàng thượng, không cần Hoàng thượng phải ngự xe khỏi đền, ngài chỉ gọi câu đó rằng: Ngày trước trăm ngựa đi tìm cháu, ngựa bị vấp té, nên phải hỏi trào. Cháu hãy gọi ngựa tốt hoặc ngựa hay hơn cho trăm. Nếu cháu Mahosatha vào châu bệ hạ, bằng không sẽ có ông Triệu phú cha Mahosatha đến châu. Ngựa tốt tức là cháu Mahosatha; ngựa hay hơn tức là thân sanh của Mahosatha. Nếu cháu Mahosatha là bậc trí tuệ thật cháu sẽ đến, bằng không cũng cho thân sanh vào châu”. Bốn vị giáo sư tâu như vậy, đức vua bèn làm y theo.

Khi Bô-tát Mahosatha được lệnh vua như thế, liền hiểu rằng đức vua muốn cho ngài vào đền, ngài bèn đến thưa với thân sanh rằng: “Thưa, cha nên cầm hộp trầm đựng đầy sữa và mật ong vào châu vua cùng với một ngàn tiểu phú gia. Khi vào châu, vua mời ngồi rồi, lúc cha thấy con ngó cha, cha nên đứng dậy, tránh khỏi nơi ấy, rồi gọi con đến ngồi nơi ghế của cha đã ngồi trước đó, ấy là câu thai cao thượng.

Khi vào châu, đức vua mời ngồi xong, hỏi thăm đến Bô-tát. Vị triệu phú tâu: “Con hạ thần sẽ vào sau”. Đức Bô-tát điếm trang rất đẹp, đi đến đâu dân chúng đều ngoạ mục. Vì ngài còn bé mà trí tuệ nhất trong đời, có cả một ngàn thiếu nam tùy tùng. Ngài thấy một con lừa ăn cỏ gần thành nội. Ngài dạy người bắt, buộc miệng không cho nó la được, lấy chiếu đắp lên mình nó và dẫn theo sau ngài. Đến sân rồng, Bô-tát liếc xem cha ngài, vị

²⁷ Nín thính.

triệu phú thấy, liền đứng dậy nhường chỗ cho đức Bồ-tát. Bồ-tát bèn đến ngồi chỗ của cha ngài, những người thiếu trí tuệ, nhất là bốn vị giáo sư bèn vỗ tay cười nhạo rằng: “Đó là bậc trí tuệ nhất của Hoàng thượng xem coi cha đứng dậy nhường chỗ để mời con ngồi có đúng chăng? Thật là một trẻ ngu ngốc, như thế phân đông có đáng khen là bậc trí tuệ chăng?” Đức vua nghe thấy nhiều người nhạo báng. Ngài rất hổ thẹn ngó xuống. Đức Bồ-tát tâu hỏi đức vua: “Vì sao lệnh Hoàng thượng hô người?”

– Trước kia trăm hắng khen cháu là bậc trí tuệ trong đời. Nay thấy cháu làm những chuyện không hay như vậy, nên trăm buồn; vì cháu bảo cha cháu đứng dậy, rồi cháu lên ngồi lên ghế của cha cháu, bởi cha cháu là bậc cao quý hơn con đủ cả mọi phương diện.

– Tâu, lệnh Hoàng thượng có ra lệnh phải đem ngựa tốt hoặc ngựa hay nhất chăng? Rồi Bồ-tát dạy người dẫn con lừa lúc này đem vào cho nằm gần chân đức vua rồi tâu rằng: “Lừa này đáng giá nào?”

– Nay cháu trí tuệ, con lừa này chỉ dùng được để kéo xe chở đồ mà thôi, đáng giá 8 đồng hoặc 8 lượng.

– Tâu, ngựa tốt sanh ra từ lừa cái, đáng giá nào?

– Nay cháu trí tuệ! Ngựa đó vô giá.

– Tâu, trước, lệnh Hoàng thượng phán rằng cha cao quý hơn con đủ mọi phương diện, thật vậy, con lừa này phải quý hơn ngựa hay. Vì con lừa này là cha của con ngựa hay. Nếu cha cao quý hơn con đủ mọi phương diện, thật như thế rồi, con lừa này cũng quý hơn con ngựa hay, phải vậy chăng lệnh Hoàng thượng? Nếu lệnh Hoàng thượng cho rằng cha cao quý hơn con, xin Hoàng thượng dùng cha tôi đi, nếu con quý hơn cha thì Hoàng thượng dùng tôi. Trước, Hoàng thượng ra lệnh, dạy tôi phải đem ngựa hay dâng. Nay lệnh Hoàng thượng thấy rõ rằng cha quý hơn con, lệnh Hoàng thượng bắt con lừa này để dùng đi, vì lừa này là cha của ngựa hay nhất, quý hơn ngựa tốt. Nếu lệnh Hoàng thượng cho rằng ngựa hay hơn lừa thì lệnh Hoàng thượng dùng tôi. Bốn vị giáo sư của Hoàng thượng đây, Hoàng thượng chọn từ đâu? Câu thai dễ dàng như thế mà tìm không ra, lại còn nhạo cười toe toét.

Đức vua nghe thấy làm cảm phục và rất vui thích. Các quan đại thần đều nhìn nhận Bồ-tát là bậc trí tuệ thật, đồng vỗ tay hoan hô vang rền, có vị lại đem vật quý đến cúng dường. Bốn vị giáo sư tỏ vẻ buồn thiu, hổ người, gục đầu.

Lời hỏi: Đức Bồ-tát là bậc hiểu đạo, do nhân nào lại làm như thế? Đáp: Không phải Bồ-tát làm bí mật cha ngài đâu. Vì đức vua có ra lệnh dạy phải đem ngựa tốt bằng không thì ngựa hay nhất. Như thế, nên đức Bồ-tát phải làm như vậy. Hơn nữa, phải làm cho vị giáo sư biết mình.

Từ đó, đức vua ban thưởng cho ông Triệu phú Sirivaddhanasetthā và một ngàn tiểu phú gia, được trọn quyền hưởng lộc trong quận các ngài ngụ. Đức vua cũng không quên ban vật báu đến mẹ của đức Bồ-tát, rồi xin Bồ-tát làm hoàng tử, ngụ tại đền với ngài. Đức vua phán hỏi Bồ-tát: “Này con, con vừa lòng ngự trong đền nội hay ở ngoài thành?” – “Tâu, hạ thần có rất nhiều kẻ tùy tùng, hạ thần xin ở thành ngoại”. Đức vua bèn cho tạo dinh thự và ban thưởng đầy đủ vật dụng cho Bồ-tát được an vui, cả một ngàn thiếu nam theo hầu Bồ-tát.

Một ngày nọ, chúng dân thấy ánh sáng ngọc ma-ni hiện trong ao sen, liền tâu cho đức vua rõ. Đức vua bèn truyền đòi bốn vị giáo sư để tìm ngọc ma-ni. Họ dạy tát nước ao cho cạn để lấy ngọc, mà vẫn chưa thấy ngọc ma-ni. Đức vua bèn hỏi Bồ-tát: “Có thể tìm được chăng? – “Tâu, muốn lấy ngọc ma-ni, không khó, xin thỉnh Phụ vương ngự đến đó cùng

tôi”. Đức Bồ-tát đến mé ao đứng quan sát thấy rằng ngọc ma-ni trên đọt cây thốt nốt, rồi râu rằng: “Ngọc ma-ni không có trong ao nước đâu”.

– Cớ sao có ánh sáng trong nước, mà con nói rằng không có ngọc trong đó?

Đức Bồ-tát dạy người đem mâm nước đầy để tại nơi đó, rồi thỉnh đức vua xem. Ngài thấy ngọc ma-ni như thấy trong ao, rồi đức vua hỏi tại sao nói không có ngọc trong ao?

– Tâu, ngọc ma-ni có tại trong ổ quạ, trên cây thốt nốt. Đức Bồ-tát cho người leo lên đọt cây thốt nốt gần phía đông ao nước, lấy ngọc ma-ni trong ổ quạ đem xuống dâng đến vua.

Công chúng đồng hoan hô, khen ngợi đức bồ tát và trách bốn vị giáo sư kia rằng, bảo người tát ao rất nhọc còn vô ích. Thật không có bậc trí tuệ nào sánh bằng bồ tát đâu. Đức vua rất thỏa mãn, rồi ban thưởng ngọc báu đang đeo trong mình đến Bồ-tát. Còn ngọc ma-ni vừa tìm được, đức vua tặng cho một ngàn thiếu nam tùy tùng Bồ-tát. Đức vua dạy Bồ-tát mỗi khi vào châu phải trang điểm bằng ngọc báu này rồi phong Bồ-tát làm đại tướng.

Một hôm, đức vua cùng triều thần ngự đi ngắm cảnh. Đức vua chợt thấy con tắc kè to, từ ngọn cây bò xuống, thấy đức vua rồi nó gật đầu. Đức vua hỏi Mahosatha Bồ-tát: “Con tắc kè làm gì đó?”

– Tâu, nó làm lễ lệnh Hoàng thượng.

Đức vua nghe hoan hỷ bèn dạy người mỗi ngày lấy tiền mua thịt cho nó ăn. Đến ngày bát quan trai, mua không được thịt, người nuôi nó lấy tiền đáng giá mua thịt buộc vào cổ nó. Từ đó, các kè tự đắc vì có tiền.

Ngày sau, đức vua ngự đến thấy con các kè bò xuống gặp đức vua nó ngóc đầu lên, coi bộ tự đắc. Đức vua hỏi Bồ-tát thế là sao?

– Tâu, vì con tắc kè nương nhờ có tiền. Ngày bát quan trai, người nuôi nó mua thịt không được, nên đem tiền buộc vào cổ nó rồi nó ỷ lại như thế.

Đức vua bất bình, dạy người đánh đuổi nó đi. Cũng vì tự đắc, ỷ lại mà phải chịu khổ.

Có một học sinh của vị trú danh giáo sư Disāpānokka tên là Piṅgutta vừa lòng thầy nên thầy gả con gái cho. Cô thiếu nữ này rất đẹp. Nhưng Piṅgutta là người xấu số, nên khi về với anh, khiến anh không vừa ý, không chịu đồng tịch đồng sàng với vợ, bởi anh là người ít phước. Cách một tuần, sau khi đã làm lễ thành hôn, anh Piṅgutta xin phép cha mẹ vợ trở về xứ. Đi đường xa mệt nhọc và đói khát, gặp một cây sung có trái chín, anh bèn leo lên bẻ trái ăn. Vợ ở dưới xin vài trái, anh nói: “Vây, có chân tay để làm gì?” Vợ biết chồng không lo, nàng phải trèo lên để kiếm ăn. Anh chồng thấy thế, lén lần xuống đến gốc lấy gai chắt xung quanh gốc cây sung rồi bỏ đi mất. Vợ anh xuống không được, kêu la, khóc kể. Hạnh phúc cho nàng, ngày ấy có đức vua ngự đi ngoạn cảnh, nghe người than khóc bèn dạy quan quân đi tìm xem và hỏi thăm, rồi đem nàng về cho làm hoàng hậu.

Ngày khác, đức vua ngự đi ra khỏi thành, hai bên đường, dân gian lo quét dọn. Lúc ấy, hoàng hậu thấy anh Piṅgutta, là chồng cũ, cũng đang cầm cúi quét đường. Hoàng hậu cười. Đức vua thấy bèn hỏi: “Cớ sao Hậu cười?”

– Tâu, vì thần thiếp thấy chồng cũ, bỏ thần thiếp, rồi hôm nay phải bị làm công việc như vậy, nên cười.

Đức vua nghe tâu, không tin, cho nên ngài thịnh nộ, rút gươm cầm trong tay. Đức vua hỏi ý bốn vị giáo sư.

– Tâu, chẳng nên tin lời phụ nữ. Chúng tôi chưa từng thấy người nam nào có vợ đẹp xinh như vậy mà từ bỏ cho đành.

Đức vua bèn hỏi Bồ-tát, và Bồ-tát trả lời: “Tâu, lệ thường kẻ có tội với người hữu phước xa nhau lắm, cũng như trời với đất, cũng như bờ biển đây với bờ biển kia. Kẻ có tội hoặc ít phước không bao giờ ở chung cùng người đại phước được, lời của lệnh hoàng hậu là rất đúng”. Đức vua nghe là hữu lý mà rằng: Nhờ con trẫm là Mahosatha mà trẫm được hậu, bằng ta nghe lời bốn vị giáo sư kia thì đã giết hoàng hậu rồi. Nghĩ như thế phát tâm hoan hỷ, đức vua bèn ban thưởng đức Bồ-tát rất nhiều báu vật. Bà hoàng hậu nghĩ rằng: Nhờ có Mahosatha, nên mệnh ta mới còn, thật là bậc ân nhân của ta. Lập tức, hoàng hậu quỳ, tâu xin đức vua cho phép từ đây, thần thiếp xin Mahosatha làm em ruột của thần thiếp. Bao giờ thần thiếp có vật chi quý báu hoặc cao lương mỹ vị, thần thiếp được phép biếu cho Mahosatha là em, bất kỳ là giờ phút nào. Đức vua hoan hỷ phê chuẩn. Từ đây, hoàng hậu thường ban cấp cho Bồ-tát những vật quý giá, không dám quên ơn cứu tử.

Có một ngày bát quan trai, đức vua lên tầng lầu cao đi kinh hành, thấy có một con chó và một con dê. Dê đi ăn cỏ dành chỗ voi, bị nai voi đánh đập, dê bỏ cỏ chạy trốn, bị nai voi đuổi theo liệng nhằm lưng quá đau, dê lết nằm dựa bức tường thành. Chó cũng lén vào ăn thịt cá trong nhà bếp, bị đánh đập què giò. Chó chạy trốn đến vách tường thành cũng gặp dê tại đó. Dê hỏi chó: “Vi sao mà anh bị như thế?” Chó thuật lại cho dê nghe, rồi hỏi: “Còn anh do nhân nào mà bị lại nằm tại đây?” Dê cũng tỏ cho chó nghe tự sự. Dê và chó bàn nhau phải làm thế nào để nuôi sống cho dễ dàng bằng không phải chết đói. Dê bèn bày mưu rằng: “Bây giờ tôi phải vào nhà bếp trộm thịt cá về cho anh, còn anh thì đi ăn cỏ về cho tôi. Hai ta sẽ đổi thực phẩm nhau mà ăn, thì lưỡng tiện lắm”. Tính xong, dê và chó đồng ưng thuận làm theo kế đó, nên được an vui. Vì thấy người nấu ăn đâu sợ dê ăn thịt cá mà gìn giữ, nên dê dễ trộm được thịt cá. Về phần nai voi thấy chó đến, thì nào có để ý đến chó trộm cỏ, vì thế mà chó trộm cỏ không khó. Từ đây, dê và chó kết bạn thân thiết nhau.

Đức vua xem thấy chuyện như thế, sáng ra nhập triều. Ngài có câu đố cho 5 vị trí tuệ đoán xét, rằng: “Trẫm hỏi 5 khanh, trong đời có loài thú nào nghịch cùng nhau, mà trở thành thân thiết không? Nếu khanh nào đoán không ra, trẫm sẽ đuổi khỏi thành”. Nghe đức vua ra câu đố như thế thật là mắc mỏ, nên vị Senaka bèn tâu xin qua ngày sau sẽ trả lời. Đức vua phê chuẩn. Về đến dinh, bốn vị giáo sư bàn tính nhau mãi mà tìm chưa ra, nên đồng quyết định kỳ này phải qua yêu cầu đức Bồ-tát chỉ dạy, không dám tự hào nữa. Về phần đức Bồ-tát, ngài nghĩ rằng: “Có lẽ đức vua thấy cái chi đây, nên mới ra câu đố này”. Ngài bèn vào thăm hoàng hậu rồi tâu hỏi: “Hôm qua lệnh bà có thấy vua ngự đến nơi nào chẳng?” Hoàng hậu trả lời: “Hôm qua lệnh Hoàng thượng lên tầng lầu cao đi kinh hành, và ngự lăm²⁸ phía dưới thành rất lâu”. Đức Bồ-tát ngụ ý, khi ra khỏi cung nội, ngài đi dò xét thấy dê và chó đang ăn, có vẻ thân thiết nhau lắm. Đức Bồ-tát thấy như vậy hiểu rõ rằng: Dê và chó mật thiết là do trao đổi thực phẩm cùng nhau, rồi ngài trở về dinh an nghỉ. Về phần bốn vị giáo sư kia không ai tìm ra nổi đáp án của câu đố của vua, các ông đồng hội nhau tính cả ngày cũng chưa ra lẽ. Bất đắc dĩ phải đến cầu đức Bồ-tát chỉ dạy cho. Đức Bồ-tát nghĩ rằng: Nếu ta không thương xót thì họ sẽ bị vua đuổi ra khỏi thành. Vậy ta nên tế độ họ, rồi ngài dạy mỗi vị đọc một câu kệ ngôn.

Qua ngày thứ hai, bốn vị giáo sư vào chầu. Đức vua phán hỏi bốn vị giáo sư rằng: “Này bậc trí tuệ, các khanh đã hiểu rõ câu đố rồi chăng?”

- Tâu, nếu chúng hạ thần không hiểu thì còn ai hiểu được.
- Vậy các khanh hãy trả lời cho trẫm nghe.
- Tâu, xin Hoàng thượng hãy lắng nghe: Uggaputtrājaputti ... Sanghayamassati.

²⁸ Vua xem.

Mỗi vị đọc một câu kệ ngôn, đức vua cũng tin rằng phải, vì không rõ ý nghĩa của câu kệ ngôn. Đức vua hỏi sang đức Bồ-tát: “Tâu, dê đó có bốn chân, khi đi, tha đồ ăn thì lén lút tha. Dê đi tha cá thịt về cho chó, chó tha cỏ về cho dê, rồi trao đổi nhau ăn. Lệnh Hoàng thượng ngự trên tầng lầu cao, đã thấy rõ hai thú, dê và chó làm bạn thân nhau như thế”. Được nghe rõ lời tâu của đức Bồ-tát, đức vua rất thỏa thích bèn ban thưởng tất cả 5 vị trí tuệ rất nhiều báu vật đồng nhau. Khi ấy, hoàng hậu Uduma hiểu rằng: bốn vị giáo sư kia nhờ Bồ-tát mà trả lời được câu đố của đức vua, song đức vua không rõ, ban thưởng đồng nhau. Đức vua ban thưởng em trai ta nhiều hơn mới phải, rồi hoàng hậu liền vào cung tâu cho đức vua hay sự thật. Đức vua nghe theo nên ban thưởng Bồ-tát nhiều hơn.

Ngày nọ, bốn vị giáo sư vào châu, đức vua phán hỏi: “Trẫm muốn biết rõ trong đời có hai hạng người: Người giàu mà kém trí tuệ và kẻ có trí tuệ nhưng nghèo. Hai hạng này ai là người cao quý hơn?” Seneka ācārya tâu: “Theo hạ thần hiểu là người giàu quý hơn hết. Trong đời này, dù là người có trí tuệ bao nhiêu, làm quan đại thần hay con dòng sang cả mà nghèo thì cũng phải cần kính nể kẻ giàu, làm tội cho người giàu sai khiến. Mặc dầu người giàu có tật nguyên, điếc, câm... cũng làm chủ kẻ khác được”. Nghe tâu như thế, đức vua liền hỏi Bồ-tát: “Con hiểu thế nào?”

– Tâu, kẻ ngu vô trí tuệ, khi có của nhiều thì say mê, dầu là hạng người sang cả cũng thế, cho rằng ta là cao quý rồi, hằng gây những nghiệp dữ, không hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi, nghĩ thế nào thì hành như thế nấy, cứ theo ý muốn mình. Những kẻ tối tăm thường không thấy xa, chỉ biết trong kiếp hiện tại, không xét đến ngày vị lai, nên tạo biết bao điều ác, sau khi tan rã ngũ uẩn sẽ sa trong ác đạo, rồi sanh lên làm người nghèo hèn khổ sở, do các điều dữ đã tạo. Vì kẻ thiếu trí tuệ mới say đắm trong tài, sắc, lợi, danh. Tâu, tôi quan sát thấy như thế, mới hiểu rằng, người có trí tuệ mới cao quý hơn.

Đức vua nghe theo rồi hỏi lại Seneka ācārya rằng: “Khanh hiểu thế nào?”

– Tâu, Mahosatha còn bé, miệng còn hôi sữa, biết gì, xin Hoàng thượng hãy nghe theo hạ thần. Không cần nói đâu xa xôi như Triệu phú Govindasetthi, nghề nghiệp chi cũng chẳng biết, con trai con gái cũng không, thân hình rất xấu xa, khi nói chuyện thì nước miếng tuôn chảy. Có hai nàng đẹp như ngọc nữ chực hờ, dùng hoa sen xanh tươi chờ hứng nước miếng. Biết bao khách khứa tới lui nườm nượp. Họ hết lòng tôn trọng, cho đến người sang cả cũng kính nể. Bấy nhiêu cũng đủ rõ ràng, người có của là quý hơn bậc có trí tuệ.

Bồ-tát tâu: “Seneka chẳng sáng suốt, chỉ thấy gần, chỉ biết có được mà thôi; không quan sát cho chu đáo. Ví như quạ thấy cục cơm họ làm rớt hoặc như chó thấy miếng thịt trong nồi họ quên đập nắp, không xem chừng cây gậy sẽ bổ trên đầu. Lệnh Hoàng thượng nên thăm xét. Lệ thường, kẻ có của mà vô trí tuệ, khi được vui thì hằng cầu thả vì không thấy 3 tướng phổ thông của vạn vật là vô thường, khổ não và vô ngã, chỉ biết sa mê ngũ dục mãi mãi, không tưởng đến sự chết ngày mai. Kẻ tối tăm thiếu trí tuệ, khi gặp khổ, tai hại đến thì quên mình tán loạn, giãy giụa như cá mà bị liệng trên khô. Kẻ vô trí tuệ trong giờ hấp hối thì vật mình kêu khóc, thương tiếc vợ con, của cải, thân thuộc, quỵn luyến trong vật dục. Nhớ đến nghiệp ác đã tạo, rồi kinh sợ trong bốn ác đạo. Vì thế mà phải nóng nảy, bực tức, vật mình, khóc kể, sợ sa địa ngục, cũng vì thiếu trí tuệ. Trái lại, bậc có trí tuệ rõ rằng: Sanh ra trong nẻo luân hồi, thì phải chịu luật sanh tử luân hồi, là một định luật không sao tránh thoát được. Tâu, hạ thần thấy rằng: Người mà dính mắc trong của cải thì khó tránh được ác đạo, không nơi nương tựa. Dù là vợ, chồng, con, của, thân thuộc, bạn bè cũng không làm cho sự đau khổ được nhẹ nhàng, chỉ lấy mắt nhìn nhau mà chịu, không sao cứu vớt được”.

Đức vua xoay qua hỏi Seneka rằng: “Mahosattha tâu như thế khanh nghĩ sao?”

– Tâu, Mahosatha biết gì, hạ thần xin ví dụ: Cây có trái hăng có loài điều thú thường lữ lượt bay tới kiếm ăn không dứt, thế nào, người có của hăng có người vãng lai đông đúc. Cho nên người đời chỉ có tiền của là hưởng hạnh phúc an vui. Còn kẻ dù có trí tuệ đến đâu, mà nghèo thì không ai ngó đến. Do đó, hạ thần tâu rằng người có của quý hơn kẻ có trí tuệ mà nghèo.

Đức vua xoay qua hỏi Mahosatha rằng: “Senaka tâu như thế, con nghĩ sao?”

– Tâu Hoàng thượng, Senaka giải như trẻ lên 3 tuổi, thấy sao nói vậy. Kẻ vô trí tuệ ví như cây có trái độc, điều thú nào đến ăn quả sẽ bị khổ, khác chi người thiếu trí tuệ. Nếu kẻ nào tới lui thân cận, họ sẽ chết, tức là hư hao của cải. Vì kẻ vô trí tuệ hay bày mưu kế để đoạt của người, chỉ tìm làm việc bất chánh là người ác, không biết hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi. Sau khi thác sẽ xuống ác đạo chịu khổ lâu đời, bị quỷ sứ hành hạ đánh đập, chém đâm bằng các vũ khí cháy đỏ vô cùng khổ sở. Đó cũng vì thiếu trí tuệ. Tâu Hoàng thượng, người có trí tuệ là quý hơn.

Đức vua phán hỏi Senaka rằng: “Theo lời của Mahosatha tâu qua, Khanh nghĩ thế nào?”

– Tâu, xin Hoàng thượng đừng tin lời Mahosatha. Hạ thần xin thí dụ: Nước của sông rạch một khi đã chảy đến biển rồi, không còn tên cũ nữa, thế nào, người trí tuệ khi gặp kẻ giàu thì đành chịu lu mờ không rõ rệt. Tôi xét thấy như thế mới tâu rằng, kẻ giàu quý hơn người trí tuệ là vậy.

Đức vua phán hỏi Mahosatha Bô-tát: “Senaka giảng như thế con nghĩ sao?”

– Tâu, đức Hoàng thượng, chẳng nên nghe lời Senaka. Nước của các sông rạch lớn, nhỏ chảy vào biển, biển giao tiếp nhau bằng lượng sóng nghe lẫn lẫn, lách tách. Dù sóng có lực đến đâu, khi vỗ vào bờ biển cũng bị dội lại, không vượt khỏi bờ biển được, thế nào, kẻ giàu vô trí tuệ không bao giờ qua khỏi bậc trí tuệ được. Những kẻ ngu độn thiếu trí tuệ, dẫu tranh luận một điều gì với ai cũng chẳng thể vượt qua bậc trí tuệ nổi. Khi có sự khó khăn nan giải, đều cậy vào bậc trí tuệ. Những người thiếu học được biết tội phước, lợi hại, chánh tà cũng nhờ nghe bậc trí tuệ chỉ dạy. Tâu, tôi xét thấy như thế, mới nhận người có trí tuệ là quý hơn.

Nghe rồi, đức vua xoay qua hỏi Senaka nữa rằng: “Khanh có lời nào giảng giải cho trẫm nghe”.

– Tâu, lệnh Hoàng thượng, chớ nên tin lời của Mahosatha. Kẻ giàu dù đi, đứng, ngồi trong nơi nào cũng có người kiêng nể, tiếp rước. Chuyện quấy thành phải, chuyện phải ra quấy, mặc dù là bất công. Người có tiền sẽ được phần đông hưởng ứng, nói chi công chúng đều xu hướng theo. Thấy như vậy, nên hạ thần tâu rằng người triệu phú cao quý hơn.

Đức vua phán hỏi Mahosatha Bô-tát: “Con nghĩ sao, tâu cho trẫm rõ”.

– Tâu, Senaka chỉ thấy trong kiếp hiện tại, là người thiếu trí tuệ, thấy gần mà không nhìn xa. Những người có của, vô trí tuệ, đen nói trắng, trắng nói đen mà người cũng nghe theo, là vì phần đông là thiếu học. Họ nào biết sẽ bị bậc hiền minh chê trách, đến khi thác còn phải chịu quỷ sứ hành hình nhiều kiếp trong địa ngục. Tiếng xấu còn lưu danh muôn thuở.

Đức vua phán hỏi Senaka: “Có lời chi hãy tâu cho trẫm nghe”.

– Tâu, người trí tuệ có sự hiểu biết dày dặn nhiều như địa cầu dày 24 ngàn do tuần, mà nghèo, thì nói lời hay cũng vô hiệu quả. Khi đến gần người có của thì ẩn bóng dấu hình, mất mặt, ví như ánh sáng nhỏ của đom đóm không được rực rỡ như ánh sáng của mặt trời mọc. Do đó nên hạ thần tâu rằng người có của cao quý nhất trong đời.

Đức vua phán hỏi Mahosatha Bô-tát: “Con nên giải cho trẫm nghe thêm có được chăng?”

– Tâu lệnh Hoàng thượng, Senaka là người không thấy xa hiểu rộng. Bậc trí tuệ thốt lời ngay thật, không nói xuyên tạc theo ai. Bậc trí tuệ hằng được quần chúng ngợi khen và cúng dường bằng các vật báu giữa nơi đô hội. Người trí tuệ hằng quý lời nói ngay thật, sau khi mạng chung được tái sanh làm vua hoặc lên cõi trời. Vì thế tôi tâu rằng, người có trí tuệ cao quý hơn.

Giáo sư Senaka tâu: “Lời của Mahosatha vừa trình bày, thánh thượng chẳng nên tin. Bò, trâu, dê, lợn, chó, gà, vịt, các thanh nam, nữ cho đến những ngọc ma-ni, xà cừ v.v... chỉ phát sanh trong dòng dõi phú gia. Các loài thú cũng thường có đông đúc để làm phương tiện tải cho hàng hữu sản. Người có của hằng được thêm nhiều báu vật. Do đó, mà hạ thần mới gọi kẻ giàu là cao quý”. Đức vua bèn xoay qua hỏi Mahosatha: “Con nghĩ thế nào?”

– Tâu, người vô trí tuệ, dù có nhiều của cũng khó gìn giữ được lâu dài, của cải phải bị tiêu mòn, ví như loài rắn không thể giữ da được; phải lột da bỏ lại. Những người chứa của được nhờ trí tuệ, nếu thiếu trí tuệ, dầu là triệu phú, của ấy cũng phải bị hao mòn. Vì thế hạ thần mới tâu rằng bậc trí tuệ quý hơn cả.

Đức vua xoay qua hỏi Senaka. Senaka ngẫm nghĩ: Lần này ta phải làm cho Mahosatha phục tùng ta mới được. Rồi tâu: “Tất cả chúng tôi đây hầu hạ, chờ lệnh của Hoàng thượng. Hoàng thượng là bậc cao quý, lãnh đạo chúng tôi là hàng có trí tuệ ví như đức Đế Thích hay đàn áp Chư thiên, nếu người có trí tuệ là quý, hà tất phải đến tôn sùng người có của như Hoàng thượng. Tâu, em Mahosatha chỉ đem kiếp vị lai để giảng thuyết, không thấy những lợi ích trong hiện tại. Thử hỏi, nếu người có trí tuệ là quý, có sao lại vào hầu chực Hoàng thượng như vậy?” Lời Senaka trình bày đây, nếu không phải là đức Bò-tát, thì khó mà suy tưởng sự lý, ngỡ hầu giải đáp cho phân minh được. Mahosatha (Bồ-tát) tâu: “Giáo sư Senaka là người mù, chỉ biết lợi danh trong đời mà quên đức tính thanh cao là trí tuệ. Kẻ vô trí tuệ khi gặp điều lo sợ, nan giải thì hằng nương nhờ vào bậc trí tuệ chỉ dẫn mới được rõ đường tà, nẻo chánh. Kẻ giàu thiếu trí tuệ hay mù quáng, say mê ngũ dục rồi bị sa sút, bị người chê hay khinh rẻ. Lúc hữu sự thì tối tăm lo sợ, tìm nương vào bậc trí tuệ, cầu các ngài phá nghi và cứu vớt bằng tinh thần mới được an vui. Do đó, mà bảo tồn tài sản được lâu dài. Như Hoàng thượng nhờ bậc trí tuệ nên không say mê trong của cải là nhân lôi cuốn chúng sanh vào vòng sanh tử luân hồi. Do có trí tuệ mà sinh linh đắc đạo, quả, Niết-bàn, thoát ly khổ hải. Các bậc sáng suốt, nhất là lệnh Hoàng thượng, hằng ngợi khen và tìm kiếm bậc trí tuệ. Các hàng thánh nhân được khỏi luân hồi, hết phiền não cũng do trí tuệ, khỏi lo sợ trong đời này và kiếp sau cũng nhờ trí tuệ. Như thế, không gọi trí tuệ là cao quý sao nên”. Đức vua hỏi Senaka: “Còn lời chi trình bày nữa chẳng?” Khi ấy, giáo sư Senaka không còn biết điều chi để thi thố nên gục mặt hổ thẹn làm thinh. Đức Bò-tát bèn tâu tiếp rằng: “Trí tuệ là một pháp thực tính mà bậc cao nhân hằng ưa thích, tôn trọng. Kẻ vô trí tuệ hằng say mê của cải, quyền tước lợi danh. Bậc trí tuệ không quyến luyến vật chất, bởi đã quan sát thấy rõ rằng các vật chất của cải hằng xúi giục con người gây nhiều tội lỗi, rồi phải bị trầm luân, là nhân sanh các thống khổ không sao tả xiết. Chỉ người trí tuệ mới có thể phán đoán, biết tìm phương pháp thoát khổ được. Không có chi đem so sánh với trí tuệ được. Năng lực của cải không sao vượt khỏi trí tuệ được. Nhận thấy thế, nên hạ thần tâu trí tuệ là cao quý nhất”. Đức vua nghe tâu lời hữu lý nên rất hoan hỉ bèn ban thưởng nhiều báu vật hơn các lần trước.

Hoàng hậu thấy em là đức Bò-tát, nay đã lên 16 tuổi, cần phải có người nội trợ để chăm nom gia tài to tát như thế, nên suy nghĩ tìm một thanh nữ xứng đáng để kết duyên lành với Bò-tát. Bà bèn tâu cho đức vua rõ, đức vua khen phải và phán rằng: “Cần tỏ cho Bò-tát hay trước”. Khi hoàng hậu cho Bò-tát hay biết ý định đó, Bò-tát liền tâu: “Xin chờ 3 ngày rồi

sẽ tâu với đức vua”. Đoạn Bồ-tát xin để tự mình đi tìm thanh nữ xứng đáng theo ý nguyện. Ngài ra cửa bắc rồi đi lần đến quận Uttara Majjhagāma.

Trong thuở đó, có một nhà trước kia là triệu phú nay đã sa sút. Trong gia đình này có một thiếu nữ tên Amarā có đủ đức hạnh và hình dung xinh đẹp. Một hôm, sáng sớm cô thiếu nữ đem cháo dâng cho cha nàng đang cày ruộng. Bồ-tát đi đến thấy cô dung nhan của thiếu nữ xinh đẹp và tướng mạo đoan trang, rồi thầm nghĩ: Nếu nàng này chưa chồng thì đáng cho ta đem về làm nội trợ được. Phần nàng thiếu nữ thấy đức Bồ-tát cũng thầm nghĩ, nếu ta được người như vậy để nương bóng tùng quân, thì đời ta sẽ được nhiều hạnh phúc, có nơi nương tựa vững vàng. Hai bên đồng một quan niệm có ý yêu nhau. Bồ-tát bèn nghĩ không rõ nàng đã có nơi nào chưa, vậy ta nên thử thách nàng bằng cách ra cử chỉ để đó. Ngài thừa cơ hội nàng liếc xem, ngài ra dấu “nắm tay lại” xem nàng có hiểu lẽ nào chăng? Nàng Amarā thấy, biết Bồ-tát muốn hỏi nàng có chồng chưa, nàng xoè tay để đáp cử chỉ của Bồ-tát. Bồ-tát hiểu rằng nàng chưa chồng. Bồ-tát bèn bước lại gần hỏi: “Xin lỗi nàng, quý danh nàng là chi”.

- Thưa, cái chi không có trong quá khứ, vị lai và hiện tại ấy là tên của tôi.
- Này cô! Trạng thái bất diệt là cái không có trong quá khứ, vị lai và hiện tại. Như vậy quý danh của cô là Amarā phải không?
- Vâng, tên tôi là Amarā.
- Bây giờ đây, cô đem cháo cho ai?
- Thưa, đem dâng cho bậc tiền thiên Pubbadeva.
- Này cô! Tiền thiên, tức là cha và mẹ. Vậy có phải cô đem cháo cho thân phụ cô chăng?
- Thưa phải.
- Thân phụ của cô làm nghề gì?
- Cha tôi làm nơi ‘một thành hai’. (Ở nơi ‘một thành hai’ đó ám chỉ là nghề nông cày ruộng)
- Có phải thân phụ cô là nông phu chăng? Và cày ruộng trong nơi nào?
- Vâng, thân phụ tôi cày ruộng trong nơi ‘đi không trở lại’.
- Nơi đi không trở lại đó là nơi tha ma mộ địa, có phải vậy chăng?
- Vâng, đúng lắm.
- Hôm nay cô đi rồi trở về chăng?
- Thưa, nếu một cái đã đến thì tôi không trở về, một cái chưa đến thì tôi trở về.
- Này cô! Thân phụ cô cày gần mé nước, nước lên nhiều thì cô không trở về, nếu nước nhỏ thì cô về phải không?
- Thưa phải. Nói xong nàng mời Bồ-tát dùng cháo.

Bồ-tát nghĩ, nếu không dùng cháo thì thất lễ, vậy ta nên dùng chút ít, Bồ-tát bèn nhận lời thỉnh của nàng. Nàng Amarā để cháo trên đất. Bồ-tát nghĩ, nếu nàng chỉ dâng cháo mà không dâng nước thì ta không dùng. Nàng Amarā dâng nước. Nàng dành riêng phần cho cha nàng. Phần của nàng thì để ra mâm rồi dâng cho Bồ-tát dùng. Khi dùng xong, Bồ-tát rửa tay và nói rằng: “Tôi mong được biết nhà cô, xin cô vui lòng chỉ đường cho tôi”. Nàng Amarā bèn chỉ đường bằng câu đó rằng: “Thưa, quán bán chè, quán bán nước cam và cây có lá hai từng ở trong nơi nào; đó là con đường đi đến quận Uttara Majjhagāma, dùng tay mặt cầm cháo mà chỉ”. Xong nàng bèn kiếu từ để đem cháo cho cha nàng.

Bồ-tát nhận rõ rằng đường đi đến nhà nàng Amarā trước hết gặp quán bán chè, kế quán bán nước cam, rồi gặp cây có lá hai chặ, đứng xem thì thấy ngã hai, đừng theo nẻo bên trái, mà nên đi ngã bên phải. Bồ-tát bèn đi theo câu đố của nàng Amarā. Thân mẫu của nàng Amarā thấy Bồ-tát là người có tướng mạo đoan trang đến nhà nên mừng rỡ, dọn chỗ mời Bồ-tát ngồi và dâng cháo. Bồ-tát nói: “Nàng Amarā đã có cho tôi dùng chút ít rồi”. Mẹ nàng Amarā hiểu rằng chàng đến với mục đích muốn được con gái ta. Đức Bồ-tát hiểu rõ hoàn cảnh sa sút của gia đình nàng Amarā. Bồ-tát xin ở trọ ngôi nhà ấy và thưa rằng: “Thưa mẹ, tôi là người thợ may, vá và mạng y phục, vậy nhà mẹ có y phục rách mang ra con vá mạng cho”.

– Nay con! Mẹ có y phục cần phải vá mạng nhiều, song mẹ không có chi để trả công.

– Tôi chỉ mạng không lấy tiền, xin mẹ đừng ngại chi.

Mẹ nàng Amarā liền mang rất nhiều y phục trong nhà đem giao cho Bồ-tát vá mạng được hoàn bị theo trí tuệ của ngài. Khi vá mạng xong, Bồ-tát yêu cầu rằng: “Xin mẹ cho hàng xóm hay những người nào có y phục cũ, rách đem đến tôi lãnh vá mạng cho”. Chúng dân nghe như thế, nên mang rất nhiều y phục đến cho Bồ-tát mạng vá trọn ngày ấy được tiền 100 lượng. Mẹ nàng Amarā lo dọn cơm chiều cho Bồ-tát dùng. Đến bữa ăn tối thì cha nàng Amarā và nàng trở về đến nhà. Sau dùng bữa cơm xong, Bồ-tát bèn lạy tạ song thân của nàng Amarā và xin đính hôn cùng nàng. Cha mẹ nàng Amarā đồng hoan hỷ nhận lời.

Sáng hôm sau, Bồ-tát dạy vợ lấy nửa cân gạo, làm 3 món ăn: bánh, cháo và cơm. Nàng vâng lời làm theo ý chồng, khi làm xong đem dâng đến Bồ-tát. Đồ nấu thật ngon, nhưng Bồ-tát giả bộ chê trách rằng: “Nàng dâng cháo”. Bồ-tát ném một chút, đoạn ngài đổ trên đất. Nàng Amarā thưa: “Nếu anh dùng cháo không vừa miệng, xin dùng cơm”. Bồ-tát ngửi hơi cơm rồi cũng chê. Nàng nói: “Xin anh dùng bánh”. Bồ-tát thọ bánh thử chút ít rồi quả trách liệng bỏ: “Thế nàng không lành nghề nấu ăn”. Nàng Amarā cũng không buồn. Cứ ngụ được 3 ngày, đức Bồ-tát bèn đem hai ngàn lượng bạc dâng đến nhạc gia ngài mà rằng: “Con xin dâng chút ít của này đến nhạc gia chi dụng đỡ, con sẽ tùy tiện phụng dưỡng song nhạc được an vui trọn đời. Nay con xin đem nàng Amarā đi cùng con, xin nhạc gia hoan hỷ”. Hai ông bà đều vui lòng chấp thuận.

Khi Bồ-tát dẫn vợ gần đến kinh đô Mithilā. Ngài gọi vợ cho môn quan. Vào dinh, ngài bèn dạy hai thiếu nam ăn mặc sang trọng tỏ ra con nhà triệu phú đến trêu ghẹo thử ý vợ ngài. Hai thanh nam tuân theo lời dạy của Bồ-tát, tìm đủ mọi cách để thử thách nàng Amarā nhưng vô hiệu quả, bèn trở về trình cho Bồ-tát rõ. Ngài liền cho người dẫn nàng Amarā vào dinh của ngài. Nàng vào thấy tòa lầu cao sang phú túc, nhưng không rõ là của Bồ-tát, nàng bèn cười rồi khóc. Bồ-tát hỏi: “Vì sao nàng cười rồi lại khóc?”

– Em cười, bởi kiếp trước khéo tu nên nay người mới được cao sang như vậy, nghĩ đến phước của người nên em cười. Còn em khóc, vì thương xót người ý quyền cao tước trọng mà bóc lột của lương dân, cưỡng bách vợ người, làm điều tàn ác, ắt sa đọa trong ác đạo chẳng sai.

Bồ-tát nghe qua khen nàng là người chon chánh, ngài dạy đem nàng giao lại cho môn quan, rồi vào đền tâu cho hoàng hậu rõ ngài đã chọn được vợ hiền. Hoàng hậu tâu cho vua hay, rồi sắm sanh hôn lễ đầy đủ cao sang đến rước nàng Amarā về đến dinh Bồ-tát. Đức vua, hoàng hậu cho đến dân gian thấy đều vui mừng phỉ dạ, chúc tặng quà sính lễ nhiều không kể xiết. Nàng Amarā bèn chia làm hai dâng đến vua một phần, còn một phần để dùng. Bồ-tát bèn rước song nhạc về phụng dưỡng như cha mẹ ruột.

Nói về bốn giáo sư kia thấy Bò-tát được vua trọng đãi, quyền cao tước lớn như thế, càng sanh lòng ganh ghét, hằng tìm chước bày mưu để hãm hại. Senaka bàn rằng: “Chúng ta hãy cáo gian Mahosatha là phản nghịch, thì hại hẳn mới được. Vậy mỗi chúng ta phải tổ chức trộm báu vật của vua là: cây trâm bằng vàng, hoa bằng vàng lá, y báu Kambala, đôi giày vàng. Khi đã trộm được bốn báu vật của vua chúng ta đem giấu trong dinh Mahosatha rồi vào tâu, vu cáo rằng: Mahosatha mong lòng phản nghịch”. Sau khi Senaka bàn định kế hoạch bèn cùng nhau đồng ý và phân công rằng: Senaka trộm trâm vàng, Pakuttha trộm hoa vàng, Kaminda trộm y báu, Devinda trộm đôi giày vàng. Khi đã trộm được, Senaka để cây trâm vàng vào hộp, rồi dạy đứ đờ gái đem bán tại nhà Bò-tát. Lúc ấy nàng Amarā ở trong dinh xem thấy lạ, là đứ đờ chỉ rao bán chỉ qua lại trước dinh mình. Nàng bèn gọi vào giả bộ mua để hỏi thăm tìm hiểu, khi xem thấy cây trâm vàng của vua, nàng biết là kẻ gian ác, nàng bằng lòng mua. Xong nàng tìm cách hỏi thăm đứ đờ ấy, ai bảo đem bán.

– Chủ tôi là Senaka.

Nàng niêm lại kỹ lưỡng để rõ ngày tháng và tên Senaka, tên đứ đờ và cha mẹ của nó. Phần Pakuttha trộm được hoa vàng, rồi dạy đứ đờ gái đem bán nơi nhà của Bò-tát. Kaminda trộm y báu Kambala để vào giỏ rau, bảo đứ đờ gái đem đến dinh của Bò-tát mà bán. Devinda trộm đôi giày vàng để vào bó lúa giao cho đứ đờ gái đem bán như nhau. Nàng Amarā cũng mua tất cả bốn món, rồi biên rõ ngày, tháng, tên họ chủ, đứ đờ và cha mẹ của nó, xong niêm lại kỹ càng. Nàng Amarā trình bày rõ rệt cho Bò-tát hay rõ tự sự.

Một hôm, bốn vị giáo sư bèn vào châu vua và tâu rằng: “Vi sao Hoàng thượng không dùng cây trâm vàng mà trang điểm”. – “Vậy Khanh đi lấy dâng cho trẫm trang điểm”. Bốn người giả bộ đi kiếm rồi trở ra tâu rằng: “Cây trâm mất rồi, hoa vàng cũng mất, y báu Kambala và đôi giày cũng không còn”. Bốn người ngò ra vẻ đắn đo suy nghĩ trong chốc lát rồi tâu rằng: “Bốn báu vật này không có trong nơi nào khác, ngoài nhà Mahosatha. Mahosatha trộm của ấy dễ dàng không kiêng nể Hoàng thượng, bởi muốn đoạt ngôi rồng”. Những người tùy tùng chân thành của Bò-tát nghe rõ bèn chạy về thưa cho Bò-tát hay. Bò-tát nói rằng: “Ta sẽ vào lập tức, rồi chúng ta sẽ biết nhau”. Khi ấy Bò-tát vào châu vua. Đức vua không cho gặp mặt. Bò-tát hiểu ngay rằng vua thịnh nộ, bởi thiếu sự suy nghĩ mà tin lời vu cáo của bốn vị kia. Bò-tát trở về dinh thự. Vua hạ lệnh cho quân đến bắt Bò-tát. Bò-tát liền trá hình, giả làm kẻ khó, ra khỏi thành Mithilā đi đến quận Yavamajjhā tá túc nơi nhà người thợ nề. Tiếng đồn rằng Mahosatha đã trốn khỏi thành rồi.

Bốn vị giáo sư nghe qua rất đắc chí rằng: “Như thế mới rõ ta là bậc có trí tuệ. Nay Mahosatha trốn rồi, thế vợ của hắn là vợ của ta, suy nghĩ như vậy nên tìm cách tâu vua để cho nàng Amarā ở yên”. Mỗi người có ý nghĩ riêng gởi thơ gheo nàng Amarā. Nàng nghĩ bốn người này thật đê hèn quá, vậy để ta làm cho họ mang nợ cho biết mặt. Nghĩ như thế, nàng liền cho tin mỗi vị nên đến nàng giờ này v.v... Nàng dạy kẻ giúp việc đào hầm cho sâu rộng, miệng hầm rào xung quanh, trong hầm chứa đầy phân và nước tiểu, miệng hầm đầy bằng ván máy, trải nệm trên mặt hầm kín đáo, rải hoa và nước thơm để tắm.

Tối hôm đó, Senaka trang điểm cao sang, rồi đến dinh Bò-tát, khi đến nơi, nàng Amarā cho mời vào. Nàng tỏ vẻ vui mừng thỉnh Senaka đi tắm, đặng vào nghỉ. Khi ông ta vừa bước lên miệng hầm, bị máy bật té vào hầm phân. Kế Pakuttha, Kaminda và Devinda cũng đồng chung cảnh ngộ. Bốn vị phải ở trọn đêm trong hầm phân, nước tiểu, túi nhục vô cùng. Sáng ra nàng Amarā dạy người kéo lên cho tắm rửa sạch sẽ, rồi bắt cạo trọc, cạo lông mày, nàng dạy tôi tớ lấy gạch chà xát da cho rướm máu, nấu cháo đặc đổ lên đầu v.v... hành hạ bốn vị vô cùng khổ sở. Nàng cho lấy đệm quần cả bốn vị đó rồi bảo người dẫn vào châu vua. Nàng cũng không quên đem theo đủ cả bốn báu vật mà họ đã trộm được của bốn tội

nhân. Nàng Amarā tâu rõ tự sự và dâng bốn vật báu đến vua rồi trở về dinh. Đức vua thấy rõ như thế lấy làm hối hận, không biết xử cách nào, vì Bô-tát đã đi mất rồi, nên thả bốn vị giáo sư về nhà.

Thuở đó, có vị trời thường ngự trên cây lọng nơi bệ rồng để nghe pháp của đức Bô-tát, nay Bô-tát đã vắng mặt, vị trời ấy không được nghe pháp nữa, nên tìm dịp làm cho Bô-tát trở về. Vị trời liền hiện hình cho vua thấy rõ, vừa lúc canh năm và ra bốn câu đố như vầy: “1) Kẻ đánh đập, hiếp đáp, nguyên rửa lại là nơi thương yêu của người. Như vậy là hạng nào? 2) Người đánh chửi theo ý muốn, nhưng chỉ nói ngoài miệng, không có ác tâm làm hại, khi đã mắng chửi, đánh đập rồi lại thương yêu hơn trước. Người ấy là hạng nào? 3) Người cáo gian kẻ khác, rồi trở tội nghiệp hơn xưa thuộc về hạng nào? 4) Người được vật chi cũng lấy (đệm, chiếu, giường, y phục v.v...) càng lấy, càng làm cho người kính thương. Người ấy thuộc về hạng nào?” Đức vua nghe bốn câu đố của vị trời, cố suy nghĩ nhưng không đáp được. Ngài cho vị trời biết rằng ngài không thể giải đáp, xin chờ ngài hỏi lại bậc trí tuệ và hứa ngày mai sẽ trả lời. Vị trời bằng lòng nhận theo lời hứa của vua. Sáng ra đức vua triệu bốn vị giáo sư vào, rồi dạy đáp bốn câu đố ấy. Bốn vị này không đủ khả năng giải đáp.

Tối lại, vị trời hiện ra hỏi nữa. Đức vua đáp: “Đã hỏi, mà bốn vị giáo sư cũng không thông”. Vị trời tâu: “Trừ Mahosatha Pandita, không một ai hiểu rõ đâu, vậy Đại vương hãy sai người đi tìm ngài Mahosatha, nếu Đại vương không tuân lời cho người đi tìm thỉnh ngài Mahosatha về, ta sẽ đập đầu Đại vương bằng cây gậy sắt cháy đỏ này, ta không để cho Đại vương sống đâu”. Vị trời bèn nói tiếp: “Thái độ của Đại vương trong lúc này ví như kẻ tìm lửa, rồi gặp đom đóm tưởng là lửa, lại đem củi và cỏ khô đến nhúm, mong gì được lửa, hoặc ví như người muốn được sữa bò, lại tìm sữa ở sừng bò, làm sao mà được sữa? Nay Đại vương! Các vị đế vương xưa kia thắng được địch, nhờ có trí tuệ biết dùng người tài thao lược, trong nước mới được thái bình. Còn Đại vương tin đom đóm mà cũng tưởng là lửa, thì tránh sao khỏi điều thất bại. Ngài Mahosatha ví như đám lửa to, rực rỡ bằng trí tuệ. Nay Đại vương hỏi những câu đố nơi bốn vị giáo sư kém trí tuệ ấy, như ánh của đom đóm có đặng chăng? Đại vương hãy sai người đi rước Mahosatha Pandita về và hỏi cho được, bằng không ta chẳng để cho Đại vương sống đâu”. Vị trời hăm dọa đức vua như thế rồi biến mất.

Lúc ấy đức vua lấy làm kinh hãi sợ chết. Sáng ra lâm triều, đức vua liền phán cho bốn đại thần dẫn quân đi tìm rước Bô-tát Mahosatha, mỗi vị đi một hướng. Ngài dạy phải tìm cho gặp Mahosatha rồi cúng dường một ngàn lượng và rước về đền lập tức. Bốn vị đại thần tuân lệnh đi tìm khắp nơi. May thay! Vị đại thần đi hướng đông được gặp Bô-tát tại quận Yavamajjhagāna. Ngài đang nhồi đất làm nôi với người chủ nhà, cả hai bàn tay ngài đều lấm đất như các người thợ khác. Ngài không chấp cách ăn ở bình dân chẳng khác nào kẻ làm công trong nhà vậy. Với hành động cao đẹp này là muốn trả lời cho đức vua thấy rằng ngài không phải là kẻ phản bội. Khi thấy vị đại thần từ xa đến, ngài biết rằng mong được gặp ngài. Đến gần Bô-tát, vị đại thần thi lễ, rồi trình bày ý muốn của đức vua, và dâng một ngàn lượng bạc của vua ban thưởng. Bô-tát Mahosatha thọ rồi đền ơn lại cho chủ nhà. Xong ngài lên xe trở về thành. Vị đại thần vào tâu trước cho đức vua hay. Đức vua hỏi: “Khanh gặp Mahosatha tại nơi nào và đang làm gì?”

– Tâu, tại nhà thợ làm nôi và đang nhồi đất nắn nôi.

Đức vua bèn nghĩ: Nếu Mahosatha thật phản nghịch, lẽ đâu phải chịu cực khổ làm nghề ấy. Như thế con trẫm là bậc trung nhân, rồi dạy mời vào. Vị đại thần tâu: “Mahosatha

Pandita mình lấm đất, chưa được tắm rửa”. Đức vua nghe thấy làm cảm động, dạy vị đại thần ra cho phép Mahosatha về dinh tắm rửa sạch sẽ, trang điểm như trước rồi sẽ vào châu.

Sau khi về dinh tắm rửa trang sức xong, Bô-tát Mahosatha vào đền. Đức vua dùng lời an ủi và hỏi thử rằng: “Này con Mahosatha! Có hạng người nghĩ rằng, đã được vừa ý rồi không làm tội, có hạng người vì sợ phần đông chê trách nên không dám làm tội, có hạng vô trí tuệ không làm được rồi nín thính, không tìm làm dữ, về phần bậc có nhiều trí tuệ, cái chi cũng biết như con, có thể mong sự nghiệp to tát trong thế gian, vì sao con lại bơ thờ lãnh đạm, không hại trẫm?”

– Tâu, lệ thường người có trí tuệ không bao giờ chỉ mong vui cho mình mà làm khổ kẻ khác. Dù là nghèo khổ đến đâu cũng chẳng tạo nghiệp dữ. Bậc trí tuệ hằng tìm làm việc chơn chánh, trong sạch, không khi nào bỏ qua lẽ phải, không dám tây vị vì thương, vì ghét, vì sợ, vì si mê. Tâu, xin Hoàng thượng hiểu như vậy.

– Này con Mahosatha! Trong đời này, khi người đã bị cảnh nghèo đói rồi, có ai nín thính mà chịu được, họ tìm mưu sanh hạnh phúc trước, rồi sau tự hối tu hành không được sao?

– Tâu, bậc trí tuệ không bao giờ làm khổ ai, nhất là với ân nhân. Không nói đến người, dù là cây mà bậc trí tuệ đã nương tựa, họ cũng không làm rơi lá gãy nhánh. Người đã nhờ bóng cây, rồi làm cho cây trơ trụi, gọi là kẻ xấu xa, phản bội, không cần nói đến kẻ sát hại ân nhân, người bạc nghĩa cũng gọi là kẻ phản bạn, có đại tội. Như đối với lệnh Hoàng thượng, Hoàng thượng ban thưởng tôi nhiều đặc ân, nếu tôi hại Hoàng thượng, thì tôi là kẻ phản bội quên ơn.

Rồi Ngài thuyết về tội của đức vua rằng: Tâu lệnh Hoàng thượng, người sanh ra trong đời, đã thọ ân thầy dạy bảo, dù là một câu kinh, một lời lành cũng gọi là ân sư, kẻ thọ giáo là môn đệ chẳng nên quên ơn, không thậm trọng tỏ vẻ lãnh đạm, làm điều không tốt với thầy, kẻ ấy là kẻ vong ân bội nghĩa có tội”. Rồi ngài chỉ giáo thêm cho đức vua rằng: “Người cư sĩ thọ dụng ngũ dục nếu thiếu sự tinh tấn, là kẻ lười biếng thì không gọi là người tốt. Cư sĩ mà biếng nhác, thật là không hay đâu. Bậc xuất gia mà phá giới cũng là điều hư hại trong Phật pháp. Hàng vua chúa, mỗi khi làm việc mà không quan sát tỉ mỉ, tinh tường, khi nghe có được lời chi, tinh tường, khi nghe được lời chi thời vội tin, không quan tâm dò xét, phán đoán cho chu đáo, thì không tốt cho đế nghiệp. Lệ thường, bậc thống trị trong nước, mà hành động việc gì thiếu trí tuệ đắn đo, cân nhắc, thật là khổ, không hay. Người có trí tuệ mà bị sân hận đè nén, hoặc tây vị vì sân, thực hành theo sự nóng giận chênh lệch gọi là không tốt trong đời. Tâu Hoàng thượng, lệ thường, đức vua cần phải dùng trí tuệ suy xét cho chín chắn rồi mới nên làm, bằng chưa chẳng nên làm. Đức vua nào thực hành theo trí tuệ và tìm xét cẩn thận thì hằng thịnh đạt, quốc thái dân an, ngài vàng kiên cố”.

Đức Mahosatha (Bô-tát) vừa giảng dạy xong, đức vua Videharāja liền thỉnh ngài lên ngai vàng, còn đức vua ngồi bên cạnh phía dưới, rồi phán rằng: “Này con! Có vị trời trên cây lọng trên ngai vàng hiện ra hỏi bốn câu. Trẫm và bốn giáo sư đều thúc thủ, cầu con giảng giùm cho rõ”.

– Tâu, câu đó ấy như thế nào, xin Hoàng thượng cho con rõ?

– Người càng bị đánh chửi, thì càng làm cho kẻ khác mến yêu, là hạng người thế nào?

– Tâu, đó là hài đồng mà người mẹ để nằm trên đầu gối. Thông thường, hài đồng nằm trên gối, mẹ hằng vui thích đùa giỡn cùng con; khi đánh, lúc lại đập, níu tóc mẹ, và miệng mẹ, còn người mẹ lại nâng niu hôn hít con, càng yêu mến con là như thế.

Vị trời nghe rõ bèn hiện ra, hoan hô khen ngợi là đúng, hay lắm, rồi cúng dường Bô-tát bằng hoa trời để trong hộp ngọc, xong rồi biến mất. Đức vua thấy thế càng hoan hỷ ban

thường rất nhiều châu báu, rồi hỏi thêm câu thứ hai: “Này con! Người đánh chửi theo ý muốn mình, song chỉ mắng ngoài môi chớ lòng không sân hận, rồi trở lại càng thấy thương yêu hơn trước. Đó là hạng người nào?”

– Đó là mẹ chửi rửa con, rồi trở lại thương yêu con hơn trước. Sự thật, khi người mẹ đã thấy con lên 6, 7 tuổi có thể sai khiến được, nhưng đưa con thường hoang du từ sáng cho đến tối, rồi không dám trở về nhà, phải nương nấu nơi quyền thuộc vì sợ mẹ la rầy. Người mẹ không thấy con về thì rầu buồn, lại vuốt ve mơn trớn con, rồi dẫn con về nhà mà rằng: Này con! Mẹ rầy la bậy nhiều mà con phiền sao. Khuyên rồi càng thương con hơn trước. Tâu Hoàng thượng, câu đố thứ nhì là bà mẹ mắng, chửi con theo sở nguyện, rồi càng thương con thêm bội phần.

Vị trời liền hiện ra cúng dường và đức vua cũng ban thưởng như trước. Rồi xin hỏi đến câu thứ ba: “Người dùng lời dối, đổ lỗi cho nhau, sau lại càng thương yêu nhau hơn trước, là hạng người nào?”

– Tâu, đó là lời vợ chồng đổ lỗi cho nhau rằng: Em không thương anh chỉ tìm yêu kẻ khác, vợ cũng nói anh bỏ bụng em, quyến luyến phụ nữ khác v.v... Đổ lỗi cho nhau như thế, rồi trở yêu nhau hơn trước. Đó là câu đố nói về vợ chồng tỏ lời không thật cùng nhau như vậy, rồi càng trở mến yêu nhau.

Vị trời liền hiện ra tỏ lời sādhu và cúng dường, đức vua cũng ban thưởng như trước, rồi hỏi đến câu thứ tư: “Này con Mahosatha! Trong đời, có người thọ nhiều vật dụng của kẻ khác, thì càng làm cho họ thêm phần kính mến, đó là hạng người nào?”

– Tâu, đó là nói về các thầy Sa-môn, Bà-la-môn, tu phạm hạnh rồi được thí chủ dâng cúng nhiều vật dụng (thực phẩm, y phục, chỗ ở, mũng, chiếu, thuốc men). Thí chủ được dâng cúng nhiều thì họ càng vui thích, kính mến nhiều vì là làm cho họ càng được phước báu. Câu đố này ám chỉ các thầy Sa-môn, Bà-la-môn tu phạm hạnh trong sạch, làm cho thí chủ phát sanh đức tin dâng cúng vật dụng đến các ngài. Khi các ngài thọ lãnh, họ càng hoan hỷ và kính mến nhiều.

Lần này, Chư thiên hiện xuống rất nhiều tỏ lời sādhu và cúng dường đủ cả 7 báu. Đức vua ban thưởng nhiều báu vật và phong cho làm đại tướng tại triều. Từ đây Bồ-tát càng thêm vinh quang chói lọi.

Về sau, bốn vị giáo sư hội nhau bàn luận về địa vị cao siêu của Bồ-tát rằng: “Nay Mahosatha rất có uy thế cao sang hơn chúng ta rồi!” Senaka liền nói: “Nay tôi có một kế để báo thù Mahosatha, vậy chúng ta hãy đến giả bộ thăm viếng và hết lòng thân thiết với Mahosatha rồi hỏi về pháp ‘nên giấu kín việc mình với ai, nên nói việc kín với ai’, rồi vào tâu vu cáo cho vua hay rằng Mahosatha muốn đoạt ngai vàng. Các ông có hợp ý chăng?” Ba vị kia đồng tán thành rồi đem nhau đến dinh Mahosatha. Khi gặp nhau, Mahosatha (Bồ-tát) tiếp đãi bốn vị giáo sư rất trọng hậu. Sau khi trò chuyện vui vậy Senaka bèn hỏi: “Thưa bậc trí tuệ, con người nên giấu việc chi kín với ai, nói việc kín đến ai?”

– Bậc trí tuệ không nên tỏ việc kín cho ai cả.

Nghe như thế bốn vị giáo sư rất hoan hỷ, bèn từ giả ra về. Sáng ra, bốn vị giáo sư vào châu tâu lên cho vua hay rằng Mahosatha (Bồ-tát) cố giấu việc kín làm phản. Khi Mahosatha (Bồ-tát) vào châu, vua liền hỏi: “Này con Mahosatha (Bồ-tát)! Con nghĩ thế nào? Việc kín của mình nên tỏ cho ai biết?”

– Tâu, lệ thường việc kín không nên tỏ cho ai biết, thì sẽ đem nhiều lợi ích cho mình, bằng nói việc kín của mình với kẻ khác, bậc trí tuệ không khen đâu, khi công việc mong muốn

được kết quả rồi mới nên nói ra. Các bậc trí tuệ thấy thế, nên hàng đầu nhem việc kín của mình.

Nghe Mahosatha (Bồ-tát) tâu như thế, đức vua liếc xem Senaka và nghĩ tin chắc lời tâu lén của bốn vị giáo sư kia, cho Mahosatha là mưu phản, nên đức vua rất bất bình. Mahosatha (Bồ-tát) thấy thái độ của vua, đoán biết rằng vua tin tưởng lời vu cáo của Senaka rồi quỳ lạy ra khỏi đền. Đức Bồ-tát nghĩ rằng: Bốn vị này, một vị tâu chỉ nên nói việc kín với bạn, một vị nói nên cho con hay, một vị chỉ nên nói cho mẹ biết, một vị nói nên cho em trai rõ, vì họ đã toan tính nhau trước rồi. Vậy nay ta vào núp trong thùng đựng nếp để tìm nghe cho rõ nhân quả thế nào. Nghĩ như thế, ngài dạy người hầu dời thùng đựng nếp lại, ngài vào núp trong đó, bảo người lấy đồ đập che cho khuất và dặn rằng: “Sau khi bốn vị giáo sư đến hội rồi đi ra khỏi nơi đây, người sẽ trở lại cho ta hay”.

Khi ra khỏi ngọ môn, Senaka bèn hỏi về lời tâu của 3 vị rằng: “Chỉ nên tỏ sự kín cho mẹ, cho con và cho em trai đó do nhân nào?” Ba vị kia đồng hỏi lại Senaka: “Còn ông tâu nên nói việc kín với bạn là thế nào?” Senaka bèn khai rằng: “Các ông có biết cô gái giang hồ Nagara chăng?”

– Chúng tôi biết nàng ấy, song hôm nay không biết cô ấy ở đâu?

– Nàng ấy đã bị tôi giết rồi. Một hôm, tôi dẫn nàng đi dạo nơi ngự uyển và ngủ cùng nàng, song thấy nàng có nhiều vật quý trong mình tôi phát lòng tham, nên tôi sát hại nàng rồi đoạt cả đồ nữ trang, nay tôi vẫn còn cất giữ để làm kỷ niệm. Tôi giấu kín việc ấy, chỉ cho bạn thân thiết biết mà thôi, vì thế, nên tâu rằng chỉ nói việc kín cho bạn thân thiết biết.

Senaka bèn hỏi việc kín của Pakuttha. Pakuttha khai rằng: “Chân tôi có bệnh phong, chỉ có em trai tôi biết. Mỗi buổi sáng em tôi lấy thuốc băng bó chân bệnh lở phong, rồi tôi mới vào châu. Đức vua gọi tôi vào gần rồi dựa mình vào chân tôi và khen rằng chân tôi mềm dịu, nhưng mềm dịu do băng bó ghê phong đó. Đức vua mà biết được ắt tôi bị tội nặng, nên không có ai biết cả, chỉ có em tôi biết mà thôi”. Kaminda khai sự kín của mình rằng: “Tôi phát con như chó điên trong nửa tháng một lần, nếu ai biết được thì thật là xấu hổ, chỉ có con trai tôi biết. Vì thế, tôi mới tâu rằng: chỉ nên cho con trai biết việc kín”. Devinda khai sự kín của mình rằng: “Tôi đã trộm ngọc ma-ni của đức Đế Thích ban cho mẹ của đức vua Kusaraja là hoàng thái hậu của đức vua Videharāja hiện thời. Nhờ oai lực của ngọc ma-ni, nên mỗi khi tôi vào châu, đức vua gọi tôi trước hơn cả, rồi ban cho tôi từ 8 đến 16 hoặc 32 đồng mỗi bữa. Việc kín này chỉ có mẹ tôi hiểu, nên tôi đã tâu như vậy”. Cả bốn vị giáo sư trình bày việc kín của mình như thế như thế, rồi trở về nhà, chờ sáng sớm đặng giết Mahosatha (Bồ-tát). Đức Bồ-tát núp trong thùng đựng nếp nghe đủ cả.

Đây nói về khi đức Bồ-tát lui ra khỏi đền, Senaka bèn tâu: “Hoàng thượng thấy rõ nên tin lời chúng tôi chưa”. Đức vua vì không kịp suy xét, nên vội tin lời vu cáo của Senaka, bèn trao gươm dạy Senaka phải hạ sát Bồ-tát trong buổi sáng mai khi Bồ-tát vào châu.

Sáng hôm sau, bốn vị giáo sư mặc triều phục đến trước ngọ môn núp chờ hại Bồ-tát. Ngày càng trưa, chẳng thấy Bồ-tát đến, nên bốn vị vào châu. Đức vua phán hỏi: “Các khanh đã giết Mahosatha rồi chăng?”

– Tâu, chúng tôi chờ lâu mà chẳng thấy Mahosatha.

Bồ-tát chờ mặt trời mọc lên cao rồi mới mặc triều phục vào châu, có cả quân hộ vệ, quỳ lạy đức vua. Đức vua Videharāja động lòng hiểu rằng Mahosatha (Bồ-tát) không có tâm phản nghịch, nên hết lòng kính trọng ta. Ngài phán gọi Mahosatha (Bồ-tát) vào gần và hỏi: “Hôm qua con về sớm, bữa nay con về trễ, con có điều gì nghi nan chăng? Và có nào con vào châu có cả quân hộ vệ”.

– Tâu, hôm qua Hoàng thượng trao gương vàng cho bốn vị giáo sư lên hại tôi tại ngọc môn, cho nên hạ thân vào châu hôm nay có cả quân hộ vệ.

Đức vua nghe qua rồi liếc xem hoàng hậu, vì nghi bà thông tin cho Mahosatha (Bồ-tát). Đức Mahosatha (Bồ-tát) hiểu rằng, vua thịnh nộ hoàng hậu, nên ngài quỳ tâu rằng: “Thánh thượng nghi lệnh hoàng hậu thông tin cho tôi biết chuyện kín của thánh thượng. Hạ thân xin trình bày những điều kín cho thánh thượng tường tri. Tâu, Senaka này, có tâm hèn hạ, làm những tội tày trời, ông là bậc giáo sư thân cận chỉ dạy thánh thượng. Tâu Senaka là bậc đê hèn, dẫn cô gái giang hồ Nagara đến ngự uyển ân ái nhau rồi giết nàng Nagara đoạt tất cả nữ trang để làm của. Tâu, nếu Hoàng thượng mong bắt kẻ nghịch, nên nã tróc Senaka trước đi”. Đức vua hỏi Senaka. Senaka nhìn nhận tội lỗi y theo lời của Mahosatha (Bồ-tát) vừa tâu. Ngài hạ lệnh bắt giam Senaka nơi ngục đường. Kế, Mahosatha (Bồ-tát) lần lượt trình bày nghiệp ác của Pakuttha, Kaminda, và Devinda rằng: Pakuttha có ghẻ phong nơi chân, không đáng vào châu Bộ hạ đầu. Kaminda có bệnh điên, bị quỷ nhập không nên làm thầy Hoàng thượng đâu. Devinda là kẻ trộm ngọc ma-ni. Đức vua nghe tâu qua, rồi hỏi cả 3 vị đều thú tội. Đức vua truyền lệnh tổng giam vào ngục như Senaka.

Tiếp theo, đức Mahosatha (Bồ-tát) giảng thuyết về đức tính của sự thâm kín rằng: “Tính giữ kín là cao quý đáng cho bậc trí tuệ ngợi khen. Sự thổ lộ việc bí mật của mình hàng trí tuệ hăng cố tránh. Bậc trí tuệ mong điều gì, mà chưa thành tựu thì vẫn giữ kín, chẳng cho một kẻ nào biết được. Phàm ở đời bậc trí tuệ hăng giữ kín công việc như giữ hàm của cải. Sự không tiết lộ là tánh cách quý của những bậc trí tuệ. Các ngài không bao giờ nói việc của mình cho phụ nữ nghe, với kẻ thù cũng thế, vì sẽ có tai hại đến mình. Với kẻ tham danh dục lợi, với người nghịch hay phường giả dối ngoài môi (khẩu Phật tâm xà), bậc trí tuệ vẫn kín miệng. Hàng trí tuệ thường lo sợ kẻ biết việc kín của mình. Lệ thường bậc trí tuệ muốn trình bày việc kín cho bạn trí tuệ nghe, thì hăng bàn với nhau trong khoảng trống, để ngừa sự nghi nan kẻ khác. Nếu luận cùng nhau trong nơi khuất lấp, làm cho người tìm hiểu dễ dàng, sẽ bị tiết lộ mau lẹ”. Đức vua nghe lời giảng giải thanh cao của Bồ-tát lấy làm hoan hỷ, rồi dạy quân dẫn bốn vị pháp sư ra pháp trường xử trảm. Bồ-tát liền quỳ, tâu xin lượng khoan hồng của vua, xá tội cho họ. Đức vua chuẩn tấu, nhưng dạy phải làm tội mọi cho Bồ-tát đến trọn đời. Bồ-tát cầu vua ân xá phục chức như xưa. Với hành động cao đẹp này, làm cho đức vua kính phục và suy nghĩ rằng Mahosatha (Bồ-tát) là bậc hiền nhân, quân tử, không lòng phản nghịch và từ bi cứu vớt người thù nữa thật là hiếm có. Đức vua ban thưởng đến Mahosatha (Bồ-tát) rất nhiều báu vật. Từ đây, bốn vị giáo sư chẳng còn phương chước nào vu cáo Bồ-tát nữa, ví như rắn đã bị người lấy nọc ra hết.

Bồ-tát bắt đầu dạy đạo cho đức vua và lo xây thành đắp lũy kiên cố, gìn giữ sơn hà xã tắc cho được thịnh đạt lâu dài. Ngài có nuôi con kết Potaka tập nói tiếng người, kết rất khôn ngoan, dạy sao thì hành theo không sai chạy. Bồ-tát bèn dạy kết Potaka bay đi do thám các nước, cho biết ngoại bang nào mong mỗi điều gì, cho tỉ mỉ rồi trở về báo cáo cho ngài rõ. Kết Potaka thừa lệnh bay đến kinh đô Uttarapañcā do đức vua Culanībrahmadatta trị vì, có vị cố vấn danh là Kevata là bậc bác học đang dạy đạo cho đức vua.

Một ngày nọ, vị cố vấn Kevata thức sớm xem thấy trong dinh có đủ cả báu vật và kẻ tùy tùng thật là cao sang, hiếm người sánh bằng, nên ông nghĩ rằng: Những sự vinh quang đều do đức vua ban thưởng cho ta. Vậy ta nên tìm cách làm cho đức vua trở thành vị hoàng đế duy nhất trong đời, thì ta cũng được quyền cao tước lớn, một vị cố vấn tối cao. Xong, Kevata liền vào châu, tâu rằng: “Hạ thân có việc bí mật cần tâu cho Hoàng thượng rõ”. Đức vua nghe rồi đồng cùng Kevata vào ngự uyển. Khi kết Potaka thấy cử chỉ của vua và

Kevata như thế, hiểu rằng vua và vị cố vấn có việc kín muốn bàn cùng nhau. Vậy ta nên cố gắng tìm nghe cho đầy đủ, nghĩ rồi liền bay theo vua và Kevata.

Khi đức vua Culaṅībrahmadatta đến ngự uyển an tọa rồi, Kevata tâu rằng: “Việc mà hạ thần tâu đây chỉ nên nghe được bốn tai mà thôi, nếu Hoàng thượng nghe theo, thì sẽ thành một vị đại Hoàng đế trong đời”. Nghe qua lời tâu của Kevata, đức vua lấy làm thỏa thích vô cùng, nên phán hỏi rằng: “Vậy khanh muốn cho trăm phải làm thế nào, trăm sẽ làm theo, trăm xin nghe lời sáng suốt của khanh”.

– Tâu, xin Hoàng thượng phát binh đến các tiểu quốc. Phần hạ thần đi khuyên các tiểu bang nên hàng phục, vì đức vua của tôi nước giàu dân mạnh có đủ binh hùng tướng giỏi lại thêm đức hạnh, không cự địch nổi, các ngài đầu hàng thì sự nghiệp Đế vương đâu có mất, các ngài cũng vẫn ngồi trên ngai vàng như cũ, lại khỏi hao binh tổn tướng. Như thế các tiểu vương sẽ đầu hàng. Khi các tiểu bang đã qui phục, thì chúng ta sẽ đem binh chinh phạt các cường quốc. Hạ thần cũng đi chiêu hàng; nếu các đại quốc chống cự, chừng ấy ta đã có thêm binh hùng tướng mạnh, sẽ cử đại hùng binh chinh phạt bắt vua ấy mà hạ sát. Khi đã thu phục được tất cả một trăm lẻ một nước, chúng ta sẽ bày yến tiệc trọng đãi một trăm lẻ một vị vua tại ngự uyển, cho uống rượu độc chết hết, thì lo chi Hoàng thượng không được làm một vị đại Hoàng đế trên thế gian này. Tâu, xin thánh thượng giữ kín kế này chẳng nên để cho ai thấu rõ.

Vì kết Potaka thám tử, được nghe rõ mọi điều, liền lần xuống nhánh dưới rồi đại tiện ngay đầu Kevata. Vị cố vấn này ngược đầu lên xem, và nói rằng cái chi rớt trên đầu ta đây, vừa thả mồi thì kết lại đại tiện ngay vào nữa, rồi kết kêu ki-ri, ki-ri, xong nhảy lên cảnh trên nói bằng tiếng người rằng: “Này cố vấn Kevata, người tưởng rằng chỉ có bốn tai nghe sao? Bây giờ đây đã có 6 tai nghe rồi, dần dần sẽ thành 8 tai và rất nhiều tai nghe thêm nữa”. Đức vua Culaṅī và vị cố vấn rất bức tức, liền dạy quân lính phải bắn cho được con kết. Nhưng than ôi kết đã đập cánh bay về phương trời xa thẳm làm cho đức vua Culaṅī và cố vấn Kevata ôm sầu nuốt hận.

Kết Potaka đến nước, bay thẳng vào dinh, đáp trên vai của Mahosatha (Bồ-tát), vì kết Potaka này biết nói tiếng người và được tập thuận thực rất khôn ngoan, không muốn cho ai hay biết, nên nó đậu trên vai Bồ-tát, là chỉ mong một mình đức Bồ-tát nghe mà thôi, đây là thói quen của kết Potaka. Đức Mahosatha đem kết Potaka lên tầng lầu cao thanh vắng, rồi hỏi người đi đâu dò xét như thế nào?

– Thưa chủ, tôi bay đến thủ đô Uttara Pañcā Mahanagara có đức vua Culaṅībrahmadatta thống trị và vị cố vấn Kevata đi đến thượng uyển bàn việc kín cùng nhau.

Rồi kết Potaka tỏ hết những lời Kevata tâu vua Culaṅī cho Mahosatha nghe. Khi đã rõ câu chuyện quan trọng như thế, Bồ-tát bèn thưởng cho kết Potaka vừa lòng. Từ đây Mahosatha lo việc cải cách điền địa khuyếch trương thương trường, chỉnh đốn việc ăn ở của nhân dân. Ngài cho dân nghèo ra ở ngoài thành, nhà giàu vào cư ngụ trong vòng thành và dạy phải lo làm ruộng rẫy, tích trữ lúa gạo v.v... cho đầy kho.

Đức vua Culaṅībrahmadatta thi hành theo lời tâu của Kevata đem binh chinh phạt các tiểu quốc. Còn Kevata thì dùng lời lẽ để khuyến dụ các tiểu bang qui thuận, rồi đến các đại quốc. Cứ theo kế hoạch ấy chẳng bao lâu, đức vua Culaṅī thu phục được một trăm lẻ một nước nhỏ lớn. Khi ấy, những thám tử của Mahosatha đã cho đi dò xét trong các nước cho người trở về phi báo cho Bồ-tát rõ tự sự rằng: “Trong bảy năm, bảy tháng, bảy ngày, đức vua Culaṅībrahmadatta đã chinh phục tất cả 101 nước chỉ còn sót xứ Mithilā”. Đức vua Culaṅī bèn xúi Kevata đem binh đánh thành Mithilā. Kevata tâu: “Kinh đô Mithilā có Mahosatha Pandita bậc nhiều trí tuệ đã bảo vệ kiên cố, khó cho chúng ta phá được. Và lại,

bậc nhiều trí tuệ dù có binh chinh phạt được cũng bị hao binh tổn tướng rất nhiều, chỉ bằng ta để yên, thông thả rồi xứ Mithilā cũng sẽ vào tay chúng ta”. Sau khi đã thu binh về nước, đức vua Culanī dạy dọn dẹp, trang hoàng thượng uyển để tiếp đãi tất cả 101 vị vua đã qui phục rồi dùng độc tửu, giết cho chết hết để được làm Đại Hoàng đế một mình.

Các thám tử bèn thông tin cho Mahosatha (Bồ tát) hay rằng, ngày này, tháng này đức vua Culanībrahmadatta làm lễ ảm tửu khải hoàn. Đức Mahosatha nghe qua biết rõ kế độc ác sâu hiểm của vua Culanī. Ngài rất thương xót tất cả các vị vua sẽ rước đại họa vì rượu độc: “Ta là người có trí tuệ đâu nỡ ngồi yên xem cái chết của các vua ấy đâu. Vậy, ta hãy là nơi nương tựa của quý ngài”. Nghĩ xong, Bồ-tát bèn truyền lệnh, sai 1000 quân tinh nhuệ cho qua đến ngự uyển của vua Culanī brahmadatta, nửa đêm thừa lúc chúng bắt cần, tấn công vào đập phá tất cả những tĩnh rượu độc trong cuộc lễ và cho biết rằng Mahosatha sai quân phá hoại. Đức vua Culanī và 101 tiểu vương rất giận Mahosatha. Đức vua Culanī bèn truyền lệnh khiến 101 tiểu vương đem binh chinh phạt thành Mithilā bắt cho được Mahosatha (Bồ-tát) và vua Videharāja hạ sát cho được mới nghe. Xong rồi đức vua Culanī bèn vào phòng kín để thương nghị với vị cố vấn Kevata. Kevata tâu: “Thủ đô Mithilā có Mahosatha bảo vệ thành trì kiên cố như hang đá, vả lại, người là trí tuệ trên đời, sợ e ta đem binh đi không kết quả chi, mà lại còn mất thanh danh nữa”. Nghe Kevata tâu như vậy, nhưng đức vua Culanī vì háo chiến, cho mình là chúa tể, tự cao nên không nhận lời, bèn dẫn đại chúng binh và cả một trăm lẻ một tiểu vương qua chinh phạt thành Mithilā.

Những thám tử vào báo tin cho Mahosatha (Bồ-tát) hay rõ tự sự. Đức vua Videharāja liền phát binh phòng thủ cần mật không dám để duôi. Đức vua Culanī dẫn đại binh đến thành Mithilā, rồi hạ lệnh bao vây thành bằng voi binh một vòng, mã binh một vòng, xa binh một vòng, sau rốt là bộ binh. Quân binh trùng trùng điệp điệp, nào tiếng voi, ngựa, xe, người nghe rầm rộ, vang rền như trời gầm, núi lở.

Nói về bốn vị giáo sư khi nghe tiếng quân binh rầm rộ, nên lo sợ lén vào tâu đức vua Videharāja: “Tâu lệnh Hoàng thượng, chẳng hay chuyện chi xảy ra, mà có tiếng người, ngựa la ó rền trời như thế?”

– Trẫm nghe báo rằng đức vua Culanī, dẫn binh qua đánh nước ta. Vậy trẫm cùng các khanh lên lầu xem thử.

Vua tâu đồng nhau lên xem thấy. Ôi! Là quân binh trùng trùng điệp điệp vây chặt vòng thành, khiến cho chúa tể kinh sợ chết, than thở cùng nhau chẳng biết mưu kế chi để bôn đảo tị nạn. Trong lúc sợ hãi ấy, thỉnh thoảng đức Bồ-tát mặc triều phục chỉnh tề vào đến sân rồng, sắc mặt vui tươi, bình tĩnh không chút gì lo ngại như chúa sơn lâm. Đức vua thấy Mahosatha (Bồ-tát) vào chầu, ngài rất mừng và nghĩ rằng: Ngoài Mahosatha ra không có một ai đáng là nơi nương nhờ của trẫm được. Ngài liền ngỏ lời rằng: “Này con Mahosatha! Nay vua Culanībrahmadatta đã cử đại hùng binh có cả 101 tiểu vương đến vây chặt bốn phía thành nào là voi binh, mã binh, xa binh và bộ binh đông nghẹt, không người qua lọt, voi rống, ngựa hí, xe kêu, người la rầm rộ rền trời, vang đất, chúng ta không còn nẻo trốn thoát, ngoài con ra, trẫm xét chẳng có ai đủ tài năng giải khổ được, con mau liệu biện mưu nào cho trẫm khỏi sa vào tay kẻ nghịch”. Mahosatha (Bồ-tát) nghe qua những lời phó thác sanh mạng và tin tưởng ở mình, ngài rất tội nghiệp cho đức vua quá lo sợ chết, nên yêu cầu ta giải khổ cho. Vậy ta nên làm nơi nương tựa của đức vua, ví như vị lương y là nơi nhờ cậy của bệnh nhân, như thực phẩm là nơi trông cậy của người đói; hoặc như nước là nơi cần yếu của kẻ khát. Nghĩ như thế Bồ-tát bèn tâu rằng: “Xin Hoàng thượng yên tâm chớ lo ngại chi cả, sự dẹp giặc là phận sự của hạ thần, dù vua Culanī có quân binh nhiều đến đâu,

hạ thần cũng trừ được dễ dàng, hạ thần sẽ làm cho chúng chạy bỏ khí giới và lương thực lại cho chúng ta dùng. Tâu xong Mahosatha (Bồ-tát) bèn quỳ lạy lui ra.

Đức Mahosatha (Bồ-tát) truyền rao cho nhân dân đừng lo sợ chi cả, đối với kẻ nghịch, chúng dân chỉ nên diễn kịch vui chơi 7 ngày đêm đi, nếu cần mua chi hãy lấy tiền nơi ta mà dùng. Còn về phần chống kẻ ngoại xâm thì thuộc về phần ta, các người chớ nên lo sợ. Dân gian nghe lời bá cáo đánh thép của Mahosatha (Bồ-tát) họ rất an vui làm theo, chỉ biết ăn mặc vui chơi, đờn ca xướng hát cả ngày lẫn đêm. Quân giặc nghe kèn trống ca hát vui chơi như thế, bèn lùng theo các cửa ngõ vào xem, quân gác cũng cho phép tự do. Đức vua Culanī nghe tiếng trống kèn, ca hát hỉ hả vang rền trong thành lấy làm lạ nên hỏi các quan thám tử và họ tâu rằng: “Chúng tôi có vào theo cửa nhỏ đến thành nội xem họ diễn kịch và hỏi thăm vì sao nay trong nước bị giặc vây thành trùng trùng điệp điệp, mà không lo sợ, các anh cứ vẫn vui chơi như vậy?” Chúng dân đáp rằng: “Đức vua của chúng tôi có nguyện, bao giờ có giặc đến vây thành thì cho phép nhân dân được vui chơi như thế. Nay lời nguyện đã đến, nên chúng tôi bày tiệc cuộc chơi ăn mừng như vậy”. Nghe quân thám tử tâu, đức vua Culanī phát lòng tự ái đại nộ, ra lệnh cho quân lính tấn công hãm thành và tiêu diệt nhân dân đang ăn chơi trong thành đó, bắt cho được vua Videharāja lấy thủ cấp đem nạp cho trăm lập tức. Được lệnh truyền, quân lính ồ ạt tiến đến, kẻ gươm, người giáo, cung tên, khí giới đầy đủ xông vào các cửa thành. Nhưng phải một phen thất bại, bị quân trên thành đổ sỏi, cát nóng và bắn tên ra chết vô số; không một ai đột nhập gần vào thành được phải thối binh trở lại. Đức vua Culanī bèn thương nghị với vị cố vấn Kevata. Kevata tâu: “Bây giờ ta phải chiến đấu trường kỳ mới có thể thắng được vua Videharāja. Chúng ta nên kiên nhẫn vây thành chặt chẽ, lâu ngày dân trong thành hết lương thực, chùng ấy ta sẽ vào bắt cóc họ không khó. Vây càng lâu cũng vẫn thấy không hiệu quả, vì trong thành đã tích trữ đầy đủ lương phạn không thiếu hụt chút nào. Trái lại quân lính của vua Culanī phải chịu vất vả cực khổ, dầm sương dãi nắng lâu ngày mòn hơi kiệt sức, hao tổn lương thực”. Thấy thế, đức vua bèn hỏi ý với vị cố vấn Kevata. Kevata tâu: “Bây giờ còn một kế là đấu pháp với nhau mới rõ tài cao thấp”. Đức vua hỏi: “Thế nào là đấu pháp?”

– Tâu lệnh Hoàng thượng, đấu pháp nghĩa là dùng pháp mà đấu nhau không dùng quân lính, hai bậc trí tuệ của hai nước sẽ hội nhau trong một nơi, để luận đạo cùng nhau. Người nào cuối đầu lễ bái là bại, nghĩa là tôi già, Mahosatha trẻ. Mahosatha không rõ sẽ mắc kế chúng ta, khi gặp nhau thì Mahosatha sẽ bái chào tôi, như thế là người bại trận.

Đức vua Culanī nghe rất khen ngợi rồi gửi thông điệp cho đức vua Videharāja hay rằng: “Sáng mai tôi và Đại vương gửi bậc trí tuệ cho hai người gặp nhau trong một nơi nào để đấu pháp. Nếu người nào lễ bái trước gọi là bại”. Đức vua Videharāja được thông điệp liền cho Bồ-tát xem. Xong trả lời ưng thuận và hẹn nơi đến để đấu pháp cho vua Culanī rõ. Mahosatha truyền cho người đến dọn dẹp sắp đặt nơi đấu pháp ngoài thành.

Sáng ra đức vua Culanī và 101 tiểu vương đều dự ra xa chờ xem hai bậc trí tuệ đấu pháp. Với bộ triều phục chỉnh tề Mahosatha vào chào vua Videharāja. Đức vua hỏi: “Hôm nay con đi đấu pháp phải chăng? Vậy con cần vật chi thì được phép lấy dùng”. Mahosatha tâu: “Hạ thần cần ngọc ma-ni để dụ dỗ Kevata”.

– Nay con! Con cứ tự tiện lấy đem theo đi. Chúc con đi được nhiều may mắn và đắc thắng khai hoàn.

Khi Mahosatha ra khỏi thành gần đến nơi, ngài xuống xe, rồi ngự đến chỗ đấu pháp với vẻ mặt tươi tỉnh, bạo dạn, đầy đủ nghị lực, không khác nào chúa sơn lâm ra khỏi động bấu. Tất cả 101 tiểu vương đến hội họp gần nơi ấy, được thấy quý tướng của Mahosatha thì phát tâm phỉ lạc, trăm trò ngợi khen rằng: “Vị đại nhân con của Triệu phú Sirivaddhana ân đù

trí tuệ, trong đời không ai sánh kịp. Ai cũng đều tán dương oai lực phi thường rằng như trời Đế Thích có cả Chư thiên hậu hạ tùy tùng”. Khi Mahosatha cầm ngọc ma-ni đi ngay đến trước mặt vị cố vấn Kevata. Kevata không thể đứng vững được, nên bước tới bái chào Mahosatha rồi nói: “Này bậc trí tuệ Mahosatha, hai ta đều là bậc trí tuệ, tôi đến nương náu trong nước của ngài đã lâu, vì sao ngài không biểu lễ vật gì cho tôi?”

– Này Ngài cố vấn, tôi định sẽ dâng lễ đến ngài, nhưng tìm mãi chẳng thấy vật chi quý báu ứng đáng biểu ngài. May thay, tôi vừa được ngọc ma-ni trong ngày nay, ngọc ma-ni này tôi cho là của biểu xứng đáng để dâng đến ngài. Vì thế, tôi mới cố gắng đến đây xin dâng cho ngài bây giờ, mời ngài đến thọ lãnh.

Vị cố vấn lòng mừng khắp khởi tin rằng là thật, thấy Mahosatha cầm ngọc ma-ni hào quang chiếu sáng liền đưa tay ra để thọ. Mahosatha bèn ném ngọc ma-ni trên tay Kevata, ngọc ma-ni liền rớt xuống đất, lăn vào gần chân Bồ-tát. Kevata mong được ngọc nên vội vàng cúi xuống gần chân Mahosatha để lượm ngọc ma-ni. Thuận tiện, Bồ-tát dùng một tay ấn mạnh vào cổ Kevata không cho đứng dậy được. Bồ-tát bèn tuyên bố rằng: “Này, ngài cố vấn nên ngồi dậy đi, mời ngài không nên lễ bái tôi làm gì!” Lời tuyên bố của Bồ-tát nghe vang đến tất cả quân lính, làm cho ai cũng đều thấy rõ và nhận rằng vị cố vấn đang quỳ bái đức Bồ-tát, cho đến 101 tiểu vương và vua Culanī cũng đồng nhận như vậy. Quân lính của Mahosatha cũng tiếp báo cáo lên rằng: “Kevata quỳ lạy Mahosatha”. Địch quân đều hãi hùng sợ chết, đồng nhau lên ngựa chạy dài về thành Uttarapancā. Quân lính của Mahosatha càng la to lên rằng đức vua Culanī trốn rồi, làm cho toàn cả địch quân rối loạn mạnh ai nấy chạy hết. Khi đó, Mahosatha bèn dẫn quân trở về thành. Còn vị cố vấn Kevata cố gắng chạy theo vua tâu rằng: “Xin các ngài dừng lại, không phải tôi lạy Mahosatha đâu”.

Mặc dầu Kevata kêu nói, họ cũng không cần nghe và đáp rằng: “Ngươi là kẻ đê hèn, sau lưng thì ngươi ngã mạn, nói sẽ làm cho Mahosatha lễ bái mình, đến khi gặp mặt Mahosatha thì hoảng sợ liền lạy sát đất, bây giờ lại nói không lạy Mahosatha, ai tin được, chúng ta không nghe ngươi đâu!” Vị cố vấn nói: “Xin các ngài hãy tin sự thật là tôi cuối đầu lượm ngọc ma-ni của Mahosatha biểu cho nhưng đã làm rơi xuống đất”.

– Vậy ông có lượm được ngọc ma-ni không?

– Không, tôi vừa cúi xuống bị Mahosatha đè cổ cứng như sắt, khiến tôi không đứng dậy được.

Nghe giải rõ nên đức vua Culanī đem toàn quân trở lại vây thành Mithilā như trước. Đức Mahosatha bị sợ vây lâu ngày lòng dân rối loạn, nên ngài tìm mưu đuổi địch trở về. Ngài cố tìm người trí tuệ và trung thành để giúp ngài; ngài bèn gọi Anukenata vào rồi hỏi: “Ngươi có hết lòng giúp ta chăng?”

– Thưa, tôi sẵn lòng tuân lời dạy bảo của ngài, dù cho thân này tan nát tôi cũng vui lòng làm theo.

Bồ-tát dạy Anukenata làm khô nhục kế trá hàng, và trù hoạch cho Anukenata thi hành. Trước hết bắt tội Anukenata suy mưu phản nghịch giam vào ngục hình tra tấn thậm tệ, đến đổi máu đổ thịt rơi. Một hôm, Anukenata vượt ngục chạy qua quân địch than khóc, oán trách Mahosatha làm động lòng quân lính của vua Culanī. Anukenata được dẫn vào châu vua Culanī để tâu rõ tự sự rằng: “Mahosatha thấy tôi được đức vua Videharāja tin cậy ban thưởng nhiều rồi sanh lòng ganh tỵ, tìm kế đoạt hết binh quyền tôi, rồi còn dạy quân tra tấn tôi tàn nhẫn, nên tôi buộc tình phải trốn qua xin đầu hàng Hoàng thượng để dâng kế hoạch đoạt thành Mithilā và bắt Mahosatha cùng vua Videharāja giết cho tuyệt tộc”. Đức vua Culanī nghe được rất mừng và phong cho làm hậu cận vua. Trong những hôm sau động

binh, Anukenata từng dịp tâu dối rằng: “Tôi đã xem xét tỉ mỉ, thấy phần đông các vương và binh sĩ cho đến vị cố vấn Kevata đều cố ý theo Mahosatha, vì trong các vật dụng đều có dấu hiệu riêng của Mahosatha, xin Đại vương tra xét thì rõ. Đây là kế hoạch đã vạch sẵn của Mahosatha”. Khi đức vua Culanī dạy Anukenata lấy ra cho ngài xem, thấy rõ tang vật bèn tin hẳn là thật. Rồi ngài hỏi ý kiến Anukenata: “Nhu vậy phải làm thế nào?”

– Tâu, hạ thần xin cầu Bệ hạ hồi trào để bảo tồn chúa tôi, chẳng nên ở đây vì sẽ bị kế của Mahosatha thì trở tay không kịp.

Đức vua nghe rất lo sợ, rồi hỏi kế nơi Anukenata, Anukenata tâu: “Bệ hạ nên trở về nước nội đêm nay, nếu sáng ra không tránh khỏi tay Mahosatha đâu. Vì tất cả quân binh, 101 tiểu vương, nhất là vị cố vấn Kevata đã thọ ngọc ma-ni của Mahosatha rồi mà trở lại nói dối là ngọc ma-ni bị Mahosatha lấy lại”. Đức vua Culanī nghe được kinh hãi sợ chết, hối Anukenata mau thắng yên ngựa cho ngài bôn đào. Khi lên ngựa xong, Anukenata theo đưa vua Culanī một đôi đường, rồi quay ngựa trở lại la lên rằng đức vua Culanī đã trốn rồi. Khi đó các tiểu vương và cố vấn Kevata tin rằng đức vua đã bị Mahosatha bắt rồi, nên ai cũng đều kinh khủng, sợ chết, lên ngựa tẩu thoát, không kịp mang theo vật chi cả, tất cả quan binh cũng ừa nhau chạy tán loạn.

Sáng ra, được tin thám tử phi báo, ngọc môn quan mở cửa thấy vật dụng bỏ đầy đường, quân vào tâu cho Mahosatha rõ. Đức Mahosatha dạy: “Vật của vua Culanī và 101 tiểu vương thì lượm thâu đem dâng cho đức vua mình. Phần nào của triều phủ và vị cố vấn Kevata thì đem cho ta. Còn lại bao nhiêu thời cho quân binh và dân chúng được phép lấy dùng. Ai ai cũng đều hoan hỷ nhất tiền, bạc, vàng, ngọc rất nhiều đến nửa tháng mới hết vật quý. Tim lượm những vật dụng thường đến bốn tháng mới hết. Đức Mahosatha bèn ban thưởng cho Anukenata rất nhiều của cải châu báu”. Từ đó, nhân dân trong xứ Mithilā trở nên giàu sang thanh vượng.

Nói về vị cố vấn Kevata càng nghĩ càng tức giận Mahosatha, đã bị đại bại còn mang vết thương trên mặt, hết sức là nhục nhã; nên Kevata hằng tìm mưu chước để báo thù. Một hôm, vị cố vấn Kevata thấy một kẻ rất hay, là nhờ đến nàng công chúa của đức vua Culanī có nhan sắc xinh đẹp tuyệt vời (nhạn sa, cá lặn) như ngọc nữ, và thầm nghĩ: Nếu ta đem công chúa làm mỹ nhân kế dụ dỗ gã cho vua Videharāja, khi đức vua Videharāja và Mahosatha đến đây, ta sẽ phân thây mà rửa hờn, chừng ấy mặc sức ta ca khúc khái hoàn. Tính như thế, bèn vào châu, tâu kín với đức vua Culanī. Đức Culanī từ khi trở về nước âu sầu, hổ thẹn, ngày ăn chẳng no, đêm không yên giấc, sợ cảnh nước mất nhà tan. Khi nghe Kevata muốn tâu việc kín, phán rằng: “Thôi đi, Khanh đã nhiều phen lập kế bày mưu mà thất bại luôn làm cho hao binh tổn tướng, nay còn mưu mô gì nữa!” Vị cố vấn Kevata hết sức khẩn cầu: “Xin Hoàng thượng dẫn con thịnh nộ cho hạ thần tâu một kế rất hay không còn phương pháp nào hơn”.

– Vậy Khanh hãy tâu cho trẫm nghe thử.

– Tâu, xin Hoàng thượng đến nơi thanh vắng chỉ có bốn tai mới nên nói.

Đức vua nhận lời lên tầng lầu cao nhất, Kevata tâu rằng: “Tôi tính cho những thi sĩ, nhạc sĩ, đặt các bài hát du dương quyến rũ, rồi dạy tập cho công chúa biết ca xướng, múa hát đúng nhịp đờn kèn cho thật hay, chừng ấy sẽ trải đi đến thành Mithilā mê hoặc vua tôi Aideharāja. Khi đã làm cho vua Videharāja say mê công chúa rồi, Bệ hạ sẽ sai hạ thần đến tâu xin gả công chúa cho vua Videharāja. Nếu đức vua Videharāja đẹp dạ thuận tình, tôi sẽ thỉnh ngài qua đây rước dâu, chừng ấy sẽ có Mahosatha theo châu, ta tùy cơ ứng biến bắt chúng mà giết cho sạch để trả thù xưa”. Đức vua Culanī nghe được lấy làm hoan hỉ rằng: Kế này thật hay. Rồi đức vua cho đòi các thi sĩ trừ danh trong nước đến dạy, đặt bài ca,

thơ, phú, đủ cách và có treo nhiều giải thưởng. Đức vua dạy công chúa và cung phi, mỹ nữ phải học cho thuần thục nghề ca hát, đờn kèn trong đền. Đức vua không quên tuyển chọn các thanh nữ xinh đẹp có tiếng thanh tao cùng học ca hát đờn kèn giúp công chúa. Chẳng bao lâu trở thành một đoàn ca kịch nổi tiếng khắp xứ. Đức vua Culanī cho sang diễn kịch trong thành Mithilā làm cho nhân dân, chỉ đức vua Videharāja nghe tiếng ca hát, đờn kèn đều thoả thích, dần dần có tin đồn rằng đức vua Culanī sẽ gả công chúa cho đức vua Videharāja.

Khi đức vua Videharāja được nghe càng thêm say mê tiếng đờn ca, hát xướng và càng quyến luyến sắc nước hương trời của công chúa. Đức vua bèn ban thưởng rất nhiều tiền bạc cho bọn ca nhi. Sau khi đã thi hành công việc theo lời dạy của đức vua Culanī với kết quả khả quan, đoàn ca kịch về nước. Lúc bấy giờ, đức vua Videharāja hằng thương tiếc và nhớ đến lời ca điệu múa, hình ảnh xinh đẹp của công chúa.

Vị cố vấn Kevata thấy đã có hiệu quả phần nào rồi, nên vào tâu vua, xin cho mình đi qua xứ Mithilā để đính hôn cho công chúa với đức vua Videharāja. Khi đến thành Mithilā, vị cố vấn Kevata xin vào yết kiến đức vua Videharāja và tỏ lời của vua Culanī xin hứa gả công chúa để tỏ tình bang giao giữa hai nước. Đức vua Videharāja nghe được, mừng rỡ xiết bao, ban thưởng rất nhiều và khuyên vị cố vấn nên gặp Mahosatha cho hai bên cùng được giải hoà nhau. Vị cố vấn Kevata nghe lời đến dinh Mahosatha. Mahosatha (Bồ-tát) biết Kevata là người độc ác không tốt nên cố ý không muốn đàm luận bèn giả đau nằm trên giường không tiếp khách. Lúc ấy vị cố vấn Kevata đến, gặp Bồ-tát mà ngài không mời ngồi và cũng không trò chuyện nên Kevata phải xin từ giả lui ra.

Trở vào châu, vua Videharāja hỏi Kevata: “Đến thăm con trẫm, Mahosatha ra sao?”

– Tâu, ngài Mahosatha đâu có phải là bậc trí tuệ, không biết cách tiếp khách, thật là hạng vô trí tuệ.

Đức vua nghe rồi vẫn làm thinh. Khi Kevata từ tạ lui ra, đức vua Videharāja bèn suy nghĩ rằng: “Cớ sao con trẫm lại không chịu tiếp rước Kevata, có lẽ con trẫm đến xứ người rồi tìm cách hại trẫm chăng? Ôi! Sang đến đó ta sẽ ở trong tay kẻ nghịch!” Nghĩ rồi rất lo sợ.

Kế có bốn vị giáo sư là: Senaka, Pakuttha, Kaminda và Devinda vào châu. Đức vua Videharāja bèn hỏi ý kiến của bốn vị giáo sư cho biết nên sang xứ Uttarapañcā không? Senaka tâu: “Vi sao mà Bệ hạ lại hỏi chúng tôi như thế. Sự ngự đến nước Uttarapañcā của Bệ hạ là đúng, có nhiều lợi ích: được rước công chúa về làm hoàng hậu thì có chi quý bằng; các nước lân bang, ngoài Uttapañcā, đều tùng phục Bệ hạ như họ đã đầu hàng đức vua Culanī; sẽ được bang giao hòa hảo với đức vua Culanī thì có chi quý bằng”. Đức vua hỏi ba vị kia, họ đồng tán thành ý kiến của Senaka. Khi ấy, vị cố vấn Kevata vào tâu xin từ biệt đức vua Videharāja và trở về nước cho vua mình hay ngày hôn lễ.

Được nghe Kevata trở về nước rồi, đức Mahosatha mới vào châu. Đức vua Videharāja bèn cho Bồ-tát hay rằng: “Tất cả 6 người là bốn vị giáo sư, cố vấn Kevata và trẫm đồng ý sang xứ Uttarapañcā để rước công chúa về. Vậy, con là bậc trí tuệ, con nghĩ sao?” Đức Mahosatha xét rằng đức vua đã say mê sắc dục không tưởng đến tại hại lớn lao, để ta tâu cho thấy rõ sự nguy hiểm, mong đức vua thức tỉnh. Nghĩ rồi bèn tâu rằng: “Hoàng thượng không sợ bị người sát hại, ví như thợ săn gài bẫy, đem thú cái làm mồi cho thú đực sa vào bẫy rồi họ phân thây như thế nào, vua Culanī ví như thợ săn, công chúa như thú cái, Kevata ví như cây lao mà thợ săn cầm trong tay. Đức vua Culanī đem công chúa làm mồi bắt Bệ hạ như thế ấy, hoặc ví như ngư ông móc mồi vào lưỡi câu, cá mê rồi phải bị giết thế nào, đức vua Culanī ví như ngư ông, công chúa ví như miếng mồi, Kevata ví như lưỡi câu, Bệ

hạ ví như cá mong ăn mồi. Tâu, nếu Bệ hạ say mê công chúa và ngự đến nước Uttarapancā thì sẽ bị tai hại chẳng sai”. Mahosatha cố tìm đủ lý luận để tâu bày, ngõ hầu giải nạn cho đức vua. Nhưng than ôi! đức vua Vikeharajā nghe rồi phát cơn thịnh nộ rằng Mahosatha khinh rẻ trăm thái thậm. Xem trăm như tôi tớ của người, không trọng ta là bậc Đế Vương chi cả. Đã hiểu rõ đức vua Culanī mời ta để gả công chúa, nói không có một lời nào chia vui cùng ta, mà thêm khinh khi nhạo báng ta thái quá. Nghĩ rồi đức vua bèn phán rằng: “Này Mahosatha! Ai ai cũng đều tán thành cho trăm sang cưới công chúa, vậy họ chẳng hiểu lợi ích chi cả sao? Không một ai có trí tuệ cả, đều là mù quáng hết sao? Chỉ có mình ngươi là biết việc hơn hết chẳng? Này Mahosatha, ngươi là con nhà ruộng rẫy chỉ biết cày bừa mà thôi, đâu có hiểu điều hạnh phúc của nhà vua. Ngươi chỉ biết cặm cày cuộc đất, nào rõ công việc của đế vương. Senaka, Pakuttha, Kaminda và Devinda thông suốt điều lợi ích của trăm. Ngươi là kẻ nhà quê, chỉ biết nghĩ đến công cấy cày mà thôi. Vậy ai đâu, người nào đó hãy vào đánh đuổi Mahosatha ra khỏi chỗ này cho khuất mắt trăm, Mahosatha chỉ nói những lời bất hạnh. Trăm được lợi báu và trở làm cho trăm mất à”. Đức vua chỉ phán bấy nhiêu lời chớ không gọi ngay người nào, bảo bắt Mahosatha vì đức vua vẫn còn thương yêu, kính trọng Bô-tát. Mặc dù đức vua không dẫn được con thịnh nộ, nên mới phán bấy nhiêu lời.

Đức Mahosatha hiểu rằng vua không vừa lòng nên lui về dinh. Đức Bô-tát tự nhủ rằng: Hoàng thượng ta ham vui quá, chỉ biết sự đi rước công chúa mà không tưởng điều tai hại đến sanh mạng mình. Chỉ thấy lợi mà không rõ sự tai hại lớn lao. Ta chớ nên cố chấp, chỉ ghi nhớ lời sân hận của ngài, mà quên sự trọng đãi và ban thưởng ta biết bao nhiêu quyền tước trọng. Vậy ta hãy là nơi nương tựa của ngài mới nên cho, giờ đây ta nên đi qua xứ Uttarapancā trước, để trần thiết kinh thành và cung điện cho đức vua ngự và tạo bãi chiến trường, đào đường hầm và lỗ hồng để sẵn, ngừa khi lúc đức vua Culanī bao vây, ta sẽ thỉnh đức vua, các quan đại thần và bắt luôn công chúa theo xuống hầm rút binh thẳng về nước, thế mới được an vui, tránh mọi điều nguy hiểm. Sự vãng lai của đức vua là phận sự của ta. Xét thấy thế, Mahosatha (Bô-tát) mặc triều phục dẫn kẻ tùy tùng đến châu vua và tâu rằng: “Thánh thượng quyết định sang kinh đô Uttarapañcā thật chẳng?”

– Ôi! trăm định đi để rước công chúa về, bằng không thì sự nghiệp Đế vương có ích gì! Vậy con hãy cùng trăm đi thì được hai lợi ích: được công chúa; có sự bang giao với đức vua Culanī.

– Tâu, như vậy hạ thần xin đi trước để trang hoàng cung điện sẵn sàng, đón rước Hoàng thượng. Khi làm xong hạ thần sẽ sai quân về thỉnh Bệ hạ ngự sang.

Đức vua mừng rằng Mahosatha đâu có bỏ trăm, rồi hỏi: “Con cần dùng chi đem theo chẳng?”

– Tâu, hạ thần cần dùng quân lính vừa đủ để làm các công việc được kết quả.

Xong Mahosatha tuyển chọn một đội quân tinh nhuệ, thiện chiến và những người có khả năng để giúp việc cho ngài. Dẫn binh đi được một dặm đường, ngài bèn cho hạ trại từng khoảng theo đường rồi dặn các tướng chỉ huy rằng phải cẩn mật để phòng bọn nghịch tấn công. Khi thấy đức vua đem công chúa về đến thì lo thay đổi ngựa, voi, xe cho đức vua và lập tức theo hộ tống thẳng về đến kinh đô Mithilā chớ nên để cho đức vua lo sợ, nhất là ngăn ngừa địch quân. Dặn dò xong xuôi, Mahosatha bèn dẫn binh đến kinh thành Uttarapañcā, còn cách một dặm đến thành đô; Bô-tát cho quân hạ trại và tạo cung đình cho đức vua ngự, sắp đặt các công việc phòng thủ đào đường hầm có lỗ hồng để ngừa khi hữu sự.

Đức vua Culaṇībrahmadatta nghe Mahosatha qua đến, rất mừng vì cho rằng đã mắc mưu chước của mình, thông thả rồi đây vua Videharāja cũng sẽ qua nữa. Phen này chúa tôi chạy đâu thoát khỏi tay ta. Dân chúng nghe đồn Mahosatha qua đến, mong tìm xem cho biết tướng của người trí tuệ vang danh khắp nơi. Thấy Mahosatha uy nghi lắm liệt, tướng mạo đoan trang thật đáng yêu kính, trí tuệ nhất trong đời khiến cho 101 vị vua phải kính sợ chạy dài, ví như bầy quạ bị đánh đuổi bằng gậy. Trí tuệ của bậc này xứng đáng với hình dung xinh đẹp. Đức Mahosatha đến ngọ môn xin vào yết kiến đức vua Culaṇī rồi đứng một bên. Đức vua tỏ lời thiện cảm với Mahosatha rồi hỏi: “Này Mahosatha! Đức vua Videharāja bao giờ mới đến?” Mahosatha tâu: “Khi nào được tin tôi, thì chúa thượng tôi sẽ đến”.

– Khanh đến trước với mục đích gì?

– Tâu, tôi đến để trần thiết cung điện tiếp rước đức vua Videharāja.

– Tốt lắm!

Rồi đức vua Culaṇī ban thưởng cho Bô-tát và phát lương phạn cho quân sĩ, ban dinh thự đến Bô-tát: “Khanh hãy ngụ được an vui đi, ở đây cũng như với đức vua Videharāja vậy. Khanh xem việc nào có lợi ích nên giúp cho trẫm thì cứ làm, chớ lo ngại chi cả”. Mahosatha quỳ tâu rằng: “Tâu Hoàng thượng, Hoàng thượng cho phép tôi tạo cung điện cho đức vua Videharāja ở đâu, trong nơi nào?”

– Này bậc trí tuệ, ngoài cung đình của trẫm, khanh coi nơi nào vừa ý thì cứ làm.

– Tâu, tôi là người khách, nếu chỗ ở mà tôi vừa lòng tạo cung điện nơi ấy, thì sao khỏi cãi cọ, rầy rà với dân chúng.

– Này bậc trí tuệ, trẫm đã cho phép, khanh cứ làm theo ý muốn, nếu ai cưỡng lại thì khanh bắt làm tội đi.

– Tâu, nếu họ không vừa lòng, họ sẽ vào ra tâu mãi với Hoàng thượng, thì bận lòng Hoàng thượng lắm. Vậy để tỏ lòng thân thiện và tri ân, tôi xin cho người của tôi được phép gác cửa đền của Bộ Hạ, và không cho ai ra vào làm rối lòng Bộ hạ.

– Trẫm cho phép, không sao đâu, khanh cứ thi hành, miễn sao tốt đẹp thì thôi.

Đức Mahosatha lạy tạ lui ra, liền đổi lính mình gác cửa đền vua, không cho ai vào ra tự do như trước. Đức Mahosatha giả tìm chỗ tạo cung điện cho vua Videharāja tại cung của hoàng thái hậu là mẹ của đức vua Culaṇī, bảo quân phá cửa cạy gạch v.v... Hoàng thái hậu thấy bất bình hỏi, tại sao vậy? Những người của Mahosatha không cần trả lời cứ làm phận sự mình. Bà hoàng thái hậu la rầy ngăn cản không được, bèn tính vào tâu cho hoàng nhi rõ. Đến cửa đền, ngọ môn quan không cho vào. Bà nói: “Ta là mẹ của vua Culaṇī tại sao không cho ta vào?” Ngọ môn quan không cần nghe, bà bất bình. Không biết làm sao phân trần, bà trở về đến kêu nài với người Mahosatha, ngài vẫn nín thinh. Bà khẩn khoản với người hầu Mahosatha hỏi lộ một trăm ngàn lượng bạc. Kevata bèn dẫn quân đến châu vua, mà cũng không vào được; buộc lòng phải khẩn cầu hỏi lộ một trăm ngàn lượng bạc như bà hoàng thái hậu. Cứ như thế hết dinh này đến thự nọ, thâu được tất cả chín chục triệu lượng bạc.

Đức Mahosatha vào châu. Đức vua Culaṇī phán hỏi: “Khanh đã tìm được chỗ nào chưa?”

– Tâu, lựa nơi nào cũng chẳng có ai chống cự cả, nhưng xét thấy hạ thần làm như thế, rất tội nghiệp cho chúng dân. Nếu Hoàng thượng từ bi thì tôi xin tạo cung điện xa đền của Hoàng thượng lối bốn ngàn thước, và cách mé sông lối nửa do tuần nơi đó rất thích hợp.

Đức vua Culanī xét rằng: Nếu cho vua Videharāja ngự trong đền thì bất tiện cho chiến tranh, và hại cho ta. Vậy ngoài thành thì rất hợp và được nhiều lợi ích. Nghĩ rồi bèn phán rằng: “Khanh tính như vậy thật hay, khanh cứ khởi công đi”.

- Tàu, sợ e có người vào rừng đốn củi rồi gây ra bận lòng.
- Trẫm cấm không cho một ai đến đó cả.
- Tàu, gần mé sông, quân binh của hạ thần thường xuống tắm rửa, có làm cho dân chúng bất bình chăng?
- Khanh cứ cho phép quân binh tự do xuống tắm rửa không ai dám làm chi đâu.

Mahosatha quỳ lạy lui ra, về truyền quân lính khởi công lập tức. Đức vua Culanī ra lệnh bố cáo cho dân chúng biết, nhà vua cấm ngặt không ai được đến gần để bậc trí tuệ Mahosatha hành sự, kẻ nào vi lệnh sẽ bị phạt một ngàn lượng bạc. Đức Mahosatha đóng dinh lập trại, lập thành một quận to hiệu là Taggaligāma cho voi binh, ngựa binh, xa binh và bộ binh, rồi phân phát công việc cho sáu ngàn quân thợ, đào đường hầm và lỗ hồng gần mé sông, vì thế mà nước sông phải đục. Đức Bồ-tát dạy đào đường hầm to rộng có cả lỗ hồng, xây vách tường có trần phía trên, có đèn máy, đủ cả tiện nghi, có 101 ngai rồng cho 101 vị vua, có giường rồng, màn che sáo phủ, sơn phết, họa tranh cõi trời dục giới, trời Đê Thích Chư thiên hầu hạ, có đủ cả đồ trần thiết xem rất ngoạn mục như cõi trời Đạo Lợi. Khi đã tạo đường hầm, cung điện hoàng thành Bồ-tát bèn dâng sớ về tàu, thỉnh đức vua Videharāja qua, quan quân rân rộ sang đền, đức Bồ-tát ra đón rước đức vua Videharāja vào cung điện an nghỉ.

Sáng ra, đức vua Videharāja gửi tin tàu cho đức vua Culanī hay rằng: Vua Videharāja đã qua đền và xin định ngày lễ thành hôn với công chúa. Đức vua Culanī mừng thầm, nay mưu chước ta được hiệu quả. Ta sẽ tùy cơ bắt chúa tôi hạ sát cho tuyệt dòng, chừng ấy ta sẽ bày lễ âm tửu khai hoàn. Hiện nay, chúng như cá đang nằm trên thớt ta chẳng lo chi, nghĩ rồi bèn sai quân đến cho đức vua Videharāja lựa ngày tốt, thuận tiện để rước công chúa. Đức vua Videharāja cho nhà chiêm tinh xem sao, rồi tàu rằng: “Ngày mai rất tốt”. Đức vua Videharāja bèn sai quân vào tàu cho vua Culanī rõ. Đức vua Culanī rất mừng, mai là ngày vua tôi chúng đền tội, ta sẽ bắt cho được vua tôi Videharāja hạ sát mà rửa hờn. Đức vua Culanī ra lệnh 101 tiểu vương đem binh bao vây chỗ vua Videharāja ngự. Ngài dạy hoàng thái hậu, hoàng hậu, thái tử và công chúa vào ngự chung cùng nhau và cho quân binh hộ vệ nghiêm ngặt. Còn phần trẫm, trẫm sẽ xuất chinh bắt cho được vua tôi Videharāja. Về phần Mahosatha, ngài cho đãi vua, các quan đại thần và quân lính ăn uống no đủ. Khi được nghe vua Culanī xuất chinh, thì đức Bồ-tát ra lệnh ba trăm binh vào thỉnh bà thái hậu, hoàng hậu và thái tử, công chúa đem chờ tại cửa gần mé sông.

Trong khi ấy, bà hoàng thái hậu dẫn ba vị hoàng tộc là: hoàng thái hậu, thái tử và công chúa vào ngự trong một phòng có quân lính canh phòng nghiêm ngặt. Không lâu, có một toán lính đến gần cửa phòng tàu: “Kính thỉnh quý ngài đi dự lễ khai hoàn. Nay đức vua bắt được vua Videharāja cùng Mahosatha và hạ sát rồi. Đức vua và 101 tiểu vương đang dự lễ âm tửu khai hoàn. Vì thế đức vua dạy tôi đến thỉnh đức Hoàng thái hậu, Hoàng hậu, Thái tử và Công chúa đến gặp Hoàng thượng”. Bốn vị hoàng gia tin là thật, rồi ngự đi theo. Quân lính dẫn bốn vị đến đường hầm. Bốn vị bèn hỏi: “Đường này có từ bao giờ, sao chúng tôi không biết?”

- Tàu, đây là đường phúc đạo, khi nào có đại lễ mới được đi.

Bốn vị cũng tin theo. Tất cả quan lính tấn công vào thành nội, chia ra làm hai đội²⁹. Một đội ở lại lục soát lấy hết vật báu trong cung nội, một đội dẫn đường đem bốn vị Hoàng gia về đường hầm. Bốn vị ngự đến đường hầm to, thấy có trần thiết cao sang đầy đủ báu vật, giống như cõi trời, nên khen rằng: “Đây thật là nơi thắng cảnh, dành cho nhà vua du lãm”. Khi đến đường hầm gần mé sông, quân lính thỉnh bốn vị vào ngự một phòng riêng biệt. Có người đến báo cho đức Bô-tát biết, Bô-tát rất hoan hỷ rằng: “Thật là mãn nguyện của ta rồi”. Ngài bèn đến châu đức vua Videharāja rồi đứng qua một bên.

Về phần đức vua Videharāja, ngài hằng nóng lòng vì phiền não dục. Sáng ra đức vua cùng bốn vị giáo sư lên lầu thấy biết bao quân lính, trùng trùng điệp điệp, bao vây cung đình, nên sanh nghi. Ngài bèn hỏi bốn vị giáo sư rằng: “Các Khanh thấy quân lính bao vây, có hiểu thế nào chăng?”

– Tâu, Hoàng thượng cần chi lo ngại, đó là đức vua Culanī đem quân đội hộ giá và đưa công chúa đến cho Hoàng thượng, theo lễ nghinh giá là khách quý, có chi đâu mà Bệ hạ sợ.

Quân lính dần dần vây chặt vòng thành, lại thêm nghe tiếng các đại tướng ra lệnh và lập đi lập lại rằng: “Chớ để đuôi, đừng cho chúng trốn thoát”. Đức vua Videharāja càng lo sợ, nên hỏi Mahosatha: “Này con Mahosatha! Con có hiểu thế nào chăng?” Mahosatha xét rằng: Đức vua vì mê sắc và tin bốn vị giáo sư, không nghe lời ta can gián, nên hôm nay phải gặp tai hại lớn lao như vậy. Vậy để ta làm cho ngài hoảng hốt, rồi sau sẽ an ủi ngài. Bô-tát bèn tâu rằng: “Hôm nay, đức vua Culanī đem đội binh bao vây cung điện, chẳng phải để hộ giá Hoàng thượng đâu, đây là cố mong sát hại Bệ hạ đó”. Nghe Bô-tát tâu như thế, các quan hầu cận vua đều khùng khiếp và sợ chết. Đức vua Videharāja sợ xuất hạn, tâm ngài rung động như lá cây bị gió thổi. Đức Bô-tát tâu tiếp rằng: “Hoàng thượng say mê vì phiền não dục, không còn suy xét chu đáo. Hạ thần đã thấy nhiều điều nguy hiểm, nên hết lòng khuyên can Bệ hạ. Nhưng Hoàng thượng bất luận³⁰ cứ nghe và khen lời tâu của bốn vị giáo sư. Như thế có kết quả tốt hay thế nào? Hạ thần hết dạ trung thành tìm lợi ích cho Bệ hạ mà Bệ hạ không nghe, Bệ hạ đồng ý với bốn vị giáo sư rằng: Là hạng người tốt có nhiều kinh nghiệm. Nay có khổ đến, Bệ hạ nên hỏi ý kiến và cầu các ngài đó giải vây³¹ cho. Hôm nay Bệ hạ đã sa trong quyền lực của đức vua Culanī ví như loài thú mắc bẫy của thợ săn, ấy cũng vì bệ hạ hoan hỷ, ưa thích ngũ dục. Khi trước, hạ thần đã nhiều phen tâu khuyên: Nếu Bệ hạ mê sắc nạng công chúa của vua Culanī và ngự đến kinh đô Uttarapancā ắt sẽ mang nhiều tai hại, ví như loài thú muốn chết vì mê thú cái của thợ săn, hoặc như loài cá mê mồi mắc phải lưới câu của ngư ông. Bệ hạ ngự đi đây gặp nhiều điều nguy hiểm như thú si mê vào gần đường, cận xóm làng. Hạ thần dùng hết lý luận để tâu bày mà Bệ hạ không tin, lại còn chê trách hạ thần là vô tri thức, mù quáng không bằng Kevata. Bệ hạ, vì gần bạn lành là Kevata mới gặp những thống khổ như vậy. Khi hạ thần tâu mong cho Bệ hạ được hạnh phúc, mà Bệ hạ bất bình, nhiech hạ thần là kẻ mù, không rõ điều an vui của nhà vua, làm cho vua thất lợi, mất nạng ngọc. Bệ hạ cho hạ thần là kẻ chỉ biết cấy cày, sanh trong gia đình nông phu và đuổi hạ thần ra khỏi thành. Bệ hạ tán dương những người vừa lòng của Bệ hạ, họ có đủ thao lược để hộ giá Bệ hạ được, vậy Bệ hạ nên hỏi mưu chước nơi họ đi. Phần hạ thần chỉ biết cầm cày, cuốc đất mà thôi! Bệ hạ đã đuổi hạ thần rồi, nay sao Bệ hạ lại trở lại hỏi ý kiến hạ thần nữa?” Đức vua nghe rồi nghĩ rằng: Nay Mahosatha khai tội ta. Thật ra trước kia Mahosatha xét thấy lo sợ trong vị lai, nên mới đàn áp ta thái quá. Có lẽ Mahosatha đã biết có nhiều tai hại như vậy mới qua trước lâu ngày

²⁹ Toán quân.

³⁰ Không kể.

³¹ Gỡ ra khỏi vòng vây.

để tìm phương giải cứu ta chăng? Nghĩ rồi ngài bèn tỏ lời phủ úy Bò-tát rằng: “Này con Mahosatha, lẽ thường bậc trí tuệ không nên vạch tội quá khứ, để dùng lời châm chích đâu. Ô! Vì sao con lại bắt lỗi quá khứ đem xói mói cha? Này con Mahosatha! Nếu có mưu chước hay, nên cứu cha trong lúc này. Ngoài con ra không ai là nơi nương cậy của cha đâu! Chỉ có con là người cứu mệnh cha được mà thôi”. Đức Bò-tát nghĩ đức vua thật là mù quáng, không biết dùng người, vậy ta nên làm cho ngài sợ thêm chút nữa, để ngài hối cải từ đây, rồi tâu rằng: “Nay đã vượt trí tuệ của phàm nhân rồi, trừ loài điều thú hoặc đại bàng, điều hay Long vương, có thể bay trên hư không, mới mong thoát khỏi nạn này. Hạ thần đâu có thần thông và cũng không đủ khả năng cứu nguy Bệ hạ được”. Nghe như thế, đức vua đành ngậm miệng không còn lời nào nói nữa.

Vị giáo sư Senaka nghĩ rằng: Những nạn khổ đã đến cho đức vua mà chính ta đây không phải là người nương tựa của đức vua được, trừ Mahosatha ra. Nay đức vua nghe Mahosatha tâu nên hoảng sợ, không thể cầu khẩn nữa, vậy ta nên khẩn khoản Mahosatha thử xem, rồi nói rằng: “Này bậc trí tuệ! Ghe đắm giữa biển, những thủy thủ không thấy đâu là bờ bến, chỉ lội theo sóng lượn mà được vào bờ, hết khổ thế nào, đức Thánh thượng và chúng tôi đây ví như kẻ lội trong biển, ngài Mahosatha là bậc trí tuệ đáng cho chúng tôi nương nhờ. Khi đức vua Culanī đem binh vây thành Mithilā đó, chúng tôi được giải cứu cũng nhờ ngài. Nay xin ngài từ bi thương xót mà cứu mạng chúng tôi”.

– Này ông Senaka! Bây giờ đây, lướt qua trí tuệ của người, trừ loài điều thú mới có thể bay khỏi được, nếu bay không được, thế là lướt qua trí tuệ rồi.

Đức vua Videharāja thấy trù tính với Bò-tát không được nữa, túng thế phải bàn với Senaka rằng: “Này Senaka! Nên tìm phương pháp nào để tránh nạn tai trong lúc này được, Mahosatha đã bỏ chúng ta rồi, vậy Khanh có phương thế nào hay cứ tâu cho trẫm rõ”. Senaka nghe đức vua hỏi, nghĩ rằng ta phải tâu thế nào đây chớ không lẽ nín thinh, thôi để cho ta tâu vài lời: “Theo thiên kiến hạ thần, thì nên nổi lửa đốt cung điện này cho cháy đỏ, chúng ta mỗi vị cầm một binh khí, ngồi mà chịu lửa thiêu, còn hơn để vua Culanī cắt lấy thủ cấp”. Đức vua nghe rồi đáp: “Như thế Khanh đi thiêu vợ con Khanh đi”. Đức vua hỏi qua Pakuttha: “Có kế nào hay chăng?”

– Tâu, chúng ta nên dùng thuốc độc mà uống vào cho chết hết, còn hơn để cho vua Culanī sát phạt.

Đức vua hỏi đến Kaminda.

– Tâu, chúng ta nên tìm lấy mỗi người một sợi dây thắt cổ chết cho rồi.

Đức vua hỏi đến Devinda. Devinda xét: đức vua mong tìm lửa, mà lại kiếm đom đóm, chẳng hay ngài nghĩ thế nào há! Nên ngài lại hỏi đến ta, sao không hỏi Mahosatha, ta biết gì mà nói. Nhớ đến lời Senaka vừa trình bày, bèn quỳ tâu rằng: “Chúng ta đồng hiểu rằng, chỉ có bậc trí tuệ Mahosatha đây là nơi nương dựa duy nhất, vậy ta nên đồng nhau khẩn cầu Mahosatha, khi Mahosatha giải cứu không được, thì chúng ta hãy thi hành theo lối của Senaka, tốt hơn các phương pháp khác”. Đức vua nghe rồi tâm thần rối loạn, không có thể thương thuyết với Mahosatha được, ngài bèn than thở, kể lể rằng: “Con người đi tìm lối danh mộc mà lại được lối cây tạp, dùng vào việc gì cũng không tiện, thế nào, cũng như trong lúc này ta tìm phương giải khổ không được nơi hạng người tối tăm, ví như voi bạch ở trong nơi không nước. Thân ta đây ví như lá bồ đề bị gió, cổ ta khô khan, bụng ta nóng như lò lửa, ta không tìm được nơi để dập tắt sự nóng, ví như người bị lửa thiêu, thật là thảm đạm”. Đức Bò-tát thấy đức vua than kể những nỗi khổ tâm như thế, bèn nghĩ rằng: đức vua đã khổ sở thái thậm rồi, nếu ta vẫn nín thinh thì ngài phải khổ mà chết không sai. Xét như vậy, đức Bò-tát liền an ủi đức vua rằng: “Xin Hoàng thượng đừng quá ưu tư, tôi sẽ cứu nạn

cho Bệ hạ được, ví như vị trời đem voi bạch khỏi bùn lầy, hoặc như người cứu rắn ra khỏi giỏ, hay đem chim ra khỏi lồng, cho đến tất cả quan quân cũng đều được thoát khỏi. Tâu, xin Hoàng thượng an tâm, hạ thần sẽ đánh đuổi quân binh của vua Culanī, ví như kẻ đuổi bầy quạ bằng cục đất. Quan quân đại thần có trí tuệ, khi chúa mình bị khổ, nếu không giải nguy được thì đâu gọi là người có trí tuệ. Tôi sang đến đây trước, đâu có phải đi không về rồi, tôi đã làm được những việc có kết quả tốt rồi”. Khi nghe đức Bồ-tát tâu rõ rệt như thế, đức vua và quan quân đều hân hoan vui sướng. Senaka bèn hỏi: “Vậy bậc trí tuệ tính đem chúng tôi đi bằng cách nào?”

– Tôi sẽ dẫn tất cả theo đường hầm này mà ra khỏi, không sai.

Rồi ngài dạy quân binh mở cửa đường hầm thì các phòng đường hầm sáng trưng rực rỡ, tốt đẹp như cõi trời. Bồ-tát bèn thỉnh đức vua Videharāja xuống lầu, Senaka lột mào ra, vén quần lên, cởi áo buộc ngang hông. Bồ-tát hỏi: “Tại sao ông làm như vậy?”

– Nếu không làm vậy, thì vào đường hầm sao tiện?

– Phải bò đi sao? Đứng lên như thường. Đường hầm của tôi cao đến 5 thước và rộng lắm, ngựa chạy cũng được, không có chi trở ngại cả.

Bồ-tát cho Senaka đi trước, đức vua ngự đi giữa, còn chính ngài thì theo sau. Tất cả quan binh hộ tống hai bên; vừa đi vừa ăn uống vui chơi như thường, như đi trong chợ vậy. Đức vua ngự đi xem thấy trong đường hầm trần thiết thật đẹp, xem rất ngoạn mục như cõi trời, nên vừa đi vừa ngắm. Khi đức vua vừa đi đến cửa ra đường hầm thì gặp bốn Hoàng gia (hoàng thái hậu, hoàng hậu, hoàng tử và công chúa) của đức vua Culanī, các vị này xem thấy rất kinh khủng, sợ chết. Hoàng hậu bèn la hoảng, khi nghe tiếng la, đức vua Culanī ở không xa nên nghe được và tin rằng đó là tiếng của hoàng hậu mà không dám nói, e quân lính biết, rồi cười nhạo rằng: Ta đã chinh chiến mà còn nhớ đến vợ con nên hổ thẹn mà nín thính.

Về phần đức Bồ-tát thỉnh đức vua Videharāja và công chúa lên ngôi trên giường ngọc, rồi tôn công chúa lên làm hoàng hậu của đức vua Videharāja. Ngài thỉnh cả bốn vị Hoàng gia lên ngôi thuyền đã xếp đặt sẵn trong nơi ấy, khi đó đức Bồ-tát chỉ giáo cho đức vua biết rằng: “Tâu Bệ hạ, Dalacandī là em hoàng hậu. Bệ hạ nên từ bi thương xót như em ruột của Bệ hạ. Bà Nandā đây là mẹ vợ, Bệ hạ phải phụng sự như mẹ của Bệ hạ. Bệ hạ ngự đi đến lần này chỉ mong được nàng Pancālacandī, nàng là hoàng hậu của Bệ hạ rồi, tùy theo chí hướng của Bệ hạ. Nhưng với bà Nandā, Bệ hạ phải bảo vệ phụng sự cho chơn chánh”. Đức Bồ-tát tâu, khuyên bảo như thế, vì không tin bụng đức vua Videharāja. Về phần hoàng thái hậu đã già, không cần phải dặn bảo, hay phải lo như bà Nandā. Đức vua xuống ngự trên thuyền rồi gọi đức Bồ-tát rằng: “Con Mahosatha, con ở lại làm gì, hãy về luôn với trẫm”.

– Tâu, hạ thần đi về chưa tiện, vì còn nhiều binh lính của mình trong thành. Chúng còn đang ăn uống, chưa biết Bệ hạ đã ngự đi rồi. Hạ thần không thể bỏ chúng được, dù là một người. Thỉnh Bệ hạ ngự về, vì hạ thần đã xếp đặt quân binh ngự sẵn, để rước Bệ hạ và thay đổi ngựa, xe cho Bệ hạ được an vui ngự về đến xứ Mithilā.

– Nay con! Còn quân lính ít, làm thế nào cự địch nổi với muôn vàn binh lực của vua Culanī?

– Tâu, mặc dù ít lính, xong có trí tuệ rồi thì không khó, ví như một mặt trời vệt tan sự tối tăm, có thể chiếu minh³² cả thế giới được.

Xong đức Bồ-tát tạ từ vua Videharāja mà trở lại. Đức vua Videharāja nhớ đến ân đức Bồ-tát rằng: Ta được thoát nạn đây cũng nhờ Mahosatha, được nàng công chúa

³² Soi rõ.

Pancālacandī cũng nương Mahosatha. Nhớ đến ân đức của đức Bồ-tát như thế, ngài rất thỏa thích rồi phán Senaka giáo sư rằng: “Này Senaka! Được thân cận với bậc trí tuệ có rất nhiều lợi ích, như trầm và các khanh mà được khỏi nạn nhờ Mahosatha, khác gì người thả chim khỏi lồng, phóng sanh cá thoát lưới. Senaka thấy thế nào?”

– Tâu, tốt lắm. Senaka tuyên bố, tán dương công đức Bồ-tát, như đức vua Videharāja.

Khi lên khỏi thuyền, đến các trại, cho quân lính thay ngựa, xe mà Bồ-tát đã dự sẵn, không bao lâu đức vua về đến kinh đô Mithilā.

Nói về đức Bồ-tát khi tiễn biệt đức vua rồi, bèn trở lại đường hầm đến cung điện tắm rửa, thọ thực xong vào phòng nghĩ rằng: Sự ước mong của ta đã được kết quả như nguyện, rồi phát tâm phi lạc, ngủ một giấc rất ngon.

Nói về vua Culanībrahmadatta dẫn hùng binh và 101 tiểu vương bao vây cung điện của vua Videharāja, trùng trùng điệp điệp không một người qua lọt, quân lính canh phòng nghiêm nhặt trọn đêm. Đức vua trông sáng ra công kích vào cung điện của đức vua Videharāja. Còn đức Bồ-tát, sau khi đã nghỉ an một đêm có sức khỏe lại rồi, thức dậy tắm rửa, điểm tâm xong, mặc triều phục lên tầng lầu cao, xem thấy đức vua Culanī dẫn vô số quân binh quyết bắt cho được đức vua Videharāja, nên đức Bồ-tát liền tâu rằng: “Đại vương định chắc sẽ hạ sát được chúng tôi theo sở nguyện chăng? Cung tên và các vũ khí khác, Đại vương nên liệng bỏ cả đi, đừng mang mà nhọc mình rông, nên trở về đền nghỉ cho khỏe, mưu chước của Đại vương và Kevata, tôi đã thấu rõ hết rồi. Hôm nay Đại vương ví như người ngồi trên ngựa què, thì chạy sao kịp đức vua Videharāja. Ngài đã hồi trào gần tới thành Mithilā rồi. Tâu, đức vua Videharāja đã lên thuyền về nước từ hôm qua. Ngài không phải hồi loan một mình mà đi với các quân binh. Tâu, những chó sói thấy hoa vàng rớt trong đêm vì ánh sáng của trăng tưởng là miếng thịt rồi bao vây mà nghĩ rằng: Sáng sớm chúng ta sẽ ăn miếng thịt cho được. Sáng ra thấy rõ là hoa vàng rớt rồi lên đi, thế nào, Đại vương đem binh vây chúng tôi hôm nay khi đã rõ được vua Videharāja đã hồi trào thì không còn mong mỗi chi, rồi kéo binh đi cũng như vậy”. Đức vua Culanī nghe Bồ-tát tâu những lời rất khẳng khái, không sợ sệt như thế, ngài nghĩ rằng: Ta định bắt cho được cả hai là Videharāja và Mahosatha. Nay ta đã bắt được một Mahosatha thì cũng nên. Đức vua bèn khiến quân tấn công vào thành bắt cho được Mahosatha rồi cắt tay, chặt chân, xả thịt ra từng mảnh cho trầm. Đức Bồ-tát nghĩ rằng: đức vua Culanī này chưa rõ hoàng tộc đã bị ta bắt nên quá tự hào khiến quân bắt ta để sát hại cho hả giận. Nên tâu rằng: “Đại vương khiến quân hạ sát tôi, đến khi đức vua Videharāja biết được sẽ đem hoàng tộc của Đại vương ra hành hạ, đánh đập, rồi Đại vương nghĩ sao? Tâu, tôi và đức vua Videharāja đã dự định kín cùng nhau rằng: Nếu bên này đức vua Culanī giận tra tấn làm hại tôi thế nào, thì đức vua Videharāja sẽ hành phạt Công chúa, Hoàng hậu, Hoàng thái hậu và Thái tử như thế ấy. Tâu, da tôi đã khắc chi 100 lớp sắt, có thể ngăn ngừa tất cả tên đạn được như thế nào, cũng bảo tồn thân thể được như thế ấy. Da sắt, tức là trí tuệ của tôi, có thể phòng vệ những mũi tên tức là sự trù tính của Đại vương, tự vệ và tránh khổ được, lại còn đem hạnh phúc đến cho vua Videharāja”. Khi đức vua Culanī nghe đức Bồ-tát thuyết lý như thế, bèn nghĩ rằng: Vì sao Mahosatha nói, nếu ta hành tội hấn, thì vua Videharāja sẽ làm khổ vợ con ta? Có lẽ, Mahosatha không biết vợ, con ta có quân binh bảo hộ nghiêm ngặt rồi ư, hay là Mahosatha sợ chết rồi nói sáng, ta không tin được. Đức Bồ-tát biết đức vua Culanī không tin, nên tâu: “Nếu ngài nghi ngờ thì xin ngài cho quân đi xem trong cung nội của ngài trống không. Hoàng thái hậu, Hoàng hậu, Thái tử và Công chúa của Ngài, tôi đã dạy quân thỉnh đi theo đường hầm cùng với đức vua Videharāja về đến kinh đô Mithilā rồi. Đức vua Culanī nghe qua giật mình, ngài nghĩ rằng: Mahosatha nói cương quyết, có lẽ là sự thật vì đêm

nay ta có nghe tiếng giống như tiếng của hoàng hậu. Xét thế, ngài rất cảm động, xong ngài cố gắng gương, sai một đại thần dẫn binh về khám thành nội. Vị này đi vào đền nội, thấy quân lính bị bắt cột tay, chân, bịt miệng trói vào cây, đồ dùng trong bếp nát bét, rải rác cùng nhà, ngọc ngà cùng vàng bạc cũng chẳng còn. Các loài điều thú đến ăn lỏi thực phẩm đồ tùm lum, v.v... như nhà hoang hoặc nơi mộ địa. Quân lính cả kinh, liền trở về tâu với vua Culanī rằng: “Mahosatha nói đúng sự thật, cung nội như chốn tha ma, chỉ thấy loài quạ đến kêu la mổ ăn thực phẩm”. Đức vua nghe tâu lấy làm đau lòng xót dạ và xét rằng: Đây là do Mahosatha mà ra cả, nên ngài phát thịnh nộ. Đức Bồ-tát biết bèn nghĩ rằng: đức vua này có nhiều quân binh, vì oán giận, ngài quên cả vợ con, có thể hại ta được. Vậy ta nên tùy cơ tả sắc đẹp của hoàng hậu cho ngài xúc động tình thương thì ta mới thoát khỏi tai hại. Đức Bồ-tát bèn đưa tay chỉ mà rằng: “Đây là con đường mà hoàng hậu đã ngự đi rồi tả sắc đẹp duyên dáng của bà: Tâu Hoàng thượng, lệnh bà có đủ tướng tốt, dáng điệu yêu kiều thướt tha, màu da mịn màng, thật là cành vàng gót ngọc, tiếng nói của bà thanh tao êm dịu, giống như tiếng hạc con, mày tầm, mắt phụng, thể gian hi hữu như ngọc nữ trên thiên cung, thật là sắc nước hương trời làm cho người người đều cảm mến. Tâu, bà hoàng hậu đi theo ngõ này”. Nghe Bồ-tát diễn tả dung mạo và dáng điệu của hoàng hậu như thế, đức vua Culanī phát động lòng thương yêu hoàng hậu vô cùng. Đức Bồ-tát tâu: “Nhu vậy Đại vương đành lòng để cho hoàng hậu chết chẳng? Ngài đại nộ dạy người giết tôi. Nếu Đại vương giết tôi thì đức vua Videharāja chẳng dung tha hoàng hậu của ngài đâu. Bà xuống diêm vương, tôi cũng xuống diêm vương. Diêm chúa thấy tôi và bà bị giết như thế, sẽ đem bà gả cho tôi, tôi chết mà được vợ báu như vậy thì đâu có ân hận”.

[Vấn: - Vì sao đức Bồ-tát chỉ mô tả dung nhan, hình dáng của hoàng hậu mà chẳng nói đến ba vị hoàng tộc kia? Đáp: - Lệ thường, chúng sinh hay thương yêu và quyến luyến người vợ nhiều hơn kẻ khác, chỉ có vợ con là quan trọng hơn cả, cho nên đức Bồ-tát chỉ diễn tả dung nhan của hoàng hậu Nandā]

Đức Bồ-tát tâu về hình dung của bà Nandā hoàng hậu như vậy, làm cho đức vua Culanī rất nhớ thương như thấy bà đứng trước mặt, rồi ngài xét rằng: Ngoài Mahosatha ra, chẳng có ai đem hoàng hậu yêu quý của ta về được, chỉ có một Mahosatha thôi. Nghĩ vậy, ngài rất thê thảm xót xa, nhớ thương hoàng hậu vô cùng, làm ngài không ngồi vững trên lưng voi. Đức Bồ-tát thấy thế, tỏ lời an ủi đức vua Culanī rằng: “Tâu Đại vương chớ lo ngại, ba vị Hoàng gia là bà hoàng thái hậu, hoàng hậu, và hoàng tử, khi tôi về đến thành Mithilā giờ nào, tôi sẽ cho người đưa về ngay. Xin Đại vương an lòng đừng phiền muộn”. Đức vua Culanī nghe rồi không còn nghi ngờ lo sợ và nghĩ rằng: Kinh đô của ta đã cho người gìn giữ phòng thủ cẩn mật, có quân binh đông đúc, có sao Mahosatha lại bắt được cả bảy vị hoàng tộc, đi từ thành này đến thành nọ được và đức vua Videharāja cùng quân binh trở về nước, mà chẳng có một ai hay biết. Như thế Mahosatha có phép che mắt người chăng? Nghĩ rồi ngài bèn phán hỏi đức Bồ-tát rằng: “Này bậc trí tuệ Mahosatha, người có học phép thần thông chăng? Hay là người có phép che mắt người, nên người mới giải nạn cho vua Videharāja ra khỏi tay trảm?”

– Tâu, tôi biết phép thần thông. Lệ thường bậc trí tuệ hàng có học phép thần thông giữa khi tai nạn, đem dùng giải khổ cho mình và kẻ khác. Những quân lính trẻ trung của tôi, tôi đã tập luyện thuần thục và tinh nhuệ, nên sai họ tạo đường hầm, mới đem đức vua Videharāja về đến xứ Mithilā theo đường hầm đó.

Đức vua Culanī nghe rồi muốn xem đường hầm. Bồ-tát hiểu ý bèn tâu: “Nếu Đại vương muốn xem đường hầm, hạ thần xin thỉnh Đại vương xem như ý nguyện. Đường hầm này, tôi cho người trần thiết tốt đẹp bằng cách họa tranh, nhất là hình voi, ngựa, xe lính v.v...”

Đường hầm này, sáng sủa như ban ngày và tốt đẹp như cõi trời, có tám mươi cửa lớn, 64 cửa nhỏ, 101 phòng ngủ và hằng nghìn ngọn đèn, nếu Đại vương thật lòng với tôi, không còn thù hận nhau nữa, tôi xin thỉnh ngài vào xem sự cao sang của đường hầm. Đây, tôi xin mở cửa rước Đại vương”. Đức vua nghe theo lời, đức Bồ-tát bèn cho mở cửa. Đức vua Culanī cùng 101 tiểu vương có quân binh hộ giá vào thành đường hầm. Đức vua Culanī xem thấy sự trang hoàng trong đường hầm thật là mỹ thuật, đẹp đẽ, vinh hoa phú quý, ngài rất hài lòng, khen ngợi tài năng của đức Bồ-tát rằng: “Này bậc trí tuệ Mahosatha, bậc trí tuệ thông minh như người nếu ở trong xóm làng, quận châu, hay quốc độ nào, người người đều chung hưởng an vui hạnh phúc”, đức vua càng nhìn xem càng tán tụng tài đức của Bồ-tát. Đức vua Culanī ngự đi trước, kế đến Bồ-tát cùng các tiểu vương và quan quân đồng đi theo sau. Vừa đi vừa ngắm cảnh đường hầm trang trí tuệ thật là mỹ quan³³, chưa từng thấy. Khi đức vua Culanī ngự đi gần đến cửa đường hầm bên mé sông, vừa ra khỏi cửa, đức Bồ-tát theo bên cạnh liền giựt máy làm cho 80 cửa to và 64 cửa nhỏ đóng kín lại, nhiều ngọn đèn đều tắt một lượt. Trong đường hầm tối đen, khiến tất cả những vị tiểu vương, quan quân đều sợ hãi, chỉ có đức Bồ-tát và vua Culanī ra khỏi cửa mà thôi. Đức Bồ-tát liền rút gươm ra đưa lên, hỏi rằng: “Tâu Đại vương, tài sản trong thế gian này là của ai?” Đức vua kinh sợ đáp: “Tất cả của cải trong đời là của người, nên tha tội cho trầm đi”.

– Tâu, Đại vương, tôi đưa kiếm lên đây không phải là mong hại sát Đại vương, chỉ có ý trình bày cho thấy rõ uy thế của trí tuệ.

Đức Bồ-tát bèn trao kiếm cho đức vua Culanī và tâu rằng: “Nếu Đại vương muốn giết tôi thì dùng kiếm này mà giết tôi đi, bằng Đại vương từ bi tha thứ cho tôi cũng được”.

– Này bậc trí tuệ Mahosatha, trầm xá tội cho người, người chớ lo ngại.

Lúc ấy cả hai là đức Bồ-tát và đức vua Culanī đồng nhau thề nguyện không giết hại lẫn nhau và một lòng đoàn kết thương yêu nhau. Đức vua Culanī phán hỏi rằng: “Này bậc trí tuệ Mahosatha, người gồm đủ trí tuệ như vậy, vì sao người không mong đế vị?”

– Tâu, nếu tôi muốn đế quyền thì đã hại tất cả vị vua trong hôm nay, rồi đoạt ngôi báu. Nhưng sự giết người và đoạt vị ấy, lấy của đó, không phải là điều đáng cho bậc trí tuệ ngợi khen.

– Này bậc trí tuệ Mahosatha, bây giờ đây tất cả vị vương và đại chúng còn ở trong đường hầm, chưa ra khỏi được đang kêu la cầu cứu. Xin bậc trí tuệ hãy cho sinh mệnh đến chúng đi.

Đức Bồ-tát liền mở cửa đường hầm, lúc bấy giờ đường hầm trở nên sáng sủa. Đại chúng hết lòng mừng rỡ, cả 101 vị tiểu vương ra khỏi đường hầm đến trước mặt Bồ-tát. Đức Bồ-tát dẫn đức vua Culanī vào một đại phước xá rồi tâu: “Tôi đã hành lễ thành hôn cho đức vua Videharāja và công chúa Pancālacandī trên giường ngọc, tại nơi đây rồi mới đưa đi”. Tiếp theo 101 vị tiểu vương nói với Bồ-tát rằng: “Ngài ôi! Chúng tôi chỉ nhờ một mình ngài mới khỏi chết, nếu ngài không từ bi mở cửa đường hầm, trong chốc lát thì tất cả chúng tôi đều tử nạn”.

– Tâu, chẳng phải quý ngài chỉ nhờ ơn cứu tử của tôi trong kỳ này đâu, khi trước quý ngài cũng nhờ tôi mà thoát khỏi chết.

– Này, bậc trí tuệ! Ngài nói rằng: Khi trước cũng nhờ ngài, vậy trong lúc nào?

³³ Mỹ quan, vẻ trong đẹp.

– Tàu, sau khi đức vua Culanī được làm bá chủ trong thế gian này chỉ trừ thành Mithilā. Đức vua trở về thành Uttarapañcā định tổ chức lễ âm tửu khai hoàn trong vườn thượng uyển, quý ngài còn nhớ chăng?

– Chúng tôi còn nhớ.

– Tàu, đức vua Culanī và vị cố vấn Kevata dạy bỏ thuốc độc vào rượu vào vật thực để đả quý ngài dùng cho tuyệt mạng hết. Rõ biết như thế tôi nghĩ rằng: Giờ nào còn tại tiền, tôi không nên lãnh đạm ngồi yên, đành để cho quý ngài phải bị hại, nên tôi có sai quân binh đến tùy cơ mà tấn công đột nhập vào đập bể tất cả hũ rượu, đồ đồ nấu ăn có độc được không cho quý ngài dùng, mới cứu thoát quý ngài được.

Các vị tiểu vương nghe qua rùng mình rợn óc bèn tàu hỏi đức vua Culanī có phải thật như vậy không?

– Đúng vậy, lúc đó tôi nghe lời của Kevata mà hành động như vậy thật.

Tất cả 101 tiểu vương đồng nhau tạ ơn Bồ-tát và tán dương công đức cứu tử của bồ tát rằng: “Ngài ôi! Trí tuệ của ngài là nơi nương tựa của chúng tôi, chúng tôi cậy vào ngài mới được sinh tồn đến hôm nay”. Các vị tiểu vương cúng dường đến đức Bồ-tát rất nhiều vật báu. Đức Bồ-tát bèn tàu vua Culanī xin tạ tội với các vị tiểu vương và quan quân trọng thể, có cả kịch vui chơi trong đường hầm đến 7 ngày đêm, mới trở về thành đô Uttarapañcā. Đức vua Culanī ban thưởng Bồ-tát rất nhiều của báu và yêu cầu ngài ở lại trong nước rằng: “Này bậc trí tuệ, người đừng trở về với đức vua Videharāja nữa, ở lại đây, trăm sẽ trọng đãi người hơn đức vua Videharāja, vậy người hãy ở lại với trăm đi.

– Tàu, bỏ chủ mà ham danh lợi là điều không tốt, phải bị người chê trách để đời. Tàu, bao giờ đức vua Videharāja còn thống trị tôi không thể bỏ ngài mà đi thờ một vị Hoàng đế nào khác.

– Như vậy, người nên hứa rằng: Ngày nào đức vua Videharāja băng hà, người sẽ trở qua ở với trăm đi.

Bồ-tát bèn hứa chịu, ngài ở lại thêm 7 ngày, rồi vào tàu xin trở về thành Mithilā. Đức vua Culanī ban thưởng đức Bồ-tát rất nhiều châu báu, cho thu thuế trong 7 quận gần biên thủy xứ Mithilā cấp cho bốn trăm tôi trai, tứ gái, một trăm người vợ ngoài ra còn nhiều vật quý không kể xiết.

– Tàu, Đại vương đừng lo ngại đến các vị hoàng tộc của Đại vương. Khi đức vua Videharāja trở về xứ, hạ thân có tàu gởi gắm rằng, phải trọng đãi đức hoàng hậu Candādevī như mẹ đẻ. Khi về đến thành Mithilā, tôi sẽ sai quân hộ giá đưa Hoàng thái hậu, Hoàng hậu, Hoàng tử trở về lập tức.

Đức vua Culanī nói sādhu (tốt lắm) rồi sắp đặt các nữ trang báu vật gởi qua cho công chúa. Tất cả 101 vị tiểu vương cũng sắm sửa lễ vật biếu cho Bồ-tát rất nhiều vô số kể. Các thám tử cũng từ giã chư vương theo đức Bồ-tát trở về thành Mithilā.

Khi về gần đến thành Mithilā, quân vào báo cho bốn vị giáo sư hay trước, để bốn vị vào tàu đức vua Videharāja rõ. Vua tôi đều mừng rỡ. Đồng nhau lên tầng lầu cao xem xét. Đức vua thấy quân binh đông đảo bèn giựt mình lo sợ, nghĩ rằng có lẽ vua Culanī kéo quân đến báo thù nữa chăng? Đức vua liền hỏi: “Này các khanh, voi, ngựa, xe và bộ binh sao mà quá nhiều như thế, đáng lo ngại lắm. Vậy các khanh xem kỹ là quân binh của ai?” Senaka tàu: “Xin Bệ hạ hoan hỉ vui mừng đi. Ngài Mahosatha Pandita dẫn quân binh thắng trận hồi trào đã có thám tử vào phi báo trước, ngài sẽ đến đây bây giờ”.

– Này Senaka, quân binh của Mahosatha ít, đâu có quá nhiều vậy.

– Tâu, có đức vua Culanī phát tâm thỏa thích vui lòng cho quân binh hộ tống đưa ngài Mahosatha về chớ không có chi lạ cả.

Đức vua dạy quân đem chiên trống đánh rao cho chúng dân biết để trang hoàng trung dọn, treo cờ kết hoa v.v... từ thành thị chí thôn quê để đón rước Bồ-tát. Đức Bồ-tát vào đền. Đức vua Videharāja bước xuống ngai vàng đến hôn đức Bồ-tát mà hỏi rằng: “Con Mahosatha ôi! Cha bỏ con ở lại trong xứ người, cha rất đau lòng nên đêm trông ngày đợi. Vậy con ở lại, con dùng phương pháp nào mới thoát nạn được mà về đây, con hãy tỏ cho trăm nghe”. Bồ-tát tường thuật lại đầu đuôi tự sự câu chuyện cho đức vua Videharāja nghe. Đức vua vô cùng mừng rỡ. Bồ-tát tâu tiếp về đức vua Culanī ban thưởng rất nhiều báu vật. Đức vua Videharāja càng nghe càng ưa thích, rồi tỏ lời tán tụng tài đức của Bồ-tát. Đức vua Videharāja liền bá cáo cho dân chúng hay, để làm lễ diễn kịch trọn 7 ngày đêm ăn mừng cho đức Bồ-tát thắng trận khải hoàn. Quốc dân diễn kịch vui chơi đờn ca xướng hát, trống kèn vang rền trong thành Mithilā. Tất cả quân dân điêm trang y phục đem lễ vật đến cúng dường đức Bồ-tát vô số kể. Cử hành xong đại lễ khải hoàn, đức Bồ-tát bèn vào tâu vua, cho phép đưa ba vị hoàng tộc của đức vua Culanī về nước. Đức vua Videharāja khen phải, rồi dạy đức Bồ-tát xếp đặt cho quân hộ giá để tiễn đưa 3 vị Hoàng tộc về.

Hoàng hậu của đức vua Culanī và hoàng hậu của đức vua Videharāja (tức là công chúa của đức vua Culanī), mẹ con than khóc lưu luyến nhau trước cảnh phân ly, kẻ ở người đi thật là thảm thiết. Đức Bồ-tát giao cho quân binh tất cả bốn trăm tôi trai tở gái, 100 người vợ mà đức vua Culanī đã ban thưởng trước kia, theo hộ tống 3 vị hoàng tộc về đến xứ Uttarapancā. Đức vua Culanī hay tin rất mừng ra tiếp rước 3 vị hoàng gia là hoàng thái hậu, hoàng hậu và hoàng tử vào đền. Đức vua Culanī phán hỏi: “Lúc ở bên xứ Mithilā, đức vua Videharāja tiếp đãi thế nào?” Bà hoàng thái hậu đáp: “Đức vua Videharāja trọng đãi bà như vị trời lớn, cung dưỡng hoàng hậu như mẹ ruột và hoàng tử như em ruột”. Đức vua Culanī lấy làm vừa lòng đẹp dạ, càng ban thưởng cho quân binh của đức vua Videharāja và gửi tặng nhiều vật báu đến đức vua Videharāja. Từ đây hai nước Culanī Pañcā và Mithilā trở nên thân thiết bang giao, quốc thái dân an, người người lạc nghiệp.

Nói về nàng Pancālacandī tức là hoàng hậu thành Mithilā, rất được lòng nhà vua Videharāja thương yêu. Hai năm sau, hoàng hậu sanh được một trai và một gái. Đến năm thứ 12, hoàng tử lên 10 tuổi, thì đức vua Videharāja thăng hà. Đức Bồ-tát làm lễ tôn vương có hoàng tử, rồi từ giã qua ở cùng với vua Culanī. Ấu chúa ngăn rằng: “Ngài đừng từ bỏ tôi sớm, vì tôi còn trẻ lắm. Trẫm xin tôn trọng cúng dường ngài như cha”. Bà hoàng thái hậu Pancālacandī cũng khẩn cầu rằng: “Xin ngài từ bi ở lại, ngài đi rồi còn ai là nơi nương tựa của ấu chúa”.

– Tâu, tôi ở lại không được vì tôi đã hứa hẹn với Hoàng Tổ phụ trước kia rồi.

Từ các quan cho đến dân gian ai ai cũng cảm mến ân đức, khóc than đưa đức Bồ-tát. Qua đến xứ Uttarapancā vào châu đức vua Culanī. Đức vua tiếp rước trọng thể và ban cho đức Bồ-tát dinh thự xứng đáng. Từ đó đức Bồ-tát vào ra châu đức vua Culanī.

Thuở đó, có một ni cô danh là Pherīparibbājī có nhiều trí tuệ, hay vào thọ thực trong đền nội của vua Culanī. Ni cô này chưa từng gặp mặt đức Bồ-tát, nhưng có nghe danh Mahosatha Pandita thường vào châu đức vua Culanī. Đức Bồ-tát cũng đã nghe nói về Ni cô Paribbājī hay vào thọ thực trong đền nội, nhưng chưa từng gặp mặt.

Nói về bà hoàng hậu chỉ nhớ đến con là công chúa Pancālacandī chừng nào thì càng giận Bồ-tát chừng ấy, nên tìm dịp để báo thù. Bà dạy những cung nữ thân cận đáng tin cậy rình xem bắt tội Bồ-tát. Ngày kia ni cô Paribbājī vào thọ thực trong cung nội, khi trở ra gặp Bồ-tát vào châu vua. Bồ-tát đưa tay lên thi lễ ni cô rồi đứng nép một bên. Ni cô Paribbājī

tin chắc rằng đó là Mahosathapandita. Ni cô muốn biết Bò-tát có trí tuệ thực hay là thế nào, nên ni cô định ra câu hỏi đó. Nghĩ rồi ni cô bèn xòe bàn tay ra trước mặt Bò-tát cố ý hỏi rằng: “Đức vua mời ngài sang đây, thường ngày đức vua có ban thưởng của cải chi thêm chẳng?” Đức Bò-tát hiểu ý ni cô hỏi, nên đáp, bằng nắm tay lại dụng ý nói rằng: Chưa ban thưởng vật chi thêm. Ni cô đưa tay lên vuốt đầu là hỏi đó rằng: Như thế thì ngài cực khổ lắm, vậy ngài có thể xuất gia như ta, hay thế nào? Đức Bò-tát bèn lấy tay vuốt bụng, cố ý đáp rằng: Tôi chưa xuất gia được, vì có vợ con nhiều phải cần nuôi nấng. Chi nói với nhau bằng tâm chí như thế, rồi ni cô ra về chỗ ngụ, Bò-tát vào châu vua.

Phân các cung nữ mà hoàng hậu Candā đã sai đi rình, tìm lỗi Bò-tát đó. Khi thấy được điều như thế, bèn vào tâu cho đức hoàng hậu hay. Hoàng hậu viện cố đến tâu với vua rằng: “Chúng tôi gặp ni cô Paribbājī và ngài Mahosatha ra câu đó nhau muốn đoạt ngai vàng của Hoàng thượng. Sau khi thọ thực, ni cô vừa ra khỏi đền ngặp ngài Mahosatha hỏi ý rằng: Ngài bắt đức vua rồi đoạt để vị có được chẳng? Ngài Mahosatha nắm bàn tay lại đáp, có nghĩa là: hai ngày nữa tôi sẽ bắt hạ sát đức vua để đoạt ngai vàng. Ni cô đưa tay lên vuốt đầu hỏi, có nghĩa rằng: Chặt đầu đi, đừng để lâu. Mahosatha đưa tay vuốt bụng đáp, có nghĩa là: Tôi chặt đầu không tiện, để tôi chém ngang mình. Tâu, lệnh Hoàng thượng nên giết Mahosatha cho mau đừng chậm trễ, không nên để duôi mà lâm nạn”. Nghe tâu, đức vua Culanī bèn nghĩ: Có lẽ đầu Mahosatha lại dám hại ta? Vậy để ta hỏi lại ni cô cho rõ đã. Sáng ra, ni cô vào thọ thực, đức vua Culanī bèn hỏi: “Bạch, bà với Mahosatha có gặp nhau chẳng?”

– Tâu, có được gặp nhau tại ngày hôm qua ngay trước đền.

– Bạch bà có nói chuyện chi với Mahosatha chẳng?

– Tâu, không có nói lời chi cả, chỉ ra câu đó rằng: Tôi xòe bàn tay ra, cố ý hỏi. Đức vua mời ngài qua đây có ban thưởng thêm chi chẳng? Mahosatha nắm tay lại đáp, có nghĩa là: Chưa ban thưởng chi thêm. Tôi đưa bàn tay lên vuốt đầu, cố ý hỏi: Như thế, ngài khổ lắm, vậy nên xuất gia như tôi, ngài nghĩ sao? Mahosatha đưa tay vuốt bụng đáp, có nghĩa là: Tôi có vợ con nhiều cần phải nuôi nấng. Chi có cử chỉ thay câu hỏi và đáp như thế thôi, rồi tôi ra về, Mahosatha vào châu.

– Bạch, bà xem Mahosatha là bậc có trí tuệ nhiều thật chẳng, hay thế nào?

– Tâu, trong đời này, không ai sánh bằng trí tuệ Mahosatha.

Tâu xong, ni cô từ tạ trở về am an nghỉ. Khi ni cô vừa ra về, Bò-tát vào châu, đức vua phán hỏi: “Này Mahosatha! Khanh với ni cô Paribbājī có gặp nhau lần nào chẳng?”

– Tâu, hôm qua hạ thần có gặp Ni cô trước đền.

– Có trò chuyện cùng nhau chẳng?

– Tâu, không có nói bằng lời mà chỉ trao đổi ý kiến bằng cử chỉ thay câu nói, để vấn đáp, Bò-tát liền tâu rõ tự sự cho đức vua nghe.

Đức vua Culanī rất hoan hỉ liền phong cho Mahosatha làm đại tướng, rồi giao phó cho tất cả công việc triều chính cho Bò-tát. Từ đây uy quyền của đức Bò-tát càng vẻ vang chói lọi. Sau đó, đức Bò-tát nghĩ rằng: Tại sao đức vua giao phó công việc triều đình cho ta trọn quyền nắm giữ như vậy, thật là khó hiểu. Có khi ngài mưu chước hại mình cũng có. Vậy để ta tìm xét thử coi, ngoài Ni cô ra không ai hiểu được đức vua, để ta đến bạch hỏi xem? Khi vào lễ bái cúng dường ni cô rồi, đức Bò-tát bạch: “Thưa bà, từ ngày bà tán tụng đức tính của tôi, đức vua nghe được rồi ban thưởng tôi rất trọng hậu, nhưng không rõ đức vua có lòng tin tưởng tôi thật chẳng? Cầu bà, tùy dịp hỏi đức vua, rồi cho tôi biết”. Ni cô hứa chịu.

Sáng ra vào đèn, ni cô mong tìm hỏi đức vua, nhưng lo ngại có nhiều người sợ vua không nói thật, nên tâu rằng: “Tôi có việc kín xin tâu với Đại vương”. Đức vua liền bảo mọi người ra khỏi sân rồng chỉ còn ngài và ni cô. Ni cô tâu: “Tất cả 7 người là: hoàng thái hậu, hoàng hậu, thứ vương, vị Thūsekka, vị cố vấn Kevata, bậc trí tuệ Mahosatha và Đại vương. Tất cả 7 vị đồng nhau xuống thuyền ra đến giữa biển, có một con quái vật nước to, lên tìm ăn thịt người. Quái vật nước ấy vệt nước ra nổi lên nắm chặt chiếc thuyền, hấn hỏi Đại vương rằng: Ngài phải cho ta ăn 6 người trong thuyền này, thì ta tha ngài. Khi quái vật nói như thế, Đại vương cho hấn ăn người nào trước?”

– Bạch, như thế thì tôi cho quái vật ăn mẹ tôi trước, thứ nhì là nàng Nandā (Hoàng hậu) thứ ba là thứ vương, thứ bốn là Thūsekka, thứ năm là Kevata, còn thứ sáu, tôi biểu quái vật nước há miệng tôi vén cấm bào lên cho gọn, nhảy ngay và mồn quái vật cho nó ăn tôi. Còn bậc trí tuệ Mahosatha tôi không cho hấn ăn đâu!

Nghe đức vua đáp như vậy, bà ni cô hiểu rằng đức vua thương Mahosatha thật. Biết rõ lòng vua, bà ni cô mong làm cho tài đức của Mahosatha càng thêm rõ rệt. Bà yêu cầu cho mời tất cả mọi người trong cung nội hội hiệp lại rồi tâu hỏi đức vua về con quái vật nước. Đức vua bằng lòng cho quái vật ăn mẹ trước v.v... Bà ni cô tâu: “Mẹ của Đại vương có rất nhiều ân đức, nhất là công lao sanh thành dưỡng dục, nào là tắm rửa lau chùi những vật ô uế. Khi Đại vương còn thơ ấu, bà lo từng miếng ăn, tấm mặc, lúc khóc la, khi đau ốm, dạy bảo cho Đại vương được an vui cho đến lúc trưởng thành. Khi Đại vương bị Chābbibrāhmaṇa làm hại, đức mẹ của Đại vương tìm đủ phương cách để cứu vớt Đại vương, không có bà mẹ nào sánh bằng. Thật là ân đức sâu dày. Tại sao Đại vương lại cho quái vật nước ăn bà mẹ trước, bà có lỗi chi?”

Có lời hỏi rằng: Tại sao ni cô Paribbājī lại tâu như vậy? Bởi thuở trước đức vua Culaṇī còn bé, bà hoàng thái hậu thương yêu Chābbibrāhmaṇa, rồi hại vua Culaṇī đem để vị dâng đến Chābbibrāhmaṇa, bà trở thành hoàng hậu của Chābbibrāhmaṇa. Ngày nọ hoàng nhi Culaṇī đến nói với mẹ rằng: “Con đói bụng”. Bà mẹ, tức là hoàng hậu đem nước mía đến cho dùng, nhưng ruồi bay lại đậu, hút nước mía xung quanh mình trẻ Culaṇī. Hoàng nhi Culaṇī rãi một chút nước mía lên đất, rồi đuổi cho ruồi đậu hút nước mía ấy xong trở lại dùng nước mía được tự do, khỏi phải đuổi ruồi nữa. Chābbibrāhmaṇa thấy vậy bèn nghĩ rằng: hoàng nhi này rất khôn ngoan, khi trưởng thành đâu có để cho ta giữ an nguy vàng. Vậy ta hãy giết trẻ này cho được. Chābbibrāhmaṇa tính rồi nói với hoàng hậu. Hoàng hậu tâu dối rằng: “Bệ hạ đừng lo ngại, chồng tôi trước kia tôi còn hại được, huống chi đứa trẻ nhỏ này, giết giờ nào lại không được, song nếu hại nó thì nên đừng cho ai biết”. Hoàng hậu tâu dối như thế bởi bà có mưu. Bà gọi người đầu bếp vào rồi dạy kín rằng: “Con trai ta và con trai của người sanh ra trùng ngày, trùng tháng và thường hay gần gũi thân thiết nhau lắm, nay Chābbibrāhmaṇa muốn giết con trai ta. Vậy người nên cứu tử Culaṇī, con trai ta với đi”. – “Tâu lệnh bà muốn tôi làm thế nào?” – “Này đầu bếp, người cùng con trai ta và con trai người cả 3 nên thường ngủ trong nhà bếp, song chớ cho ai rõ được, rồi người tìm lượm nhật xương dê đem để tại chỗ mà 3 người thường hay ngủ đó. Đêm khuya vào giờ ngọ ngủ mê, người hãy đem lửa đốt nhà bếp và dẫn con ta, con người chạy ra khỏi cửa thành, tìm ngụ nơi biên thủy, mà cũng chẳng nên cho ai biết Culaṇī là con của đức vua cả, hãy giữ cho kín miệng thì sẽ được hạnh phúc ngày sau”. Hoàng hậu lén lấy nhiều vật báu cho người đầu bếp. Một hôm, vào lúc đêm khuya thanh vắng, đầu bếp bèn nổi lửa đốt nhà bếp, dẫn hai trẻ chạy ra ngoại bang tìm ở với đức vua Maddharāja tại kinh đô Sākala. Đức vua bèn thu nhận, cho ở làm đầu bếp. Mỗi khi đầu bếp vào chầu vua, hai trẻ là Culaṇī và Thūsenakka cùng vào theo luôn. Đức vua hỏi: “Này đầu bếp, hai trẻ này là con của ai?”

– “Tâu, chúng là của hạ thần”. – “Tại sao lại không giống nhau?” – “Tâu, vì khác mẹ nhau”.

Hai trẻ thường hay vào ra trong đền nội nên quen. Một ngày nọ gặp công chúa của đức vua Maddharāja, cùng chơi với nhau. Trẻ Culanī dạy công chúa đi bắt để kiểm dây buộc để mà công chúa không đi, Culanī đánh công chúa la khóc. Đức vua nghe, hỏi ai đánh con trẫm? Các cung nữ chạy hỏi Nandā công chúa: “Ai đánh công chúa?” Trẻ Nandā nghe rồi nghĩ rằng nếu ta nói bị Culanī đánh thì, Phụ vương ta bắt tội (vì thương trẻ Culanī) nên công chúa Nandā đáp, không có ai đánh cả, rồi cũng giỡn chơi với Culanī.

Một bữa nọ, chính đức vua Maddharāja xem thấy con mình bị Culanī đánh. Ngài xét, đưa trẻ này mặt mày khôi ngô không giống người đầu bếp chút nào, nó không kiêng nể ai cả, khác hơn đứa trẻ của người đầu bếp. Từ đó, đức vua Maddharāja để ý phân biệt cử chỉ của trẻ Culanī. Các cung nữ đem bánh dâng cho công chúa, công chúa đem chia cho những trẻ chơi cùng nhau, đứa nào đến lấy bánh cũng có ý kiêng dè cuối đầu mà thọ bánh. Trừ trẻ Culanī đi đến tự nhiên, rồi chen lấn giành lấy bánh. Ngày nọ các trẻ chơi cùng nhau, vào gần chỗ long sán của đức vua, trẻ nào cũng chun dưới giường kiểm đồ chơi, còn trẻ Culanī chỉ lấy cây khều ra chớ không chịu chun dưới giường. Đức vua Maddharāja thấy khác thường hơn các trẻ nhiều lần như thế, quyết định rằng: Em Culanī không phải là con của thường dân, đức vua dạy cho đòi đầu bếp đến, rồi ngài rút gươm ra, đưa lên mà nói rằng: “Trẫm chắc trẻ Culanī này không phải là con đẻ của người. Vậy người nên khai thật, bằng không trẫm sẽ chém đầu”. Anh đầu bếp kinh hồn bèn tâu ngay: “Tâu, đây là hoàng tử của đức vua Culanī”. Sau khi biết rõ nguồn con, đức vua Maddharāja bèn gả công chúa Nandā cho Culanī.

Đây nói về bà hoàng thái hậu Chalakādevī thấy nhà bếp cháy hết, rồi dạy người đi nhặt xương dê đem trình cho Chābbibrāhmaṇa rằng: “Đây là hài cốt của trẻ Culanī, nó đi ngủ chung với con của đầu bếp bị cháy, nên nó phải bị chết thiêu như vậy”. Chābbibrāhmaṇa nghe được rất hài lòng.

Bà ni cô Paribbājī tâu: “Khi Chābbibrāhmaṇa hại Đại vương đó, nhờ bà hoàng thái hậu cứu tử Đại vương. Như thế tại sao Đại vương lại cho quái vật nước ăn trước?”

– Bạch, thường ngày mẹ tôi đã già mà chưa chịu là già, làm như là gái tơ, dùng đồ nữ trang tô điểm khác thường, không xứng đáng với tuổi già. Một ngày nọ, trẫm đang lâm triều chung lo việc nước cùng các đại thần, mẹ trẫm mang dây lưng có đủ ngọc báu đi qua lại trước đền, tiếng ngọc của dây lưng khua động khắp cả thành nội. Lại nữa, mẹ trẫm các lần gọi các trẻ lại mà đùa giỡn với chúng, thật không xứng đáng, ai ai cũng đều bất bình. Một hôm, mẹ trẫm một mình tạo chiếu chỉ giả rằng: là lệnh của trẫm cho chư hầu biết “Mẹ tôi còn trẻ tuổi cần ngũ dục, ngài nào vừa lòng, thì đến lãnh về chung hưởng”. Viết như vậy rồi gửi về chư hầu, các ngài đáp rằng: Vì sao Hoàng thượng dạy như thế? Chư hầu đem chiếu chỉ ra đọc giữa hội, trẫm lấy làm hổ thẹn muôn phần, và cảm thấy phần uất, như bị người áp chế. Vì mẹ trẫm có lỗi như vậy, nên trẫm cho quái vật nước ăn trước.

– Nếu Đại vương nói Hoàng thái hậu có lỗi nên cho quái vật nước ăn trước, còn bà Nandā hoàng hậu, thường thốt những lời tao nhã và là người đức hạnh, hết lòng phụng dưỡng gần gũi Đại vương từ thuở ngài còn thiếu niên. Khi Đại vương đến ngự trong nước của bà, bị ngài rầy la đánh đập thế nào, bà cũng không nói thật vì hết lòng yêu mến ngài. Bà Nandā là phụ nữ có trí tuệ biết quan sát tìm điều lợi ích cho Đại vương, do nhân nào Đại vương lại cho quái vật nước ăn, bà có tội gì chăng?

– Bạch, nàng Nandā hay hay xin những của không nên xin, vì những đồ trang sức mà trẫm cho vợ con đó, nàng Nandā chờ có dịp thì xin, thấy trẫm mê say nàng giờ nào thì xin giờ

ấy. Khi trăm đã bị phiền não dục lồi cuốn, càng xin trăm càng cho, khiến trăm phải chạy theo thể lực của phiền não dục, sau rồi dẫu xin mà trăm không cho nàng cũng lấy, trăm quả trách cũng không kiêng nể, quyết lấy cho được. Do đó, nên trăm cho quái vật nước làm thực phẩm.

– Tâu, nếu hoàng hậu Nandā có tội, còn vị thứ vương rất thông minh, võ nghệ siêu quần, dẹp an giặc biên thủy làm cho các ngoại bang đều kiêng nể hàng phục Đại vương. Có sao Đại vương lại cho quái vật nước ăn, thứ vương có tội gì?

Có lời hỏi, có sao bà ni cô Paribbāṇī lại hỏi như thế? Bởi thuở bà hoàng hậu Chalāka thích khách đức vua Culaṇī (chồng bà) rồi dâng đế vị cho Chābbibrāhmaṇa, thì thứ vương Tikkhanamandi còn trong bào thai, nên tướng Chābbibrāhmaṇa là cha ruột, không rõ ràng là cha nuôi. Sau rồi mới phân biệt chơn giả, do một vị đại thần tâu kín. Khi được biết rằng Chābbibrāhmaṇa không phải là cha ruột. Ngài bèn thịnh nộ mong giết Chābbibrāhmaṇa. Hoàng tử bày kế cho hai quan đại thần, rầy la đánh đập nhau trước ngọ môn, hoàng tử liền vào tâu với Chābbibrāhmaṇa rằng: “Cây đao mà Hoàng thượng ban cho con, nay có kẻ lại đòi nói là của họ”. – “Tại sao thế? Đao ấy của trăm, trăm nhận biết được, vậy con ra lấy đem vào đây cho trăm xem lại”. Hoàng tử ra lấy đao vào, đem cho Chābbibrāhmaṇa nhìn, rồi thừa dịp thuận tiện chặt đầu Chābbibrāhmaṇa đứt lia. Khi hoàng tử hạ sát Chābbibrāhmaṇa rồi, triều thần đồng tôn ngài lên kế vị. Đức Hoàng thái hậu Chālanī mới chịu khai rõ rằng: “Này con Tikkhanamandi anh trai của con còn sinh tiền, hiện nay còn ngự tại thành đức vua Maddharāja”. Hoàng tử, khi được biết hoàng huynh còn sống liền đem binh đến thành của đức vua Maddharāja thỉnh đức Culaṇī về tôn lên ngôi báu.

Sau khi được rõ tự sự như thế, bà ni cô Paribbāṇī tâu rằng: “Thứ vương có đại ân với Đại vương đi thỉnh Đại vương từ ngoại quốc về, rồi đem đế vị dâng đến Đại vương, thì thứ vương có tội gì mà Đại vương đành cho quái vật nước ăn?

– Bạch, mỗi ngày đây, ngự đệ Tikkhanamandi hằng nói rằng: Biên thủy nhờ ta mà được thái bình. Đức vua này lên ngôi báu cũng nhờ ta rước về, nay mới được hạnh phúc như vậy. Thường nói như thế, thật rất khinh rẻ trăm. Vừa lòng thì hấn vào châu, bằng trái ý thì hấn không đến. Vì lẽ đó trăm mới cho quái vật nước ăn ngự đệ Tikkhanamandi.

– Thôi thứ vương có lỗi đã đành, vậy Thūsekkha là bạn thân thiết của Đại vương, sanh đồng ngày, tháng, năm, cùng Đại vương một quê hương. Lại nữa, ngài hết lòng chăm lo việc triều chính quanh năm, mãi tháng, bạn lành chơn chánh như vậy có tội gì mà Đại vương lại cho quái vật nước làm thực phẩm?

– Bạch, bạn Thūsekkha của tôi từ bé ở chung, ngủ chung, đùa giỡn cùng nhau, đến nay cũng vẫn còn như thế, tôi không bỏ rơi phụ bạc bạn xưa. Khi có lỗi, tôi cũng không bắt tội, vào đền sái giờ tôi cũng không cấm. Như vậy mà người không biết xét mình, có lúc tôi cùng hoàng hậu ở trong cung cấm mà hấn vẫn vào tự do. Vì vậy, nên tôi mới cho bạn đến quái vật nước ăn.

– Tâu, thôi để đó, vậy vị cố vấn Kevata, ông sáng suốt trong các công việc, biết rõ đây là nhân, kia là quả. Ông nghe được tiếng chim, tiếng quạ biết rõ điều hay lẽ phải, biết coi ngày tháng, xem sao bói quẻ khó mà tìm được một vị cố vấn như ông. Vậy do nhân nào mà Đại vương cho quái vật nước ăn ông?

– Bạch, vị cố vấn Kevata có khuynh hướng không tốt, là trước mặt hay khuất mặt người, giữa đại chúng mắt hấn liếc tôi trợn trắng như giận dữ đáng sợ. Vì Kevata có thái độ không đoan trang với tôi như thế, nên tôi cho quái vật nước ăn.

– Tâu, tất cả 5 người trước nhất là hoàng thái hậu, cuối cùng là vị cố vấn Kevata, Đại vương cũng cho quái vật nước ăn liên tiếp. Cho đến người thứ 6 là Đại vương, ngài cũng đành nhay vào miệng của quái vật nước cho nó ăn, không mền tiếc ngại vàng và sinh mệnh, để thế cho bậc trí tuệ Mahosatha, vậy bậc trí tuệ Mahosatha có đặc ân chi với Đại vương? Tâu, Đại vương là bậc quý nhân, sản nghiệp của Đại vương hằng ngày đây, biên giới chí đại hải, chẳng có một cường quốc nào sánh bằng sự vinh quang xán lạn của Đại vương. Đại vương có uy thế lẫy lừng, hơn cả 101 quốc vương trong thiên hạ. Nước giàu dân mạnh, binh hùng, tướng giỏi. Đại vương là một vị đại hoàng đế uy phong lẫm liệt, đường đường chính chính cao sang tốt bậc. Lệ thường người giàu sang phú túc như Đại vương, ai ai cũng đều mong được trường thọ để hưởng hạnh phúc lâu dài. Có sao Đại vương lại hạ mình đành chịu làm mồi cho quái vật nước, chết thế cho bậc trí tuệ Mahosatha. Mahosatha có ân đức gì với Đại vương?

– Bạch Ni cô! Mahosatha đây, từ khi qua ở bên kinh đô này, hằng tìm làm biết bao điều lợi ích cho trăm. Cả ngày lẫn đêm, Mahosatha không làm điều gì quấy, dù là nhỏ nhen. Trước kia khi còn là thù nghịch, có thể giết trăm được mà không giết. Mahosatha đủ điều kiện hại vợ con trăm mà cũng dung tha. Vợ con trăm mà được an vui, sum vầy chung hưởng hạnh phúc đây cũng nhờ Mahosatha. Mahosatha biết rõ nhân quả trong quá khứ, vị lai và hiện tại, ví như đấng Chánh đẳng Chánh giác. Mahosatha có thân, khẩu, ý lành. Bậc trí tuệ Mahosatha gồm đủ các tĩn từ, bi, hỉ, xả. Vì thế, nên trăm mới chịu chết, để bảo vệ bậc trí tuệ Mahosatha.

Đức vua tường thuật tài đức của ngài Mahosatha như vị trời có nhiều năng lực, cầm vàng trắng đưa lên giữa hư không vậy. Bà ni cô Paribbājī cố ý, mong cho tài đức của ngài Mahosatha được truyền tụng trong đời, nên cầu xin đức vua ra trước đền, rồi bá cáo cho dân chúng hay, tựu hội lại để nghe lời cao quý. Bà hỏi đức vua về câu truyện cho quái vật nước ăn thịt 6 người, để đức vua đáp lại cũng như đã giải trước. Bà ni cô Paribbājī chọn những phần hay để thuyết pháp và nêu cao trí tuệ của đức Bồ-tát Mahosatha, ví như người đã tạo xong nhà, rồi đem ngọc ma-ni treo trên nóc, rằng: “Cùng tất cả quốc dân đến hội họp trong nơi này, hãy chăm chú nghe thiện ngôn của đức vua Culanī, ngài thuyết về câu chuyện mà ngài từ bỏ hoàng thái hậu, hoàng hậu, thứ vương, bạn thiết, vị cố vấn Kevata và sanh mệnh của ngài cho quái vật nước ăn để gìn giữ, bảo vệ bậc trí tuệ Mahosatha. Đây thật là chuyện hy hữu. Nay quý vị! Các ngài nên lưu tâm quan sát cho thấy đức tính của trí tuệ. Đức của trí tuệ thật là siêu nhiên³⁴. Kẻ nào có trí tuệ rộng lớn là chánh kiến, xét thấy chơn chánh rồi, làm những việc vô tội theo sự suy nghĩ đúng đắn, đem lợi ích cho mình và kẻ khác trong kiếp hiện tại và vị lai”. Bà ni cô Paribbājī thuyết về ân đức siêu tuyệt³⁵ của trí tuệ như thế.

Satthā imam dammadesanamāharitvā: Đức Thiên Nhơn Sư thuyết xong tích Mahosatha rồi bèn giải tiếp rằng: “Này các thầy tỳ khuru! Chẳng phải Như Lai chỉ có trí tuệ cao siêu trong kiếp cuối cùng này đâu, thuở Như Lai thọ sanh làm Mahosatha, Như Lai cũng có trí tuệ vượt lên trên tất cả mọi người vậy”. Xong đức Thế Tôn họp các tiền kiếp lại rằng: Tada kale: trong thời đó, Senako giáo sư Senaka nay là Kassopo, Thượng tọa Ca Diếp; Pakuto giáo sư Pakuta nay là Ambattho, Thượng tọa Ambattho; Giáo sư Kaminda nay là Kutadandabrahmana; Kevinda nay là Sonadantha; cố vấn Kevata nay là Devadatta (Đề Bà Đạt Đa); Chalakā, nàng Chalakā (Hoàng hậu) nay là Tỳ khuru ni Thulanandisundani; Pañcālacandī (Công chúa) nay là Tỳ khuru ni Mangalika bhikkhuni; nàng Udumabara nay

³⁴ Vượt lên trên cả.

³⁵ Vượt lên mực thường.

là Ditthamangalika bhikkhuni; Đức vua Videharāja nay là Tỳ khuru Kaludayithera; nàng Paribbājī nay là Tỳ khuru ni Upalavanna theri bhikkhuni; Triệu phú Sirivaddhana nay là Suddhano đức Tịnh Phạn Vương; vợ Triệu phú nay là Mahamāyā hoàng hậu; nàng Amora nay là Bimba; Thứ vương Tikkhana nay là Chando tỳ khuru; Thnūsekkha nay là Rahulo tỳ khuru Rahula; kết Suvapotaka nay là Sariputto Đại đức Xá Lợi Phất; Mahosatha đức Mahosatha nay là Lokanatho Đức đại bi Chánh đẳng Chánh giác siêu nhiên như thế.

– *Mahosatho nitthito – Dứt tích Mahosatha* –

THẬP ĐỘ Quyển II

LỜI TỰA

Nhận thấy Thập độ là một yếu tố căn bản mà người tu Phật phải thông hiểu và tinh tấn thực hành theo. Đức Thế Tôn khi còn là vị BỒ-tát, ngài cố gắng tu pháp ba-la-mật đã trải qua bao a-tăng-kỳ kiếp, nên chi, Ngài mới được chứng quả vị là siêu thoát Niết-bàn.

Mong cho chư Phật tử được tế nhận rõ rệt đường lối cứu cánh của đức Chánh Biến Tri, chúng tôi không nệ tài hèn đức kém, tìm phiên dịch nối tiếp năm pháp ba-la-mật sau đây (các tiền kiếp của đức Bôn sư Thích Ca Mâu Ni) trong mỗi truyện đều có nêu rõ gương chí thiện của đức BỒ-tát.

Những phương pháp đã diễn giải toàn là những lợi ích tối cao, vì chúng ta không quan tâm đến nó, nên không nhận thức được sự tinh túy, ngõ hầu tìm ra ánh sáng để thoát ly trần tục.

Chúng tôi mong tất cả muôn loài lãnh hội chánh pháp, nên chọn lấy con đường chơn chánh để tiến hành. Như thế mới mong đem mình ra khỏi bể trầm luân, không sợ bị thế gian pháp đầu độc trước cái đẹp ảo huyền của vật chất. Chỉ có một tinh thần sáng suốt trên phương diện giải thoát, đạt đến Niết-bàn là pháp vô sanh bất diệt

Mong thay!

Hộ Tông Tỳ khuru

Namatthuranattayassa

6. Bhūridata jātaṅga – truyện đức Bhūridata (Bồ tát tu hạnh trì giới ba-la-mật)

Một thuở nọ, đức Phật ngự an trong Kỳ Viên tịnh xá, gần kinh đô Sāvathī, ngài đề cập đến chư thiện tín về sự thọ trì bát quan trai giới cho có nhân rồi Ngài thuyết về truyện này. Bậc A-xà-lê kết tập Tam tạng (Saṅgītikācāriya) tùy ý nghĩa kệ ngôn mà giải rộng thêm rằng: Ta được nghe như vậy: Những thiện tín đến ngày định nguyện thọ trì bát quan trai giới từ lúc rạng đông và làm phước bố thí, xé lại vào chùa dâng hoa, cùng các vật thơm cúng dường và nghe pháp tại Bồ Kim Tự. Ngày đó, Đấng Đại Bi ngự đến phước xá, vào tọa trên bảo tọa xong, ngài hỏi chư thiện tín rằng: “Ngày nay, các người đã thọ bát quan trai giới chưa?”

– Bạch đức Thế Tôn chúng tôi được thọ bát quan trai giới hằng ngày không bỏ qua.

– Các người nhờ thầy chỉ dạy, mới thọ bát quan trai giới được, không thấy chi lạ thường. Ngày xưa, bậc trí tuệ không thầy mà vẫn tinh tấn thọ bát quan trai giới, không lo ngại đến gia tài, sự nghiệp. Ngài chỉ nói bấy nhiêu rồi mặc tướng³⁶.

Các thiện tín mong được biết tiền tích, nên cầu thỉnh Ngài thuyết pháp. Đức Phật bèn thuyết về truyện đức Bhūridata rằng. Atito kāle: Này chư thiện tín! Thuở xưa có một đức vua danh hiệu Brahmadata thống trị thủ đô Bārānasī. Ngài phong cho con ngài làm thứ vương. Không bao lâu đức vua thấy thứ vương có nhiều uy thế, nên lo sợ thứ vương đoạt ngôi vàng. Ngài bèn đòi vào phán rằng: “Này con! Con hãy ra khỏi thành tùy sở thích, khi nào cha thắng hà rồi con hãy về kế vị”. Hoàng tử vâng lời, lạy tạ lui ra khỏi đền, lần hồi đi đến sông Yamanā, tạo tịnh thất gần mé sông rồi ngự yên trong nơi ấy.

Thuở đó, có một long nữ tên là Mānavikā, chồng mới chết. Vị Long nữ này thấy các long nữ khác giàu sang vui thú với chồng, nên nàng buồn tủi về ái tình. Nàng bèn ra khỏi long cung, lên bờ biển, thấy dấu chân của hoàng tử. Giờ ấy hoàng tử đi hái trái trong rừng nên vắng mặt. Vào tịnh thất thấy các vật dụng của bậc xuất gia, Long nữ bèn nghĩ rằng: Đây là tịnh thất của người tu ở rừng. Vậy ta nên thử thách đạo sĩ này, xem có phải là bậc chân tu không? Nếu thật là bậc chân tu thì không nằm trên giường có các thứ hoa mà ta trang hoàng đây. Bằng như không phải là bậc xuất gia theo đức tin chơn chánh thì sẽ nằm trên giường có rãi hoa. Long nữ bèn trở về chỗ ngụ, lấy các thứ hoa đem trần thiết phòng ngủ, có cả nước thơm, rồi nàng trở về cõi Rồng.

Khi hoàng tử trở về tịnh thất, thấy phòng ngủ có rãi hoa và nước thơm thì khen rằng: Ai đến trang hoàng phòng ngủ của ta như vậy, thật là làm cho ta vừa lòng phi dạ, rồi ngài nằm trên giường hoa ấy, ngủ cho đến rạng đông. Sáng sớm, ngài vào rừng hái trái độ nhật. Giờ đó, nàng Long nữ Mānavikā trở lại thấy hoa héo, thì biết rằng không phải là bậc chân tu. Nàng đem bỏ các hoa cũ, rồi rãi hoa mới, xong nàng trở về chỗ ngụ. Hoàng tử về đến tịnh thất cũng lên giường nằm có rãi hoa thơm ấy và nghĩ rằng: Ai đến đây trần thiết như vậy, có lẽ do nguyên nhân gì chẳng, không sai.

Sáng ra, hoàng tử không vào rừng hái trái nữa. Ngài lánh mặt trong nơi gần đấy để rình xem, thấy nàng long nữ đem hoa và nước thơm đến tịnh thất. Hoàng tử thấy dung nhan xinh đẹp của nàng Mānavikā liền sanh tâm bông bột, luyến ái nàng. Đạo sĩ theo vào phòng nội, trong khi nàng Mānavikā đang trang hoàng chỗ nằm bằng các hoa thơm, đạo sĩ bèn đem lời thiện cảm mà nói rằng: “Nàng là ai, quý danh là chi?”

– Bạch, tôi là Long nữ Mānavikā.

– Này nàng! Có chồng hay chưa?

– Bạch, tôi là sương phụ³⁷. Bạch quý danh ngài là chi, ở xứ mô, mà đến ngự trong nơi đây như vậy?

– Ta là hoàng tử của đức vua Bārānasī, tên là Brahmadata kumāra. Em bỏ Long cung đến đây, do nguyên nhân nào?

– Bạch, tôi thấy sự cao sang vui thú của các long nữ có chồng, nên tủi phận buồn teo, trái đi kiếm người quân tử để nương bóng tưng quân như vậy.

– Vậy em hãy lại đây, chúng ta chung sống cùng nhau, từ đây anh là chồng của em.

Nàng Long nữ tuân theo lời của hoàng tử, nàng liền hóa dinh thự có đủ vật dụng nhu cầu cao sang. Từ đây hoàng tử không phải vào rừng hái trái, vì có đủ món cần dùng.

³⁶ Nín thinh.

³⁷ Đàn bà goá.

Thời gian qua, nàng Long nữ sanh được một trai, đặt tên là Sāgara Brahmadata. Trẻ này vừa biết ăn, biết nói, lại sanh được một đứa gái nữa tên là Samuddhajā. Một hôm, có người thợ săn đi đến nơi ấy, được biết rõ hoàng tử bèn quì tâu rằng: “Tôi sẽ trở về tâu cho Hoàng gia biết chỗ ngụ của ngài” rồi lạy tạ từ hoàng tử trở về kinh đô Bārānasī. Trong khi đó, đức vua Bārānasī vừa thăng hà. Triều đình đang làm lễ hỏa táng, rồi câu hội trước đền, bàn luận cùng nhau rằng: Nay đức vua đã thăng hà, vậy chúng ta tôn ai lên ngôi báu. Có hoàng tử song không rõ nay ngài ngụ trong nơi nào. Như thế chúng ta phải làm thế nào? Khi đó người thợ săn vừa về đến kinh đô Bārānasī, thấy có đông người hội họp trong nơi ấy và được nghe rõ duyên cớ, bèn báo cho các vị đại thần hay rằng: “Tôi biết rõ chỗ ngụ của hoàng tử, vì tôi đã có tới nơi đó”. Các quan nghe lấy làm vui mừng, liền ban thưởng trọng hậu cho người thợ săn, rồi dạy hấn hướng dẫn quân binh vào rừng lạy thỉnh hoàng tử, nghinh giá hồi triều, vì đức vua đã thăng hà rồi.

Được biết như thế, hoàng tử vào gần nàng Long nữ tỏ lời thiện cảm, hỏi rằng: “Này em yêu mến! Nay Phụ vương của anh đã băng hà, nên các quan đến thỉnh anh về kinh đô Bārānasī để kế vị. Vậy em nên theo cùng anh về hưởng quyền cao chức trọng, phú quý vinh hoa trong thủ đô Bārānasī. Anh sẽ tôn em làm hoàng hậu lớn hơn tất cả cung phi”.

– Thưa ngài, tôi không thể đi cùng ngài được. Tại sao? Vì tôi là loài rồng, khi có điều chi không vừa lòng nhẫn nại được, nếu đã phát sân thì tia nọc độc đến các cung phi, cùng chồng phải tử mệnh. Vì vậy, tôi không thể đi cùng ngài được.

Hoàng Tử vẫn nài nỉ, mà Long nữ vẫn quyết chối từ.

– Thưa, hai con đây là loài rồng, nếu ngài mến tôi, xin ngài chăm nom hai trẻ cho cẩn thận, bằng để cho hai trẻ bị gió nắng lúc nào, thì chúng sẽ chết ngay. Ngài nên dạy cho người đào ao, chứa nước cho đầy, dành cho hai trẻ xuống tắm chơi, thế chúng mới được an vui.

Thương hại thay! Cho nàng Long nữ Mānavikā, lạy hoàng tử, ôm hai con hôn hít, nâng niu và cho nằm ngủ bên mình, ôm ấp tung tiu, trước cảnh biệt ly tình mẫu tử, nàng đầm đìa giọt lệ rồi biết mất. Hoàng tử rất thảm sâu, tha thiết giọt lệ tuông rơi, ngài lau mặt xong, ra tiếp chuyện với các quan. Triều thần đồng thỉnh ngài về kinh đô Bārānasī. Về đến hoàng cung lên kế vị ngôi vàng, ngài phong quan tấn tước cho quan quân, chẩn bản dân chúng. Ngài dạy quân đào ao chứa nước cho đầy, trồng các thứ hoa thơm, dành cho hai con đến tắm mát, được an vui.

Ngày nọ, có con rùa to vào trong ao ấy, khi tìm đường ra không được, nên nổi lên mặt nước, làm cho hai trẻ hoảng sợ, chạy đến tâu cho Phụ vương rõ rằng, trong ao có con quái vật lộ trên mặt nước, khiến chúng con rung sợ, xin Phụ vương dạy người bắt nó, đem đi lập tức cho được. Quan quân đồng nhau đến ao, bắt được con rùa to, đem nạp trước bệ rồng. Đức vua phát thịnh nộ, nên dạy đem giết rùa ấy. Có vị đại thần dạy vua nên đem liệng trong nước xoáy, cho nó chết. Rùa được liệng xuống nước, bèn lội đến cung điện Long vương Dasaratha. Vì oán vua bảo giết, nên rùa tâu dối với Long vương rằng: đức vua muốn gả công chúa cho Long vương. Long vương Dasaratha nghe qua rất hoan hỉ, liền đem binh rồng lên cõi người rước công chúa. Khi đến nhân gian. Cho người vào báo tin. Đức vua Bārānasī vì lo sợ uy lực thần thông biến hoá của Long vương, tuy rằng không có hứa, nhưng đức vua buộc lòng chịu gả công chúa cho Long vương. Khi trở về cùng Long vương dần dần công chúa sanh được 4 trai: Con trưởng tên Sudasana, thứ hai tên Subhoga, thứ ba tên Datakumāra (tức là đức Bồ-tát), có nhiều trí tuệ nên được cha mẹ thương yêu hơn cả, người con thứ tư tên là Ariṭṭha.

Lúc nọ, Long vương lên châu đức Đế Thích. Đế Thích và Chư thiên có nhiều điều nan giải, nhờ có đức Bồ-tát giảng minh rõ rệt nên Đế Thích hằng ngợi khen đức trí tuệ của bồ

tát và tặng danh là Bhūridata (vì có nhiều trí tuệ). Đức Bhūridata (bồ tát) khi lên Đao Lợi thiên cung thấy sự sang cả vinh hoa của đức Đế Thích thì mong được về cõi trời, nên nghĩ rằng: Ta là loài thú không tốt, khi trở về cõi Rồng, ta sẽ thọ bát quan trai giới, để hưởng quả báo trong ngày vị lai.

Sau khi trở về Long cung, đức Bhūridata (Bồ-tát) vào xin cha mẹ cho phép ngài lên cõi người để giữ bát quan trai giới, cha mẹ ngài hết sức khuyên lơn ngăn cản, song ngài vẫn quyết trốn lên trần gian tu hành như ý muốn. Ngài chỉ cho Long nữ là vợ của ngài biết rằng: “Anh đi hành bát quan trai tại cây da to, gần mé sông Yamanā”. Ngài giữ được 10 điều học (thập giới) và phát nguyện rằng: “Kẻ nào mong được da, thịt, máu và xương trong thân thể ta, thì tùy sở thích”. Ngài thọ trì thập giới tại cây da ấy rất lâu.

Thuở đó, có hai cha con thợ săn, cha tên là Nesādabrāna, con là Somadatabrāna. Hai cha con thợ săn thường đi trong rừng, bắt thú để nuôi sống. Bữa nọ, tìm trọn ngày không được thịt thú. Người cha mới nói với con rằng: “Này con Somadata, nếu ta trở về nhà tay không như vậy, mẹ con bất bình, vậy ta cố tìm cho được thịt rồi sẽ về”. Nói xong hai cha con bèn đến cây da, nơi Bồ-tát ngụ mà nghỉ đêm tại nơi ấy. Nửa đêm nghe có tiếng đờn ca xướng hát của các Long nữ đến chào Bồ-tát. Thợ săn lên xem, các Long nữ thấy vậy nên biết mất, chỉ còn đức Bồ-tát mà thôi. Người thợ săn liền hỏi: “Này anh! Anh tên chi, từ đâu mà đến đây để làm gì?” Bồ-tát nghĩ rằng: Nếu ta tự xưng ta là Đế Thích cũng được, nhưng không nên. Ngài bèn tỏ thật rằng: “Ta là Long vương có nhiều uy lực, cha ta là Dasaratha Long vương, mẹ ta là hoàng hậu Samuddhajā. Ta danh là Bhūridata”. Bồ-tát nghĩ, sợ thợ săn này trở về nói lại với thầy răn đến phá hoại sự trì giới của ta. Vậy ta mời y xuống cõi Rồng, rồi cho báu vật đến y để ngừa sự tai hại ấy. Ngài bèn nói rằng: “Này, người thợ săn! Người nên cùng ta đi đến cõi Rồng, ta sẽ ban thưởng nhiều báu vật đến người”. Bồ-tát dẫn hai cha con người thợ săn xuống Long cung, cho hưởng sự cao sang phú quý, ban cho mỗi người có đủ vật dụng dinh thự, có 700 Long nữ hầu hạ, nên cha con được ở an vui nơi cõi Rồng.

Về phần Bồ-tát, ngài không để duôi, vẫn tinh tấn thọ trì bát quan trai như thường. Nửa tháng ngài trở về Long cung một lần để viếng cha mẹ ngài và ngài không quên đến vấn an cha con người thợ săn, rồi mới vào cung nội của ngài.

Nói về người thợ săn, vì ít phước, nên ở lâu sanh lòng phiền não, nhớ vợ con trên nhân gian, vì vậy mong mỗi trở về. Người cha khuyên con phải tâm xin với đức Bồ-tát cho phép trở về nhà. Đức Bồ-tát an ủi bảo thế nào cũng chẳng nghe, nên ngài ban cho nhiều báu vật, rồi sai bốn thanh niên rồng hộ tống hai cha con thợ săn về đến cõi người. Lên trần gian, lần hồi đi đến một ao nước, hai cha con để đồ trên bờ ao, rồi xuống tắm. Bởi ít phước nên những báu vật của Bồ-tát cho đó, đều tiêu mất. Khi tắm xong trở kên, hai cha con thấy của cải đã mất, rất mến tiếc. Lúc về đến nhà, vợ chồng cha con xum họp mừng rỡ. Sau đó người mẹ hỏi con Somadata rằng: “Này con Somadata! Có sao cha con và con đi đến nơi nào mà nay mới trở về?”

– Thưa, cha và con gặp đức Bhūridata là một vị Long vương, đem về cõi Rồng, ban cho đầy đủ sự sang cả, rồi khuyên bảo ở lại hưởng hạnh phúc nơi cõi ấy. Không bao lâu cha nhớ nhà, bảo con cùng trở về thăm mẹ và các em, nên nay mới được hội ngộ như vậy. Từ đây, hai cha con thợ săn vẫn vào rừng săn thịt, để nuôi mạng như xưa.

Nesāda kandaṃ nitthitaṃ - Dứt đoạn người thợ săn

Tadā dakkhiṇamahāsamuddhaṃ eko gruddho pakkavā mahate samudde uddakaṃ viññūhitvā ekaṃ māgarājanaṃ sise gahi tadāhi supanināgānaṃ natuṭṭhaṃ gahetuṃ ajānanto

evam pacchāpaṇḍa rajātake jāninsu so pāna sīse gahetvāpi udake ajottharante evataṃ ukkhipitvā olampantam ādāya himavantam matṭhake pāyāsi – Thuở ấy, có một Điều vương³⁸ ở trên cây gòn gần phía đông bờ biển, có nhiều uy lực thần thông làm gió lớn, rẽ nước làm hai để bắt loài Rồng đem về núi Tuyết Sơn làm thực phẩm. Trong thời gian đó, có một người thợ săn ngụ trong thành Kāsikarāja từ bỏ gia đình, xuất gia tu đạo sĩ trong nơi ấy. Có cây da gần tịnh thất của vị đạo sĩ, là một nơi nghỉ trưa và cũng là chỗ đi kinh hành của ngài.

Một ngày nọ, Điều vương bắt được rồng, bay đem đi ăn, ngang cây da, Rồng dùng đuôi khoanh siết chặt cây da mong thoát chết. Điều vương không hay biết, dùng hết tốc lực bay lên làm cây da phải tróc gốc, đem Rồng đến cây gòn rồi mổ ăn, cây da sa xuống biển nghe tiếng âm. Điều vương xem biết là cây da, rồi nghĩ rằng cây da này là nơi tu hành của đạo sĩ. Tự hỏi như thế ta có tội chăng? Vậy ta đến hỏi đạo sĩ xem. Rồi biến thành thanh niên đến tịnh thất của đạo sĩ. Thấy đạo sĩ đang sửa sang chỗ cây da tróc gốc cho bằng phẳng. Thanh niên ấy giả như không biết chi cả, bèn bạch hỏi rằng: “Do nguyên nhân nào mà nơi đây có đất sụp như thế?”

– Nay cậu thanh niên! Có một Điều vương đi tìm thực phẩm, bắt được Long vương rồi đem đi, Long vương dùng đuôi siết chặt cây da, Điều vương dùng sức mạnh bay, đem đi luôn cả.

– Bạch, Điều vương vô ý làm cây da tróc gốc vì siết chặt, vậy ai có tội?

– Nay thanh niên! Điều vương vô ý làm cây da tróc gốc nên vô tội.

– Bạch, vậy Long vương có tội chăng?

– Nay thanh niên! Long vương cũng vô tội, vì sợ chết mà siết chặt cây da.

Khi vị đạo sĩ đáp câu hỏi như thế, Điều vương rất hài lòng nên bạch rằng: “Tôi đây là Điều vương cao quý hơn tất cả các loài điều, đến đây để hỏi ngài cho rõ chánh tà. Tôi rất hoan hỷ trong sạch với ngài. Tôi có chú ngữ³⁹ gọi là ālambāyaṇa, xin dâng đến ngài, ngài học để dành”. Đạo sĩ đáp: “Nay thanh niên! Hãy trở về đi, ta không mong được chú ngữ đó đâu”. Điều vương khuyên giải yêu cầu vị đạo sĩ học rồi trở về chỗ ngụ.

Về sau có người thợ săn nghèo khó, không nơi nương tựa, nên tính vào rừng tự tử. Đến tịnh thất của vị đạo sĩ, xin ở đậu với ngài và hết lòng phụng sự đạo sĩ. Vị đạo sĩ nghĩ rằng: Người thợ săn đây có nhiều công đức với ta, vậy ta nên đem chú ngữ của Điều vương mà truyền lại cho người thợ săn này. Xét như thế, rồi vị đạo sĩ cho biết ý. Người thợ săn bạch: “Tôi không cần chú ngữ đó đâu”. Vị đạo sĩ an ủi nhiều lần, rồi dạy chú ngữ ấy. Khi học xong, người thợ săn ở thêm vài ngày, rồi từ giã đạo sĩ ra đi khỏi nơi ấy. Vừa đi vừa đọc thầm chú ngữ theo đường đến sông Yamanā.

Trong khi đó, có các long nữ đều là vợ của Bồ-tát Bhūridata cầu mong được ngọc ma-ni cho được thành tựu như sở nguyện. Ra khỏi Long cung để ngọc ma-ni trên bãi cát, gần mé sông Yamanā, các long nữ đem nhau giỡn nước trọn đêm, có hào quang của ngọc ma-ni chói sáng. Đến rạng đông mặt trời vừa mọc, các nàng trang điểm y phục rồi ngồi chung quanh ngọc ma-ni. Thành linh, các nàng nghe tiếng người thợ săn đọc chú ngữ, tưởng là Điều vương hoảng hốt sợ chết, trốn về Long cung, bỏ ngọc ma-ni trên bãi cát. Nói về người thợ săn Ālambāyaṇa đi đến thấy ngọc ma-ni, cả mừng, liền lượm đem đi, gặp hai cha con người thợ săn Somadata. Hai cha con người thợ săn này biết ngọc là ngọc ma-ni của Bhūridata Bồ-tát đã cho mình khi trước, nên tỏ lời thiện cảm với Ālambāyaṇa rồi nói rằng:

³⁸ Cũng gọi là đại bàng điều – loài điều, phi thường, đầu và mình người nhưng cánh và móng như chim.

³⁹ Lời bí quyết.

“Này Ālaṃbāyaṇa! Ngọc ma-ni rất quý, đem đến nhiều hạnh phúc cho thành tựu mọi điều mong muốn, anh được ngọc ma-ni đó từ đâu?”

– Này anh! Tôi được ngọc ma-ni này trên bãi biển hồi sáng sớm này.

– Này Ālaṃbāyaṇa! Ngọc ma-ni này nếu người biết gìn giữ chân chánh thì nó sẽ đem đến nhiều kết quả tốt đẹp, nếu không biết chăm nom cẩn thận ắt có tai hại chẳng sai.

– Anh là kẻ bất hạnh, không nên giữ ngọc ma-ni ấy, hãy cho tôi đi, tôi sẽ trả vàng bạc đền anh.

– Này anh thợ săn! Ngọc ma-ni của tôi rất quý, tôi không tin lời anh, tôi không bán cũng không đổi với bất cứ vật gì.

– Này Ālaṃbāyaṇa, anh không tin, không bán, vậy anh muốn cái chi?

– Nếu anh biết chỗ ngụ của Long vương có nhiều uy lực, cho tôi rõ giờ nào, tôi sẽ cho ngọc ấy đến anh trong giờ ấy.

– Vậy anh có phải là Điều vương biết hoá ra để tìm thực phẩm chẳng?

– Không, tôi là người thuần thực trong nghề bắt rắn, tôi có tên rõ rệt là Ālaṃbāyaṇa, nếu anh biết Long vương ở nơi nào hãy chỉ ngay đi.

– Này Ālaṃbāyaṇa, uy lực của anh như thế nào mà dám bắt Long vương?

– Này anh thợ săn! Điều vương có dạy chú ngữ đến đạo sĩ đang tu hành trong núi, tôi vào ngụ nơi ấy và hết lòng phụng sự ngài cả ngày lẫn đêm, nên ngài từ bi thương xót rồi truyền chú ngữ ấy đến tôi. Chú ngữ rất linh ứng⁴⁰, vì thế mà họ gọi tôi là Ālaṃbāyaṇa. Tôi là thầy cả của thầy giết rắn đây.

Người thợ săn nghe qua liền bàn với con rằng: “Này con Somadata! Ta chỉ Bhūridata cho Ālaṃbāyaṇa đi, hay thế nào?”

– Thưa, đức Bhūridata có đại ân với ta, ngài cho cha hưởng được giàu sang vinh hiển, lẽ đâu cha lại lấy ơn đáp oán cho đành. Cha không nên làm điều tội lỗi như thế. Cha mong được của cải, hãy đến ngài mà xin đi, muốn bao nhiêu cũng được toại nguyện, nếu chỉ cho biết ngài Bhūridata thì thật là không nên. Cha chớ nên phản bạn, tội này thật là xấu xa đê hèn lắm, sẽ chịu hình phạt nặng nề trong địa ngục.

– Này con Somadata! Con còn nhỏ mà biết gì, những thợ săn xưa kia tạo biết bao nhiêu nghiệp ác mà họ đâu có chịu quả khổ chi, xuống tắm trong sông Hằng⁴¹ thì hết tội. Nói xong, người thợ săn bèn dẫn Ālaṃbāyaṇa đến Bhūridata bò-tát trong khi ngài đang thọ bát quan trai giới trong nơi đó.

Nói về người con Somadata là kẻ biết ơn, khi đã dùng hết lời để ngăn cản, cha không nghe, nên chỉ trí tuệch nhiều điều rồi tuyên bố cho Chư thiên nghe rằng: “Thưa Chư thiên, xin các ngài chứng minh, tôi không đi chung cùng người có tội như thế”. Somadata tuyên bố rồi lánh xa khỏi cha, xuất gia làm đạo sĩ, hành thiền đắc phạm định và thần thông, sau khi mạng chung, được sanh lên cõi trời Phạm thiên.

Người thợ săn gọi Ālaṃbāyaṇa rằng: “Anh đừng lo buồn, hãy theo tôi, sẽ được gặp Long vương”, rồi dẫn Ālaṃbāyaṇa đến chỗ Bhūridata trì giới chỉ cho Ālaṃbāyaṇa, anh hãy bắt Long vương và cho ngọc ma-ni cho đến tôi đi. Ālaṃbāyaṇa thấy Bò-tát thì hoan hỉ vui thích, bèn liệng ngọc ma-ni trên bàn tay người thợ săn, ngọc ma-ni rớt xuống đất biến luôn về Long cung. Anh thợ săn bị tiêu tan ba điều lợi ích là: không được ngọc ma-ni, người con bỏ lánh đi mất, lìa xa bạn lành là đức Bò-tát, vì hấn là kẻ bạc ơn. Bò-tát liếc xem, thấy

⁴⁰ Dễ ứng, dễ cầu được những điều mình mong muốn.

⁴¹ Tiếng Phạn là Gangā, bên Ấn Độ.

người thợ săn dẫn Ālambāyana đến, ngài bèn nghĩ rằng: Người thợ săn này nhờ ta đem xuống Long cung cho hưởng mọi điều hạnh phúc, khi về ta cho nhiều báu vật cũng lấy không được, nay lại dẫn thầy rắn đến hại ta, nếu ta bắt bình làm hại hẳn rất dễ, nhưng không nên vì ta là người thợ trì giới, vả lại ta đã phát nguyện rằng: Kẻ nào mong được da, thịt, máu và xương của ta thì hãy dùng tùy theo sở thích. Nay Ālambāyana muốn làm sao tùy ý, ta không khi nào sân hận bất bình. Ngài tưởng đến lời nguyện như vậy, rồi nhắm mắt nằm im không động đậy. Ālambāyana dùng thuốc nhai phun cùng mình, tay chân, đọc chú ngữ xong mới vào gần Bò-tát, nắm đuôi kéo ra khỏi gò mối, nắm cứng đầu Bò-tát rồi gỡ miệng ra, nhổ thuốc vào miệng Bò-tát, thật đáng thương xót, xong nắm đuôi đưa lên, đầu trở xuống cho mưa vật thực ra, để nằm dài trên đất, kéo Bò-tát tới, lui như thuốc da, máu chảy ra theo miệng và mũi, thật là vô cùng khổ não. Đoạn hấn liệng trên đất làm khổ trăm bề như thế, mà Bò-tát vẫn nhẫn nại không hề oán giận. Ngài không liếc xem chi cả, chỉ chăm chú trì bát quan trai cho trong sạch. Ālambāyana làm Bò-tát yếu sức, mới bức dây làm giỏ nhốt Bò-tát, Ālambāyana dùng chân đạp Bò-tát vào, thật là đau đớn vô cùng, rồi quảy vào xóm mà báo tin cho dân chúng biết đến xem Rồng múa nhảy. Khi có người tụ hội đông đủ, Ālambāyana mở giỏ kêu Bò-tát ra dạy làm thân hình to lớn, xong bảo làm nhỏ lại, làm cho cao, cho thấp. Làm mình cho đỏ, trắng, vàng, xanh, làm cho mất nửa mình, phun độc ra như nước, lửa, khói v.v... Ālambāyana dạy thế nào Bò-tát cũng làm theo cả. Dân chúng xem rồi, ai ai cũng thương hại Bò-tát, không ngăn được lệ tuôn. Ngày ấy Ālambāyana thâu góp tiền của dân chúng được 1000 lượng. Trước kia hấn nói khi được 1000 lượng thì hấn thả Bò-tát, nay được 1000 lượng, hấn càng mong được nhiều hơn nữa. Ālambāyana đem Bò-tát cho dân chúng xem từ làng này sang quận nọ, lần lượt đến kinh đô Bārānasī. Ālambāyana đem cơm tấm mật cho Bò-tát dùng, nhưng ngài không dùng. Ālambāyana vào chầu xin đức vua Bārānasī cho phép mang Bò-tát vào múa trong đền. Đức vua cho bá cáo đến dân chúng hay, để vào xem Rồng của Ālambāyana múa trong ngày bát quan trai giới.

Nói về khi Ālambāyana bắt đức Bò-tát, ngày đó, mẹ của ngài là hoàng hậu Samuddhajā, nằm mộng thấy người đen, mắt đỏ, cường tráng, cầm dao, lại chặt lấy tay mặt của bà đem đi, máu chảy rờn rờn. Giật mình thức dậy, bà rất lo sợ có tai hại đến chồng con, nhất là nhớ tưởng đến Bò-tát, vì Bò-tát lên nhân gian thợ bát quan trai giới, có lẽ con bà bị thầy rắn bắt rồi chăng? Càng nhớ đến Bò-tát bao nhiêu, thì bà càng đau đớn bấy nhiêu. Đến nửa tháng mà không thấy Bò-tát về, mẹ Ngài thêm buồn thảm, khóc tham không dứt, bỏ ăn quên ngủ. Nói về ba con của bà là: Sudasana, Ariṭṭha và Subhoga đến thăm mẹ, thấy mẹ rầu buồn não, khóc than, nằm im trên long sàng không thốt lời chi mừng rỡ như mọi khi, nên lấy làm lạ liền quỳ tâu hỏi cho biết duyên cớ. Bà liền cho ba con biết về điềm mộng mà bà đã thấy và đã quá kỳ rồi, nhưng không thấy con Bhūridata về thăm như mọi khi. Bà cho ba con hay rằng: “Nếu mẹ không gặp con Bhūridata thì khó sống được”. Nghe lời mẹ than van buồn xót dạ, mong tìm cho ra tin tức của Bò-tát, bèn quỳ tâu với mẹ rằng: “Xin mẹ giảm cơn phiền não, để ba con hết lòng trải đi dò tin tức của Brūradata”. Người anh cả là Sudasana nghĩ rằng: Sự đi tìm Brūradata đây không nên đi chung một đường, vậy ta phải chia ra; một người đi lên cung trời, một người lên núi tuyết son, một người đi tìm trong cõi người. Cần phải đi tìm trong ba cõi mới tiện. Vả lại em Kānāriṭṭha hung dữ lắm, nếu để đi trên nhân gian gặp em Bhūridata trong châu quận nào, thì em đốt phá châu quận đó tiêu tan ra tro bụi. Sudasana, là anh cả, xét thấy như thế mới nói với em, Kānāriṭṭha rằng: Nay em Ariṭṭha! Hôm nay định đi tìm em Bhūridata, nếu chúng ta đi cùng nhau một đường thì không nên, em lãnh phận sự lên thượng giới, vì Chư thiên, hằng mong thỉnh pháp. Có lẽ Chư thiên muốn thỉnh em Bhūridata lên thiên cung chăng? Nếu gặp em Bhūridata, em nên

mau mòi về. Tuân theo lệnh anh, Kānāriṭṭha kiêu từ ra đi. Sudasana gọi em Subhoga đến dạy rằng: Em lãnh lệnh đi đến núi Tuyết sơn, phải tìm cho khắp núi sông, rồi sẽ trở về cho mẹ biết. Về phần Sudasana, là anh cả, lãnh trọn trách nhiệm lên nhân gian, nhưng nghĩ rằng: Nếu ta hoá ra một thanh niên đi tìm thì không hay bằng tướng mạo của người xuất gia. Bậc xuất gia là hạng đáng cho phần đông kính mến. Vậy ta nên đi dưới hình thức của vị đạo sĩ trong thời gian này. Nghĩ rồi bèn biến làm Đạo sĩ, quỳ lạy từ giã mẹ, mong lên cõi người như thế.

Ngày ấy, có một long nữ tên Accamujī là em gái của đức Bồ-tát. Nàng Accamujī đây rất thương mến đức Bồ-tát, thấy Sudasana biến làm đạo sĩ định lên nhân gian kiếm Bhūridata nên thưa rằng: “Thưa anh, tôi rất khổ tâm vì quá nhớ tưởng đến anh Bhūridata, xin cho tôi đi tìm anh Bhūridata cùng với vương huynh, xin vương huynh tội nghiệp, từ bi cho em đi cùng”.

– Này em! Em cùng đi không tiện đâu, vì anh đi bằng tướng người đạo sĩ, em là người phụ nữ không tinh khiết cho bậc xuất gia, không nên đi cùng nhau đâu.

– Xin anh đừng lo ngại, tôi không đi bằng tướng người, tôi biến thành con nhái thật nhỏ và xanh, rồi ẩn trong búi tóc của anh.

– Ồ! Như thế thì được.

Nàng Accamujī biến thành làm con nhái xanh núp trong búi tóc của người anh là Sudasana.

Nói về Sudasana mong trái đi tìm từ nơi đức Bồ-tát thọ bát quan trai giới, theo lời chỉ của các long nữ vợ của Bồ-tát. Sudasana đến nơi đó, đập nhằm những cục máu của em trai văng ra, và thấy chỗ mà Ālaṃbāyaṇā dùng dây làm giỏ còn bỏ rác tại đó, nên biết rằng Bhūridata đã bị thầy rắn bắt đem đi, rồi than rằng: “Ồi! Thầy rắn độc ác quá, đến làm tội em ta cho đến chảy máu còn thấy như vậy. Ồi! Không rõ em ta nay ra sao? Thầy rắn đem em ta đến nơi nào?” Đạo sĩ càng nghĩ đến, càng đau đớn xót xa. Em Bhūridata Ồi! Em chưa từng bị đau khổ, chỉ quen hưởng sự cao sang hạnh phúc, nay em phải chịu khổ hình, nằm trong giỏ dây hẹp, trăm phần khổ não. Sudasana khóc than kể lể thật là thảm thiết, rồi noi theo dấu chân đi của Ālaṃbāyaṇa cho đến nơi Ālaṃbāyaṇa cho Bồ-tát múa, nhảy đầu tiên. Sudasana hỏi thăm người có thấy thầy rắn đem Rồng đến nhảy múa trong nơi nào chăng?

– Bạch đạo sĩ! Có người thầy rắn đem Rồng đến đây cho phần đông xem cách nay đã nửa tháng rồi.

– Này các ông! Thấy họ xem rồi có cho tiền thầy rắn không?

– Bạch, thầy rắn góp được 1000 lượng

– Thưa quý ông, nay thầy rắn đem Rồng đến đâu?

Nhờ người chỉ giùm, nên đạo sĩ lần hồi đến đền vua Bārānasī. Khi Sudasana vừa đến cửa thành cũng vừa gặp Ālaṃbāyaṇa dạy người quầy giỏ đựng Bồ-tát đồng đi vào thành. Khi vào thành nội, đến giờ diễn kịch, đức vua còn ngự trong cung nội, dạy các quan ra cho phép diễn cho dân chúng xem trước.

Về Ālaṃbāyaṇa dạy người để giỏ đựng Bồ-tát xuống, rồi ra dấu hiệu rằng: “Này Long vương! Người hãy ra khỏi giỏ đi”. Lúc ấy Sudasana nghe rõ lệnh truyền của Ālaṃbāyaṇa. Đức Bồ-tát bèn nghiêng đầu ra khỏi giỏ liếc xem dân chúng trước khi diễn kịch, đây là thói quen của loài Rồng, do hai nguyên nhân là: tìm xem Điều vương, tìm xem thân thuộc. Các loài Rồng nếu thấy Điều vương thì không dám diễn kịch, vì sợ hại đến sinh mạng. Nếu gặp quyền thuộc, Rồng cũng không diễn kịch, vì hổ thẹn với thân tộc. Khi Bhūridata (bồ tát)

liếc xem công chúng như thế, bèn thấy anh mình là Sudasana biến hình làm đạo sĩ, đứng ở nơi cuối cùng công chúng. Đức Bồ-tát không thể dẫn lòng, hai hàng lệ tuôn rơi, ngài ra khỏi giò rồi trườn mình đi đến trước mặt Sudasana là anh ngài, trong lúc ấy. Quần chúng thấy đức Bồ-tát trườn đến, mọi người hoảng hốt, chạy tránh xa chẳng ai dám đứng trong nơi ấy, chỉ còn Sudasana (đạo sĩ). Đức Bồ-tát bò đến nghiêng đầu xuống nơi chân anh và rơi lệ. Trước cảnh tan thương ấy đạo sĩ Sudasana cảm lòng không đậu, cũng ứa lệ đầm dề, rồi đức Bồ-tát trườn mình trở lại như trước. Ālambāyana tưởng rằng Ròng mình đã mở đạo sĩ, nên vội vàng đến an ủi đạo sĩ và bạch rằng: “Bạch Ròng có cần mở ngài chăng? Xin ngài cho biết để tôi cho thuốc. Tôi là thầy rắn đại tài, xin ngài đừng lo ngại chi, sự cứu chữa cho ngài là bổn phận tôi”. Sudasana đáp: “Này Ālambāyana, Ròng này không thể cần mở làm cho ta phải đau khổ đâu, dẫu có cần mở cũng chẳng làm hại được ta, ta đây cũng là thầy rắn vậy. Chẳng có thầy rắn nào sánh bằng ta đâu”. Khi Sudasana thốt lời như thế, Ālambāyana không rõ đạo sĩ là Long vương, cho là người tầm thường, nên anh rất bất bình, rồi tuyên bố với quần chúng như vậy: Xin công chúng đừng khiển trách tôi, vì tại đạo sĩ gây chuyện trước. Khi được nghe như thế, Sudasana đáp: “Này Ālambāyana! Anh đừng làm phiền công chúng, nếu anh nói mình là cao cường hãy cùng ta so tài cho quần chúng thấy rõ, anh dùng Ròng, tôi dùng con nhái con, để đấu cho nhau rõ tài cao thấp, với số bạc là 5 ngàn lượng”.

– Tôi giàu có không thiếu, chỉ lo cho ông không có tiền. Này đạo sĩ! Ông là kẻ nghèo chỉ khoe khoang bằng lỗ miệng dám đánh cược⁴² đến 5 ngàn lượng. Vậy ai là người hộ ông, ông là hàng xuất gia, tiền bạc đâu? Ông hãy đem đến trước đi.

– Này Ālambāyana, ta có 5 ngàn lượng thật.

Nói xong, Sudasana vào đền nội của vua đến trước bệ Ròng tâu rằng: “Tâu Hoàng thượng, người là bậc cao quý, có cả đủ sự giàu sang, danh vang bốn bể, cầu Hoàng thượng nghe lời tôi tâu. Xin Hoàng thượng tế độ cho tôi 5 ngàn lượng, bây giờ đây”. Đức vua nghe qua, lấy làm ngạc nhiên rằng: Tại sao đạo sĩ này đến xin tiền ta như vậy? Ngài nghĩ xong bèn phán hỏi: “Bạch ngài, đến xin tiền ta nhiều như vậy, có lẽ ngài là thân tộc hay bạn thân thiết của trẫm chăng? Trẫm đã có hứa trước nên mới đến như vậy, hoặc ngài dối gạt trẫm chăng? Nên ngài mới tự mình đến đây như thế?”

– Tâu, nay Ālambāyana đánh cuộc với tôi 5 ngàn lượng, với một vấn đề trắc ẩn. Do đó, nên tôi đến đây xin ngài 5 ngàn lượng và xin thỉnh Hoàng thượng ra chứng minh một chút. Vậy kính thỉnh Hoàng thượng cùng tôi ra đến đó.

Đức vua cùng đạo sĩ ra nơi diễn kịch. Phần Ālambāyana thấy bèn nghĩ rằng: Có lẽ đạo sĩ này có đức vua hộ độ, nên mới thỉnh được vua ra đây. Xét như thế nên có ý lo sợ đạo sĩ. Ālambāyana bạch: “Tôi không dám khinh rẽ ngài đâu, tôi vừa nói lúc này là vì thấy ngài không kiêng nể, không cúng dường Ròng có nọc độc. Tôi đâu có khinh ngài hiểu biết thấp hèn”.

– Này Ālambāyana! Bởi người đem Ròng không có nọc độc mà cho rằng có nọc độc, nên ta cho công chúng rõ biết vậy thôi.

Nghe lời khinh khi của đạo sĩ, Ālambāyana càng thêm sân nên đáp rằng: “Này ông đạo sĩ mặc y vàng da cạp, dốt nát si mê, ông đến đây dám nói giữa đám đông rằng Ròng không có nọc độc, như vậy có nên chăng? Ôi! Nếu tôi nói rằng Ròng không nọc độc, thử vào gài đây một tí, nếu không ra tro bụi thì bắt lấy đi”.

⁴² Cá thách đồ ăn thua.

– Nay Ālaṃbāyaṇa! Nọc rắn mãng xà, rắn nước, rắn lục còn hơn RỒNG của ngươi nữa. RỒNG đỏ này không có nọc độc, ngươi lừa phỉnh người đó, chớ dối ta không được.

– Nay đạo sĩ! Như tôi đã có nghe rằng: Người có đức tin là thí chủ, nên hộ độ có bậc giới như A-la-hán, có thiên định cao quý, sau khi mạng chung sẽ được thọ sanh lên cõi trời. Nay nếu ai là đàn-na có vật chi hãy bố thí mau đi, để rồi đạo sĩ này đền tội với RỒNG. RỒNG này có nhiều nọc độc khó biết được, ta cho nó mổ ông bay giờ đây, sẽ thành ra tro bụi mà xem.

– Nay Ālaṃbāyaṇa! Nếu ngươi có của nên làm phước cho mau đi, rồi ta cho nhái con tên là Accamujī xịt nọc độc cho ngươi thành tro bụi lập tức bây giờ.

Sudasana liền đưa tay ra gọi em gái giữa quần chúng rằng: “Này em Accamujī! Em hãy ra khỏi đầu tóc và đến bàn tay của anh ngay bây giờ”. Nàng Accamujī nghe anh gọi, bèn thực hành y theo lời dạy. Sudasana hét lên ba tiếng “Biên thù sẽ tiêu tan”. Tiếng hét của Sudasana nghe vang cả thành Bārānasī rộng 12 do tuần. Khi Sudasana hét lên rằng “Biên thù sẽ tiêu tan” lúc ấy đức vua Sagarabrahmadata phán hỏi: “Bạch đạo sĩ, tại sao biên thù sẽ tiêu tan?”

– Tâu, tôi không thấy nơi nào để xịt nọc độc, nên phải xịt trong biên thù, biên thù sẽ thành ra tro bụi.

– Vậy đồ xuống đất có được chăng?

– Tâu, nếu xịt trong đất sẽ sanh lên nọc mới, rồi làm hại nữa.

– Vậy liệng trong nước đi.

– Như thế làm hạn hán 7 năm, cũng không nên.

– Than ôi! Tôi chẳng biết làm sao, tùy ý ngài định, mà làm thế nào cho xóm, làng, châu, quận thành thị đừng hư hao.

– Tâu, xin Hoàng thượng cho người đào ba cái hầm.

Đức vua dạy dân chúng lập tức đào ba cái hầm tại nơi ấy. Sudasana dạy lấy củi chất đầy hầm thứ nhất, rồi đem nọc độc đổ vào cho đầy, liền dẫn lửa phát cháy hầm thứ nhất, kế đến hầm thứ nhì, thứ ba cũng như thế cho đến khi cháy hết nọc độc. Nói về Ālaṃbāyaṇa bởi nghiệp ác đã tạo, nên khiến y đứng gần miệng hầm, khi lửa trong hầm phát, cháy thiêu cả thân thể Ālaṃbāyaṇa tiêu tan ra tro. Trong lúc đó, chỉ được nghe tiếng Ālaṃbāyaṇa la lên rằng: “Ta thả RỒNG này”. Đức Bồ-tát nghe tiếng la của Ālaṃbāyaṇa như vậy, liền bò ra khỏi giõ, rồi hoá ra hình người xinh đẹp, có đủ cả phục sức, đến đứng trước mặt đức vua Bārānasī là bác của ngài, giống như vị trời Đế Thích. Sudasana và nàng Accamujī cũng trang điểm như Bồ-tát vậy. Sudasana bèn hỏi đức vua rằng: “Tâu Hoàng thượng, ngài có biết chúng tôi đây là ai chăng?”

– Trẫm nào có rõ.

– Tâu, lệnh Hoàng thượng không biết chúng tôi, vậy hoàng thượng có biết Samuddhajā mà đức vua Bārānasī đã gả cho đức Long vương Dasaratta chăng?

– Ồ, trẫm biết nàng Samuddhajā, tức là em của trẫm.

– Tâu, chúng tôi đây không ai đâu xa lạ, tức là con của bà Samuddhajā là em gái của lệnh Hoàng thượng, ngài là bác của chúng tôi.

Được nghe như thế, đức vua rất mừng, bèn đến ôm các cháu, rồi đồng nhau vào cung nội, cúng dường rất trọng thể. Đức vua tỏ lời thiện cảm hỏi Bhūridata (Bồ-tát) rằng: “Cháu ôi! Trong tất cả các cháu đây, cháu có nhiều uy lực thần thông, vì sao mà Ālaṃbāyaṇa bắt cháu được?”

– Tâu, vì cháu đang thọ trì bát quan trai giới và phát nguyện thí máu, xương, thịt, da cho đức vua nghe đầy đủ, xong đức Bô-tát thuyết 10 vương pháp⁴³ đến đức vua bác và khuyên Ngài gìn giữ 10 pháp ấy.

Sudasana tâu: “Chúng tôi ở đây lâu không tiện, vì mẹ chúng tôi rất buồn rầu thương nhớ em Bhūridata”.

– Trẫm đây hằng nhớ tưởng em trẫm, là mẹ các cháu. Làm thế nào cho trẫm được gặp em trẫm?

– Tâu, ông ngoại của các cháu hiện nay ngụ trong nơi nào?

– Cháu ôi! Từ ngày mẹ cháu về Long cung, thì ông ngoại các cháu rất thương nhớ, rồi từ bỏ ngôi vàng vào tu trong núi.

– Tâu, mẹ cháu, thường nhớ tưởng, mong được gặp bác và ông ngoại. Nay bác mong được gặp mẹ cháu, xin bác đi tìm ông ngoại thỉnh về, rồi chúng cháu sẽ mời mẹ chúng cháu gặp bác và ông ngoại.

Sau khi quyết định ngày hội họp, Sudasana, Bhūridata, và long nữ Accamujī lạy từ giả vua bác, trở về Long cung. Khi đức Bô-tát về đến Long cung, tất cả triều thần đều nghe tiếng hoan hô chào mừng Bô-tát. Cha mẹ Bô-tát ra mừng, Bô-tát làm lễ mừng cha mẹ, xong rồi trở về cung điện của ngài. Bô-tát an nghỉ để dưỡng sức, vì đã chịu nhiều đau khổ trong tháng qua. Những thân tộc của Bô-tát đến viếng, lần lượt kẻ tới người lui nhiều không kể xiết.

Nói về Kānāriṭṭha lên Thiên cung, tìm không gặp đức Bô-tát nên trở về nước, những hoàng thân thấy Kānāriṭṭha có tính cộc cằn, có thể ngăn cản thân tộc được, nên khuyên giữ ngọc môn cho Bô-tát an nghỉ. Còn Subhoga khi lãnh trách nhiệm đi tìm Bô-tát khắp núi Tuyết Sơn mà không gặp, bèn xuống kiếm trong biển cho đến sông Yamanā.

Nói về người thợ săn là cha của Somada khi thấy Ālambāyaṇa bị hình phạt như thế, nên nghĩ rằng: Vì ta mong được ngọc ma-ni nên chỉ cho Ālambāyaṇa đến làm khổ đức Bhūridata. Vậy ta phải rửa tội, đừng cho tội dính theo mình, rồi đến sông Yamanā, xuống tắm, khẩn cầu cho hết tội lấy ơn làm oán, ấy là người bạc ơn quên nghĩa với đức Bhūridata. Khi Subhoga đến nơi đó, vừa được nghe lời khẩn vái của người thợ săn, nghĩ rằng: Thợ săn này là kẻ bạc ơn, anh ta đem hấn về Long cung để hưởng đầy đủ sự sang cả an vui, nay hấn lại chỉ đường cho Ālambāyaṇa đến bắt làm khổ anh ta, ta để hấn sống thế nào cho được v.v... Nghĩ rồi phát sân, bèn dùng đuôi quần chân người thợ săn lội qua vực sâu nhận cho hấn ngộp thở một chút rồi cho nổi lên, làm khổ hấn nhiều lần như vậy. Khi người thợ săn cất đầu lên khỏi nước bèn hỏi: “Ai nhận nước ta đây, ta đang rửa tội, sao mà nỡ làm khổ ta như vậy?”

– Đây thợ săn! Ta là em của đức Bhūridata con của đức vua Dasaratha đã đến vây thành Bārānasī lúc trước đó, người không biết sao? Ta là loài Rồng tên Subhoga.

Thợ săn nghe rồi khủng khiếp. Ôi phen này mạng ta khó sống. Vậy ta nên tỏ lời ca tụng danh đức của Subhoga và cha mẹ y, mong cầu Subhoga thương xót tha thứ cho. Nghĩ xong bèn thưa rằng: “Thưa ngài, ngài là hoàng tử của đức vua Dasaratha là vị Hoàng đế duy nhất, có nhiều đức hạnh không ai sánh bằng. Hoàng phụ của ngài và đại Hoàng đế cả hai cõi, nơi Long cung và trên trần gian, mẫu hậu ngài cũng thế, không ai sánh kịp. Trong đời này, ngài là bậc cao sang quân tử lẽ đâu lại đến nhận nước thợ săn như tôi thế này, xin ngài rộng lượng từ bi tha tội chết.”

⁴³ Pháp dành riêng cho vua.

– Nay thợ săn ác đức! Ngươi đừng nhiều lời vô ích, ta không tha ngươi đâu. Khi ngươi còn đi săn, sát hại thú rừng, thú chạy trốn, cha con ngươi đuổi theo cố tìm giết cho được. Anh của ta đem ngươi xuống Long cung, cho ngươi hưởng đầy đủ sự giàu sang phú túc, kẻ tùy tùng hậu hạ, ngươi lại đem ân báo oán, chỉ đường cho Ālambāyaṇa bắt hành hạ anh ta. Nay ta không thể cho ngươi sống đâu, ta nghĩ đến tội của ngươi đã làm chừng nào, khiến ta càng thêm phiền não, ta sẽ chặt đầu ngươi ngay bây giờ đây.

Nghe những lời của Subhoga nói, anh thợ săn càng hoảng hốt, mới dùng mưu chước tỏ rằng: “Bà-la-môn có đủ ba chi: hiểu Tam phệ đà, biết trong sự xin ăn, cúng dường lửa. Bà-la-môn nào thông rõ kinh Tam phệ đà như vậy, ngươi không nên giết hại. Kẻ nào làm khổ Bà-la-môn có đủ ba chi ấy, phải chịu đọa trong địa ngục, bị hành phạt lâu đời”. Subhoga nghe lời người thợ săn nói như vậy, liền nghĩ rằng: Có lẽ như thế chăng? Vậy ta bắt thợ săn này đem về hỏi anh ta xem, nếu thật ta sẽ tha hấn, bằng không ta sẽ xử tội hấn. Nghĩ xong, Subhoga dẫn thợ săn về Long cung. Trước khi vào đền, liền gặp em Kānāriṭṭha lãnh phần gác cửa cho anh Bhūridata

Athanaṃ dovāriko hutvā kānāriṭṭho – Nói về Kānāriṭṭha tại ngọc môn quan, thấy anh là Subhoga làm khổ Bà-la-môn nên nói rằng: “Bà-la-môn là con Đại Phạm thiên vương, nếu ngài biết chúng ta hại con ngài, ngài sẽ làm cho chúng ta tiêu tan chẳng sai đâu. Nay anh Subhoga! Bà-la-môn là hạng cao quý nhất, có nhiều uy lực” (vì tiền kiếp Ariṭṭha đã sanh là Bà-la-môn cúng dường lửa, nay sanh lên là Kānāriṭṭha mới tôn kính cúng dường Bà-la-môn như vậy).

Kānāriṭṭha gọi anh Subhoga và các loại Rồng hội họp lại rồi thuyết theo cái hiểu lệch lạc của mình về đạo đức cúng dường lửa của Bà-la-môn rằng: “Này anh Subhoga! sự thông hiểu kinh Tam-phệ-đà và cúng dường lửa không phải là thấp hèn đâu, dầu cho Bà-la-môn nào hèn hạ, nếu đã được học kinh phệ đà và cúng dường lửa, người người đều kính phục chẳng nên làm khổ Bà-la-môn ấy; kẻ nào để duôi khinh rẻ, họ sẽ bị tiêu tan của cải và hại đến sinh mệnh”. – “Này anh Subhoga! Anh có biết chúng sanh trong thế gian, ai sanh ra chăng?” – “Tất cả chúng sanh đều do Đại Phạm thiên Vương mà có, Đại Phạm thiên Vương là cha của Bà-la-môn. Ngài tạo ra tất cả, ngài chia ra hạng người da đen, trắng, vàng v.v... dòng vua, quan, dân... Ngài dạy Bà-la-môn chỉ nên học kinh phệ đà, cúng dường lửa, hàng vua chúa không nên làm công việc khác ngoài sự thắng kẻ nghịch và gìn giữ bờ cõi nước nhà; kẻ nông phu chỉ học nghề cày cấy mà thôi v.v...” – “Này anh Subhoga! Bà-la-môn có nhiều đức tính đáng tôn sùng dâng cúng, các thí chủ sẽ được lên cõi trời, mặt trăng v.v... đều nhờ cúng dường các Bà-la-môn mà được hưởng nhiều hạnh phúc như thế. Thuở xưa, có một vị vua tên Anuja có đủ binh hùng tướng mạnh đáng sợ. Ngài tinh tấn cúng dường lửa, cung cấp các thầy Bà-la-môn, nên sau khi thắng hà được thợ sanh lên cõi trời. Còn một vị vua nữa, thống trị trong kinh đô Bārānasī. Đức vua này cũng tin theo các thầy Bà-la-môn, cúng dường các ngài được đầy đủ an vui, sau khi bỏ ngũ uẩn cũng được lên thiên cung. Anh nên biết, Bà-la-môn là bậc đáng cúng dường trong đời. Có một vị Hoàng đế nữa hiệu là Jupujadina trong thủ đô Bārānasī cố ý mong về cõi trời, rồi phán hỏi các vị Bà-la-môn, các ngài khuyên dạy cúng dường các thầy Bà-la-môn và Chư thiên của Bà-la-môn (trời của Bà-la-môn tức là lửa, cho lửa ăn sữa v.v...) đức Hoàng đế nghe rồi tinh tấn thực hành theo, sau khi mạng chung cũng được lên Thiên cung. Này anh Subhoga! Anh có biết nước biển vì sao mà mặn không?” – “Anh đâu có rõ”. – “Anh chỉ làm khổ Bà-la-môn, anh có biết vì nguyên nhân nào mà nước biển mặn. Các Bà-la-môn có thuật lại rằng: Thuở xưa có một vị Bà-la-môn, có nhiều đức tính, thông hiểu kinh phệ đà, mong rửa tội, nên xuống biển vì thương mình theo cách rửa tội. Lúc ấy nước biển lớn lên tràn ngập vị Bà-la-môn

cho đến chết. Đức Phạm thiên là cha của vị Bà-la-môn ấy, khi được rõ nước biển lên lấp khỏi đầu, hại con ngài, nên Ngài giận mới phán rằng: “Từ đây nước biển phải mặn, không một ai uống được”. Cho nên từ đó đến nay nước biển vẫn mặn không một ai uống được. Này anh Subhoga! Vị Bà-la-môn này có nhiều đức tánh là bậc đáng cúng dường của trời Đế Thích”. Kānāriṭṭha tán dương uy đức kinh Phệ đà và Bà-la-môn theo sự tín ngưỡng của y là tà kiến, sai pháp luật như thế.

Tất cả loài Rong đến thăm và hầu hạ đức Bồ-tát, khi được nghe lời giảng giải của Kānāriṭṭha đều tin theo tà kiến cả, vì cho rằng Kānāriṭṭha nói đúng. Đức Bồ-tát nằm trên long sà nghe Kānāriṭṭha thuyết từ đầu đến cuối, ngài bèn nghĩ rằng: Để ta phá nghi cho phần đông khỏi lầm lạc, bỏ hẳn tà kiến mà theo về chánh kiến. Ngài bèn dậy đi tắm rửa xong, lên ngôi trên bảo tọa, gọi tất cả đến nghe rằng: “Này Kānāriṭṭha! Những lời em giảng về đức của kinh Phệ đà, sự cúng dường, với đức của Bà-la-môn đều là tà kiến, mà các thầy Bà-la-môn soạn để lại cho chúng được phát sanh lợi lộc. Các bậc trí tuệ không bao giờ tin tưởng những điều ấy. Sự cúng dường lửa không đem về cõi trời được. Lời của em giải đó, anh không nhận một câu nào là chơn chánh cả.

Này em Kānāriṭṭha! Những người đọc đủ Tam-phệ-đà, chỉ làm cho những kẻ si mê, lầm lạc, chớ bậc trí tuệ không ai vừa lòng nghe đâu. Những kẻ ngu dốt mới chịu lời dạy bảo ấy. Nếu ai tin theo ắt phải sa vào bốn ác đạo. Ví như loài thú thấy sóng nắng tưởng là nước, mong được uống, nhưng nào có nước, rồi phải chịu chết khát giữa trời như thế nào, thì kẻ si mê vô trí tuệ, khi nghe thấy không phân biệt, hiểu quấy theo Tam-phệ-đà, thực hành theo thân khẩu, ý ác, sai lời Phật dạy ắt sẽ bị hại trong kiếp này và đời sau, cũng như loài thú thấy sóng nước cho là nước vậy.

Này em Kānāriṭṭha! Kẻ ngu dốt lầm lạc theo Tam-phệ-đà, làm điều tội lỗi, tạo nghiệp ác, phản bạn, hành trái với chân lý, khi quả theo kịp sẽ chịu nhiều thống khổ. Không nên nương theo Tam-phệ-đà đâu. Cái quả học Tam phệ đà không sao che ngăn ác quả mà mình đã tạo, do đầy bậc trí tuệ không gọi là pháp cao quý đâu.

Này em Kānāriṭṭha! Lời mà Bà-la-môn nói Đại Phạm thiên dạy các đức vua phải chiến thắng kẻ thù nghịch, gìn giữ biên cương đó, tin thế nào được. Này em Kānāriṭṭha! Tam-phệ-đà là lời ghi chép tô điểm để lại của các Bà-la-môn theo sở thích, cũng như chỉ dụ của vua, nếu không lưu ý quan sát, thì khó phân biệt chân giả chánh tà. Ví như đường bị ngập, nếu thiếu óc suy xét thì khó đi được an vui.

Này em Kānāriṭṭha! những người giàu có tận tụy tìm làm công việc là nhân mong được của cải, các Bà-la-môn cũng có tâm xan tham tạo những tội ác là nhân sanh tội lỗi như thế, vì còn đều đủ 8 điều pháp thế gian⁴⁴ là: Được lợi thì mừng, thất lợi thì buồn, được quyền thì vui, mất quyền thì khổ v.v... Các Bà-la-môn đây khác hẳn các Bà-la-môn ngày xưa, bởi không thực hành chánh pháp theo Bà-la-môn trước, không có trí tuệ quan sát chu đáo, để tìm tội phước chánh tà. Này em Kānāriṭṭha! Chúng sanh hiệu hữu chẳng có một ai lìa khỏi 8 pháp thế gian đâu; các Bà-la-môn cũng chưa khỏi, vẫn còn xao động vì 8 pháp thế gian giống nhau. Những điều giả dối phỉnh người là cao quý. Họ chú tâm để sự lợi lộc mong quyền thế mãi mãi, như thế thì cao quý chỗ nào?”

Khi đức Bồ-tát là bậc sẽ giác ngộ Chánh đẳng Chánh giác, ngài giảng thuyết phá tan tà kiến như thế, khiến những loài Rong bộ hạ, nhất là em Kānāriṭṭha đều trở nên chánh kiến theo ngài như thế.

⁴⁴ Tám pháp thế gian: khen, chê, vui, buồn, được quyền, mất quyền, được lợi, mất lợi.

Về phần các loại Rồng, sau khi được nghe chánh pháp của đức Bồ-tát phát tâm hoan hỷ, ưa thích, hoan hô đức trí tuệ của Bồ-tát. Đức Bồ-tát dạy đem người thợ săn thả về nhân gian.

Sāgarabrahmadanto. Đây nhắc lại về đức vua Sāgarabrahmadanto là vua bác của đức Bồ-tát. Đức vua không quên lời hứa với các cháu của ngài, nhất là với đức Bồ-tát. Đến ngày hẹn, đức vua cùng các quan ngự đến tịnh thất, chỗ ngụ của vị đạo sĩ, là Phụ vương của ngài. Về phần đức Bồ-tát, ngài cũng tâu với cha mẹ ngài hay, và thỉnh song thân của ngài đồng lên nhân gian để viếng vua bác và ngoại tổ, có quân lính rồng hộ giá Hoàng gia đến sông Yamanā, ngự ngay đến tịnh thất của vị đạo sĩ ngoại tổ. Đức Bồ-tát ngự đi trước các anh em và cha mẹ ngài lần lượt đến sau. Đức vua Bārānasī là vua bác đã đến trước trong tịnh thất của Phụ vương ngài; xem thấy đức Bồ-tát đến với rất nhiều quân binh, đức vua nhận không biết là cháu, mới bạch hỏi Phụ vương rằng: “Tâu Phụ vương. Đức vua ngự đến đó có đủ quân binh hộ giá, trang sức đủ 7 báu chói lợi rực rỡ xem rất ngoạn mục. Đức vua này uy phong lắm liệt, đường đường chính chính như Đế Thích thắng hơn A-tu-la vương. Đức vua này danh hiệu là chi? Ngự trong kinh đô nào?” Đức Đạo sĩ đã đắc ngũ thông có nhiều uy lực, khi nghe vua Sāgarabrahmadanta, là hoàng nhi của ngài, tâu hỏi như thế, mới đáp rằng: “Này hoàng nhi! Đức vua đây không phải là ai xa lạ, tức là cháu của hoàng nhi tên Bhūridanta là con của nàng Samuddhajā, em gái của hoàng nhi và là vợ của Long vương Dasaratha dưới Long cung”. Khi đức vua Sāgarabrahmadanta đang đàm thoại cùng Phụ vương thì các tướng Rồng đến, vào quì mọp làm lễ rồi ngồi nơi phải lễ.

Về phần Bhūridanta (Bồ-tát), Sudasana, Subhoga, Kānāriṭṭha và đức Long vương Dasaratha đồng nhau làm lễ vị đạo sĩ và đức vua Sāgarabrahmadanta. Khi đó, đáng thương xót cho nàng Samuddhajā từ ngày nàng xa cách vương huynh của nàng là Sāgarabrahmadanta, ngự xuống long cung, đến nay rất lâu, cho đến khi cả bốn con của nàng trưởng thành, nàng mới được gặp anh. Lạy cha, mừng anh rồi, nàng than khóc kể lễ chuyện hàn huyên âm lạnh, con nhớ tưởng thiết tha, tình thương yêu thân thiết với cha và anh. Khi đã được giải buồn, bà hỏi thăm chuyện trò cho đến hùng sáng. Nàng Samuddhajā và bốn con, đồng nhau lạy từ biệt đức đạo sĩ và đức vua Sāgarabrahmadanta trở về Long cung. Phần đức vua Sāgarabrahmadanta ngự lưu lại với đạo sĩ là Phụ vương của ngài đến hai, ba ngày sau mới từ tạ trở về kinh đô Bārānasī. Nàng Samuddhajā về Long cung cho đến ngày mạng chung tại cõi Rồng. Đức Bhūridanta (Bồ-tát) hằng thọ trì giới được trong sạch cho đến ngày tan rã ngũ uẩn, được sinh lên Thiên cung. Những loài rồng nghe theo lời dạy bảo của đức Bồ-tát cũng được lên cõi trời rất đông.

Satṭhā - Đức Giáo chủ khi đã thuyết xong bèn giảng tiếp rằng: “Này chư thiện tín! Cận sự nam là bậc hiền minh ngày xưa là Như Lai đây, dấu trong kiếp trước. Như Lai lộn kiếp là Bhūridanta (Bồ-tát) cũng từ bỏ sự cao sang quyền thế nơi cõi rồng, tìm chỗ để thọ bát quan trai giới không để đuôi, như thế”.

Đức Phật giảng xong, ngài hợp các tiền kiếp lại như vậy: Tadā kale mātāpitato - Trong thuở đó, đức hàng phụ và mẫu hậu của Bhūridanta nay là Tịnh Phạn Vương và Māyā hoàng hậu; (Nesado) – người thợ săn nay là Đề Bà Đạt Đa, Samadato (Somadata) nay là Ananda, (Accamujī) – nàng Accamujī nay là tỳ khuru ni Upavannatherī - Sudasana nay là đức Xá Lợi Phất, Subhoga nay là Đại Đức Mục Kiền Liên, Kānāriṭṭha nay là tỳ khuru Sunakkhatatha, Bhūridanta nay là Như Lai đây.

Bhūridantakam niṭṭhitam – Dứt truyện Bhūridanta bồ tát.

6. Candakumara jāta – truyện Candakumāra (Bồ tát tu hạnh nhẫn nhục ba-la-mật)

Rājā siluddhakammāti idaṃ satthā gijjhakūte pababbate viharanto devadattam ārabha kathesi tassa vatthum sanghabhedake ... pāpunāti – Đức Thế Tôn là đấng Giáo chủ tối cao trong tam giới ngự trong thạch động Gijjhakūta, ngài đề cập đến Đề Bà Đạt Đa chia rẽ tăng, rồi Ngài thuyết về pháp tích Candakumāra này. Các bậc A-xà-lê⁴⁵ giải rộng ra như vậy: Các bậc trí tuệ nên hiểu rằng: Đức A-xà-lê dẫn tích Đề Bà Đạt Đa chia rẽ tăng, từ ngày xuất gia cho đến khi vua Bimbisāra thăng hà.

Đây xin giải rộng về chuyện Candakumāra.

Thuở đấng Đại bi ngự trong thạch động Gijjhakūta, một ngày nọ, chư tỳ khru cu hội nơi phước xá, đàm thoại cùng nhau về câu chuyện Đề Bà Đạt Đa làm việc không tốt rằng: Này các thầy! Đề Bà Đạt Đa là kẻ bạc nghĩa vong ân đức Thế Tôn, cố tìm dịp giết hại nhiều người, cũng vì cố tâm buộc oan trái với đức Giáo chủ. Nhờ nương với đức Phật mà những kẻ ấy mới thoát nạn. Khi chư tăng bàn luận cùng nhau như thế, nhờ nhĩ thông, đức Thế Tôn biết chuyện ấy, bèn ngự đến phước xá, vào ngôi trên bảo tọa, rồi phán hỏi rằng: “Này các thầy tỳ khru! Các người hội họp nói về chuyện chi đây?”

– Bạch đức Thế Tôn, chúng tôi luận về Đề Bà Đạt Đa quên ơn đức Thế Tôn, nên làm hại nhiều người, chỉ vì gây oan trái với đấng Đại bi.

– Này các thầy! Chẳng phải hẳn chỉ quên ơn Như Lai trong kiếp này mà thôi, từ bao kiếp trước, Đề Bà Đạt Đa cũng bạc nghĩa Như Lai vậy, mong giết hại rất nhiều người, cũng do cố tâm gây oan trái với Như Lai như trong kiếp này vậy.

Đức Thế Tôn chỉ giảng bấy nhiêu rồi nín thinh. Chư tăng mong được nghe tiền kiếp, mới quỳ cầu đức Thế Tôn thương xót thuyết cho chư sư nghe. Đức Thế Tôn từ bi, bèn giảng về chuyện Candakumara rằng: “Này các thầy tỳ khru! Atike kāle – Thuở xưa, thành Bārānasī có tên rõ rệt là Pupphavādī, có một đức vua tên Ekarāja là hoàng tử của đức vua Vasavati, thống trị trong thủ đô Pupphavādī. Ngài có một đồng cung tên là Candakumāra⁴⁶. Khi đức Candakumara biết đi, hoàng hậu sanh được một hoàng tử nữa tên là Suriyarājakumāra. Lúc hoàng tử này biết nói, hoàng hậu sanh thêm công chúa Selā. Đức vua có hai hoàng tử nữa là: Bhaddasara và Surakumāra, khác mẹ. Khi đức Candakumāra (Bồ-tát) thành nhân, vua cha bèn cho sánh duyên với công chúa Candakumārī làm chánh thất của Bồ-tát, rồi phong cho ngài làm thứ vương. Có một Bà-la-môn tên Kaṇḍahālabrahmana làm cố vấn dạy đức vua. Đức vua thấy Kaṇḍahālabrahmana có nhiều trí tuệ nên phong làm quan toà để phán đoán. Khi được làm quan cao cấp, Kaṇḍahālabrahmana quên mình, không biết sợ tội lỗi là gì cả, xử đoán bất công, không tuân pháp luật, phân xử theo ý muốn, tham quan ô lại thường thường như thế.

Ngày nọ, có kẻ kiện nhau đến cửa toà; khi Kaṇḍahālabrahmana được hỏi lộ rồi, xử cho người thất thành đặng kiện. Họ bất bình, khi ra khỏi tụng đình, vừa thấy đức Candakumāra vào chầu vua cha, hẳn bèn quỳ xuống bên chân đức Bồ-tát rồi vật mình than khóc. Đức Bồ-tát xem thấy tình trạng như thế bèn hỏi: “Cớ sao, người lại than van khổ não?”

– Trẫm lạy ngài, nay Kaṇḍahālabrahmana là kẻ si mê, xử đoán không công bình, được của hối lộ, bỏ công lý, tội phải mà xử tôi quấy, làm cho tôi bất bình buồn khổ; cầu xin ngài từ bi thương xót cứu độ cho ngu dân nhờ.

⁴⁵ Đức Bồ-tát giáng sanh.

⁴⁶ Đức Bồ-tát giáng sinh.

– Vậy, người hãy theo cùng ta đến trước toà kháng cáo⁴⁷, không sao đâu.

Rồi Ngài vào tự mình phán đoán theo công lý cho dân chúng thấy rõ rằng: “Người này ngay, kẻ kia gian, phán quyết theo chánh pháp”. Tất cả nhân dân và quan toà hiện diện trong toà án đều hoan hô “đúng lắm” tán dương đức Bồ-tát vang rền. Tiếng reo mừng thâu đến tai đức Ekarāja là Phụ vương của đức Bồ-tát. Đức vua bèn phán hỏi quân hầu, họ tâu rằng: “Đó là tiếng hoan hô khen ngợi đức Candakumāra là hoàng tử của lệnh Hoàng thượng, vì hoàng tử đã phân xử theo công lý không tây vị”. Đức vua Ekarāja biết được rất hài lòng; liếc mắt xem thấy đức Bồ-tát vừa đến châu mới phán rằng: Này con Candakumāra! Từ đây cha phong cho con làm pháp quan để xét đoán tất cả công việc trong toà. Từ đó, Kaṇḍahālabrahmana bị loại ra khỏi pháp đình, không còn hưởng quyền lợi chi cả. Kaṇḍahālabrahmana cố tâm buộc oan trái, tìm dịp để bắt lỗi đức Bồ-tát, không giờ phút nào bỏ qua.

Một đêm nọ, đức vua ngủ mê đến rạng đông. Ngài nằm mộng thấy đến Đạo Lợi Thiên cung, nào là lầu vàng, điện ngọc bảy báu cao 60 do tuần, có đường đi rộng rãi, đầy những cát vàng, có đền vua cao vút 100 do tuần, toàn là ngọc bảy báu, đủ thứ hoa thơm ngũ sắc, vườn thượng uyển, ao sen cao đẹp, xem rất ngoạn mục. Chư thiên nam nữ hội họp du lãm tắm chơi, Thiên nữ hái hoa và ca xang múa hát hầu hạ đức Đế Thích. Ngài xem càng vừa lòng hả dạ, ưa thích mê mết. Đức vua Ekarāja thấy mộng đến đó thì thức dậy. Ngài nghĩ nhớ đến cõi trời, thật là vinh hoa, phú quý, mong được lên thiên cung để thọ hưởng cảnh hạnh phúc ấy, nhưng không biết phải làm phước chi mới được thọ sanh lên đó. Vậy sáng sớm, trăm sẽ dòi các quan vào châu để hỏi thăm đường lên Đạo Lợi thiên cung.

Sáng ra, đức vua Ekarāja ngự đi tắm rửa, trang điểm y phục Đế vương xong, ngài dạy các quan quân hộ giá ngài đi du lãm. Có Kaṇḍahālabrahmana đến lạy chào trong nơi ấy, rồi tâu rằng: “Đêm hôm lệnh Hoàng thượng được an giấc chẳng?”

– Này khanh! Nào có được an vui đâu.

Ngài bèn cho phép vị cố vấn Kaṇḍahālabrahmana ngồi, rồi bày tỏ về sự nằm mộng của ngài mà rằng: “Này hiền khanh! Những hàng nam nữ nào trong thế gian, làm phước bố thí trong kiếp này, đến khi tan rã ngũ uẩn sẽ được thọ sanh trong nơi nào? Phước thế nào, mới được sanh lên cõi trời? Người có nhiều trí tuệ, vậy hãy giải cho trẫm nghe phân minh.”

Thật ra đức vua nên hỏi câu này nơi đức Phật toàn giác hoặc Thánh văn giác, đến các thánh nhân. Nếu không có hạng ấy thì nên tìm đức Bồ-tát mà nhờ giảng giải. Nay đức vua lại trở hỏi Kaṇḍahālabrahmana, khác chi là kẻ đã lạc đường 7 ngày, không biết lối ra, lại tìm đến người làm nẻo trọn tháng thì càng luống công vô ích. Như đức vua Ekarāja phán hỏi Kaṇḍahālabrahmana là người si mê, hỏi đến hấn thì làm cho ngài càng thêm đen tối nữa. Được nghe đức vua hỏi như thế, Kaṇḍahālabrahmana lấy làm mãn nguyện, định ninh rằng, đây là dịp may cho ta báo oán, giết kẻ thù là hoàng tử Candakumāra, sự mong mỏi của ta sẽ được theo sở ước chẳng sai; nghĩ rồi Kaṇḍahālabrahmana bèn tâu thỉnh đức vua vào trong mà rằng:

– Tâu, nếu Bệ hạ hy vọng được lên Thiên cung, Bệ hạ nên giết người như: vợ, con, gia súc là trâu, bò, ngựa, voi vô tội để cúng dường lửa. Tâu Bệ hạ, như thế chắc hẳn được lên cõi trời. Tâu, hàng nam nữ, không phải làm lành bố thí mà được sanh lên thiên cung đâu. Chỉ cúng dường lửa đó, mới thật là phương pháp đem người lên cõi trời được chẳng sai đâu; Bệ hạ ước mong được lên thiên cung, vậy cần phải thực hành theo lời hạ thần đã tâu đó.

⁴⁷ Chống lại một bản án do toà xử mà mình không chịu.

– Nay hiền khanh! Cúng dường lửa là thế nào? Giết người vô tội là sao? Hiền khanh hãy giải cho trẫm nghe đi.

– Tâu lệnh Hoàng thượng, cúng dường lửa là phải giết 4 giống chúng sanh, mỗi loại: 4 hoàng tử, 4 công chúa, 4 hoàng hậu, 4 triệu phú, 4 bò đực, 4 ngựa cỡi, 4 voi kéo. Dùng dao chặt đầu chúng sanh ấy, rồi lấy máu vàng hứng máu đổ trong hầm cúng dường lửa. Tâu, các Đế Vương ngày xưa mong được lên trời thường giết con, vợ v.v... cúng dường lửa như vậy. Tâu, lệnh Hoàng thượng là chúa tể, ngài bố thí cơm, gạo, nước, y phục đến Sa-môn, Bà-la-môn, kẻ nghèo đói, cô độc thật vô ích, không có phước chi cả. Giết con trai, con gái v.v..., lấy máu đem cúng dường lửa gọi là bố thí cao thượng, trong kiếp hiện tại này.

Nghe đức vua và Kaṇḍahālabrahmana trù tính như thế, những người trong hoàng cung rất sợ hãi, khóc la, kẻ lẻ vang động khắp hoàng cung. Kaṇḍahālabrahmana bèn tâu thêm rằng:

– Cách cúng dường lửa như vậy, lệnh Hoàng thượng có thể làm được chăng?

– Nay hiền khanh! Người cứ thực hành đi, trẫm cho phép khanh thi hành cho được kết quả vui đến trẫm.

Vị cố vấn nghe rồi rất hân hoan rằng: Nay sự thành lợi phát sanh đến cho ta rồi. Hắn bèn dùng lời phủ uỷ đức vua rằng: Tâu bệ hạ! Hạng người không bạo dạn không thể cúng dường lửa được. Đây là việc phước lớn và rất khó làm, Bệ hạ đừng trễ nải, hãy dạy bắt chúng sanh ấy hội họp tại đây cho đủ đi. Phần hạ thần lãnh việc đào hầm, dâng đến Bệ hạ. Nói xong, vị cố vấn từ tạ lui ra khỏi thành lo sắp đặt hầm, cho có đủ vật dụng theo phép cúng dường lửa.

Khi ấy, đức vua Ekarāja pháp dạy quân hầu rằng: Các người hãy dẫn 4 con của trẫm đến đây, là: Candakumāra, Suriyakumāra, Bhadasenakumāra, Surakumāra để trước sân rồng cho trẫm giết lấy máu cúng dường lửa ngày nay, (Candakumāra và Surakumāra là con của hoàng hậu Gotami; còn hoàng tử Suriyakumāra và Bhadasenakumāra khác mẹ). Quân thần nghe lệnh vua truyền liền đến bắt Candakumāra trước. Thưa rằng: Chúng tôi vâng chiếu chỉ đến bắt Ngài đem giết máu để cúng dường lửa. Xin ngài vui lòng đừng để đuôi cưỡng lại lệnh truyền.

Đức Candakumāra (Bồ-tát) hỏi: Nay các người! Do nhân chi mà Phụ vương dạy bắt ta cúng dường lửa. Ai trù liệu ra chuyện này?

– Thưa, đây là lời tâu bày của Kaṇḍahālabrahmana rằng: Nếu Hoàng thượng muốn được lên thiên cung hãy giết các con trai, con gái và loài gia súc, 4 chúng sanh mỗi loại, chặt đầu lấy máu đem cúng dường lửa sẽ được thọ sanh lên cõi trời. Kaṇḍahālabrahmana tâu như vậy nên Hoàng thượng mới ra lệnh bắt Hoàng tử đấy.

– Phụ vương chỉ truyền bắt một mình ta, hay còn giết ai nữa?

– Thưa, lệnh Hoàng thượng dạy bắt cả 4 Hoàng tử.

Đức Bồ-tát nghe rồi than rằng: Ôi! Đây cũng vì Kaṇḍahālabrahmana oán giận ta, nên tìm chước báo thù. Từ ngày hắn không được lợi quyền trong pháp đình đến nay, hắn mới hại ta như vậy. Ôi! Thảm thương thay những người đồng chung số phận với ta, vì ta mà phải bị hại chung. Các người thi hành theo lời chỉ dụ, ta đâu dám cãi lệnh Phụ vương. Ta chỉ mong khẩn cầu xin Phụ vương ân xá kẻ khác.

Quân hầu liền bắt đức Bồ-tát đem nạp trước đền, rồi lần lượt dẫn ba hoàng tử nữa là Suriyakumāra, Bhadakumāra và Surakumāra đến gần đức Bồ-tát, rồi vào tâu rằng: Tâu Hoàng thượng, chúng tôi đã bắt bốn hoàng tử nạp trước bệ rồng. Đức vua bèn dạy rằng: Các người hãy đi dẫn 4 công chúa là Upasena, Korilā, Muddhikā và Nandā, đem để gần

các anh của chúng nó, cho trăm cúng dường lửa. Các quân hầu vào cung thưa rằng: Chúng tôi vâng lệnh Hoàng thượng đến bắt các Công chúa để cúng dường lửa ngày nay. Các Công chúa đều sợ hãi nhào lặn ra khóc. Các quân hầu liền dẫn 4 công chúa đến trước đền. Đức vua truyền sai đi bắt 4 hoàng hậu dung nhan xinh đẹp sắc nước hương trời là: Bà Vijaya, bà Viāvadī, bà Kesinī và bà Sunandā đem đến cho đều đủ. Quân hầu bèn tuân lệnh làm theo, dẫn bốn hoàng hậu đến gần đức Bồ-tát. Đức vua truyền dạy bắt 4 nhà triệu phú là: Punnamukha, Bhadohiya, Siṅgāla và Bhaddha, để trước đền. Khi các quan hầu vâng lệnh bắt 4 hoàng tử, 4 công chúa, 4 hoàng hậu thì không nghe dân chúng nói lời gì. Về phần 4 nhà triệu phú, họ có nhiều thân tộc, bạn bè, nên khi quân hầu đến bắt thì có tiếng kêu oan vang động rằng: Nay, chúng ta ôi! Nay đức vua dạy bắt 4 triệu phú của chúng ta đem cúng dường lửa. Tất cả thân bằng quyến thuộc đến bao vây 4 triệu phú, vào đến sân rồng, rồi quỳ tâu cầu khẩn, xin tha mạng sống cho 4 nhà triệu phú rằng: “Tâu, xin Hoàng thượng từ bi đừng hại 4 triệu phú chúng tôi”. Khẩn cầu thế nào cũng vô ích, các quân hầu dẫn 4 nhà triệu phú đến trước đền. Liền đó đức vua dạy bắt 4 voi là: Abhaya, Nālāgiri, Accugga và Varuṇa, bắt 4 ngựa là: Kesi, Subhamukha, Punnamukha và Vinatako; và 4 bò đực là: Ayudhapati, Modaka, Sisabha và Kavampa. Đức vua truyền lệnh cho bắt đủ các nhân vật họp lại một chỗ rồi ngài phán rằng: Sáng sớm, trăm sẽ khởi sự cúng dường lửa.

Nói về Phụ hoàng và Hoàng thái hậu của đức vua Ekarāja, hai hoàng tộc này vẫn còn sinh tồn. Các đại thần dẫn nhau đến tâu cho Hoàng thái hậu hay về việc đức vua cúng dường lửa ấy, phải giết 4 hoàng tử, 4 công chúa, 4 hoàng hậu, 4 triệu phú, và các gia súc... Bà Hoàng thái hậu nghe qua ngậm ngùi, bà đưa hai tay lên than thở, rồi đến ra mắt hoàng nhi và hỏi rằng: Nay hoàng nhi! Mẹ nghe hoàng nhi định sát hại 4 hoàng tử để cúng dường lửa phải chăng?

– Tâu Mẫu hậu, con giết hại 4 hoàng tử, nhất là Candakumāra để cúng dường lửa được lên Thiên đàng.

Hoàng thái hậu cảm rằng: “Hoàng nhi ôi! Hoàng nhi hành động như thế không nên. Giết con, vợ mà được lên Thiên đàng đó, là sai với lẽ đạo từ ngàn xưa. Nay hoàng nhi cao quý! Sự sát hại chúng sanh là tạo ác đạo, không phải Thiên đạo đâu. Hoàng nhi nên vâng lời mẹ, mà tha chết cho vợ, con đi.”

Đức vua nghe mẫu hậu nói như thế, bèn đáp rằng: “Sự giết hại con trai, con gái để cúng dường lửa mà được lên Thiên đàng ấy chẳng phải lời nói ngoa đâu, chính là vị cố vấn Kaṇḍahālabrahmana chỉ dẫn đấy. Tâu mẫu hậu, vì con mong mỗi được lên Thiên đàng hưởng sự giàu sang hạnh phúc, nên mới nghe lời dạy của cố vấn Kaṇḍahālabrahmana mà giết cho đủ 4 con trai, 4 con gái, 4 hoàng hậu v.v... để cúng dường lửa, là điều bố thí rất cao thượng, ít ai làm được. Vị cố vấn giải rằng: Nếu đức vua nào, đành dứt bỏ những vật thương yêu trìu mến mà cúng dường lửa, thì ắt sẽ được lên Thiên cung chắc chắn. Những hành động ấy không phải tự con, do lời chỉ dẫn của Kaṇḍahālabrahmana nên con mới nghe theo, vì con mong được lên cõi trời”. Thật vậy, đức vua Ekarāja đã quá tin tưởng như thế, dầu mẫu hậu của ngài khuyên đến đâu, ngài cũng không tuân lời.

Đức Hoàng thái hậu đã cùng đường, không hy vọng vào đâu cho hoàng nhi nghe theo lời khuyên của bà, nên buộc lòng phải trở về cung nội. Đức vua Ekarāja vừa đưa mẹ trở về hoàng cung xong, thì hoàng phụ của ngài lại đến nữa. Hoàng phụ của ngài lại phán hỏi:

– Nay Hoàng nhi! Hoàng nhi sẽ giết 4 hoàng tử để cúng dường lửa phải không?

– Tâu Phụ vương, con định giết các con và vợ cùng các loại chúng sanh để cúng dường lửa theo lời dạy của Kaṇḍahālabrahmana rằng: Khi đã làm như thế, sẽ được lên Thiên cung.

– Này Hoàng nhi! Hoàng nhi làm như vậy không nên. Sự sát hại con trai, con gái là điều tội lỗi, sẽ bị sa trong 4 ác đạo. Hoàng nhi nên tinh tấn bố thí, trì giới, phụng sự mẹ cha, chú tâm trong pháp từ bi, không tạo nghiệp dữ, không hại chúng sanh, như thế là con đường lên nhàn cảnh đó. Nếu Hoàng nhi hành động ác như vậy chẳng nên đâu. Hoàng nhi chẳng nên nghe theo Kaṇḍahālabrahmana làm tội lỗi như thế.

– Tâu Phụ vương, đây là lời chỉ dẫn chân thành của Kaṇḍahālabrahmana. Sự sát hại vợ con để cúng dường lửa như vậy là điều bố thí cao thượng khó làm, kẻ nào thực hành theo, chắc chắn sẽ được thăng thượng giới, nên con hoan hỷ quyết định thực hành cho kỳ được như sở nguyện, ngõ hầu hưởng hạnh phúc nơi Thiên cung.

Đức vua cha bèn khuyên giáo thêm rằng: “Này Hoàng nhi! Hoàng nhi nên thông trị theo Thập pháp vương⁴⁸ (dasabidharāja) là: **1)** dānam: bố thí có giới hạn theo cá nhân, tinh tấn bố thí đến bậc tu hành, kẻ nghèo khó, tật bệnh, cô độc; **2)** sīlam: trì giới cho thân khẩu, ý chân chánh; **3)** pariccāgam: dứt bỏ của cải đến tất cả chúng sanh, không riêng biệt; **4)** ājjavam: có 4 khuynh hướng pháp, ngay thật, chơn chánh, là phán đoán theo luật pháp, không tây vạy; **5)** mudukam: có khuynh hướng đến chuộng từ bi, thương xót chúng sanh; **6)** ātāpam: tinh tấn trừ điều ác, làm việc thiện; **7)** akodham: không nên giận vô lý (đề nén tâm sân hận, có tâm từ thiện); **8)** avihimsā: không làm khổ kẻ khác, có lòng từ bi mẫn; **9)** khanti: có tâm nhẫn nại; **10)** avirodhanā: không làm sai pháp luật, không khuynh hướng theo pháp thế gian. Hoàng nhi hãy tinh tấn trong thiện pháp, chớ nên làm cho kẻ khác phải đau khổ, gìn giữ các con cho được an toàn, mới có thể đem lại quốc thái dân an được lâu dài.” Đức Phụ hoàng hết sức khuyên lơn thế nào cũng vô hiệu quả, vì đức vua Ekarāja khẳng khái một lòng quyết nghe theo lời dạy của cố vấn Kaṇḍahālabrahmana. Thấy khuyên con không được, vua cha ngậm ngùi giọt lệ trở về hoàng cung.

Khi ấy, đức Bồ-tát là dòng dõi của đức Phật xét nghĩ rằng: “Đại chúng bất bình buồn khổ, chỉ do ta mà ra cả. Vậy ta nên vào tâu, xin Phụ vương ân xá cho mọi người cho dân chúng vừa lòng”. Đức Bồ-tát Candakumāra bèn quỳ trước bệ rồng, cầu xin: “Tâu Phụ vương, lời Kaṇḍahālabrahmana nói, nếu đức vua nào cúng dường lửa bằng các con thì sẽ được lên Thiên đàng, xin Phụ vương hãy dạy hấn giết vợ, con hấn mà cúng dường lửa đi, cho hấn được lên trời trước, để làm gương mẫu, rồi sau Phụ vương hãy giết các con cúng dường, chúng con nguyện hy sinh tính mệnh cho Phụ vương, không dám trái lệnh. Xin Phụ vương bình tâm xét lại, nếu lời tâu của Kaṇḍahālabrahmana là đúng và chân thật, có sao hấn không giết vợ đẹp, con yêu của hấn. Lời của Kaṇḍahālabrahmana như dòng nước ngập tràn, không chắc vào đâu. Tâu Phụ hoàng, kẻ nào cúng dường lửa sẽ sa địa ngục. Người dạy kẻ khác cúng dường lửa hoặc có tâm hoan hỷ, người ấy phải chịu khổ trong địa ngục. Tâu Phụ hoàng, nên bỏ tà kiến trước, nếu Phụ hoàng tin lời của Kaṇḍahālabrahmana rồi phải đoạ trong 4 ác đạo. Tâu Phụ hoàng, Kaṇḍahālabrahmana tin chắc quả báo của sự cúng dường lửa, xin Phụ hoàng cho Kaṇḍahālabrahmana tự sát mà cúng dường để được lên trời trước đi. Vì sao hấn thấy sự lợi ích mà không làm, lại bảo giết anh em chúng con? Xin Phụ vương hãy quan sát cho tường tận trước. Phụ vương ôi! Kaṇḍahālabrahmana không được của hồi lộ trong sự xử đoán nơi pháp đình, nên mới tìm mưu chước sát hại chúng con như vậy. Con nay có chết cũng đành, nhưng thương hại cho các em vô tội, vì sự oán thù của Kaṇḍahālabrahmana mà phải chịu liên can. Phụ vương ôi! Nếu Phụ vương không suy xét, nghe theo lời độc ác của Kaṇḍahālabrahmana hành động tội lỗi, rồi đây nước mất nhà tan, đến lúc lâm chung, Phụ hoàng không tránh khỏi 4 đường ác đạo.” Đức Bồ-tát Candakumāra trình bày cặn lời mà cũng không thể làm cho vua cha động lòng thương xót. Khi ấy, công

⁴⁸ 10 pháp của vua.

chúa Selakumāri là em út của đức Bồ-tát, thấy anh hết lòng khuyên giải mà bất thành, nàng rất động lòng, liền quỳ tâu: “Phụ vương định giết chúng con, chỉ mong lên trời để làm gì? Phụ vương cần dùng cái chi mà phải lên Thiên cung, đành sát hại chúng con?” Đức vua nghe công chúa tâu như thế, ngài cảm động nín thính.

Có một em bé, con của đức Bồ-tát tên Vasularājakumāra, thấy cha chịu khổ cảm lòng không đậu, bèn nghĩ, để ta vào tâu với Tổ phụ hoàng, xin ân xá cho cha ta kéo tội nghiệp. Em bé Vasularājakumāra liền vào gặp nội tổ, vừa tâu, vừa khóc rằng: “Nếu Nội tổ không thương xót đến cha cháu, thì cũng xin tội nghiệp dùm cháu, vì cháu nhỏ dại, đừng giết cha cháu cho cháu có người nương nhờ. Xin Nội tổ từ bi thương xót cháu với”, vừa tâu xin vừa than khóc dầm dề, vì rất triu mến cha lành. Đức vua Ekarāja thấy cháu thê thảm như thế, đau lòng xót dạ muốn xiu, tâm thần xao xuyên, như bị tên bắn vào tim, dần lòng không được nên cũng khóc rờn, đoạn ôm cháu mà dỗ rằng: “Cháu ôi! Lời cháu đúng lắm, cháu hãy vui đi, Nội tổ sẽ tha cha cháu”. Đức vua bèn dạy quân thần phóng thích tất cả. Ngài nói: “Thôi, trăm không được lên Thiên cung cũng cam, miễn sao chúa tôi được xum họp”.

Khi Kaṇḍahālabrahmana hay được, lập tức chạy vào đền nội tâu rằng: “Tâu, vì sao Bệ hạ lại không giữ lời, hạ thần đã tâu rằng là việc khó làm, mà thực hành được mới là cao thượng. Bệ hạ quyết định phải làm cho được, chẳng nên bỏ qua lời nguyện. Đức vua nghe lời thúc dục của Kaṇḍahālabrahmana bèn nghe theo. Ngài liền dạy quân hầu bắt hoàng tử, công chúa, hoàng hậu, các triệu phú và các loài thú trở lại. Kaṇḍahālabrahmana nghĩ rằng đức vua có tánh nhu nhược lắm, dạy bắt rồi dạy tha, bảo thả rồi cho bắt. Với đứa cháu Vasula đến khóc mãi nỉ mà ngài cũng siêu lòng. Vậy ta nên thỉnh ngài ngự đến hầm cúng dường lửa. Nghĩ xong, Kaṇḍahālabrahmana bèn thỉnh đức vua đến hầm ngay, rằng: “Tâu, hạ thần xin thỉnh Bệ hạ đến dự lễ khai mạc cúng dường, Bệ hạ sẽ lên Thiên cung, bây giờ đây”. Đức vua Ekarāja trang điểm bằng 7 báu rồi ngự đi.

Đây nói về bà Gotami là mẹ của Candakumāra (Bồ-tát) xem thấy quân dẫn con đến gần hầm cúng dường lửa, thì rất thương tiếc, vật mình khóc than, kể lể, giọt lệ dầm dề trong cơn tử biệt. Bà liền chết vào quì gần chân đức vua mà khẩn cầu xin tính mệnh cho các con rằng: “Tâu, xin lệnh Hoàng thượng từ bi tội nghiệp thần thiếp là Gotami, Bệ hạ đừng giết 4 hoàng tử. Nếu Thánh thượng không ân xá, thì thần thiếp cũng không sống mà làm gì”. Vật mình khóc lóc, thở than đến đâu đức vua cũng bắt nể⁴⁹. Khẩu cầu với đức vua không được, bà liền dạy qua khiến trách thậm tệ Kaṇḍahālabrahmana rằng: “Này Kaṇḍahālabrahmana ác độc kia! Ngươi đem các con ta để cúng dường lửa, làm cho ta phải chịu khổ não muôn phần, những thống khổ này, ta sẽ trả lại cho vợ con ngươi. Ngươi cố tâm tìm mưu chước giết hại con ta, ngươi làm khổ người, những nỗi đau lòng xót dạ này sẽ trả quả ác cho ngươi chẳng sai đâu. Ngươi sẽ chịu hết khổ não, lìa xa dân tộc, vợ con yêu quý của ngươi, để ngươi đền trả lại những thảm trạng khốc hại này”. Hoàng hậu nhiếc mắng Kaṇḍahālabrahmana nhiều điều chua cay như thế.

Lúc ấy, công chúa của đức vua Pancālarāja là vương phi của đức Bồ-tát, khóc chồng. Nhưng không biết tính lẽ nào, vì mẹ chồng nàng đã khẩn cầu nhiều lượt mà đức vua bất kể, nàng Candā là con dâu thì mong gì nài nỉ cho được, cùng kể nên phải đánh liều, liền quì dưới chân đức vua mà tâu rằng: “Tâu Phụ hoàng! Nhân sao mà Phụ hoàng chẳng đoái hoài đến hoàng tử, xin Phụ hoàng từ bi thương tưởng đến tình phụ tử đừng giết hoàng tử”. Đức vua nghe lời van xin của con dâu như thế, nên phán rằng: “Này con Candā, con nay

⁴⁹ Không kể đến.

là dâu của trăm, trăm rất thương yêu, song vì mong lên trời nên phải buộc lòng giết con trong lúc này. Con chó khóc than kẻ lè, những kẻ giết đó, cũng sẽ gặp nhau trên cõi trời”.

– “Tâu, nếu Phụ hoàng không thương xót, quyết định giết Candakumāra cho được, xin Phụ hoàng giết con trước, đừng để con quá khổ tâm, não nề, thê thảm như vậy. Phụ hoàng nữ đành giết chồng con, để con sống còn có ích chi. Con xin từ biệt Phụ hoàng để đến cõi ma, chết cùng chồng ngay bây giờ. Phụ hoàng hãy sát hại con trước đi, con nguyện chết theo Candakumāra”.

Đức vua Ekarāja phán với nàng dâu rằng: “Này con Candā! Con chó lo ngại về sự chết của chồng con, Phụ vương cho con sẽ ở cùng em chồng con”. Nghe vua phán như thế, nàng vật mình than khóc rằng: “Ôi! ta thật là kẻ vô duyên thiếu phước, được chồng vừa lòng yêu mến, mà Phụ hoàng lại nỡ phân ly chồng vợ như vậy, làm cho ta phải trở thành quả phụ, nỗi khổ này ta quyết uống độc dược chết còn hơn, hoặc dùng dây thắt cổ tự tử cho rồi, hay nhảy vào đồng lửa chết thiêu càng tốt”. Rồi nàng gọi các con cùng nhau vào tâu với đức vua cha rằng: “Cầu Phụ hoàng đừng giết chồng con, hãy giết con hoặc các cháu bé đây mà cúng dường lửa”. Dẫu nàng Candā quyết hy sinh đủ mọi lễ để cứu mạng cho chồng, nhưng đức vua cũng chẳng nghe. Nàng bèn trở vào ôm chồng, rồi vật mình nằm lăn lộn bất tỉnh trong nơi ấy.

Trong khi Candādevī (vợ đức Bồ-tát) đang khóc than kẻ lè, thì Kaṇḍahālabrahmana làm vừa xong cái hầm để cúng dường lửa, liền dạy quân dẫn đức Bồ-tát vào gần miệng hầm. Kaṇḍahālabrahmana lấy sẵn mâm vàng để hứng máu, rồi đứng dậy đi lấy gươm định chặt đầu tất cả trong giờ ấy. Lúc đó, nàng Candādevī thấy cử chỉ Kaṇḍahālabrahmana như thế nàng hoảng hốt, không còn biết đâu là nơi nương tựa. Nàng nghĩ rằng: Giờ đây không có chi nương cậy bằng sự ngay thật, cái quả của sự ngay thật là nơi nương nhờ vững chắc của chồng ta, có thể đem lại sự an vui được. Nghĩ xong nàng đưa hai tay lên khỏi đầu rồi cầu nguyện trong khi đó rằng: “Tamattham pakāsenato satthā āhasabbasmin upagatasmin nisidite candasuriyasmin... ajjayanti”

Đức Chánh đẳng Chánh giác, ngài bèn giảng phân minh của tứ chúng (tỳ khuru, tỳ khuru ni, cận sự nam, cận sự nữ) nên thuyết rằng: Này chư tỳ khuru! Trong khi Candakumāra và Suriyakumāra vào gần miệng hầm cúng dường, mà người ta sắp đặt sẵn đó, nàng Candādevī con của đức vua Pancālarāja tỏ lời run run cầu khẩn giữa công chúng, nàng đưa hai tay lên lễ bái Chư thiên và cầu nguyện rằng: “Etena saccavajena: Thừa Chư thiên, do lời thành thật của tôi đây, tôi không giả dối, Kaṇḍahālabrahmana này là kẻ vô trí tuệ, không có giới đức, là người bất lương, không chân thật, vô hạnh kiểm, sự thật là như thế. Do lời thành thật này, cầu mong oai lực của Chư thiên nhất là đức Đế Thích và Tứ đại Thiên vương ủng hộ chồng tôi cho thoát khỏi tay kẻ độc ác, đừng cho tôi lìa xa chồng tôi trong giờ này”.

Trong lúc đó, đức Đế Thích cầm côn sắt cháy đỏ, lướt đến ngự trên hư không, hét lớn rằng: “Này vua thống trị bất minh, ngươi được thấy rõ trong nơi nào, từ xưa, ai dạy bảo ‘cúng dường lửa bằng máu rồi được lên Thiên đàng’? Ai là người chỉ dạy ngươi làm như vậy? Nếu ngươi dạy giết con, vợ, các triệu phú v.v... thì ta sẽ bỏ côn sắt cháy hoả hào này lên đầu ngươi ra tro bụi, lập tức bây giờ”.

Khi đó, cả hai là Vua Ekarāja và Kaṇḍahālabrahmana nghe tiếng hét la, quở trách trên trời và thấy rõ hào quang của đức Đế Thích thì kinh tâm tán đờm, mới cho thả ngay tất cả, nhất là hoàng tử Candakumāra. Đại chúng đang hội họp gần nơi hầm cúng dường lửa đều xông xáo, huyên náo, đồng cùng nhau dùng cây đánh đập, kẻ ném đá trúng Kaṇḍahālabrahmana chết tại chỗ. Thấy Kaṇḍahālabrahmana chết rồi, công chúng bèn tiến vào định hạ sát vua Ekarāja. Đức hoàng tử Candakumāra liền xông đến ôm đỡ vua cha

khuyên can, không cho người giết. Chúng dân tâu: “Chúng tôi tha chết cho vua Ekarāja, nhưng vua này rất độc ác, bất minh, chúng tôi không bằng lòng cho thống trị nữa. Chúng tôi bằng lòng loại ông ra khỏi thành”. Nói xong, chúng xông vào lột hết y phục triều đình của vua, cho mặc y nhuộm màu vàng nghệ trở thành kẻ hạ tiện, rồi đuổi ra ở với người thấp hèn độc ác. Khi đã giải quyết xong những điều không may ấy, họ xếp đặt trang hoàng để tôn vương cho Candakumāra. Tất cả dân chúng, nhất là các nhà triệu phú đều hội lại đông đủ làm lễ dâng cực⁵⁰ đức Candakumāra trong lúc đó.

Khi quan quân, cung phi, đại thần và vị cố vấn đã tề tựu đông đủ, đức Đế Thích cũng đến cầm cây lông vàng to và thổi sáo chào mừng. Do uy lực của đức Đế Thích đến dự lễ tước vị của đức Candakumāra nên Chư thiên và các ngọc nữ, nhất là nàng Sujātā cũng đến tham gia lễ lên ngôi của đức Candakumāra.

Khi đức Bồ-tát lên ngôi rồi, ngài bèn tu chỉnh việc triều chính, chấn bản dân nghèo, phóng thích tù nhân. Nhân dân được gọi nhàn ân huệ, nên trong nước toàn dân được an cư lạc nghiệp, thật là đời thái bình thịnh trị. Đức Bồ-tát hằng hết lòng phụng sự cha già, nhưng không cho cha Ekarāja vào đền. Ngài ngự đến thượng uyển rồi đi thăm cha, song ngài không làm lễ. Cha ngài lại lễ bái ngài và chúc nguyện cho Bồ-tát được an vui lâu dài. Đức Bồ-tát trị quốc theo thập vương pháp nên sau khi thăng hà được sanh lên Thiên cung.

Satthā - đức Thế Tôn khi đã giải xong truyện đức Bồ-tát Candakumāra, rồi giải tiếp rằng: Bhikkhave - Nay các thầy tỳ khuru! Đề-Bà-Đạt-Đa không chỉ quên ơn Như Lai trong kiếp này mà thôi. Các tiền kiếp trước khi Như Lai chưa sanh làm Candakumāra, Đề-Bà-Đạt-Đa cũng bạc nghĩa Như Lai vậy, chỉ vì oan trái mong giết hại Như Lai.

Xong, ngài thuyết pháp Tứ Diệu đế, chúng sanh nghe và đắc đạo quả rất đông.

Đức Thế Tôn bèn hợp các tiền kiếp lại như vậy. Tadā: Trong thuở đó, Kaṇḍahālabrahmana nay là Đề Bà Đạt Đa; bà Gotami nay là Māyā hoàng hậu, tức là Phật mẫu; Candavevī nay là nàng Bimbā, tức là mẹ Rahulā; nàng Selākumānī nay là Upavanna tỳ khuru ni; trẻ Vasulakumāra nay là Ananda; Rāmagotaro nay là đức Ca Diếp; Bhaddhasemo nay là Mục Kiền Liên; Suriyakumāra nay là Đại đức Xá Lợi Phất; đức Đế Thích nay là A-Nậu-Lâu-Đà. Tất cả kẻ tùy tùng bộ hạ của Bồ-tát nay toàn là hàng Phật tử. Đức Candakumāra là dòng dõi của Phật nay tức là đấng Chánh đẳng Chánh giác, giác ngộ tất cả pháp như thế.

1. Nārada jātika – truyện Nārada (Bồ tát tu hạnh xả ba-la-mật)

Ahurājā videhānanti idaṃ dhammadesanam satthā laddhivanudyānasamipe rājaganagare viharanto uruvelakassa pattheraṃ ārabha athesi – (Satthā) - Một thuở nọ, đức Giáo chủ ngự an trong rừng tre gần thành Rājagaha, ngài đề cập đến hoá độ đức Uruvelakassapa rồi thuyết về chuyện Nārada.

Các vị A-xà-lê kết tập Tam tạng nương theo Phật ngôn thứ nhất là: Ahu rājā videhānaṃ iti... rồi giảng rộng rằng: Khi Đức Thế Tôn thuyết Dhammacakkappavanasutra xong, ngài ngự đi hoá độ ba anh em, nhất là Uruvelakassapa bỏ tà kiến, cho xuất gia Ehibhikkhu⁵¹ trong Phật giáo, ngài có tất cả 20 ngàn tỳ khuru tùy tùng, ngự vào kinh đô Rājagaha để thủ

⁵⁰ Là tôn lên ngôi vua.

⁵¹ Khi Đức Phật gọi như vậy “Người hãy là tỳ khuru đi” thì đầu được cạo, thân mặc y ngay, như người đã xuất gia 100 hạ.

lời hứa với đức vua Tần-Bà-Xa (Bimbisāra) rồi an nghỉ trong rừng tre gần kinh đô Rājagaha.

Thuở ấy, đức vua Tần-Bà-Xa và 12 muôn dân cư, đồng nhau ngự đến lễ Phật, rồi ngồi nơi phải lễ. Khi ấy, các Bà-la-môn, triệu phú suy nghĩ rằng: Đức Uruvelakassapa hành đạo theo đức Sa-môn Gotama hay là đức Sa-môn Gotama là đệ tử của ngài Uruvelakassapa, có thể vậy chăng? Khi các Bà-la-môn và triệu phú phát tâm nghi ngờ, phân vân như vậy. Đức Đại Bi hiểu rõ tâm niệm của họ, muốn cho mọi người thấu đáo rằng: Uruvelakassapa tu theo giáo pháp của ngài. Đức Thế Tôn liền nói với đức Uruvelakassapa như vậy: “Kimeva divvā uruvelavāsi pahāsi aggin kisakovadāno pucchāmi taṃ kassapa etamatthaṃ kathaṃ pahinaṃ tava aggihutanti – Nay Uruvelakassapa! Người là thầy dạy dỗ tất cả năm trăm đệ tử của người trong xóm Uruvela, nay có sao người liệng bỏ cả vật cúng dường lửa?” Đức Uruvelakassapa mong tỏ bày nguyên nhân ấy cho rõ rệt, bèn quỳ bạch bằng câu kệ ngôn rằng: “Rūpeca saddeca atho raseca kāmithiyo cābhivadanti yaññā etaṃ malanti upadhīsu nātvā... – Bạch Đức Thế Tôn! Thông thường các Bà-la-môn sáng lập đạo cúng dường lửa đó, là mong được tăng gia sắc, thanh, hương, vừa lòng phụ nữ, tham ngũ dục là điều không tinh khiết. Bạch Phật, tôi đã thấy và hiểu được sự cúng dường lửa là không trong sạch, là phiền não, lôi cuốn chúng sanh vào vòng sanh tử luân hồi. Bạch Phật, tôi quán tưởng thấy Niết-bàn là nơi dập tắt phiền não, không sanh diệt nhất là ngũ uẩn. Tôi thấy chắc rằng Niết-bàn chẳng còn phiền não, thoát ly tam giới. Niết-bàn này chúng sanh không thể biết được, bằng ngoài đạo tâm của người được chứng quả, thoát ly tất cả thống khổ. Vì thế, tôi chẳng còn ưa thích sự cúng dường lửa và bỏ cả vật cúng dường như thế”. Đại Đức Uruvelakassapa sau khi quỳ bạch, đáp như đã giải, chỉ mong cho công chúng biết rõ rằng ngài là hàng Thánh văn của đức Đại Bi, rồi cuối đầu mọp nơi chân Đức Phật mà tuyên bố rằng: “Satthā me bhante bhagavā... Đức Thế Tôn là đấng Giáo chủ, tôi là Thánh văn đệ tử của ngài. Ngài là đức Bổn sư của tôi”. Xong, đức Uruvelakassapa liền hiện thần thông bay lên không trung cao một cây thốt nốt, xuống lễ bái Đức Phật rồi bay lên nữa cao hai cây thốt nốt, ba, bốn, năm, sáu, cho đến bảy cây thốt nốt, nghĩa là bay lên bảy lần, trở xuống mỗi lượt đều quỳ lạy dưới chân của đấng Chánh đẳng Chánh giác bảy lần như vậy, rồi đến ngồi trong nơi phải lễ. Đại chúng xem thấy thần thông phi thường như thế, rất kính phục và bàn luận cùng nhau rằng: “Đức Phật có rất nhiều uy đức. Ngài Uruvelakassapa mà chúng ta cho rằng là bậc A-la-hán Phật chinh phục được, làm cho ngài Uruvelakassapa phải bỏ vật cúng dường lửa, qui phục theo làm đệ tử của ngài.

Đức Thế Tôn nghe đại chúng khen ngợi như vậy bèn phán rằng: “Này chư thiện tín! Như Lai được giác ngộ rồi, hoá độ Uruvelakassapa đây không lạ thường đâu. Khi xưa, Như Lai sanh làm Narada Đại Phạm thiên, còn tham, sân, si, nhưng cũng đã chinh phục Uruvelakassapa cho liệng bỏ các vật cúng dường lửa theo tà đạo”, rồi Ngài nín thinh. Chư tỳ khưu mong được nghe tiền tích, nên quỳ xin Đức Thế Tôn giảng tiếp. Đức Phật bèn thuyết về truyện Narada rằng: Nay các thầy tỳ khưu! Ātite kāle: Trong thuở quá khứ, có vị Hoàng đế tên là Āngatirāja trị vì trong thành Mithilā, đức Hoàng đế này trị dân theo chánh pháp.

Đức Hoàng đế có một công chúa tên là Rucā có quốc sắc, thiên hương, và vị đại phúc đức. Hoàng đế Āngatirāja chỉ có con một, nên rất quý mến. Hằng ngày đức vua ban cho công chúa những y phục quý giá và hoa thơm 25 hộp để nàng trang điểm, và thực phẩm cao lương mỹ vị vô giá; mỗi nửa tháng, ngài đều cấp cho một ngàn lượng để công chúa chi phí tùy sở thích.

Trong các quan hầu của vua, có ba vị đại thần là: Vijeya, Sumāna và Alāta. Cả ba vị đại thần này đều vừa lòng vua. Khi đến ngày rằm tháng 12 (Ấn Độ), đức vua dạy trang hoàng đường xá, từ các châu thành đến hoàng cung thật là xinh đẹp, như thiên cung, rồi cho dân chúng diễn kịch vui chơi. Đức vua phán hỏi các đại thần rằng: “Này các khanh! Nay là ngày rằm tháng 12, trời thanh trăng tỏ, gió mát cảnh vui, vừa cho chúng ta lưu lại trọn đêm, để ngắm cảnh êm đềm lạc thú. Vậy các khanh có chi hay, hãy trình bày cho trẫm nghe”. Khi ấy, vị đại thần Alāta tâu rằng: “Hạ thần xét thấy, nếu Bệ hạ đem binh chinh phạt thu phục được các nước lân bang thành thuộc địa của Đại vương là hay nhất”. Đức vua nghe bèn cảm ngăn, không vừa lòng lời tâu ấy. Vị đại thần Sumāna thấy đức vua không chấp thuận, nên tâu: “Hạ thần xin Bệ hạ cho người sắm sanh cao lương mỹ vị, rồi cùng nhau ăn uống vui chơi, dạy cung nữ ca xang múa hát, thế mới thật là vui thú cho”. Nghe tâu như thế, đức vua không vui và cũng không buồn, ngài nín thinh. Về phần đại thần Vijeya thấy đức vua không ưa thích ngũ dục, cho đức vua là bậc trí tuệ. Lệ thường người trí tuệ hằng mong nghe pháp. Vậy ta nên tâu thỉnh đức vua đi nghe pháp, chắc ngài vừa lòng. Nghĩ rồi tâu: “Tâu lệnh Hoàng thượng, đêm nay đáng cho chúng ta đi tìm các Sa-môn hoặc Bà-la-môn, hay hàng trí tuệ học cao hiểu rộng, thấy xa mà luận đạo hoặc hỏi những điều nan giải, để phá nghi cho chúng ta. Tâu, hạ thần thấy như vậy mới thật là hạnh phúc cho chúng ta”. Đức vua Aṅgatiṛāja rất hài lòng, phán rằng: “Khanh tâu như thế rất hay, vậy khanh biết rõ có bậc trí tuệ trong nơi nào, đáng cho trẫm nghe đạo”. Khi đức vua phán như vậy, vị đại thần Alāta nghĩ rằng: Ta có một nội tổ là Gunājivaka ngụ trong vườn thượng uyển. Vậy ta nên tâu cho đức vua rõ, để ngài đến đó, cho nội tổ ta được làm thầy đức vua thì vinh dự biết bao. Nghĩ như vậy rồi vị đại thần Alāta bèn tâu rằng: “Hạ thần có một nội tổ, hiện nay ngụ tại ngự uyển, ngài là thầy tổ của phần đông, ngài dạy toàn là lời chân chánh và biết tri túc. Xin thỉnh Bệ hạ ngự đến luận đạo với nội tổ hạ thần, tin chắc ngài sẽ phá nghi cho Bệ hạ được”.

Đức vua Aṅgatiṛāja bèn dạy sửa sang long xa và mặc triều phục có quan quân hộ giá cùng các đại thần ngự đến vườn thượng uyển. Khi gần tới, ngài xuống xe, đi chân không vào gần thầy Gunājivaka rồi đưa tay lên lễ bái: “Bạch Ngài Gunājivaka! Thân tứ đại của ngài được điều hoà không? Thường ngày, ngài có được thực phẩm cho vừa ngũ uẩn chăng? Không thiếu thốn thái quá chăng? v.v...”

Khi đức vua ôn tồn tỏ lời hỏi ấm lạnh như thế, Đạo sĩ Gunājivaka đáp: “Uy nghi, chín khiêu tôi đã duy trì như thường lệ, thực phẩm cũng vừa đủ nuôi mạng, sự mạnh khoẻ ốm đau khi vậy khi khác v.v... Tâu Đại vương, trị vì được an vui, bệnh hoạn cũng không làm hại, Đại vương được sức khoẻ kiện toàn chăng?”

– Bạch, tôi trị nước được thái bình, thân tâm mạnh khoẻ an vui. Bạch Đạo sĩ, chúng tôi đến đây hy vọng hỏi những pháp mà chúng tôi còn nghi nan, cho minh bạch điều gì nên làm, việc chi phải tránh.

Xong, đức vua bạch hỏi rằng: “Thông thường, đức vua được trị an trong nước nên có: thiện pháp với triều thần phụng sự mẹ cha, các bậc thầy tổ và hàng trưởng thượng; đối với vợ con; đối với Sa-môn, Bà-la-môn; đối với dân chúng bằng cách nào?; tu hành thế nào mới được lên cõi trời?; người trong đời này, sau khi mệnh chung được sanh về nhân cảnh bằng nghiệp lành nào?; những kẻ phải sa đọa địa ngục, do nhác ác gì?”

Với những câu mắc mớ, vi tế và cao thượng ấy, đức vua Aṅgatiṛāja nên hỏi đấng Chánh đấng Chánh giác, hay Độc giác hoặc Thinh văn Giác, bằng không có các bậc thánh nhân, thì tìm đức Bồ-tát, chẳng nên hỏi Gunājivaka, khác chi kẻ mù trong đêm tối, biết gì mà giải được!

Khi nghe hỏi như thế, Đạo sĩ Gunājivaka không biết pháp gì mà giảng cho vua nghe, nên thuyết về pháp tà kiến rằng: “Tâu Đại vương, ngài nên lắng nghe tôi giảng chánh pháp đây: Quả báo của thiện pháp không có đâu, không có tội phước chi cả, những kẻ mà vô trí tuệ thức mới nói có tội, có phước và cho bố thí, trì giới là có, được phước. Tinh tấn bố thí, trì giới luật là luống công, vô ích làm cho tiêu hao tài sản; thiên đàng, địa ngục cũng chẳng có, đời này không, mẹ cha cũng không, mà ông bà, thầy tổ cũng chẳng có. Thường ngày đây, sự tốt xấu như nhau, lành dữ cũng chẳng có. Tiếng nói sát sanh, giết người cũng sai, ai giết, ai chết? Sanh ra là thành hình là nơi tập hợp của bảy yếu tố là đất, nước, lửa, gió, cũng theo mỗi yếu tố; vui khổ và sinh mệnh. Đến khi tan rã bảy yếu tố, đất thì theo đất, nước, lửa, gió cũng theo mỗi yếu tố; vui khổ và sinh mệnh thì bay lên không trung. Như thế thì gọi giết ai, ai chết? Tiếng nói chúng sanh là gọi theo thông thường mà thôi, thật ra sự giết chết nhau không có. Khi bảy yếu tố tan rã chia lìa rồi, đời chỉ sanh là chết, là hết sinh mệnh. Hết thế nào được, sinh mệnh lên ở trên không trung. Người nào có thể làm cho hết sinh mệnh được. Mặc dù kẻ cướp đoạt của giết người như thế, nếu quan sát theo chân lý và tứ đại đem yếu tố đi, không có người cướp, cũng không có kẻ tà dâm. Tâu Đại vương, con người trải đi trong vòng sanh tử luân hồi, cho đến hạn kỳ 84 kiếp rồi, thì tự nhiên trong sạch, dầu thực hành cho trong sạch đến đâu, thì cũng phải đến hạn kỳ đó.” Đức vua được nghe như thế, phán rằng: “Nếu quả phước không có, thì đi tìm nhà sư có ích gì”. Nói xong, ngài liền đứng dậy ngự đi về thành. Khi đức vua đến gặp Gunājivaka thì ngài lễ bái, lúc trở về thì ngài không từ giả chi cả. Vì Gunājivaka thuyết pháp tà kiến như thế, nên mới tiêu tan tất cả lợi lộc cúng dường như vậy.

Sáng ra, đức vua Aṅgatrāja cho các đại thần tề tựu lại đông đủ, hỏi phán rằng: “Kể từ đây, các khanh hãy xếp đặt tìm kiếm cho đầy đủ ngũ dục để trang hoàng cung điện cho trăm thọ dụng được an vui. Trẫm không còn phụng sự nhỏ lớn trong triều chính như trước nữa. Ba đại thần là: Vijjeya, Sunāma và Ālāta hãy lãnh trách nhiệm chỉ huy thay thế cho trẫm đi, dầu có việc đại sự chi cũng chẳng nên cho trẫm hay, trẫm không còn phải bận lòng gì nữa cả. Các phước xá đã tạo trước nay nên phá hủy đi”.

Đến ngày 14, công chúa Rucārāja cho đòi các cung nga đến dạy rằng: “Mai này là ngày mà Chư thiên hội họp nhau, chúng ta sẽ đi thăm vua cha, các người nên xếp đặt đồ trang sức và phục sức cho ta, cho khác hơn ngày thường.” Các cung nga vâng lời đem tràng hoa bằng lõi trầm hương quý giá và các ngọc báu... cho công chúa trang điểm. Sáng hôm sau, công chúa cùng 500 cung nữ bạn của công chúa cùng nhau đến châu Phụ vương của nàng. Đức vua thấy công chúa đến châu, ngài rất vui mừng, rồi ban thưởng cho nàng 1000 lượng tùy ý sử dụng. Đây là vua cha cho theo thường lệ vì thương con, nhưng không ưa thích trong sự bố thí vì ngài đã chấp hỷ tà kiến.

Sáng ra, công chúa sắp đặt sẵn sàng để thọ trì bát quan trai giới và làm việc bố thí đến kẻ cô độc, nghèo đói, bệnh tật vừa với chí hướng của nàng. Sự xu hướng của đức vua nghe theo lời Gunājivaka, dân chúng khắp thành Bārānasī đều biết. Các cung nga hay rõ tự sự của đức vua, bèn vào tâu cho công chúa biết. Công chúa tỏ được nguồn cơn sanh lòng buồn thảm, phiền muộn rằng: Phụ vương không nên thân cận với Gunājivaka, kẻ không biết hổ thẹn như thế. Phụ vương nên tìm hỏi đạo với các bậc Sa-môn chơn chánh, lẽ đâu lại vẫn đạo nơi Gunājivaka. Nay, ngoài ta ra, ai dám khuyên Phụ vương ta bỏ tà theo chánh được. Ta nhớ được bảy tiền kiếp, và biết được bảy hậu kiếp thành 14 kiếp. Ta sẽ đem giảng các kiếp và những nghiệp mà ta đã tạo, cả quả mà ta đã phải chịu cho vua cha nghe rõ, khiến Phụ vương bỏ tà kiến mới được. Nếu ta vào châu trong ngày nay, khi Phụ vương hỏi nguyên nhân nào mà đến gặp. Theo thường lệ ngày rằm mới vào châu, nếu ta tâu rằng vì được nghe

Phụ vương theo tà kiến mới đến, thế là không hợp thời. Thôi ta chờ đến một ngày nữa, như đã quen đến châu từ trước, ta giả làm như không nghe biết chi cả. Xét như thế, công chúa chờ đến ngày rằm, nàng trang điểm xong cùng đi với các cung nga vào châu vua cha, khi công chúa kể bái rồi nàng ngồi lên bảo tọa vàng. Đức vua thấy con vào châu, rồi cùng các bạn gái dung nhan xinh đẹp như các ngọc nữ trên thiên cung, ngài rất vui lòng, rồi tỏ lời thiện cảm hỏi con rằng:

– Này con quý mến! Hoàng cung của con có đủ đồ trang hoàng, có ao sen, hoa thơm đủ màu, có cung nga mỹ nữ hầu hạ, con được vừa lòng ưa thích chăng?

– Tâu, những trang sức, kẻ tùy tùng bộ hạ, cao lương mỹ vị v.v... mà Phụ vương ban cho, con rất được hài lòng. Tâu, mai này là ngày 30, có Chư thiên hội họp, xin Phụ vương cấp cho con 1000 lượng, để con bố thí như trước mà hồi hướng phước báu đến Phụ vương.

Nói về đức vua Aṅgatiṛāja, từ trước ngài hằng ban của tiền đến công chúa Rucārāja, không chờ nàng phải xin và thường hay nhắc nhở nàng bố thí. Nay ngài không cho, vì ngài đã tin hẳn theo tà kiến, là bố thí không có quả phúc chi. Đức vua phán công chúa rằng: “Này con Rucā! Con đã bố thí nhiều, của cải cũng đã tiêu hao nhiều rồi, từ đây con đừng làm việc bố thí nữa, con hãy lo ăn cho no bụng, vui chơi còn tốt hơn. Trước kia cha không biết, tưởng rằng là được phước, có quả báo, lợi ích mới khuyên con làm. Nay cha được gặp giáo pháp mới nơi Đạo sĩ Gunājivaka tu đạo loã thể, là vị giáo sư cao quý lắm. Đạo sĩ dạy rằng: không phước, không tội, thiên đàng không có, địa ngục cũng không, cha mẹ cũng không, đời này qua đời sau cũng chẳng có. Thường ngày đây, con người sanh ra là sanh theo với nhau, luân hồi đến hết 84 kiếp rồi trở nên trong sạch tự nhiên. Gunājivaka dạy cha như vậy”.

Công chúa Rucā được nghe vua cha phán như thế, nàng rất buồn thảm. Ôi! Phụ vương ta đã chấp hẳn theo Gunājivaka, vậy ta nên tường thuật về 14 kiếp mà ta nhớ được, cho Phụ vương ta nghe rõ quả phước và quả tội, để Phụ vương bỏ tà quy chánh, trong giờ này. Xét như thế, nàng Rucā tâu rằng: Tâu Phụ vương! Các bậc trí tuệ từ ngàn xưa có tuyên ngôn rằng: “Kẻ nào gần hạng si mê thì sẽ thành si mê, thân cùng lầm lạc thì sẽ lầm lạc theo, đây là những lời của các bậc tiền bối. Phụ vương là dòng dõi cao sang quyền thế, có nhiều trí tuệ, lẽ đâu lại nghe lời của Gunājivaka, là hạng thấp hèn, vô trí tuệ thức. Phụ vương là bậc trí tuệ tôn trong đời, không nên xu hướng theo tà kiến, những lời mà Gunājivaka đã giảng toàn là điều xấu xa tội lỗi, hẳn không biết hổ thẹn, Phụ vương không nên tin tưởng. Và lại, lời nói trước và sau không hiệp nhau rằng tội không tội, phước không phước, không có lợi ích, phước tội cũng không, đến 84 kiếp thì trở nên trong sạch. Như thế tại sao Gunājivaka không đi theo ngũ dục, lại tu là đạo sĩ loã thể làm chi cho phải khổ sở như vậy? Gunājivaka nói rằng làm phải không có quả vui, thì hẳn tu làm gì? Tâu Phụ vương, lời nói và việc làm của Gunājivaka không đi đôi, thế chứng tỏ rằng hẳn là kẻ vô trí tuệ lầm lạc thật. Gunājivaka là kẻ lạc đường, không thấy xa, như con phù du⁵² thấy ánh sáng lửa trong đêm, cho là vui rồi nhảy vào lửa mà phải chết. Phù du chết vì ngọc lửa, thế nào, Gunājivaka theo tà kiến tìm không thấy hạnh phúc, sẽ chịu khổ trong bốn ác đạo vì sự lầm lạc, khác nào thiêu thân trong đó vậy. Những người đã lầm lạc tin theo Gunājivaka ắt sẽ bị hại chẳng sai, như loài cá ăn mồi của ngư ông, sẽ bị khổ chết không sao tránh khỏi, thế nào, kẻ tin lầm theo lời của Gunājivaka ắt sẽ sa trong bốn ác đạo chịu khổ lâu đời.

Tâu Phụ vương, con xin thí dụ cho Phụ vương rõ, như người thương mãi chở chuyên rất nhiều hàng hoá, vì mong được lợi, tưởng là thuyền to đến khi nước ngập vào, thuyền đắm

⁵² Con thiêu thân.

trong biển, khác nào kẻ làm tội mà chưa chịu quả khổ, là vì quả khổ chưa đến kịp, nên còn hưởng sự vui, khi nhân ác cho quả, phải mang lấy nghiệp khổ không sai. Lê thường, người sinh ra trong đời nên gần bạn lành và có hạnh kiểm tốt, biết tội phước, biết tốt xấu, lợi hại, chánh tà; thân cận các bậc hiền minh, bác học, lánh dữ làm lành, bố thí, trì giới, tham thiền, niệm Phật nghe Pháp. Những người được gặp thầy, bạn lành như thế, thì hằng được an vui trong cõi này, đến kiếp sau được gần bậc có giới đức dẫn dắt, nhắc nhở, khuyên lơn thì sẽ trở nên bậc hiền nhân, biết rõ rằng đây là lành dữ, kia là tội hay phước. Khi đã rõ tội hay phước, rồi là nhân cho mình bỏ dữ về lành, chỉ làm điều phải đem hạnh phúc đến mình và cho kẻ khác, do nhờ thân cận bậc trí tuệ như thế. Những người tìm giao thiệp với bậc trí tuệ sẽ thành bậc trí tuệ giống nhau, ví như lá cây có rễ nước thơm. Kẻ gần bậc hiền minh sẽ được các ngài dìu dắt lên phẩm hạnh thanh cao đến nơi giải thoát. Những kẻ làm bạn cùng hạng si mê, hằng gặp điều bất hạnh, những hạnh phúc dần dần sẽ hao mòn, của cải sẽ tiêu tan, vì hạng si mê vô trí tuệ thường quyền rũ trong việc ác là sát sinh, trộm cắp v.v... mặc dù mình chưa quen làm, chỉ thân thiết với kẻ si mê, mình sẽ trở nên hạng si mê. Ví như lá cây mà họ dùng gói cá thối. Thì lá trở nên thối hôi thế nào, người thân cận với kẻ ác sẽ là người ác như thế. Những người hay tìm gần kẻ si mê, ắt sẽ làm điều tội lỗi rồi sẽ sa đoạ địa ngục. Do đó, hàng trí tuệ không bao giờ thân cận với kẻ tối tăm, lầm lạc và luôn luôn tránh xa họ, vì khi đã si mê vô trí tuệ rồi hằng lầm lạc làm những việc trái với công lý và phải chịu khổ trong ác đạo lâu đời.

Tâu Phụ vương, nếu Phụ vương tôn sùng và tin lời Gunājivaka không nên đâu. Quả của thiện pháp có, quả của ác pháp cũng có; làm lành hằng được vui, làm dữ phải chịu khổ, chẳng phải như lời Gunājivaka đã giảng đó đâu. Những hàng nam nữ nào tinh tấn bố thí, trì giới v.v... các nam nữ ấy sẽ đến Niết-bàn. Kẻ nào làm điều tội lỗi phải chịu khổ trong bốn ác đạo. Luân hồi sanh tử lâu đời nhiều kiếp, khi luân hồi đến 84 kiếp rồi được trong sạch chẳng phải đâu.

Tâu Phụ vương, xin Phụ vương hãy lắng nghe con tâu cho Phụ vương rõ các tiền kiếp của con như vậy: Một kiếp trước, con sanh làm con trai của người thợ bạc, ngụ trong kinh đô Rajagaha. Thuở đó, con gần bạn ác, nên tà dâm với vợ con người, nhưng khi hấp hối, nghiệp ác đó chưa trả quả, nghiệp lành của con đã tạo trong kiếp trước nữa đến cho quả, nên con sanh làm con trai của một triệu phú có 800 triệu trong thành Kosambhī. Kiếp này con được gặp bạn lành, bạn con dẫn dắt con biết tội phước chánh tà v.v... và nhắc nhở con làm việc lành nhất là bố thí, trì giới. Con tinh tấn thọ trì bát quan trai thường, nhưng đến khi mạng chung, cái phước đó chưa cho quả kịp, nghiệp dữ mà con đã tạo khi làm con trai của người thợ bạc theo kịp, nên sau khi chết phải sa đoạ trong địa ngục Roruva rất lâu. Hôm nay con nhớ đến những thống khổ đó nên không dám cầu thả dễ dãi. Con bị khổ trong đại ngục Roruva muôn phần thâm, không sao tả xiết. Ra khỏi địa ngục rồi, cũng chưa hết tội, con lại sanh làm lừa của vị đại thần trong thành Nakatarāja, họ bất thiện và dùng dễ cõi, nếu không cõi thì họ bắt kéo xe rất nặng nề, khổ nhọc. Khi chết khỏi kiếp lừa, sanh làm khỉ trong rừng. Khi ra khỏi lòng mẹ không bao lâu bị người ta bắt đem về thiện rất đau khổ, kêu la đến đâu họ cũng thiện cho được. Đây cũng vì tội tà dâm đã tạo trong kiếp người, khi là con thợ bạc.

Tâu, sau khi chết khỏi kiếp khỉ, sanh lên làm người lương tính⁵³ trong thành Vajrāja, do tội tà dâm còn dư xót, song nhờ phước hộ trợ nên mới làm người như vậy. Cha, mẹ, anh, em, ông, bà thân tộc, bạn bè hằng thương yêu con luôn. Sau khi chết con được sanh lên cõi trời là một Thiên nữ, hưởng phước trên Đạo Lợi thiên cung, là hoàng hậu của đức Đế

⁵³ Có cả tính nam và tính nữ.

Thích. Được làm hoàng hậu của đức Đế Thích bốn kiếp. Đến kiếp thứ năm con sanh ra là hoàng hậu của vị trời Javana. Một ngày nọ, đức Javana dẫn đi ngoạn cảnh, cùng các ngọc nữ tùy tùng đến hái hoa; các ngọc nữ hầu hạ hái hoa kết thành tràng, đặng trang điểm cho con. Trong lúc đó, con hết phước, nên hạ sanh làm con của Phụ vương hiện giờ. Nay con đã được 16 tuổi rồi, nhưng đối với cõi trời thì chỉ một phút mà thôi, nên vị trời Javana và các cung nữ chưa biết con đã chết, còn đang lo xô hoa để trang điểm cho con. Khi bỏ ngũ uẩn kiếp này, con sẽ sanh lên cõi trời có nhiều uy lực và sẽ khỏi làm người nữ kiếp này đây”.

Idam nārada vatthum - về truyện đức Nārada đây chư thiện nam tín nữ được nghe biết như đã vừa giải qua, có lẽ nghi ngờ và đặt câu hỏi rằng: Tại sao đoạn trước nói nàng công chúa nhớ được 14 kiếp (7 kiếp trước và bảy kiếp vị lai) nay lại thấy giải 13 tiền kiếp và một kiếp vị lai, tại sao? Xin giải rõ rằng: Nàng công chúa Rucā nhớ được bảy tiền kiếp, vì căn cứ khi nàng làm hoàng hậu của đức Đế Thích, không phải đề cập về kiếp hiện tại, khi nàng là công chúa Rucā đây. Bởi kiếp nàng là hoàng hậu của đức Đế Thích đó, nàng nhớ được bảy kiếp vị lai và bảy tiền kiếp. Khi được sanh ra là công chúa Rucā đây, nàng chỉ nhớ được 13 kiếp và một kiếp vị lai như thế thôi.

Nàng công chúa Rucā giảng giải về tiền kiếp và vị lai kiếp cho Phụ vương nàng nghe, có lời kệ ngôn rằng: Người nào mong được làm người nam trong mỗi kiếp. Cần phải giữ không tà dâm, cho trong sạch. Người đã rửa sạch chân rồi, hằng tránh không cho dính bùn, vì sợ dơ bẩn. Và lại, kẻ nào mong được lên cõi trời, nên chừa cải những điều tội lỗi, phải hành theo thập thiện (thân, khẩu, ý lành) trú trong pháp không cấu tha (appamadadharma) đừng làm hại chúng sanh. Chúng sanh sinh ra trong đời có đủ sự sang cả, uy quyền, được nhiều người kính mến tôn sùng, đều nhờ nghiệp lành của mình đã tạo từ bao kiếp trước. Tâu Phụ vương! Phụ vương nên suy nghĩ xem tất cả mười sáu ngàn cung nga mỹ nữ, quốc sắc thiên hương như hàng ngọc nữ, ngày đêm hầu hạ Phụ vương. Phụ vương được các nàng hầu hạ, châu chực do nhân nào, hay là Phụ vương ngủ rồi có được, hoặc Phụ vương làm điều ác đức mà được? Phải chăng nhờ kiếp trước Phụ vương có bố thí, làm lành nên nay mới được thọ hưởng cao sang như vậy. Xin Phụ vương bình tâm suy xét cho tường tận. Phụ vương nghe lời của Gunājivaka, rồi Phụ vương xét lại lời của bạn lành như con đã giải. Phụ vương tin rằng đời này có quả báo như thế đi. Các Sa-môn, Bà-la-môn cũng có, Phụ vương đừng nghĩ sai như vậy.”

Công chúa chỉ con đường lên thiên cung cho đức vua cha nhận thức phân minh như thế. Đức vua Angatirāja được nghe, thì vui thích, vừa lòng lời giải của công chúa, nhưng vừa lòng bằng cách trông không, vẫn chấp hỷ tà kiến, một mực không chịu đời đời kiến thức. Đây là do sự thân cận với kẻ si mê, thiếu trí tuệ mới trở nên lầm lạc như thế. Các bậc trí tuệ nên quán tưởng cho thấy rõ mà tránh xa, kẻ si mê ta chẳng nên ăn ở chung với kẻ ấy, xem kẻ đó như nọc độc. Nhưng khi đã lỡ (nên tìm gần các bậc hiền minh) vương nọc độc rồi nên tìm các bậc hiền minh có thể sửa chữa khỏi được. Trái lại, kẻ nào thân cận với hạng người si mê, khó gỡ cho khỏi tay kẻ độc ác được và ắt sẽ bị hại không sai.

Khi công chúa Rucā hết lòng giảng giải cho Phụ vương nàng nghe, từ sáng sớm cho trọn đêm như thế, mà cũng không làm cho vua bỏ tà theo chánh được. Khi công chúa đã hết lời khuyên giải để thức tỉnh vua cha mà bất thành như vậy, nàng nghĩ ta phải tìm phương pháp nào làm cho vua cha bỏ tà theo chánh mới được. Nghĩ xong nàng bèn đưa tay lên quỳ vái, khẩn cầu 10 phương, nguyện rằng: “Các ngài Sa-môn, Bà-la-môn có giới đức, Chư thiên, Phạm thiên có nhiều uy lực trong thế gian, xin giúp tôi để cởi mở tà kiến cho Phụ vương

tôi. Nếu ân đức của cha mẹ có thật, cầu xin các ngài hãy làm cho Phụ vương tôi đừng vương tà kiến nữa, hiện trong giờ này.”

Khi công chúa Rucā cầu nguyện xong, rồi quỳ lạy trong 10 phương, khiến cảm ứng đến đức Bồ-tát của chúng ta là đức Nārada. Ngài có nhiều đức từ bi, thường tìm xem sự phải quấy phải của chúng sanh. Khi đức Bồ-tát Nārada quán tưởng thấy rằng công chúa Rucā mong cho Phụ vương nàng bỏ tà kiến, cầu khẩn Chư thiên hộ trì, ngài suy nghĩ rằng: Thật vậy, ngoài ta ra không ai làm cho đức vua Āṅgatiṛāja bỏ tà kiến được. Vậy ta hãy tế độ đến nàng công chúa Rucā, cho Phụ vương nàng bỏ tà kiến, đem đến chúng sanh những điều hạnh phúc. Hôm nay ta nên xuống bằng cách nào đây? Ta giáng hạ xuống bằng tướng người xuất gia có phạm hạnh, là bậc mà đại chúng thường tôn kính. Bồ-tát xét như thế liền biến ra người xuất gia, tướng mạo đường đường chính chính, có đủ y bát rõ ràng, hào quang chiếu sáng như vàng trắng tỏ trong đêm rằm. Ngài ngự trên không trung ngay trước mặt vua Āṅgatiṛāja trong lúc ấy.

Tamatthaṃ athātamā brahmalokā narado nassipajam jambūḍīpaṃ apekkhanto adusarājānaṃ angatitāto patitthapā save vedehassa purato tabbadisvā nudapattam pāimam vanda thāti yam atthaṃ.

Ý nghĩa nào không rõ rệt trong câu chuyện Đức Thế Tôn khi thuyết có ý nghĩa đó, ngài giảng bằng Phật ngôn rằng: “Bhikkhave – Này các thầy tỳ khuru! Khi đức Bồ-tát xem thấy trong thế gian có đức vua Āṅgatiṛāja tà kiến, rồi thương hại công chúa Rucā, nên giáng hạ từ cõi trời Phạm thiên ngự trên không trung ngay hoàng cung, trước mặt công chúa Rucā, nàng xem thấy hết lòng hoan hỷ rằng: “Ngài đến trong giờ này đây, là vị trời từ bi xuống để tế độ ta, sẽ làm cho Phụ vương ta bỏ tà kiến không sai”, rồi nàng quỳ lạy đức Bồ-tát trong khi ấy.

Nói về đức vua Āṅgatiṛāja khi thấy đức Đại Phạm thiên Nārada ngự trên hư không ngay mặt ngài. Ngài sợ uy đức của trời Phạm thiên, không thể ngồi trên bảo tọa được, ngài bèn ngự xuống đứng nơi đất mà hỏi rằng: “Kuto nu āgacchāsi devavanni obhāsayaṃ sabbarātti candimāva kathehi me pucchitaṃ nāma gottalaṃ kathaṃ na jānanti manussaloketi – Tôi xin hỏi Ngài: Ngài có tướng mạo quang minh như Chư thiên, hào quang của ngài chói lợi trên không trung như ánh sáng mặt trăng trong đêm. Ngài đây, từ nơi nào đến, quý danh Ngài là chi? Xin ngài cho tôi biết rõ tên họ phân minh”. Đức vua Āṅgatiṛāja cho rằng đức Nārada là hạng phạm nhân, nên không làm lễ. Đức Nārada hiểu rằng đức vua Āṅgatiṛāja tưởng là cõi khác không có, vậy ta nên giảng cho vua hiểu rằng cõi khác cũng có. Nghĩ rồi đức Bồ-tát tỏ bằng kệ ngôn rằng: “Anam pīdevato idāni ema osabhāyaṃ sabbaratti candimave akkhapite pucchito namagottaṃ jānanti narado kassapoti – Này Đại vương! Ta đây là vị trời từ cõi Chư thiên mà đến, vì ta là trời nên mới có hào quang rực rỡ, như ánh sáng của mặt nguyệt trong đêm. Đại chúng nên biết ta là Nārada họ Kassapa đây”.

Đức vua Āṅgatiṛāja nghe được rồi nghĩ rằng: “Đức Nārada nói Ngài từ Thiên cung mà đến, lời này chứng tỏ rằng cõi khác có, vậy điều này ta sẽ hỏi sau”. Đức vua Āṅgatiṛāja bèn hỏi rằng: “Bạch đức Nārada, tướng mạo của ngài thật khác phạm phu, uy đức của ngài rất đáng tôn trọng. Đức Nārada ngự trên không trung, đứng đi trên không, thật là phi thường. Tôi xin hỏi về thần thông mà ngài Nārada có đó, do nhân nào, nguyên nhân chi?”

– “Saṅcadhammo vadamopāja patogunāna metecagata purāmā – Tâu Đại vương! Tôi hiện thần thông đây, vì tôi được chế ngự ngũ căn, đè nén phiền não pháp là: xan tham, sân hận, si mê. Tôi tinh tấn bỏ túc không bỏ qua thiện pháp, nhân đó nên thần thông và uy lực mới được toại nguyện, đi đứng ngồi trên không trung được như vậy”.

Đức vua Aṅgatiṛāja đã chấp hấn tà kiến trong tâm, khi được nghe đức Nārada giải như vậy thì sanh nghi cho rằng điều nói có thiên đàng đó tin không được, mới hỏi rằng: “Bạch Ngài Nārada, ngài dạy pháp cho kết quả thần thông biến hóa phi thường, lời Ngài nói đây thấy rằng có phước như thế nào? Đây là những điều Ngài vừa giảng qua nhưng tôi còn sanh nghi ngại”.

– Đại vương cứ hỏi theo ý muốn đi, tôi cho phép, không sao đâu. Tôi sẽ giải cho Đại vương được phân minh, cho hết hoài nghi. Chẳng phải tôi giải bằng lý thuyết suông đâu, tôi sẽ cụ thể hoá đủ cả lý nhân quả trước, sau để phá nghi cho Đại vương. Vậy Đại vương hoài nghi điều gì cứ tùy tiện hỏi đi.

Đức vua Aṅgatiṛāja bèn bạch hỏi rằng: “Bạch Ngài Nārada, tôi hỏi đây xin ngài trả lời theo chân lý đừng giả dối. Nay Ngài Nārada! Điều mà chúng sanh hằng gọi là Chư thiên, Phạm thiên cõi này, cõi khác có thật như vậy hay thế nào? Đức Đế Thích, đức Đại Phạm thiên, cõi này, cõi kia có thật hay không? Chư thiên nam, Chư thiên nữ có thật chăng?”

– Nay Đại vương! Chư thiên có thật, đức Đế Thích, đức Phạm thiên có thật, cõi này cõi kia có thật như chúng sanh đã kêu rằng kamesukhitā mida vamuḷāha – người không nhìn nhận trong thiện nghiệp là kẻ vô trí tuệ đó, không biết rằng có Chư thiên nam, Chư thiên nữ, có đức Đế Thích, đức Phạm thiên, có cõi này cõi khác, thế gọi là người thiếu trí tuệ và trí tuệ nhỏ.

Đức vua nghe đức Nārada trả lời như vậy bèn cười nhạo rằng: “Bạch Ngài Nārada, ngài nói cõi khác có, con người ra khỏi cõi này, sanh lên cõi khác có gia tài, của cải, chỗ ngụ, nơi ăn trong cõi khác, trong ngày vị lai có thật. Nếu Ngài Nārada thấy chắc, tin chính xác như thế xin ngài cho tôi mượn 500 lượng, song kiếp này tôi chưa trả, ngài Nārada sẽ lấy lại trong kiếp sau. Đến kiếp sau, tôi sẽ trả bằng hai số mà đức Nārada cho tôi mượn đó, nghĩa là tôi sẽ trả 1000 lượng trong kiếp vị lai, đức Nārada dám cho tôi mượn không?”

Khi đức vua Aṅgatiṛāja nói như vậy. Đức đại Phạm thiên Bồ-tát tỏ lời khiển trách rằng: “Đại vương nên hiểu, nếu Đại vương có giới nói lời ngay thật, là người hiền lành có thiện pháp trong tâm, khi ra khỏi cõi này rồi không sinh trong bốn ác đạo, như thế, tôi mới cho Đại vương mượn 500 lượng. Còn Đại vương không có giới đức, không chân thật, Đại vương có tâm ác, lánh xa thiện pháp, từ trước đến giờ chỉ có si mê, sân tham, theo phái tà kiến, thì không sao tránh thoát bốn ác đạo đâu, phải sa trong địa ngục chịu khổ não muôn phần, lâu đời nhiều kiếp. Như thế, 1000 lượng đó, biết bao giờ Đại vương mới đem trả lại cho tôi, dẫu tôi có theo đòi hỏi cũng không được, vì lửa địa ngục nào có tha thứ ai, tôi đâu dám theo đòi Đại vương trong địa ngục. Thông thường, trên thế gian này, nếu họ thấy ai tốt, lành thì cho mượn hoặc cho luôn cũng có. Còn họ biết rõ là kẻ xấu, không ngay thật cho mượn thì trông gì mà đòi được, như vậy họ đâu cho. Như Đại vương đương mở miệng mượn 500 lượng để kiếp sau trả 1000 lượng tôi quan sát biết rằng khó đòi lại được, vì Đại vương là kẻ tội lỗi, chấp tà kiến, đã phá bỏ các phước xá bố thí từ trước, không thọ giới, cũng không niệm Phật, chỉ làm việc ác, tà dâm vợ con người. Đại vương tạo đầy tội ác sau khi tan rã ngũ uẩn phải sa địa ngục, như vậy Đại vương được của đâu mà Đại vương trả cho tôi, dẫu tôi có theo đòi Đại vương trong địa ngục đi nữa cũng vô ích.

Khi đức Phạm thiên Bồ-tát nói như thế, vua Aṅgatiṛāja không còn lời lẽ nào đáp lại được đành nín thinh, trong khi đó. Trong lúc ấy, đại chúng rất hân hoan sung sướng, reo mừng khắp kinh thành rằng đức Nārada có nhiều uy lực, đáng làm cho đức vua bỏ tà kiến được. Nhờ thần lực của đức Bồ-tát, tất cả nhân dân trong thành Mithilā rộng hơn sáu do tuần đều được nghe đức Nārada Bồ-tát giảng đạo. Đức Nārada Bồ-tát nghĩ rằng: đức vua Aṅgatiṛāja này đã chấp vững lập trường tà kiến. Vậy ta nên tả cảnh khổ hải nơi địa ngục cho ngài sợ

mà bỏ tà kiến; rồi sẽ cho thấy cảnh hạnh phúc trên Thiên cung, an ủi cho ngài vui thích mới được. Đức Bồ-tát bèn nói rằng: “Này Đại vương! Nếu ngài giữ vững tà kiến như vậy, ắt sẽ xuống chịu khổ trong địa ngục lâu đời. Này Đại vương! Nếu ngài không bỏ tà kiến, sau khi chết sa vào địa ngục, được thấy loài thú to miệng lửa cháy đỏ, đến cắn mổ, banh da xẻ thịt, uống máu Đại vương, thân hình Đại vương đứt từng đoạn, máu chảy đầm đề xem rất thê thảm, chết rồi phải sống trở lại chịu khổ nữa; phải bị lao sắc đâm từ đầu đến tròn, ví như cá bị người lấy cây đâm từ miệng tới đuôi. Chết rồi tái sinh để chịu khổ nữa. Có quỷ sứ dùng các vũ khí lửa cháy hỏa hào, đánh đập tội nhân cho thân thể đứt lìa từng khúc... Đại vương càng kêu la, khóc kể, thì càng bị đánh, đâm bằng búa, lao, rìu, niềng sắt cháy đỏ. Đại vương chạy khỏi địa ngục đó, quỷ sứ rượt theo đánh đập bảo phải trèo lên địa ngục cây gòn, có gai sắt nhọn, bén dài 16 ngón tay, cháy hỏa hào. Đại vương vừa leo lên phía dưới quỷ sứ dùng côn sắt cháy đỏ đánh đập, làm cho gai sắt cây gòn đâm thủng đến thịt đến gân, xương. Khi Đại vương leo lên bị đánh, lúc tuột xuống cũng bị đập rất là đau khổ không sao kể xiết. Quỷ sứ đánh đập như thế cho Đại vương chạy đến địa ngục guom. Vào địa ngục này, gió quạt lá cây thành guom, chém đứt tay, chân, mũi, miệng, mặt, rồi sa vào địa ngục đồng sôi. Cảnh khổ trong chảo đồng sôi thật là thảm khốc, xong, quỷ sứ thả cây sắt cháy đỏ xuống móc Đại vương lên, rồi quỷ sứ cho ăn khúc sắt cháy đỏ, cho uống nước đồng sôi, Đại vương chịu đau khổ không sao kể xiết. Chết rồi còn sống lại để chịu hành phạt như vậy nữa. Như thế ai theo đòi 1000 lượng bạc trong các địa ngục đó được? Này Đại vương! Nếu Đại vương không bỏ tà kiến, sẽ đoạ trong địa, bị quỷ sứ hành hạ, bắt Đại vương tra vào xe sắt cháy hỏa hào, như bò trâu bị kéo xe vậy, rồi quỷ sứ dùng côn sắt cháy đỏ đánh bổ trên đầu, thân thể toàn mủ máu. Như vậy Đại vương nghĩ sao?”

Đức vua Āṅgatiṛāja khi được nghe đức Nārada Bồ-tát giảng thuyết như thế, kinh tâm, tán đờm, sợ hãi vô cùng, mong tìm nơi nương dựa ở đức Bồ-tát, bèn tỏ lời cầu khẩn rằng: “Tôi được nghe ngài Nārada giảng giải các nỗi thống khổ trong địa ngục, tôi lấy làm ghê sợ, tâm hồn rung động, ví như cây tróc gốc, lá lìa nhánh. Tôi là người lầm lạc, nay tôi nhận biết mình là si mê, lầm lạc rồi, tôi rất sợ khổ trong địa ngục. Nay tôi không nơi nương nhờ, ví như người bị chìm thuyền trong biển cả, cầu ngài Nārada từ bi cứu vớt tôi. Ví như cù lao là nơi nương nhờ của người bị chìm thuyền nơi đại hải. Xin ngài Nārada là nơi nương cậy của tôi, như ngọn đèn là nơi nương nhờ kẻ lạc đường trong đêm tối. Giờ đây tôi chỉ biết nhờ ngài Nārada mà thôi. Xin đức Nārada từ bi thương xót, chỉ dẫn tôi, giảng giải con đường Thiên đàng trong sạch, để tôi tinh tấn thực hành theo trong giờ này”.

Thấy đức vua Āṅgatiṛāja đã hồi cải ăn năn, bỏ tà theo chánh, đức Nārada Bồ-tát bèn chỉ rõ con đường tu hành trong sạch, để dẫn dắt đức vua như vậy: “Này Đại vương! Các Đế vương ngày xưa là Urinnarāja và sáu đức vua khác, các ngài hàng bố thí đến các vị Samôn, Bà-la-môn, nên sau khi tan rã ngũ uẩn đều được sanh lên sáu cõi trời Dục giới thiên. Chẳng phải chỉ có thế thôi đâu, còn rất nhiều đức vua khác, có đức tin trong sạch bố thí, trì giới rồi cũng đều được thọ sanh lên cõi trời. Ngài hãy chuyên cần làm phước bố thí, trì giới cho trong sạch đi, quả phước của sự bố thí có thể đem ngài lên cõi trời được. Ngài nên cho người đem cơm, nước, y phục v.v... Cho đến kẻ cô độc, nghèo nàn và dâng cúng đến bậc tu hành. Đại vương dạy quân đi báo cáo cho dân chúng trong và ngoài thành hay, ai mong được cơm, nước, y phục v.v.... thì đến thọ lãnh về dùng. Những trâu, bò, ngựa voi đã già yếu, ngài nên cho thả, đừng bắt chúng nó kéo xe, làm việc nặng nề như trước nữa. Với những quan lại tuổi đã già sức yếu, Đại vương chẳng nên thả hỏi, phải ban ân huệ như trước. Này Đại vương! Tôi khuyên Đại vương lánh dữ làm lành, đây là chỉ mong Đại vương tránh khỏi bốn ác đạo, được lên thiên cung. Khi sanh lên thế gian sẽ được giàu sang phú túc, nhờ sự bố thí như thế.

Quả báo của sự bố thí sẽ đem đến người nghèo đói được sự an vui, được thiên hạ yêu mến kính vì. Mặc dù phước bố thí cao quý như vậy, cũng chưa bằng phước của sự trì giới. Trì giới có nhiều quả báo hơn bố thí. Người tinh tấn trì giới, ví như trang điểm bằng bảy báu quý giá nhất trên đời. Kẻ không trì giới ví như không trang sức. *Sīlam yāna muttanam*: Giới ví như một cơ quan giao thông để thoát khổ, có thể dẫn chúng sanh thoát ly ác đạo. Giới là phương tiện để đưa hành giả lên cõi trời và Niết-bàn. Giới làm cho người được tinh khiết khỏi phiền não. *Sīla mokkhasa sapānā*: Giới là cái thang cho người đi đến nhàn cảnh là Niết-bàn. Này Đại vương! Đại vương tinh tấn thọ năm giới, tám giới đừng cho dứt, vì quả báo của giới thật là cao quý nhất”.

Đức Bồ-tát giảng giải về pháp bố thí và trì giới như thế rồi, đức Bồ-tát nghĩ thêm rằng: “Thật, đức vua này, nếu như ta thuyết pháp đem thí dụ thân thể với long xa, ngài sẽ ưa thích lắm”. Đức Bồ-tát liền giảng rằng: “Này Đại vương! Ngài đem thân thể của ngài như long xa, chú tâm như người xa phu, có tâm không làm khổ chúng sanh, nên chia sót vật dụng đến các thầy Sa-môn, Bà-la-môn, kẻ cơ hàn đói khát và cô độc; tam pādasāñña: chế ngự hai chân, không làm ác nghiệp bằng chân; tam hattasāñña: chế ngự hai tay, không làm nghiệp dữ bằng tay; tam kucchisāñña: chế ngự bụng là dùng thực phẩm cho vừa; chế ngự miệng đừng nói chuyện nhiều, chỉ nói những lời hữu ích, ngay thật, hiền lành, mát mẻ, hoà nhã, đoàn kết, đừng dùng lời sang đàng mắt thì giờ quý báu. Cần phải nói lời nhã nhặn với tất cả mọi người. Có đức tin trong sạch đối với Tam bảo, tìm nghe thuyết Pháp, chế ngự nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, tâm. Đừng để ác pháp phát sanh lên được, như dây cương giữ ngựa chạy cho ngay không cho sân hận do tâm bác ái đến mọi loài, tham thiền tập trung tư tưởng vào một đối tượng, cho tâm không phóng túng theo ngoại trần, cho trí tuệ phát sanh để trừ diệt phiền não, nhất là tà kiến, ngã mạn. Muốn cho các đức tánh ấy mau được tiến hoá, cần phải thân cận bậc trí tuệ, làm người dễ dạy, thật tâm vâng lời chỉ giáo của các ngài, đó là điều cần thiết”. Đức Bồ-tát thuyết Pháp cho đức vua Angatirāja bỏ tà kiến như thế, rồi khuyên đức vua thọ trì bát giới, nên tâu rằng: “Từ nay, Đại vương đừng gần kẻ ác, phải tìm nương với bạn lành, chớ để đuôi quên mình như trước nữa”. Xong, đức Nārada Bồ-tát tỏ lời khen công chúa và khuyên bảo các cung nữ, rồi ngài trở về cõi trời Phạm thiên, theo uy lực thanh cao thấy rõ trước mắt đại chúng như thế.

Về phần đức vua Angatirāja, ngài thực hành theo giáo huấn của đức Nārada Phạm thiên Bồ-tát, bố thí, trì giới, tham thiền, sau khi thăng hà được lên cõi Thiên cung.

Satthā idaṃ dhammadesanam āharitvā. Đức Chánh đẳng Chánh giác khi giải về tích đức Phạm thiên Nārada Bồ-tát rồi Ngài gọi: “*Bhikkave – Này chư tỳ khuru!* Uruvela Kassapa được bỏ tà kiến không phải chỉ nhờ Như Lai trong kiếp này đâu, thuở sinh làm đức vua Angatirāja được bỏ tà kiến cũng do Như Lai trấn áp như đã giải. Đức Thế Tôn bèn hội các tiền kiếp như vậy: *Tadā – Trong khi đó (Alāto) đại thần Alāta nay là Đề Bà Đạt Đa; (Sunāmo) đại thần Sunāma nay là Bhadhajithera; (Vijayo) đại thần Vijaya nay là Đại Đức Xá Lợi Phất; (Vijako) Vijaka nay là Đại Đức Mục Kiền Liên; Lacanaputto nay là đức vua, Jivana nay là tỳ khuru Sunakkhatabhikkhu; (Guno) Gunājivaka nay là Acelakajī; Rucā công chúa nay là Đại Đức Ananda; (Rājā) đức vua Angatirāja nay là Đại Đức Uruvelakassapa; Mahābrāhma Bodhisatta đức Đại Phạm thiên Bồ-tát tức là Như Lai, Sammāsambuddho là đức Chánh đẳng Chánh giác đây. Evaṃ.*

– Nārada jatakam niṭṭhitam - *Dứt chuyện đức Đại Phạm thiên Nārada*–

2. Vidhura jāta – truyện Vidhura (Bồ tát tu hạnh chân thật ba-la-mật)

Paṇḍuiyāsi dubbalāti idam satthā jetavane viharanto paññāpāramī ārabha kathesi ekadivesamhi bhikkhu dhammasabhāyaṃ katham samutthāpesun avuso aho vata satthā mahapañño tikkhanapañño puthupañño javanapañño hāsapañño nibbedhikapañño parappavādamtthamo attano puññānūbhāvena... patipādesīti – Một thuở nọ, đức Thiên Nhơn Sư an nghỉ trong Kỳ Viên tịnh xá gần thành Sāvattihī, ngài đề cập đến trí tuệ ba-la-mật của ngài cho có nhân, rồi ngài thuyết pháp về truyện Vidhura giữa hàng tứ chúng (tỳ khuru, tỳ khuru ni, thiện nam, tín nữ).

Các vị A-la-hán kết tập Tam Tạng tùy Phật ngôn nhất là Paṇḍhukisiyā dubbalā iti mới có lời chú giải rộng rằng khi Đức Thế Tôn ngự trong Kỳ Viên tịnh xá đó.

Ngày kia, có chư tỳ khuru tụ hội trong phước xá bàn luận về trí tuệ ba-la-mật trong giữa tăng hội rằng: Này các thầy! Ô thật là hết sức phi thường, đức Giáo chủ của chúng ta đây, ngài có rất nhiều trí tuệ tối thượng: puthupañño - trí tuệ của Phật dày dặn không thể đo lường; hāsapañño - nói về trí tuệ làm cho thính giả được vui, vượt quá quyền hạn trời và người; tikkhanapañño - nói về sự bén nhọn, là hiểu biết xuất chúng vô ngại tất cả các pháp, giác ngộ chân chánh trong Niết-bàn. Ngài trấn áp những người sẵn sàng sắp đặt trí tuệ, nhưng chẳng có một ai có thể lướt qua trí tuệ của ngài được.

Các câu đố của Sa-môn, Bà-la-môn, vua, triệu phú toàn những bậc có trí tuệ, đến tìm hỏi những điều thắc mắc vi tế rất nan giải, thế nào Ngài cũng giảng được cả, từ đầu đến cuối thông suốt phân minh. Ngài từ bi tế độ những kẻ tà kiến, ngã mạn được dứt bỏ sự hiểu lầm tưởng quấy, trở nên ưa thích, phát tâm trong sạch, có đức tin chơn chánh trong Tam bảo và thọ trì tam qui, ngũ giới thực hành chánh pháp, đạt đến đạo quả Niết-bàn. Thật là kỳ diệu, theo trí tuệ của ngài.

Lúc ấy Đức Thế Tôn ngự trong hương thất (gandhakuti), nhờ nhĩ thông, ngài hiểu rõ, rồi ngự đi đến phước xá, vào ngòi trên bảo tọa và hỏi rằng: “Trí tuệ của Như Lai trong kiếp cuối cùng này dầu là xuất chúng cũng như không xuất chúng, vì Như Lai đã giác ngộ Chánh đẳng Chánh giác rồi. Thuở trước, lúc Như Lai trí tuệ còn kém, là còn tu hạnh Bồ-tát, Như Lai cũng hơn chúng. Kiếp Như Lai sinh làm Vidhurapandita có trí tuệ sắc bén, chinh phục Dạ-xoa Puranaka trên đỉnh núi Kālāgi, cao 60 do tuần làm cho Dạ-xoa qui phục, bỏ tà kiến, ngã mạn trở nên bác ái, mới đáng là huyền diệu, nói đến đây rồi Ngài mặc tưởng. Chư tỳ khuru mong được nghe tiền tích, bèn qui cầu thỉnh Đức Thế Tôn giảng tiếp. Ngài liền dẫn tích Vidhura mà giải rằng:

Bhikkhave atite kāle: Này các thầy tỳ khuru! Trong thuở quá khứ có một đức vua danh là Thnañjeyakoraba trị vì trong kinh đô Campāka. Vị cố vấn giáo đạo cho đức vua ấy có tên rõ rệt là Vidhurapandita, lời nói tao nhã là một pháp sư cao quý. Vị pháp sư Vidhurapandita thuyết pháp rất du dương trong khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối cùng, làm cho công chúng nhất là đức vua vừa lòng ưa thích, ai được nghe pháp của Vidhurapandita rồi cũng không muốn trở về nhà.

Đây xin giải về tiền kiếp của đức vua Thnañjeyakoraba như vậy. Thuở nọ, có bốn phú gia ngụ trong thành Bārānasī làm bạn cùng nhau. Cả bốn Bà-la-môn đó, khi đến tuổi già, quán tưởng thấy tội ngũ dục, bỏ nhà vào tu trong núi Tuyết Sơn, tham thiền đắc định, hái trái cây làm thực phẩm. Lâu ngày thêm vật chua, mặn nên cùng nhau đến thành Campāka vào ngụ trong vườn thượng uyển của vua. Sáng sớm đắp y mang bát vào thành khát thực. Trong thành Campāka có bốn nhà triệu phú gia là bạn thân cùng nhau. Bốn vị này thấy các vị Đạo sĩ có giới đức, chế ngự lục căn nên phát tâm trong sạch thỉnh về nhà, mỗi người

một Đạo sĩ. Sau khi thọ thực xong, các phú gia ấy thỉnh bốn vị Đạo sĩ ngụ trong vườn thượng uyển. Buổi xế mỗi vị Đạo sĩ tìm nơi an vui vừa lòng. Một vị Đạo sĩ lên nghỉ trưa trên Đạo Lợi Thiên cung, một vị xuống nghỉ tại Long cung, một vị vào nghỉ tại núi Tuyết Sơn và một vị nghỉ an tại vườn thượng uyển của vua Vijeyakoraharāja. Mỗi vị Đạo sĩ thấy sự nghiệp Đế vương của bốn vị vua⁵⁴, nên trở về tường thuật sự sang cả của bốn đức vua ấy đến thí chủ mình. Nghe bốn Đạo sĩ trình bày sự cao sang phú túc của bốn vị vua như thế, bốn thí chủ đều phát tâm ưa thích, tinh tấn bố thí, trì giới, sau khi chết được như sở nguyện. Người phú gia thứ nhất được sinh lên cõi trời làm Đế Thích, người phú gia thứ nhì được sanh làm Long vương, vị thứ ba sanh về cõi Điều vương, vị thứ tư sanh vào thai bào của hoàng hậu của vua Thnañjeyakoraba, sinh ra đặt tên Korabakumarāja, khi trưởng thành lên kế vị vua cha. Ngài trị quốc theo 10 vương pháp, không dám dễ dãi. Ngài tinh tấn bố thí, trì giới chăm chú thực hành theo lời chỉ giáo của đức vua Vidhura Bồ-tát, không vi phạm điều ác. Song ngài còn mê đánh cờ tướng ăn cuộc.

Một ngày nọ, đến kỳ bát quan trai giới, đức vua Thnañjeyakoraba đang thọ bát quan trai giới, ngài tham thiền quán tưởng và mong tìm nơi vừa lòng để hành đạo theo sở thích. Trong ngày ấy, đức Đế Thích cũng thọ bát quan trai giới. Ngài xét rằng: tại cõi trời không thanh vắng, ta nên xuống nhân gian để tham thiền. Ngài quán xét thấy vườn thượng uyển của nhà vua dưới trần gian là nơi vừa lòng, liền hạ san xuống tọa thiền trong nơi đó. Chẳng phải chỉ có đức Đế Thích mà thôi, vị Long vương hưởng đế quyền dưới Long cung cũng thọ bát quan trai vậy. Ngài thấy tại cõi rồng huyên áo, ồn ào cũng như đức Đế Thích, nên đến vườn thượng uyển của đức vua trên nhân gian mà tập trung tư tưởng. Nói về vị Điều vương hưởng cảnh giàu sang trong núi Tuyết Sơn, thọ bát quan trai giới cũng suy xét như Long vương rồi tìm đến cõi người mà tham thiền. Tất cả bốn vị vua là đức Thnañjeyakoraba, đức Đế Thích, đức Điều vương và đức Long vương đều ngồi thiền trong vườn thượng uyển cùng nhau.

Sáng sớm ngày ấy, bốn vị vua ra khỏi chỗ tọa thiền, đến gặp nhau gần ao sen. Khi thấy nhau bèn phát tâm yêu mến, ưa thích nhau, có tâm từ bi thương xót lẫn nhau nên tỏ lời thiện cảm cùng nhau. Đây là do tiền kiếp làm bốn vị phú gia trong thành Campāka từng làm bạn thân thiết cùng nhau. Đức Đế Thích ngồi trên tảng đá, đức vua Thnañjeyakoraba, Điều vương và Long vương cùng nhau ngồi đàm thoại. Đức Đế Thích bèn hỏi ba vị vua kia rằng: “Tất cả bốn ta đều là hàng vua chúa, đồng nhau bỏ sự sang cả, để tìm thọ bát quan trai giới, như thế ai là người cao quý hơn?”

Khi ấy, Long vương nói lên trước rằng: “Giới của tôi cao thượng hơn cả ba ngài”.

– Này Đại vương! Vì sao Ngài cho rằng giới của ngài cao thượng hơn?

– “Tâu, vì tôi dè dặt được sâu hận. Đức Điều vương là thù nghịch của tôi. Lệ thường Long vương đã sinh rồi, hoặc đang sinh hay chưa sinh hằng xem Điều vương là thù nghịch. Tôi thấy Điều vương là địch thù, song tôi dần lòng không bao giờ oán giận Điều vương dù là vi tế hay thô thiển. Nhân đó, tôi thấy giới của tôi cao thượng hơn quý ngài”. Nói xong, Long vương bèn tuyên bố lời kệ ngôn rằng: “Yo ko pana neyyanakaroti kopam na kucchati sappuriso kathāni kadāpi kuddhotiso nāviroti kopam tam venaram samana māhu loke. Đức vua, bà-la-môn, thương gia, nông phu v.v... hành pháp nhẫn nại, không oán giận, như đức Đạo sĩ Khantitāpasa không oán giận vua Garapanāja, các bậc trí tuệ khen rằng là một vị Sa-môn trong đời. Nakucchati sappuriso. Thông thường, bậc thiện trí tuệ thức hằng hành pháp nhẫn nại, là vật trang sức, là năng lực vận tải, là lực lượng của thân thể, không bao

⁵⁴ Đức Đế Thích, Long vương, Điều Vương, đức vua Thnañjeyakorabarāja.

giờ sân hận chi cả. Bậc thiện trí tuệ thức hằng đè nén sự giận, không cho bộc lộ ra ngoài. Kẻ nào không có sự hờn giận trong tâm, các bậc trí tuệ hằng ngợi khen là vị Sa-môn yên lặng tội lỗi trong đời. Nay ba Ngài, các đức tính như đã giải ấy, có trong tâm tôi. Vì thế tôi thấy rằng giới của tôi cao quý hơn của ba Ngài”.

Đức Điều vương được nghe qua, liền ngăn lời của Long vương mà rằng: “Giới của tôi đây mới cao quý hơn của ba Ngài, vì tôi chế ngự được trong bụng tôi. Long vương đây là thực phẩm cao lương của tôi, được đức Long vương là món ăn mỹ vị. Như vậy mà tôi nhẫn nại được không làm tội, vì sự ăn. Nhân đó, nên tôi cho rằng giới của tôi là cao quý hơn cả”. Đức Điều vương muốn cho lời tỏ mình trường cửu, nên tuyên bố bằng kệ ngôn rằng: “Onodaro yo sahate jighacchi danto tapassimigapānabho pi ācāriya hetu na karoti pāpaṃ taṃ ve naraṃ samanamaḥu loke – Kẻ nào có bụng đói cào ruột xót xa mà cố gắng nhẫn nại sự khó chịu ấy, không làm tội bởi miếng ăn, thực hành chế ngự không ăn, trì giới được trong sạch, dùng nước cho vừa để chịu đựng, không làm ác vì sự ăn. Các bậc trí tuệ hằng ngợi khen người đó là bậc Sa-môn đàn áp được tội lỗi trong đời. Nay ba Ngài! Ngày nay tôi không làm tội vì miếng ăn nên tôi thấy rằng giới của tôi cao quý hơn các ngài”.

Tiếp theo, đức Đế Thích bèn tự ca tụng giới của mình rằng: “Giới của tôi rất cao quý hơn giới của các ngài, vì đã từ bỏ những thú vui cao sang trên thiên cung, nào là đèn vàng, ngọc nữ, mà xuống nhân gian để thọ bát quan trai giới. Đức Đế Thích muốn cho lời nói được kể tục, ngài bèn đọc câu kệ ngôn rằng: “Khiddaṃ rattivippajahi tattha sabbamaṃ na paṭikamkhā sati kiñci loke vibhūsanatthāna virato methunasā taṃ ve naraṃ samanamaḥu loke – Người nào trong đời này, dứt tính lười biếng và ưa thích ngũ dục không nói những lời sang đáng vô ích, tội lỗi, dầu là nhỏ nhen chút ít, tránh xa nhục dục cùng sự tô điểm hình thể, thoa vật thơm dồi phấn và đeo hoa, có tiết độ trong thực phẩm. Như thế các bậc trí tuệ hằng ca tụng kẻ ấy là bậc Sa-môn, chế phục tội lỗi được hẳn, trong đời. Nay quý ngài! Ajja ahaṃ devaccharaṃ pahayā. Hôm nay tôi bỏ được các ngọc nữ, không mến tiếc sự nghiệp thiên cung, đến thọ bát quan trai giới trong cõi người đây. Do đó tôi tự khen rằng tôi có giới cao quý hơn các ngài”.

Kế, đức vua Thnañjeyakoraba bèn tán dương giới của mình rằng: “Giới của tôi đây mới là quý hơn của các ngài, rồi tuyên bố rằng: “Pariggahaloka dhammañca sabbamaṃ yeva pariññaṃ pariccajanti dantaṃ thitataṃ ramaṇaṃ nirāsaṃ taṃ ve naraṃ samanamaḥu loke – Người nào biết quán tưởng phân biệt tội của vật dục và ái dục phát sanh trong vật dục đó theo ba pariñña là: ñātapariñña, tiranapariñña, pahānapariñña: Sự hiểu tình trạng thông thường nhất là của ngũ uẩn gọi là ñātapariñña, sự thấy nhất là tội lỗi của ngũ uẩn gọi là tiranapariñña, sự thấy tội và bỏ tất cả lỗi được gọi là pahānapariñña. Khi quán tưởng nhận thấy tội của vật dục và ái dục phát sanh trong vật dục theo ba pariñña như ý nghĩa đã giải trên, rồi quyết tâm dứt bỏ vật dục và phiền não dục, trừ ngan ngành vì tự cao, phá tan tà tư duy, chí tâm kiên cố tham thiền để diệt phiền não. Các bậc trí tuệ ngợi khen cho là bậc Sa-môn chế ngự được tội lỗi trong đời”.

Khi bốn vị vua tự ca tụng giới đức cao quý của mình, không đồng ý nhau như vậy. Liên khi ấy, đức Đế Thích, đức Điều vương và đức Long vương bèn hỏi đức vua Thnañjeyakoraba rằng: “Tâu Đại vương! Trong lãnh thổ của Đại vương có bậc trí tuệ nào chẳng?”

– Tâu, bậc trí tuệ của tôi là ngài Vidhurapandita có sự hiểu biết không người bì kịp, là bậc trí tuệ cao quý, thường hay chỉ giáo đến tôi. Bậc trí tuệ đó, có thể phá nghi cho bốn chúng ta được. Vậy chúng ta hãy tìm đến bậc trí tuệ Vidhurapandita ấy.

Cả ba vị vua đồng ý nhau rằng: “Sādhu, phải rồi” liền dẫn nhau ra khỏi vườn thượng uyển, ngự đến phước xá sắp đặt bảo tọa an bài rồi dạy người đi thỉnh đức Vidhurapandita Bò-tát đến. Bốn vị vua bèn thỉnh Bò-tát lên bảo tọa, tỏ lời thiện cảm cùng nhau, rồi bốn đức vua đồng nói rằng: “Này bậc trí tuệ! Xin ông hãy phá nghi giùm chúng tôi hôm nay. Này bậc trí tuệ! Ông có thể biết được nhân quả, việc đáng làm và không nên làm. Nay, chúng tôi vẫn bảo thủ sự trì giới cao thấp của chúng tôi là hạng người lầm lạc, không vừa ý nhau. Xin ông hãy giải nghi cho bốn chúng tôi, như Chư thiên cắt đỉnh núi Tu Di bằng gươm báu vậy. Ông nên làm cho chúng tôi thoát khỏi sự hoài nghi trong lúc này.” Xong rồi bốn đức vua lần lượt bày tỏ hết tự sự cho đức Bò-tát nghe, như đã giải trên. Đức Bò-tát được nghe rõ lời tường thuật của bốn đức vua rồi, quan sát thấy rõ rằng giới đức của bốn vị có quả báo đồng nhau, không cao không thấp, không quý, không hèn hơn nhau, nên ngài tâu rằng: “Sabbāni etāni subhasitāni na hetudubbhāsītā matthikiñci yasmiñca etāni patitṭhitāni ārāva nādarayāsu samohitāni catūhi dhammehi samangibhūtaṃ taṃ ve naraṃ samanamāhu loke – Tâu, lời của bốn thánh thượng vừa trình bày toàn là thiện ngôn cả, có quả báo đồng nhau. Bốn pháp ấy có trong người nào, các bậc trí tuệ hằng ngợi khen là bậc Sa-môn, đàn áp các pháp được kiên cố trong đời. Tâu, giới của các ngài cao quý đồng nhau, không cao không thấp”.

Bốn đức vua nghe lời tâu của đức Bò-tát liền hết nghi nan. Mỗi vị đều tỏ lòng hoan hỉ tán dương đức Bò-tát bằng lời “Sādhu” hay lắm, phải lắm, đúng lắm rằng: “Ông thật là bậc trí tuệ cao quý chẳng ai sánh bằng. Rõ ràng là bậc trí tuệ duy nhất trong đời này”. Đức Đế Thích ban y báu và phán rằng: “Y này có màu như hoa sen tinh khiết và vô giá, tôi xin dâng cúng đến chánh pháp của ông”. Đức Điều vương cúng dường hoa vàng và phán rằng: “Hoa này rất quý có đủ 100 mùi, có nhụy như ngọc báu, tôi xin cúng dường pháp của ông”. Đức Long vương cúng dường ngọc ma-ni vô giá, có hào quang sáng chói để trang điểm cho đức Bò-tát, mà rằng: “Tôi xin cúng dường pháp của ông”. Về phần đức vua Thnañjeyakoraba cúng dường 1000 bò sữa, có bò đực hướng dẫn, một tượng bạch, một long xa và 10 ngựa tốt để kéo long xa, và ban cho thụ cống 16 làng, đến đức Bò-tát. Đức Đế Thích, đức Điều vương và đức Long vương, sau khi ban thưởng đức Bò-tát rồi, bèn từ giả trở về cung điện của mình.

Nói về hoàng hậu của Long vương Varuṇanagarāja tên Vīmalārajedevī, khi không thấy ngọc ma-ni trang sức nơi cổ của chồng bà, bà liền tâu hỏi: “Tâu, ngọc ma-ni Ngài trang điểm để trong nơi nào mà thần thiếp không thấy?”

– Này Hậu! Trẫm đi thọ bát quan trai giới trên nhân gian được gặp đức Đế Thích, đức Điều vương và vua Thnañjeyakoraba rồi có đàm đạo cùng nhau về giới của mỗi vị coi ai cao quý hơn. Ai cũng tự cho giới của mình là cao thượng hơn cả, không đồng ý cùng nhau, cứ bảo thủ ý kiến riêng của mình, nhân đó, phải cầu đến bậc trí tuệ Vidhurapandita phá nghi cho. Sau khi được nghe đức Vidhurapandita giảng giải phân minh, phát tâm vui thích, mỗi vị bèn đem báu vật cúng dường pháp đến Vidhurapandita. Phần trẫm đã phát âm trong sạch đem ngọc ma-ni cúng dường pháp của đức Vidhurapandita rồi.

– Tâu, như vậy Vidhurapandita là bậc pháp sư thế nào?

– Này Hậu! Vidhurapandita thật là bậc trí tuệ nhất trong đời, không ai sánh bằng đâu. Tất cả nhân gian đều kính mến và tán dương oai lực của ngài. Những kẻ được nghe pháp không ai muốn trở về quê hương, vì sợ mất điều lợi ích trong sự thỉnh pháp. Phần đông quý trọng sự nghe pháp đó hơn xứ sở, gia tài sự nghiệp. Pháp mà vị Vidhurapandita thuyết cho trẫm và các vua được toại nguyện, như được nghe đờn của vị Chư thiên. Long vương tường thuật và tán dương uy đức của Vidhurapandita như vậy.

Hoàng hậu của Long vương nghe qua, cố ý mong mỗi được nghe pháp, mới nghĩ rằng: Nếu ta cầu đức vua (chồng) thỉnh Vidhurapandita về đây nói pháp cho ta nghe, ắt ngài không ưng thuật theo ý nguyện của ta đâu. Vậy nên giả bộ như có bệnh, nêu đức vua hỏi, ta sẽ trả lời mong được quả tim của Vidhurapandita. Nghĩ rồi nàng vào lên long sà nằm giả đau và cho cung nga biết trước.

Nói về Long vương Varuṇa khi đến gần hoàng hậu hỏi thăm rằng: “Này Hậu, do nhân nào mà thân thể của hậu tiền tụy khô héo như vậy, khác chi là cây rơi khỏi cành. Hậu phải bệnh chi, hãy tâu trẫm rõ ngay đi”. Hoàng hậu Vimalārajadevī tâu rằng: “Tâu lệnh Hoàng thượng, lệ thường các long nữ có sự mong muốn khác nhau. Nếu long nữ mong được vật chi mà bất thành thì buồn phiền khổ não, mặt ủ mày chau, thân thể võ vàng là thường sự của phái yếu. Tâu, thần thiếp ước mong được quả tim của Vidhurapandita. Hoàng thượng đem trái tim của bậc trí tuệ ấy đến cho thần thiếp theo lẽ đạo. Nếu không được trái tim của Vidhurapandita chắc thần thiếp không thể sống còn được thấy mặt rồng từ đây. Thần thiếp xin làm lễ từ biệt Hoàng thượng để đi đến cõi ma”. Sự thật, hoàng hậu Vimalārajadevī không phải mong được ăn trái tim của Vidhurapandita, nàng chỉ mong được biết trí tuệ của bậc hiền minh ra sao mà thôi. Đức vua Varuṇa khi được nghe hoàng hậu tâu như thế bèn đáp rằng: “Này Hậu, Hậu hy vọng được tim của Vidhurapandita cũng như ước được mặt trăng, mặt trời trên không trung, vì đức Vidhurapandita là người mà tất cả đức vua trên nhân gian hằng hộ trì gìn giữ nghiêm ngặt khó thấy được. Nếu khó thấy được, như thế thì làm sao đem Vidhurapandita về cõi rồng được, Hậu nên biết rõ như vậy đi”. Nghe đức Long vương nói như thế, hoàng hậu liền xoay mặt vào trong nằm im lìm trên long sàng. Đức Long vương thấy vậy bèn nghĩ rằng: Nếu không lấy được tim của Vidhurapandita thì hoàng hậu khó sống được. Vậy ta phải làm sao mới lấy được tim của Vidhurapandita.

Đức Long vương Varuṇa có một công chúa tên là Virandati rất xinh đẹp, có các long nữ hầu hạ tùy tùng nàng vào hầu vua cha, rồi ngồi một bên. Nàng thấy sắc mặt vua cha khô héo, có vẻ âu sầu buồn thảm, nên tâu hỏi rằng: “Tâu Phụ vương là chúa cõi rồng, uy lực rộng đến 50 do tuần, nay có điều chi mà Phụ vương phải lo âu, hoặc có ai làm cho Phụ vương phiền muộn, nên Phụ vương có vẻ tiền tụy như vậy?”

– Này con yêu mến! Mẹ con mong được trái tim của Vidhurapandita, bằng không thì khó sống được. Cha suy nghĩ rằng: Vidhurapandita là bậc khó tìm thấy, vì các vua chúa trên nhân gian hằng gìn giữ nghiêm ngặt thì làm thế nào đem Vidhurapandita đến Long cung cho được. Cha xét thấy chỉ có con mới cứu mạng sống của mẹ con được. Vậy con hãy cứu mẹ con đi. Con hãy tìm chồng cho vừa ý con, là người có đủ tài trí tuệ, có thể lấy tim của Vidhurapandita đến nạp cho cha, người đó là chồng của con.

Sự thật, đức Long vương dạy con đi tìm chồng không nên, như thế lòng chẳng nên, song vì mong cứu sống hoàng hậu, nên buộc lòng phải bảo như vậy. Bởi sợ cho hoàng hậu phải mạng chung, nếu không có trái tim của Vidhurapandita.

Khi công chúa nghe vua cha phán dạy như vậy bèn quỳ tâu rằng: “Xin Phụ vương đừng lo ngại, con nguyện vâng lời và cố làm vui lòng cha mẹ. Đoạn công chúa vào cung nội thăm mẹ, xong lạy tạ trở về hoàng cung. Công chúa trang điểm y phục bằng 7 báu xinh đẹp như ngọc nữ, rồi rẽ nước lên cõi người, bay đến núi Kālāgiri cao 60 do tuần. Đến đỉnh núi, nàng tìm đến hái các hoa thơm trang hoàng đỉnh núi rất đẹp, rồi nàng ngồi giữa những hoa ấy, ca hát tiếng nghe du dương, có thể quyến rũ được lòng người, nghe tiếng ca đáng luyện ái bằng kệ ngôn rằng: “Ke gandhabbhe ca yakkhase nāgeke kin purise ca mānuseke pandite sabbakā madade digharattam so me bhavissatīti – Kẻ nào là Càn thác bà, Dạ xoa, Long

vương, Kinnara⁵⁵ hoặc Người, đầu là bậc trí tuệ có thể đem trái tim của Vidhurapandita dâng đến mẹ ta được như nguyện. Người ấy sẽ là chồng của ta, cùng nhau được lâu dài”. Nàng Virandati ca hát trầm bổng, tiếng nghe dịu dàng êm ái khiến mọi người nghe phải luyến ái. Khi đó có một Dạ xoa tên là Puranaka là cháu của một trong bốn vị Tứ Đại Thiên Vương (Vessasuvannamaharāja) đang cỡi ngựa bay trên không trung đi nhóm hội. Khi nghe tiếng hát du dương của nàng Virandati Long nữ nên say mê, nịch ái (vì đã có làm vợ chồng nhau trong kiếp trước) bèn dừng ngựa trên mây mà hỏi rằng: “Này nàng tiên nữ kia, nàng mong được trái tim của Vidhurapandita là như thế nào? Ta đây có thể đem trái tim của Vidhurapandita dâng đến mẹ nàng. Vậy, em hãy chịu làm vợ anh đi, anh đây là chồng của em”. Nàng Virandati đáp: “Khi nào ông đem trái tim của Vidhurapandita dâng đến mẹ tôi được rồi, tôi mới chịu là vợ của ông. Tôi không phải là con mồ côi, cha tôi là đức vua Varuṇa, mẹ tôi là Vimalā hoàng hậu”. Khi được nghe nàng Virandati nói như thế, Dạ xoa Puranaka xin lỗi và từ giả nàng, rồi lên ngựa bay đến kinh đô của đức Thnañjeyakoraba, xuống ngựa vào đền vua bằng tướng người thanh niên, quân hầu không thấy được.

Thuở ấy, có 101 đức vua hội trước sân rồng đang đánh cờ tướng. Vị thanh niên đến nơi tâu rằng: “Tâu chư vương, nơi đây có đức vua nào bằng lòng đánh cờ tướng cá với tôi không. Nếu tôi thua thì lấy ngọc ma-ni của tôi, bằng tôi thắng thì phải trả vật quý gì đến tôi”.

Đức vua Thnañjeyakoraba nghe rồi nghĩ rằng: Ta chưa từng thấy có người nào bạo dạn như vậy. Người thanh niên này tên chi, từ đâu mà đến? Vậy ta nên hỏi cho biết. Đức vua Thnañjeyakoraba phán hỏi rằng: “Người là ai, ở quốc độ nào? Trẫm chưa từng gặp, vì những thanh niên trong xứ trẫm chưa có ai dám tỏ lời như vậy”.

– Tâu Đại vương, tôi là Manaba dòng Kaccāya, cha mẹ tôi ở trong thành Kālacampāka thuộc lãnh thổ Angarāja, thiên hạ gọi tôi là Anolonāma. Tâu Đại vương, tôi đến đây vì muốn đánh cuộc cờ tướng. Nếu đức vua nào vui lòng chơi cờ tướng, xin thỉnh đánh cuộc với tôi bây giờ.

– Này, người thanh niên! Nếu ngươi thua thì phải cho trẫm bằng cái chi?

– Tâu, tôi có ngọc ma-ni. Ngọc ma-ni của tôi gọi là Manoharacindā. Ngọc có nhiều uy lực, mong cái chi cũng được như nguyện.

Khi Dạ-xoa Puranaka trình bày uy lực của ngọc ma-ni như vậy, rồi tâu rằng: Nếu Đại vương thắng thì tôi xin dâng ngọc ma-ni đến Ngài, còn nếu Đại vương thua thì ngài phải trả vật chi cho tôi?

– Này người thanh niên! Nếu trẫm thua thì trẫm cho sự nghiệp để vương đến ngươi, trừ ra ngôi vàng, trẫm và hoàng hậu, ngoài ra ngươi muốn lấy món nào tùy ý.

– Tâu Đại vương, xin Đại vương dạy xếp đặt sẵn chỗ đánh cờ đừng để lâu, vì tôi là người phương xa, mau đánh cuộc cho mau, lúc bấy giờ.

Đức vua dạy các quan lo sửa soạn chỗ đánh cờ. Trước khi đánh cờ, Dạ-xoa tuyên bố có đủ 101 đức vua làm chứng rõ rệt. Cuộc đánh cờ không bao lâu đức vua thua Dạ-xoa, Dạ-xoa vỗ tay cười reo rất lớn, ai ai cũng đều nghe biết.

Đức Thế Tôn giảng thuyết đến đây bèn gọi chư tỳ khuru rằng: “Này các thầy! Khi đức vua thua Dạ-xoa, trong lúc đó đức vua rất bất bình”. Dạ-xoa thấy thế, nên tâu rằng: “Tâu Đại vương, thông thường sự đánh cá khi ăn lúc thua, không có ai ăn hoài hoặc thua luôn luôn đâu. Nếu kỳ này Đại vương thắng thì được báu vật, chẳng may Đại vương mất món

⁵⁵ Đầu, mặt, thân người, đuôi thú.

quí, Đại vương buồn nổi gì. Tôi là người thắng, xin Đại vương nên cho tôi biết mau lẹ, đừng thương tiếc để lâu”.

Đức vua Thnañjeyakoraba phán rằng: “Này người thanh niên! Người chẳng nên nghĩ rằng trăm đã quên lời hứa, đặng hay thất, trăm không bao giờ thất hứa với người đâu: voi, ngựa, bò, trâu, tôi trai, tở gái, thanh nam, thiếu nữ, ngọc ma-ni, tất cả vật chi là của trăm, trăm vui lòng cho đến người, trừ ra trăm, ngôi vàng và hoàng hậu thôi, người muốn thọ dụng vật chi, đem đến xứ mô, người hãy chuyên chờ tùy sở thích đi”.

– Tâu, tất cả những vật báu, gia súc, tôi trai, tở gái v.v... của Đại vương đó, ngoài Vidhurapandita ra, tôi không ước ao chi cả. Tôi chỉ xin một Vidhurapandita mà thôi. Đức Vidhurapandita cao quý hơn tất cả. Đức Vidhurapandita là món báu đáng cho tôi là người thắng cuộc được lấy. Xin Đại vương hãy cho đức Vidhurapandita đến tôi, bây giờ đây.

– Này người thanh niên! Đức Vidhurapandita đó gọi là chính thân của trăm, là nơi nương tựa tới lui tiến hoá của trăm, là nơi khuyến khích ủng hộ hình thể của trăm mãi mãi. Đức Vidhurapandita không nên so sánh với bảy báu. Đức Vidhurapandita đây ví như mạng sống của trăm. Trước trăm có hứa với người rằng sẽ cho các vật khác, trừ mình trăm, ngôi báu và hoàng hậu. Trăm đã hứa như thế, nếu người muốn lấy đức Vidhurapandita, trăm không vui, xin người đừng lấy. Đức Vidhurapandita có tương đương với trăm và đồng sanh mạng với trăm.

– Tâu Đại vương, Đại vương cùng tôi cãi nhau mất thì giờ vô ích. Vậy chúng ta nên đến gặp đức Vidhurapandita đi. Chừng ấy, chúng ta sẽ hỏi xem lời của ai quấy phải, để đức Vidhurapandita phân xử. Đức Vidhurapandita xử sao thì ta nên nghe theo vậy.

Khi nghe lời của người thanh niên, đức vua Thnañjeyakoraba bèn phán rằng: “Này người thanh niên, lời nói của người rất hữu lý, đó là công lý vậy. Chúng ta nên đi đến gặp đức Vidhurapandita, nhờ đức Vidhurapandita xử đoán thế nào thì cứ nghe theo”.

Tất cả 101 đức vua cùng đi với đức vua Thnañjeyakoraba và vị thanh niên đến phước xá của đức Vidhurapandita. Đức Vidhurapandita quỳ xuống làm lễ đức vua, rồi đứng qua một bên. Khi đó Puranaka Dạ-xoa gọi đức Bồ-tát rồi hỏi rằng: “Tôi có nghe đức vua Thnañjeyakoraba có vị đại thần là đức Vidhurapandita, là bậc có thiện pháp và duy trì thiện pháp rất chơn chánh, không lời nói giả dối, để bảo tồn sinh mệnh. Danh thơm của ông được bay khắp cả Đông Thắng Thần Châu. Hôm nay, tôi được biết rõ ông là người hằng gìn giữ thiện pháp, tôi hết lòng tin tưởng trong việc xử đoán của ông. Này bậc trí tuệ! Xin ngài phân xử theo công lý, tôi và Đại vương đây đều tin tưởng trong sự phán đoán sáng suốt của ngài. Ngài hãy cho tôi biết phân minh theo chánh pháp. Ngài là đồng dôi thấp hơn đức vua, hay đồng với đức vua hoặc quý hơn đức vua? Ngài là tôi của đức vua hay là thân tộc, hoàng thân quốc thích của đức vua?”

Đức Bồ-tát nghĩ rằng: Nếu ta tự xưng là thân quyến của vua hay là quý cao hơn đức vua, nói như thế vô ngại, làm cho người thanh niên tin theo cũng được. Nhưng tất cả cái chi cao quý ngoài “sự ngay thật” chẳng có, ta nên nói lời ngay thật là hơn. Đức Bồ-tát đáp: “Āma yathā sāmi bhavantehi tuyham dajati. Này người thanh niên! Thông thường tôi tở của người đây có bốn hạng: tôi tở sanh trong nhà; tôi tở mua chuộc; người mong đến nương dựa và vừa lòng làm tôi tở; kẻ bị bắt, bị giam bị cầm tù. Sự thịnh đạt và điều suy vi của đức vua, cả hai điều ấy, để qua một bên, ta không để ý đến sự thịnh suy xảy đến đức vua. Ta chỉ lấy sự thật, lời đích xác, chánh đáng mà nói, ta chẳng giả dối được, ta không nghĩ đến thân và sinh mạng ta, ta phải giữ vững lời chân thật. Đức vua bỏ ta cho đến người trong sự đánh cuộc cũng là cho theo pháp, không có mưu chước chi dơ bản dĩnh đáng đến đức vua.

Có lời chú giải rằng: đức Bồ-tát tuyên thệ ngài là tôi của vua cho kết quả 10 ba-la-mật: **1)** đức Bồ-tát không lo ngại tới của cải và sinh mệnh, chỉ mong đức vua khỏi nợ của người thanh niên, nên nói lời thành thật, đó là bố thí ba-la-mật; **2)** nói lời chánh đáng, chân thật không giả dối là giới ba-la-mật; **3)** có tâm không suy nghĩ tà rồi nói ra, là xuất gia ba-la-mật; **4)** suy xét theo trí tuệ rồi mới nói ra, là trí tuệ ba-la-mật; **5)** có tâm vô ngại, không hổ với tiếng làm tôi⁵⁶, không ngã lòng vì quyền lực mà nói, là tinh tấn ba-la-mật; **6)** tính gắng chịu điều khổ cực mà người thanh niên sẽ làm đến ngài, là nhẫn nhục ba-la-mật; **7)** nói ra lời ngay thật rằng: ta chỉ nói lời xác thật rồi giữ vững không bỏ qua, chỉ quyết định nói theo chân lý, tránh khỏi lời lừa đảo, đó là ngay thật ba-la-mật; **8)** nói lời chính đáng là chỉ nói lời xác thật, rồi giữ vững không bỏ dỡ, đó là quyết định ba-la-mật; **9)** không oán giận người thanh niên sẽ làm hại đến ngài, đó là bái ái ba-la-mật; **10)** đức Bồ-tát nghĩ rằng: người thanh niên này đem ta đi làm điều gì cũng mặc tình, tùy sở thích đi, ta sẽ gắng chịu những thống khổ, ngài xét như vậy rồi điềm nhiên lãnh đạm, dù là khổ não xảy đến cho ngài, đó là xả ba-la-mật. Mười pháp ba-la-mật lấy sự dứt bỏ của cải, bỏ sinh mệnh; bỏ ba điều ấy đem nhân với ba pháp là: ba-la-mật đến bờ kia, đến bờ trên và đến bờ cao thượng, thành ra 30 ba-la-mật.

Dạ xoa Puranaka nghe lời xử đoán của đức Bồ-tát nhận là ‘tôi’ của đức vua thì phát tâm hoan hỷ, bèn vỗ tay cười reo rằng: “Hay, ta đã thắng vua hai lượt. Thật vậy, điều mà ta hỏi đức Vidhurapandita đây, ngài trả lời rất chân chánh. Lời đáp đây là thiện ngôn, là chánh đáng, như vậy thì đức vua không có chánh pháp, nên Ngài mới tìm cơ không ưng thuận cho đức Vidhurapandita đến ta”.

Đức vua Thnañjeyakoraba nghe rất lấy làm bất bình rằng: “Ồi là vô thường! Bậc trí tuệ không hoà với ta, ta là vua, hết lòng hỗ trợ phong quan tấn tước, ban thưởng đều đủ quyền cao chức trọng. Như vậy có nên chăng? Bậc trí tuệ không niệm tình ta lại tưởng đến người thanh niên chỉ mới quen biết nhau trong chốc lát”. Đức vua không vừa lòng, than trách đức Bồ-tát như thế, rồi tỏ lời với Puranaka rằng: “Này người thanh niên! Bậc trí tuệ nói rằng ‘tôi’ của trẫm, không phải là thân quyến của trẫm. Vậy chính mình bậc trí tuệ cao quý hơn ngọc báu trong đời này, nay thuộc quyền sở hữu của người, người muốn dẫn đi nơi nào tùy ý”. Đức vua phàn như vậy rồi nghĩ rằng: Người thanh niên sẽ dẫn bậc trí tuệ theo ý muốn của hắn, từ đây ta là kẻ mồ côi, ai đâu là người thuyết pháp cho ta nghe như trước nữa. Pháp du dương vi diệu này, ta khó nghe được nữa. Vậy ta nên hỏi về pháp cư sĩ để được nghe lần cuối cùng này. Xét rồi đức vua bèn hỏi đức Bồ-tát rằng: “Khi hiền khanh đi rồi, trẫm mất lợi ích trong sự nghe pháp. Vậy xin thỉnh hiền khanh lên bảo tọa thuyết pháp lần cuối cùng cho trẫm nghe đi”.

Đức Bồ-tát vâng lệnh, liền lên bảo tọa để thuyết pháp. Đức vua Thnañjeyakoraba hỏi rằng: “Xin pháp sư có danh hiệu rõ rệt là Vidhurapandita giải cho trẫm biết thế nào là: **1)** người cư sĩ tại gia, cần phải nuôi sanh mệnh bằng cách nào để cho được an vui, khỏi lo sợ?; **2)** kathañca assa sañgaha: người cư sĩ thực hành thế nào mới gọi là đều đủ bốn pháp tế độ?; **3)** abyāpajjham katham assa: người cư sĩ tu hành cách nào mới khỏi khổ?; **4)** saccavadī: người cư sĩ nói lời ngay thật, khi ra khỏi đời này kiếp khác, phải làm cách nào mới khỏi phiền não? Cầu pháp sư giảng bốn điều rõ rệt đến đức vua trong đời này”.

Đức Bồ-tát tâu rằng: “Thông thường, người cư sĩ tại gia muốn được yên vui, cần phải có trí tuệ và trí tuệ nhớ, chẳng nên chiều theo tình dục. Na sādārassa: không nên có vợ chung với kẻ khác, tức là đừng tà dâm. Nabhuñja sādhu pekkho: người cư sĩ nếu được vật

⁵⁶ Thuộc hạ của vua.

ngon đừng ăn một mình, nên tùy tiện chia sẻ đến kẻ khác. Na seve lokāyatikaṃ: người cư sĩ chẳng nên thân cận với kẻ có thành kiến trong “hư vô luận”⁵⁷ không phải là đường trời, Niết-bàn, chẳng nên học điều đó. Netam paññaya vanddhanam: thật vậy, thuyết hư vô không có sự tiến hoá lợi ích, không cho phát sanh trí tuệ, không phải là đạo giải thoát. Sīlavā sampanno: người cư sĩ nên thọ trì ngũ giới, nếu là bậc vua chúa thì phải giữ 10 pháp dành cho vua (thập vương pháp). Appamado vicakkhano: nên có trí tuệ nhớ và trí tuệ, đừng cầu thả dễ dãi trong các pháp, đừng ngạo mạn, phải tinh tấn hành theo lời dạy của bậc trí tuệ, có lòng bác ái đến mình. Abaddo: nên dứt lòng bòn xén, đừng chiều theo tâm dơ bẩn hẹp hòi, phải làm người dễ dạy dễ nói, nên nói lời êm, dịu dàng cho công chúng bằng lòng, dứt bỏ những điều ác. Sangaheta ca mittānam: người cư sĩ nên tế độ bạn lành theo trí tuệ nhớ biết rằng người nào là bạn lành, thì một lòng thành thật trước mặt cũng như sau lưng, phải tìm điều lợi ích đến cho bạn lành, ấy là dâng cúng đến các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, kẻ nghèo đói, cô độc, phải sáng suốt trong phương cách sinh hoạt. Dhammakāmo: nên ưa thích trong thập thiện là thân, khẩu, ý lành. Sutāddharo: nên thường nghe pháp, thấy rõ điều nào lợi ích nên làm, thì cố gắng thực hành chẳng nên bỏ qua. Puripucchako: nên gần bậc trí tuệ để học hỏi điều lẽ, phải, quấy, phước tội. Nên hiểu rằng người cư sĩ, nếu đã thực hành theo những pháp kể trên thì hằng được an vui tấn hoá, khỏi lo sợ; cũng gọi là hành theo bốn pháp tế độ, làm cho mình khỏi khổ. Trong đời này gọi là người chân thật, khi tan rã ngũ uẩn sẽ khỏi phiền não lo sợ, vì đã được ở theo pháp cư sĩ”.

Thật vậy, pháp cư sĩ hằng đem hạnh phúc đến người thực hành, ví như bóng cây to, che cho người được mát mẻ an vui. Vì thế, trong kinh Vijirasāra có giải rằng: Pháp cư sĩ đây là bốn cây da to theo Pāli (Phạn ngữ) như vậy: Cattāro kira nigrodhā vara buddhimā, giải rằng: Kika – như đã được nghe có bốn cây da to có cành lá sum suê, là nơi vừa lòng an vui đến kẻ hành khát tới nương dựa mà đức Vidhurapandita đã trồng để trong thành Indapatta có nhiều sự an vui. Cây da thứ nhất có chữ nơi gốc, cây da thứ nhì có chữ ở thân cây, cây da thứ ba có chữ chằng giữa, cây da thứ tư có chữ trên ngọn. Cả bốn cây da đó, không chi lạ, tức là bốn kệ ngôn của đức Vidhurapandita đã giải đáp trong pháp cư sĩ mà đức vua Thnañjeyakoraba đã hỏi trước khi Dạ-xoa dẫn đức Bò-tát đi. Bốn câu kệ ngôn ấy là: **1)** na sādharana darassa na bhuñjeyya sādhupekkho na severo kāyātikam netam paññaya vaddhanam – nghĩa là: đừng tà dâm vợ người, đừng ăn vật ngon một mình, đừng đọc kinh sách vô ích; **2)** sīlavā vattasampanno appamatto vacakkhano nirāga uttadasa do talato sakhilomuduni – nghĩa là: giữ năm giới đừng cho dứt, phải thi hành theo lệnh vua chớ nên cầu thả, làm người dễ dạy, dễ nói, nói lời êm dịu tao nhã; **3)** câu kệ thứ ba là: dạy tế độ đến bạn lành, chia sẻ, bố thí, thông rõ phương cách sanh nhai, dâng cúng đến các bậc Sa-môn, Bà-la-môn; **4)** dhammakāmo sutāddharo bhavēyya puripucchako sakkaccam payirupāya sīlavante bahūsutte – nghĩa là: dạy phải thọ trì thiện pháp mà mình đã được nghe, phải tinh tấn học hỏi cho biết phải quấy, phước tội, nên gần bậc có giới hạnh. Cư sĩ nào thực hành theo bốn kệ ngôn ấy, thì sẽ phát sanh trí tuệ, của cải, báu vật trong kiếp này và kiếp vị lai.

Nếu là bậc hiền minh có trí tuệ đáng thân cận và tôn kính thì nên thực hành theo, ắt sẽ được an vui, như kẻ lữ hành đã cực nhọc trong đường xa mà được nương dưới bóng cây to, có bóng mát, hằng được vui khỏi lo sợ nóng nực và đói khát v.v... Khi thuyết xong đức Bò-tát liền xuống pháp tọa. Đức vua Thnañjeyakoraba cúng dường đức Bò-tát rất nhiều rồi từ biệt về cùng 101 vị vua.

⁵⁷ Lý thuyết cho rằng vũ trụ trống không, không có lợi ích chi cả.

Dạ xoa Puranaka, nói với đức Bồ-tát rằng: “Này bậc trí tuệ nên đi theo tôi, đức vua Thnañjeyakoraba đã giao mạng ông cho tôi rồi, ông nên làm điều lợi ích đến tôi từ đây. Tình trạng thực hành cho lợi ích đến tôi đó, là thói quen của công chúng, không có chi lạ”.

– Này người thanh niên! Tôi hiểu rõ rồi, nhưng tôi xin lưu lại ba ngày. Ông mà được tôi là do lời chân thật của tôi, chớ không phải được vì lẽ gì khác. Này người thanh niên! Đức vua Thnañjeyakoraba có nhiều ân đức với tôi, nhưng tôi không theo ý muốn của ngài, tôi nói lời chánh đáng, nên ông mới được tôi theo sở thích. Do đó, ông nên hiểu: Tôi có đại ân với ông nhiều lắm. Vậy ông hãy vui lòng cho phép tôi lưu lại đây ba ngày đi.

Puranaka Dạ-xoa nghe đức Bồ-tát nói như thế nghĩ rằng: Đức Vidhurapandita đây có đại ân với ta, đừng nói chi ba ngày, dù là bảy ngày hoặc nửa tháng ta cũng vui lòng cho phép. Puranaka liền chấp thuận lời yêu cầu của đức Bồ-tát. Đức Bồ-tát bèn cho sửa sang chỗ ngụ đến Puranaka trong dinh thự 7 tầng, đây là nơi ngụ của ngài. Đức Bồ-tát có ba dinh thự là: Koñāca, Mayura và Piyakata. Cả ba điện ấy đều ngụ trong ba mùa: nóng, mưa và lạnh. Đức Bồ-tát bèn dạy dọn một trong ba điện của ngài cho Puranaka Dạ-xoa, có đủ vật dụng cao quý, có 500 thanh nữ xinh đẹp hầu hạ, ca xang múa hát. Đức Bồ-tát tuyên bố rằng: “Cả 500 thanh nữ này, tôi cho là vợ của ông, ông được tự do hưởng những lạc thú vinh hoa”. Xong đức Bồ-tát bèn trở về dinh thất của ngài.

Ngài gọi nàng Anojā là vợ ngài đến an ủi rằng: “Này em! Em hãy gọi các con trai, gái đến tề tựu trong ngày nay được đông đủ, để anh có lời chỉ giáo đến em và các con. Anh chỉ còn ba ngày nữa, để từ nay, không được ở lâu thêm nữa. Khởi ba ngày, anh sẽ từ biệt em đi với người thanh niên theo duyên nghiệp. Anh chỉ còn thấy mặt và được dạy bảo em trong ba ngày này thôi, em gọi các con mau tựu họp lại đây”. Nàng Anojā được nghe lời của đức Bồ-tát liền vật mình khóc, hai hàng giọt lệ tuông rơi, nghĩ rằng ta đi gọi các con không được, bèn bảo nàng dâu đi kêu và dạy rằng: “Này! Con hãy mau đi gọi các anh, chị em con tề tựu lại đây cho đều đủ để cha con dạy việc”. Các nàng dâu liền đi tìm các nơi, gọi anh em lớn nhỏ mau đến hầu và nghe cha dạy bảo, mà rằng: “Được nghe cha tường thuật, có một gã thanh niên đến chơi cờ tướng với đức vua. Đức vua đánh cuộc thua mới giao cha của chúng ta cho gã thanh niên làm chủ. Cha chúng ta xin lưu lại ba ngày để dạy bảo chúng ta, rồi cha chúng ta phải đi theo người thanh niên ấy. Nay cha mong giảng dạy chúng ta, dạy tôi đi tìm tất cả anh em tựu hội nhau trong giờ này. Vậy các anh em nên đến lập tức, và sẽ được thấy cha trong lần chót”. Khi đó, con trưởng nam là Dhammapāla, vừa nghe qua lời nói như thế cảm lòng không đậu, giọt lệ chan hoà, rồi hỏi các em mau cùng nhau đến nghe cha dạy bảo. Vào đến gần Bồ-tát, các con nam nữ than van kể lể thật rất thâm.

Đức Bồ-tát khi thấy thân bằng quyến thuộc đã tựu hội đông đủ, ngài bèn dạy rằng: “Này các người đã tựu họp nơi đây, hãy lắng tai nghe ta thuyết trình về nhiệm vụ công dân đối với đức vua. Làm công việc gì cần phải cẩn thận, suy xét cho chu đáo rồi sẽ làm. Phải giữ bậc trung đừng quá lo sợ hay quá dạn dĩ. Phải có trí tuệ, không nên cầu thả trong việc của đức vua ban hành. Phải có giới đức, dùng trí tuệ suy xét cho thấy điều quấy phải, tội phước nên hay chẳng. Lệ thường, đức vua biết rõ kẻ nào có giới đức thì ngài thường hay nghe và tin theo, không nên giấu giếm, phải chân thật. Khi đức vua dạy sao thì làm vậy, đừng chiều theo pháp tây vị, phải làm cho chánh đáng, bảo giờ nào phải làm theo giờ ấy, nên tránh pháp thiên vị vì thương, vì ghét, vì si, vì sợ. Phải sáng suốt trong công việc làm. Đường nào họ trang hoàng dành cho đức vua ngự đi, ta chẳng nên đi con đường ấy. Chẳng nên trộm lấy của vua, đừng ăn mặc như đức vua, vật nào đức vua trang điểm, mình đừng dùng tới vật cao sang ấy, đừng uống rượu say, đừng ngồi lên ghế, giường, ngựa, chỗ của đức vua dùng. Khi vào chầu vua, đừng ngồi gần quá hay xa quá, ngồi chỗ vừa nghe được lời đức

vua chỉ phán. Đừng làm điều chi trái ý với đức vua. Tâu điều chi thì nên dùng lời êm ái hữu ích, khi vào châu, phải chờ lệnh mới nên vào. Nếu đức vua ban vật gì đến người nào, ta chẳng nên tìm nói phải quấy đến việc ấy. Kẻ làm tôi vua, khi dùng cơm, nên dùng có chừng mực, đừng ăn quá no. Nên hiểu biết chỉ dụ cũ hay mới. Không nên say mê ngũ dục. Khi hầu chuyện với đức vua chẳng nên nhiều lời, nói cho vừa phải, nên dùng lời thiện cảm và hữu ích. Phải nói lời vô tội là đừng nói dối, đừng mắng nhiếc chửi rủa ai và đừng nói chuyện sang đàng. Không nên dễ duôi, phải tinh tấn phụng sự mẹ cha và bậc trưởng thượng. Phải là người dễ dạy, dễ nói, biết khiêm nhượng. Biết ân huệ của đức vua, nên thọ bát quan trai giới, nhất là phải bố thí. Khi đức vua bố thí, ta đừng ngăn cản. Nên suy xét cho thấy quấy phải, phước tội. Nên biết thương xót kẻ tội tở, người giúp việc của mình. Nên biết dùng thời giờ là: giờ này nên bố thí, ngày nay nên thọ trì bát quan trai giới, giờ này nên vào châu, thời tiết nào nên cấy bừa trồng tía, nên mua bán. Nếu anh chị em không có giới hạnh, thì chẳng nên cho làm lớn. Kẻ phá giới, dầu là thân thuộc, dầu còn sống, ví như đã chết. Những kẻ dù tội tở, mà có hạnh kiểm tốt cũng nên giao trách nhiệm trong nhà đờc, nên chu cấp vật thực, y phục, chỗ ở cho vừa, lúc bệnh hoạn phải thuốc men sẵn sóc”.

Đức Bồ-tát Vidhurapandita khi đã dạy bảo, dặn dò thân bằng quyến thuộc, trải qua ba ngày rồi, đến ngày thứ tư, sau khi thọ thực xong, ngài bèn vào lạy đức vua từ biệt rồi đi cùng người thanh niên trong lúc đó. Khi vào đến sân rồng, ngài nhiễu ba vòng rồi quỳ làm lễ dưới chân đức vua, đưa tay lên tâu rằng: “Tâu Bệ hạ, hạ thần xin từ biệt dưới chân Bệ hạ, để đi với người thanh niên trong giờ này. Cầu xin Bệ hạ ở lại đờc an vui, trị vì quốc thới dân an. Cầu xin cho lệnh Hoàng thượng hằng có sức khoẻ kiện toàn. Hạ thần ví như kẻ té nằm trên đất, tức là lệnh Hoàng thượng là nơi nương tựa của hạ thần. Kẻ té nằm trên đất ví như hạ thần, không vì đức vua mà gìn giữ lời chân thật nói đến người thanh niên rằng là ‘tôi’ thuộc hạ của lệnh Hoàng thượng, làm cho Bệ hạ thua lời nói của người thanh niên. Tội này là của hạ thần, cuối xin Bệ hạ từ bi tha thứ cho hạ thần. Tâu, hạ thần không có ai là nơi nương tựa, chỉ có Bệ hạ là nơi cậy nhờ của hạ thần. Từ đây, hạ thần ví như kẻ té nằm trên đất và nằm đờc là nhờ mặt đất. Khi hạ thần đi với người thanh niên này rồi, vợ con thân quyến của kẻ hạ thần, hạ thần cầu xin Bệ hạ, té độ cho ở ngày mai hậu, cũng như lúc hạ thần còn phò Bệ hạ vậy. Và lại, của cải mà Hoàng thượng đã ban cho hạ thần và những báu vật mà các đức vua ngoại quốc thường đã cho hạ thần còn rất nhiều không kể xiết, xin Bệ hạ ủng hộ cho, hạ thần xin gởi tất cả con, vợ thân quyến và bạn bè, cầu xin Bệ hạ từ bi thương xót”.

Đức vua Thnañjeyakoraba đờc nghe qua lầy làm cảm động, đau lòng xót dạ, giữa tình biệt ly của Bồ-tát mới phán rằng: “Này bậc trí tuệ! Hiền khanh đi cùng gã thanh niên đó không vừa lòng trầm. Vậy hiền khanh đừng đi, để trầm gọi thanh niên ấy đến, rồi giết chết hẳn, giấu kín đờc cho ai biết, cần gì hiền khanh phải phục tùng đi với hắn”.

– Tâu bệ hạ, làm nghiệp ác như thế không nên đâu. Bệ hạ cần nghiêm trì thiện pháp, ác pháp không ích lợi gì đâu, đó là nguyên nhân dẫn dắt chúng sanh phải chịu khổ trong đờc ác đạo ở ngày vị lai mà người đã tạo, bậc trí tuệ hằng chê trách. Làm tội rồi cũng không thoát chết, khi chết lại chịu vô cùng khổ não. Do đó, hạ thần mới tâu rằng: Xin Bệ hạ không nên làm vậy. Hạ thần nghĩ, nếu gã thanh niên ấy đem hành hình hạ thần thế nào, hạ thần cũng không oán giận, đây là do duyên nghiệp của hạ thần.

Đức Bồ-tát tâu như vậy rồi lạy tạ lui ra. Đức vua và các quan ai ai cũng đều thương hại, khóc than, kể lể trước giờ phút biệt ly của đức Bồ-tát. Chúng dân từ thành thị đến thôn quê, khi nghe đức Bồ-tát sẽ bị đi cùng thanh niên ấy, đều đem nhau tựu hội đông đủ trước cửa đền để tiễn biệt đức Bồ-tát và khóc than thương hại. Đức Bồ-tát an ủi chúng dân chớ nên

phiền não, thương tiếc, hãy ở lại an vui, cố gắng làm phước bố thí, trì giới, tham thiền. Tất cả tập hợp nhất là thân ngũ uẩn mà đòi chỉ dành cho nam, nữ đây đều là vô thường. Xong ngài từ biệt trở lại dinh của ngài.

Khi đó, trưởng tử của đức Bồ-tát là Dhammapāla dẫn dắt các em lớn nhỏ đồng đứng chờ trước dinh. Đức Bồ-tát thấy các con như thế, bèn ôm con trưởng nam vào ngực, nhìn con giọt lệ đầm dề. Ngài dùng trí tuệ quán tưởng ba tướng thông thường⁵⁸, ngài thấy rõ tất cả vạn vật trên vũ trụ này đều là vô thường, khiến cho ngài diệt trừ phiền não, rồi vào dinh.

Tamattham pakāsentō satthā āha: Ý nghĩa nào chưa rõ rệt, Đức Thế Tôn bèn giải ý nghĩa ấy phân minh rằng: “Này các thầy tỳ khưu! Người thấy sợ trong sự luân hồi, ai cũng đều khóc tham thê thâm, thương tiếc đức Bồ-tát vô hạn, đau đớn xốn xang, bực tức muôn phần, ví như người bị chặt tay chân”.

Đức Bồ-tát thấy tình cảnh chúng dân như thế thật là cảm động vô cùng. Ngài dùng pháp vô thường đem giảng dạy công chúng và khuyên bảo đừng cầu thả trong thiện pháp, lánh dữ làm lành, bố thí, trì giới cho trong sạch. Giảng giải xong, đức Bồ-tát xoay qua hỏi Puranaka Dạ-xoa: “Chúng ta phải đi ngỏ nào? Tôi đã làm xong bốn phận. Vậy ông hãy dẫn tôi đi theo tùy ý thích của ông”.

– Này bậc trí tuệ, người hãy nắm chặt đuôi ngựa của tôi đi. Đường mà chúng ta phải đi rất xa, nhà người đi chuyến này không mong gì trở lại thấy người trong thế gian này nữa.

– Này thanh niên! Ta không lo sợ chi cả, vì những nghiệp ác dẫn người đi thọ sanh trong cảnh khổ, ta đã tránh khỏi rồi. Nhân đó, tâm ta không hối hận lo ngại chi cả.

Đức Bồ-tát tỏ lời như thế, tâm ngài không còn chi lo sợ, rất dạn dĩ như sư tử vào rừng. Đức Bồ-tát chú tâm nguyện rằng: y phụ ta mặc dây dùm sút khỏi mình, dù cho thanh niên này có đem ta đi đến nơi nào, xin cho y phục dính chặt vào thân ta mãi mãi. Xong ngài dùng hai tay xiết chặt đuôi ngựa, hai chân kẹp vào thân ngựa, rồi ngài nói với thanh niên rằng: “Người mong mỏi đem ta đến đâu thì người cứ đi theo sở nguyện đi”. Khi ấy Dạ-xoa Puranaka điều khiển cho ngựa bay lên không trung. Dạ-xoa Puranaka nghĩ rằng: Ta không đi đường gần, nên theo đường núi Tuyết Sơn. Rồi liền giục ngựa cho đi trong khoảng cây, đá cố ý làm cho Vidhurapandita va vào đá, vào cây cho chết để mỗ lấy tim đem dâng cho hoàng hậu của đức vua Long vương Varuṇa thì sẽ được đem công chúa Virandati về làm vợ như ý. Do uy lực của đức Bồ-tát sanh ra để chứng quả Phật tổ nên khiến ngựa né tránh cây, đá không đụng vào mình đức Bồ-tát được, thật là huyền diệu vậy. Dạ-xoa Puranaka dùng ngựa để xem cho biết đức Bồ-tát chết hay chưa, thấy vẻ mặt đức Bồ-tát trong sáng như gương vàng, biết rằng còn sống, hấn dục ngựa cho chạy theo khoảng cây, đá nữa, chạy qua chạy lại như vậy đến ba lượt, nhưng dường như cây và đá có tâm thức biết tránh đức Bồ-tát, nên không chạm vào ngài chút nào, thật là phi thường. Dạ-xoa Puranaka thấy đã lâu nên ngoảnh lại xem đức Bồ-tát đã chết hay chưa. Khi biết đức Bồ-tát còn sống, Dạ-xoa lấy làm bực tức liền lái ngựa bay lên không trung, tính cho gió thổi hình thể đức Bồ-tát ra tro bụi. Gió ở tầng này có thể thổi đỉnh núi cao lìa ra từng đoạn được, nhưng không thổi nhằm đức Bồ-tát, nhờ uy đức ba-la-mật pháp của ngài, khiến gió rẽ làm hai chừa khoảng trống, không chạm nhằm đức Bồ-tát. Tuy nhiên, đức Bồ-tát rất khổ thân vì phải bám chặt đuôi ngựa, bay qua bay lại trên không trung. Dù khổ thân đến đâu, đức Vidhurapandita vẫn bình tĩnh không chút lo sợ, gương mặt ngài trong sáng ví như đoá sen vừa chớm nở. Dạ-xoa Puranaka ngừng ngựa xem thấy đức Bồ-tát vẫn tươi tỉnh như thường nên phát nộ, khiển ngựa đi đến chỗ gió to, bay tới lui 7 lượt, gió ấy cũng rẽ làm hai nhường đường cho đức

⁵⁸ Vô thường, khổ não, vô ngã.

Bồ-tát. Dạ-xoa thấy đức Bồ-tát bất động trong những làn gió đó, nên lái ngựa bay vút lên cao độ, ở đây gió thật mạnh có thể thổi bay đỉnh núi cao 100 do tuần ra tro bụi được. Gió tuy mạnh nhưng cũng không động đến Bồ-tát được. Thấy thế, Dạ-xoa Puranaka lấy làm ngạc nhiên liền khiến ngựa trở về núi Kālagirī. Đến nơi, Puranaka cho đức Bồ-tát ngồi trên đỉnh núi.

Đây xin nhắc lại, khi dân chúng và vợ con của đức Bồ-tát vật mình than khóc, lúc tỉnh dậy không thấy đức Bồ-tát, nên đem nhau vào dinh ngài để tìm kiếm, nhưng chẳng gặp đức Bồ-tát và Dạ-xoa Puranaka. Nghĩ biết người thanh niên đó, chắc là Dạ-xoa biến ra hình người để tìm bắt đức Bồ-tát. Càng nhớ đến càng thương hại, không rõ quỷ Dạ-xoa đem đức Bồ-tát đến nơi nào, hay là giết ngài rồi chẳng? Họ than thở vô cùng thâm thối rồi dẫn nhau vào đều tâu cho vua rõ ràng: “Tâu Bệ hạ, gã thanh niên đến đánh cờ tướng với Bệ hạ đó, không phải là người đâu, hẳn là Dạ-xoa biết hình. Nay không biết Dạ-xoa đem đức Vidhurapandita đi đến chốn mô? Tâu bệ hạ, nếu chúng tôi chờ đến 7 ngày mà không thấy đức Vidhurapandita trở về, chúng tôi xin từ biệt Bệ hạ, đồng nhau nhảy vào lửa thiêu thân cho rồi, còn hơn sống mà xa đức Vidhurapandita thì không lợi ích chi”. Đức vua dùng lời khuyên lơn rằng: “Các người chớ nên quá buồn thảm, đức Vidhurapandita thuyết pháp rất hay, có lẽ khi Dạ-xoa nghe được chánh pháp của Vidhurapandita rồi cải hối phát tâm trong sạch đưa đức Vidhurapandita trở về, không sao đâu, trăm tin chắc như vậy. Các người đừng quá nông nổi mà tự tử chẳng nên”.

Khi Dạ-xoa Puranaka để cho đức Bồ-tát ngồi trên đỉnh núi Kālagirī rồi hẳn nghĩ rằng: Đức Vidhurapandita đây còn sống đến đâu, thì sự mong muốn được nàng Virandati của ta cũng chưa kết quả đến đó, vậy ta phải tìm cách có giết đức Vidhurapandita cho được, nhưng ta không giết bằng tay, ta nên biến ra hình kỳ quái để hại người cho chết lập tức. Dạ-xoa Puranaka liền hiện nguyên hình ra quỷ Dạ-xoa rất to lớn, dị kỳ đáng ghê tởm, hét to như tiếng sấm nổ, đánh đức Bồ-tát nằm, rồi để vào nanh dường như muốn ăn tươi nuốt sống. Đức Vidhurapandita Bồ-tát tự nhiên bất động. Thấy vô hiệu quả. Dạ-xoa liền hoá ra hình sư tử vồ bắt đức Bồ-tát định cắt xé, chà đạp cho như, nhưng nhờ uy lực pháp ba-la-mật bảo vệ, đức Bồ-tát vô hại. Dạ-xoa liền biến làm rắn to bằng chiếc ghe, bò tới xịt nọc độc, quấn mình đức Bồ-tát, nhưng không đủ làm hại, đức Bồ-tát vẫn điềm nhiên. Dạ-xoa đem Bồ-tát trên đỉnh núi hoá gió to thổi đức Bồ-tát té xuống núi cho ra tro bụi. Nhưng gió to ấy không lay chuyển được đức Bồ-tát. Biến hoá đủ cách mà giết đức Bồ-tát không được, nên Dạ-xoa nghĩ rằng: Ta giết đức Vidhurapandita bề ngoài không được, vậy ta phải dùng tay mới được. Dạ-xoa Puranaka liệng đức Bồ-tát lên không trung, hẳn rẽ núi cách mười lăm do tuần chực sẵn. Khi đức Bồ-tát rớt xuống, Dạ-xoa nắm hai chân đỡ lên xem thấy đức Bồ-tát còn sống, bèn liệng lên nữa. Khi liệng lên kỳ nhì cao hơn 30 do tuần, lúc rớt xuống, đức Bồ-tát chưa chết. Dạ-xoa tức giận liệng đức Bồ-tát lần thứ ba cao 60 do tuần, nhưng khi rớt xuống, đức Bồ-tát vẫn còn sống. Dạ-xoa nghĩ rằng phen này ta phải liệng Vidhurapandita xuống tận chân núi cho chết. Dầu phải chịu thống khổ như vậy, đức Bồ-tát vẫn không động đậy. Ngài nghĩ rằng: Vì sao gã thanh niên này lại tìm đủ cách giết ta như vậy? Nguyên nhân giết ta có lợi ích chi? Ta thử hỏi xem coi ra sao? Ta nên biết cho rõ về duyên có mà Dạ-xoa mong hại ta. Đến đây, Dạ-xoa có phần kiêng nể uy lực của đức Bồ-tát.

Đức Bồ-tát bèn hỏi rằng: “Ông ôi! Thân thể của ông xinh đẹp như vị trời, có thể ghép vào hàng thiện trí tuệ thức là bậc lành có giới đức. Tại sao ông lại là kẻ phá giới, không chân thật, là người tàn ác, xem thấy ông không có chút lương tâm? Nay người thanh niên!

Quý danh người là chi? Thuộc hạng Dạ-xoa nào? Do nhân chi mà người quá tàn nhẫn, có giết hại ta?

– Này bậc trí tuệ! Puranaka nāma yakkho. Tôi đây có tên thật rõ rệt là Puranaka Dạ-xoa – Vessa vaṇṇassa amacco - Ta là cháu mà cũng là đại thần của đức Vessuvaṇṇa⁵⁹ – Ayaṃ lokonugahitena dassati - Ta cố gắng giết cho được ông hôm nay, chỉ vì yêu nàng Virandati con của đức vua Varuṇa Long vương.

– Này Puranaka Dạ-xoa! Maheva moho – Ông đừng hiểu lầm, đời này chúng sanh phải chịu đau khổ và sẽ bị tiêu diệt cũng bởi sự hiểu lầm đó. Này Puranaka Dạ-xoa! Tôi muốn biết chút ít duyên cớ, tại sao ông vừa lòng Virandati mà cố gắng hại tôi hôm nay?

– Này bậc trí tuệ! Tôi ráng sức giết ông, không phải vì si mê hiểu quấy đâu. Vì nàng Virandati có tuyên bố rằng muốn được nàng về làm vợ thì phải lấy cho được trái tim của đức Vidhurapandita đến dâng cho mẹ nàng là hoàng hậu Vimalājadevī, song phải đúng theo pháp. Này bậc trí tuệ! Do đó mà tôi phải cố gắng giết ông.

Vừa nghe qua, đức Bồ-tát liền hiểu ngay bằng tuệ lực của ngài rằng: Vimalā dayena kiccaṃ natthi – đức Long vương Varuṇa được nghe pháp của ta, rồi cúng dường ngọc mani là vật trang điểm của ngài. Có lẽ khi trở về ngài tường thuật cho hoàng hậu Vimalā nghe, nàng mong được thính pháp, nên nói muốn được trái tim ta. Đức Long vương hiểu lầm, rồi dạy công chúa Virandati làm việc như thế, nên dạ-xoa mới đến tìm làm khổ ta như vậy. Vậy ta nên yêu cầu dạ-xoa để ta xuống trên đỉnh núi này, ta sẽ thuyết pháp chinh phục Puranaka Dạ-xoa tha mệnh sống cho ta, trong lúc này. Đức Bồ-tát bèn nói rằng: “Này Puranaka Dạ-xoa! Nếu ông được trái tim của ta, ông hãy để ta xuống trước đi, rồi sẽ giết lấy tim ta sau”.

Được nghe đức Bồ-tát nói như vậy, Puranaka Dạ-xoa liền để ngài xuống đỉnh núi Kālagirī rồi thỉnh ngài thuyết pháp. Đức Bồ-tát nói: “Thân thể tôi không được sạch, xin cho tôi tắm rửa trước đã”. Dạ-xoa Puranaka khen phải, liền lấy nước hoa thơm cho đức Bồ-tát tắm và cho dùng thực phẩm quý. Xong, Dạ-xoa Puranaka trang hoàng bảo tọa, rồi thỉnh đức Bồ-tát bố thí pháp. Đức Bồ-tát thuyết pháp về pháp sādhudharma cho Dạ-xoa Puranaka nghe trong khi ấy. Đức Bồ-tát thuyết về pháp Sādhudharma trong lúc đó, rất oai nghiêm và thanh nhā như bậc Chánh đẳng Chánh giác. Đức Bồ-tát nói với Puranaka Dạ-xoa rằng: “Này ông! Sādhudharma có bốn phần là: phải đi theo người đã đi trước; không nên đốt tay ướt; đừng phản bạn, làm hại bạn; đừng ở trong quyền lực của người có ác pháp”. Được nghe pháp tóm tắt như thế, Dạ-xoa Puranaka không hiểu bèn hỏi tiếp rằng: “Tôi xin hỏi: người đi trước có ý nghĩa như thế nào? Đốt tay ướt đó ra sao? Phản bạn, hại bạn như thế nào? Đừng ở trong quyền lực của kẻ khác có ác pháp là cách nào? Xin bậc trí tuệ giải rộng cho tôi nghe”.

– Này ông! Điều thứ nhất có ý dạy rằng, người nào có ân với mình, mình phải tìm dịp báo ân. Dẫu với người mà mình chưa quen biết, chưa từng ăn ở chung, khi gặp họ niềm nở mời mình ngồi, chỉ có bấy nhiêu, dù là chưa được ăn uống chi, cũng gọi là người đi trước. Những người biết ơn, không câu thả, cố gắng đáp ơn, được gọi là kẻ đi theo người đi trước. Điều nói không nên đốt tay ướt đó là mình nương ngụ trong nhà người rồi, nên tỏ lòng tri ân người đã thi ân với mình, như thế gọi là người lành, không đốt tay ướt vậy. Điều nói không nên phản bạn, hại bạn là ám chỉ người nào đã thi ân đến ta, thì ta đừng tính làm hại họ. Chỉ nên tưởng đến điều tốt của họ và tìm làm điều lợi ích đến họ. Kẻ bạc nghĩa, quên ơn người, làm hại người ân gọi là phản bạn, là kẻ đê hèn, tội lỗi. Không riêng về làm hại

⁵⁹ Một trong tứ Đại Thiên Vương.

người ân, dù là với cây mà mình đã vào nghỉ mát, rồi lại làm cho rụng lá, gãy cành cũng gọi là kẻ xấu xa, phản bạn. Điều nói đừng ở trong quyền lực của kẻ có ác pháp là dạy người không nên chiều theo phụ nữ. Thông thường phụ nữ mà người nam đã cho gia tài của cải, hoặc làm đến bậc Chuyên Luân Vương có đủ 7 báu, cũng không nên tin lòng phụ nữ, chỉ yêu thương riêng một mình ta. Phụ nữ khi có trai hăng khinh rẻ chồng. Nhân đó, mới gọi là người có ác pháp, tức là người yêu riêng phụ nữ đó vậy. Người có trí tuệ không bao giờ ở trong quyền lực của phụ nữ, không phạm tà dâm gọi là không chiều theo quyền lực của người có ác pháp. Nay ông! Ông nên trú trong bốn sādhubharma như tôi đã giải đây.

Khi đức Vidhura Bồ-tát thuyết về bốn pháp Sādhubharma vừa dứt, Dạ-xoa được nghe rồi nhìn nhận rằng: Bậc trí tuệ xin sanh mạng với ta, trong bốn pháp. Thật vậy, bậc trí tuệ đã có cúng dường đến ta rồi. Ta với bậc trí tuệ chưa từng gặp nhau lần nào. Bậc trí tuệ đã thi ân với ta, ta được nương nhờ, ăn ngủ trong dinh của bậc trí tuệ, thọ hưởng gia tài của bậc trí tuệ trọn ba ngày, nay ta làm hại như vậy cũng vì phụ nữ. Nếu xét rõ ta là kẻ phản bạn, hại bạn trong lúc này, thế gọi là không được đi theo người đi trước, là kẻ đót tay ướm và kẻ phản bạn và cũng là kẻ ở trong quyền lực của phụ nữ có ác pháp. Ôi! Ta càng xét càng thấy ta là người không tốt, là kẻ rất xấu xa, đê hèn. Lợi ích chi với nàng Virandati không được thì thôi, ta không nên làm tội đâu.

– Nay bậc trí tuệ! Lại đây tôi sẽ đưa ông về thành Nidapatta, ông sẽ hết khổ, do thiện ngôn của ông. Xin ông thứ lỗi cho tôi, ông hãy lại đây, tôi đưa ông về chỗ ngụ của ông.

– Nay Dạ-xoa Puranaka! Ông khoan đưa tôi về thành Nidapatta trước, nên đem tôi đến Long vương cung đi. Tôi mong được thấy dinh thự Long vương, muốn biết xứ sở tại Long cung, ông hãy đem tôi đến đức Long vương trước đã.

– Nay bậc trí tuệ! Lệ thường bậc trí tuệ khi họ biết rằng kẻ nào là thù nghịch rồi, họ không hy vọng vào gần. Nhưng tại sao ông lại muốn gặp Long vương và vừa lòng đến xứ sở của kẻ thù, do nhân nào?

– Nay Dạ-xoa Puranaka! Không nên tìm đến kẻ thù, điều này tôi đã hiểu. Nhưng tôi không tạo những điều ác, tội lỗi, vì thế tôi không biết ghét, biết sợ đối với sự chết xảy đến cho tôi. Nay ông! Xin ông đừng lo ngại chi, như ông trước kia cũng hiểu lắm làm khổ tôi, mà tôi còn an ủi bằng sự thuyết pháp cho ông trở nên có tánh tình dễ dãi được. Hà tất loài rồng dù là với Long vương, tôi cũng có thể chế phục được, đó là phận sự của tôi. Vậy ông nên đem tôi xuống cõi Long cung đi.

Dạ-xoa Puranaka đáp: Sādhu – Phải rồi, thỉnh ngài lên ngồi ở phía sau. Sở dĩ Dạ-xoa Puranaka để đức Bồ-tát ngồi phía sau đó với ý định rằng nếu thấy Long vương có lòng mát mẻ với bậc trí tuệ thì thôi, bằng không ta sẽ bảo vệ đem bậc trí tuệ về lập tức, không cho Long vương làm hại Ngài. Nghĩ như thế Dạ-xoa mong che khuất thân thể của đức Bồ-tát, Dạ-xoa ngồi phía trước ngựa, đưa đức Bồ-tát xuống đến Long cung, đi thẳng vào cung, trước mặt Long vương.

Đức Long vương Varuṇa thấy Puranaka bèn hỏi rằng: “Người đi tìm trái tim của Vidhura trên cõi người có được kết quả chăng?”

– Tâu, tôi đem được đức Vidhurapandita đúng theo pháp, ngài hãy nhìn xem bậc trí tuệ đây. Ngài hãy nên cầu nghe pháp của đức Vidhura thuyết theo giới đức, rất du dương, trong giờ này. Tâu, kẻ nào thân cận bậc trí tuệ như đức Vidhurapandita đây, hằng được an vui trong cõi này và kiếp sau.

Đức Long vương Varuṇa khi được thấy đức Bồ-tát bèn phán rằng: “Này bậc trí tuệ! Ông là loài người, đến cõi rồng được thấy Long cung mà từ trước chưa từng thấy. Xuống đây

thì sự chết của ông trong tay ta, vì sao ông không lo sợ, xuống ngựa mà lễ bái ta. Thái độ của ông không phải là bậc trí tuệ đâu”. Đức Bồ-tát nghe Long vương bảo lễ bái, ngài bèn đáp rằng: “Tôi đây không nên lạy Đại vương làm như thế không nên. Tôi không được thủ lễ Đại vương đây vì tôi là tội nhân. Tôi, kẻ có tội chết, dù là lạy hay không cũng không khỏi chết, thế nào cũng bị tử hình, tội nhân lạy đao phủ thủ làm gì? Đao phủ thủ có dạy tội nhân lễ bái cũng chẳng ích chi. Như thân tôi đây, Đại vương dạy Dạ-xoa Puranaka giết tôi để lấy trái tim như thế, thì Đại vương bảo tôi lễ bái ngài có ích gì?” Đức Long vương Varuṇa nghe qua cho lời của đức Bồ-tát là đúng, nên khen phải: “Này bậc trí tuệ! Lời của người là chánh đáng, đúng là bậc trí tuệ rồi”. Đức Bồ-tát tỏ lời thiện cảm với đức Long vương rằng: “Tôi, Đại vương là bậc vua chúa, có nhiều uy lực, đế nghiệp của Đại vương không trường cửu thật, song cũng gọi là được vững chắc. Long cung của Đại vương hằng rực rỡ bằng hào quang của ngọc báu và vàng ròng, như sét chớp trên không trung. Trong Long cung có đầy đủ long nữ trang điểm xinh đẹp, ca sang xướng hát hầu hạ đêm ngày. Những hạnh phúc này phát sanh theo mùa tiết hay tự nhiên mà có, hoặc Đại vương tự tạo ra hay Chư thiên làm cho Đại vương. Đại vương được sự nghiệp vĩ đại như vậy, do nhân nào?”

– Này bậc trí tuệ! Đèn vàng điện ngọc đây, chẳng phải do trầm tự tạo ra được, cũng không nhờ Chư thiên làm cho, cũng chẳng phải sanh ra do thời tiết, những gia tài của cải cao sang này phát sanh do nơi nghiệp lành do quả phúc đến trầm, trầm là chúa tại Long cung.

– Tôi, kiếp trước Đại vương tạo nghiệp chi, nên nay Đại vương được sự nghiệp to tát như vậy?

– Này bậc trí tuệ! Trầm và nàng Vimalā hoàng hậu kiếp trước là vợ chồng nhau trong thành Campaka, chúng tôi có đức tin đồng nhau bố thí như là y phục, thức ăn, món uống, thuốc men, chỗ ở hoa thơm đèn đuốc đến các vị Sa-môn, Bà-la-môn, kẻ nghèo đói, cô độc. Nhà của chúng tôi là nơi nương ngụ của các thầy Sa-môn Bà-la-môn, kẻ nghèo đói, cô độc, ví như dòng nước là nơi tắm rửa cần dùng và loài thú. Do uy lực của sự bố thí làm lành như thế, đến khi tan rã ngũ uẩn tôi được sanh ra làm Long vương, thọ hưởng đế nghiệp cao sang phú túc như vậy.

– Tôi Đại vương là bậc vua chúa trong cõi rồng, khi Đại vương đã nhận đây là hạnh phúc cao sang quyền quý thì Đại vương chẳng nên cầu thả, say mê vì đế nghiệp. Điều nào là tội Đại vương đừng bận lòng tạo những nghiệp ác ấy, Đại vương nên cố gắng gieo trồng cội phúc. Nghiệp lành nào làm cho đế nghiệp được bền vững và cho hạnh phúc trong kiếp vị lai được lâu dài, Đại vương hãy tinh tấn đào tạo thêm đừng bỏ qua và quyết tâm không cho vi phạm, dù là tội ác nhỏ nhen.

– Này bậc trí tuệ! Trầm tính bố thí, nhưng tại Long cung không có Sa-môn và Bà-la-môn, vậy phải làm thế nào được bổ túc điều thiện. Xin nhờ bậc trí tuệ từ bi giảng giải, chỉ giáo đến trầm đi. Phải tu thân thế nào, mới có thể giữ vững ngôi vàng này được lâu dài đến kiếp vị lai.

– Tôi, nếu Đại vương ước mong như vậy, cần phải đè nén sự sân hận, thấy tội phát sanh trong tâm rồi nên chế ngự cho giảm bớt, lắng lòng yên lặng, đừng chiều theo tâm ác. Nên tinh tấn trấn áp điều ác, cho sanh lòng từ bi đến khắp cả loài rồng, gần hoặc xa, tức là vợ con, cùng các quan châu chực mỗi ngày. Đại vương nên rải lòng bác ái đến tất cả, đừng phân biệt giai cấp, nên cố gắng hành thiện pháp bằng nghiệp thân, khẩu lành, đừng làm tội theo ác tâm. Khi Đại vương tu hành như thế rồi, thì Đại vương được an vui, đến hết tuổi thọ sẽ được sinh lên cõi trời theo quả phúc của tâm bác ái và thân, khẩu, ý lành, phước báu

của tâm bác ái quý báu hơn sự bố thí, Đại vương nên niệm tâm bác ái cho khắng khít trong tâm.

Đức Long vương Varuṇa được nghe pháp của đức Bồ-tát, ngài bèn phát tâm vui thích và nghĩ rằng: Ta để cho đức Vidhurapandita ở lâu không tiện, vậy ta nên dẫn đến nàng Vimalā hoàng hậu, cho nàng được thính pháp để đền nén lòng mong mỏi của nàng, rồi ta sẽ nhờ Dạ-xoa đưa đức Vidhurapandita về kinh đô Nidapatta cho đức vua Thnañjeyakoraba vui mừng. Đức Long vương bèn phán rằng: “Này bậc trí tuệ là đại thần của đức vua Thnañjeyakoraba trong lãnh thổ Kuru. Dạ-xoa Puranaka được bậc trí tuệ đây do nguyên nhân nào?”

– Tâu Dạ-xoa Puranaka đến đánh cuộc cờ tướng với đức vua Thnañjeyakoraba. Đức vua thua nên phải cho tôi đến Dạ-xoa Puranaka theo lời giao kết, nay Dạ-xoa mới đem tôi đến nơi đây.

Đức Long vương nghe vui thích, phát tâm phi lạc, bèn nắm tay đức Bồ-tát mời vào phòng hoàng hậu Vimalā. Đến nơi đức Long vương gọi: “Này em Vimalā! Em khổ vì mong được tim của đức Vidhurapandita. Này em Vimalā! Em hãy ngồi dậy chớ phiền não, đức Vidhurapandita đã vào đến nơi rồi và sẽ thuyết pháp cho em nghe, bây giờ đây. Em hãy lắng nghe thiện ngôn của đức Vidhurapandita. Bậc trí tuệ Vidhurapandita có danh vang khắp cả trời người, chẳng có ai sánh bằng. Đức Vidhurapandita đây là nơi trừ diệt các phiền não cho em được. Đức Vidhurapandita làm cho sáng tỏ tức là trí tuệ, thấy phân minh trong tất cả ý nghĩa, mời em xem đức Vidhurapandita và nghe ngài thuyết pháp”.

Hoàng hậu Vimalārājadevī được nghe tiếng chồng gọi như thế liền vội vã ngồi dậy, nhìn đức Bồ-tát, nàng phát tâm hoan hỷ, đưa tay lên lễ bái và ân cần tỏ lời thiện cảm với đức Bồ-tát. Lời nàng Vimalā hỏi đức Bồ-tát và lời đáp của đức Bồ-tát cũng như đã giải cho Long vương nghe. Nàng Vimalā được nghe pháp, phát tâm phi lạc sắc mặt vui tươi bình phục lại như trước. Khi đức Bồ-tát đã thuyết cho nàng Vimalā nghe xong, ngài bèn nói với Long vương rằng: “Tâu Đại vương, ngài mong được trái tim của tôi, xin ngài tùy tiện theo ý muốn đi, ngài đừng nghi ngại điều chi cả và cũng đừng vì sự nghe pháp mà phải tha tôi. Vậy Đại vương hãy thi hành theo sở nguyện đi”. Đức vua Varuṇa đáp: “Nàng Vimalā hy vọng được trái tim của ngài, nay nàng đã được như nguyện rồi, trái tim đó tức là trí tuệ của ngài vậy. Này bậc trí tuệ! Chúng tôi có lòng hân hoan mong được trái tim tức là trí tuệ của ngài từ lâu, nay đã toại nguyện. Vậy, để tỏ lòng biết ơn, nay tôi xin gả nàng Virandati cho Dạ-xoa Puranaka”. Nói xong, đức vua dạy Dạ-xoa rằng: “Người này thỉnh bậc trí tuệ đem về xứ Nidapatta đi”.

Dạ-xoa Puranaka rất mãn nguyện vì được nàng Virandati làm vợ, nên dâng ngọc ma-ni đến đức Bồ-tát và tỏ rằng: Tôi nay thỏa nguyện, vì được nàng Virandati làm vợ cũng nhờ ngài. Tôi không có chi xứng đáng để đáp ơn cao dày của ngài, tôi xin thành kính dâng ngọc ma-ni đến Ngài, xin ngài hoan hỷ thọ lãnh”. Đức Bồ-tát thọ ngọc ma-ni và chúc rằng: “Cầu cho ông chung sống cùng nàng Virandati được an vui lâu dài, đừng có điều chi trở ngại”. Dạ-xoa Puranaka thọ lời chúc của đức Bồ-tát và thỉnh ngài lên ngựa ngồi phía trước, dạ-xoa ngồi giữa, và nàng Virandati ngồi sau. Đâu đó chính tề, dạ-xoa liền lái ngựa bay lên khỏi Long cung, nhắm ngay xứ Nidapatta mà tiến hành.

Khi đức Bồ-tát đang được đưa về, đêm hôm ấy vua Thnañjeyakoraba nằm mộng lúc rạng đông: Thấy có một cỗ thụ to mọc giữa ngo môn, có trang hoàng đủ các thứ hoa thơm, dân chúng cư hội rất đông lễ bái cúng dường cây cỗ thụ ấy. Có người, hình thể to lớn, da đen mặc y đỏ, tay cầm binh khí bén đến đốn cây cỗ thụ đó đem đi. Đại chúng khóc than thương tiếc cây cỗ thụ vô hồi. Nhưng không bao lâu người ấy lại đem cây cỗ thụ trả lại chỗ

cũ. Đức vua giựt mình tỉnh giấc, suy sét hiểu rằng: Cây cỏ thụ đay tức là đức Vidhurapandita, người chặt cây cỏ thụ đó tức là vị thanh niên dẫn đức Bồ-tát đi trong khi ấy. Có lẽ vị thanh niên ấy sẽ đưa đức Vidhurapandita trả lại nơi ngụ môn trước phước xá. Lành thay, sáng này, trăm sẽ gặp đức Vidhurapandita chẳng sai. Đức vua quả quyết như vậy, ngài rất mừng. Sáng sớm, đức vua dạy trang hoàng kinh đô và phước xá, bảo tọa mà đức Bồ-tát đã quen ngồi thuyết pháp từ trước. Chỉ trong chốc lát cả 101 vị vương và các quan quân cùng dân chúng châu chực chung quanh ngài rất đông để đón rước đức Bồ-tát tại phước xá. Đức vua Thnañjeyakoraba bèn tỏ lời an ủi lời công chúng rằng: “Các người hãy vui thích lên đi, đức Vidhurapandita sẽ trở về với chúng ta trong ngày nay”.

Trong lúc ấy, Dạ-xoa Puranaka đang bay xuống đáp giữa công chúng, đưa đức Bồ-tát để gần phước xá, rồi từ tạ dẫn nàng Virandati lên thiên cung là nơi ngụ của dạ-xoa. Những người có mặt tại đó không ai thấy được Dạ-xoa Puranaka và nàng Virandati cả. Đức vua Thnañjeyakoraba khi nhìn thấy Vidhurapandita Bồ-tát, ngài rất mừng rỡ, liền xuống ngai vàng liền chạy đến ôm hôn và ẵm đức Bồ-tát để ngồi trên pháp tọa với niềm hân hoan vô hạn. Đại chúng và 101 vị vương cũng đồng vui mừng. Ví như người đã chết mà sống lại, ai ai cũng đều đưa tay lễ bái và nhìn xem gương mặt của đức Bồ-tát. Đức vua ôn tồn tỏ lời thiện cảm rằng: “Này bậc trí tuệ Vidhurapandita ôi! Tất cả dân cư, nhất là 101 vị vương và trăm được thấy hiện khanh hôm nay rất toại nguyện, lòng mừng không xiết kể. Hiện khanh hãy cho chúng ta nghe trước, gã thanh niên đó thuộc hạng nào, đem hiện khanh đến đâu và hiện khanh vui khổ thế nào? Do đâu mà hiện khanh được khỏi tay gã thanh niên ấy, trở về đây?”

– Tâu, thanh niên đó không phải loài người, thật là Dạ-xoa vương có tên rõ rệt là Puranakayaksa, là cháu của đức vua Vessuvanna (một trong tứ đại Thiên vương). Dạ-xoa Puranaka vì mong được lòng nàng Virandati công chúa của vị Long vương Varuṇa, đây là nguyên nhân đầu tiên. Đức Long vương Varuṇa có đến thọ bát trai giới nơi vườn thượng uyển và tranh biện về sự trì giới cao thấp mà Bệ hạ đã dẫn cả ba vị vua, nhất là đức Đế Thích đến gặp hạ thần và dạy hạ thần phân đoán trong lúc trước. Long vương cúng dường cho hạ thần ngọc ma-ni là vật trang điểm của ngài. Khi trở về nàng Vimalā là hoàng hậu của Long vương không thấy ngọc ma-ni nên hỏi, ngọc ma-ni của Bệ hạ đâu không thấy? Đức Long vương cho biết rằng đã cúng dường pháp cho hạ thần. Nàng Vimalā mong được nghe pháp nhưng không biết làm sao, mới tâu với Long vương muốn được trái tim của hạ thần. Đức Long vương liền dạy công chúa Virandati là con của ngài, trải đi tìm chồng có uy lực, có thể lấy trái tim của hạ thần đem về đây con cha, người đó là chồng của con. Khi ấy Dạ-xoa Puranaka nghe như vậy, mong được nàng Virandati, nên Dạ-xoa liền trở về núi Vipūla lấy ngọc ma-ni dành cho đức Chuyển Luân Vương đến đánh cuộc cờ tướng với bệ hạ. Dạ-xoa thắng cuộc, bắt hạ thần. Sau khi ngụ tại dinh hạ thần trọn ba ngày đêm, đến ngày thứ tư, lúc hạ thần từ giã Bệ hạ và quan quân xong, Dạ-xoa dạy hạ thần nắm đuôi ngựa bay lên không trung, khiến ngựa chạy theo khoảng cây, đá bay lướt như vậy, cố tâm giết hạ thần. Khi thấy hạ thần còn sống, Dạ-xoa khiến ngựa bay lên gió mạnh, bay tới bay lui 7 lượt, cho hạ thần chết vì thế lực của gió. Lúc thấy hạ thần chưa chết, Dạ-xoa phát nộ liền khiến ngựa bay vút lên cao độ cho hạ thần ra tro bụi. Nhưng khi biết hạ thần chưa bị hại, Dạ-xoa đem hạ thần lên đỉnh núi Kālagiri, Dạ-xoa hiện nguyên hình to lớn lý dị, hoá ra sư tử dày xé, sau cùng biến ra rắn to quấn mình hạ thần. Với tất cả những hành động tàn nhẫn ấy, Dạ-xoa chỉ mong giết cho được hạ thần, xong hạ thần vẫn sống. Dạ-xoa nắm hai chân hạ thần liệng lên cao 15 do tuần, khi rớt xuống hạ thần không chết, Dạ-xoa tức giận liệng lên lần nhì hơn 30 do tuần nhưng hạ thần cũng còn sống. Dạ-xoa cố hết sức mình liệng hạ thần lên lần thứ ba cao 60 do tuần, lạ thay, khi rớt xuống hạ thần vẫn chưa chết.

Đến đây, Dạ-xoa có phần kiên nhẫn, do nhờ uy lực của Ba-la-mật pháp, hấn bèn để hạ thần xuống đỉnh núi Kālagiri. Nhân đó, hạ thần thuyết pháp sādhubharmā cảm thắng được Dạ-xoa Puranaka, khiến Dạ-xoa ưa thích tha mạng sống cho hạ thần. Dạ-xoa đưa hạ thần đến Long cung thuyết pháp cho Long vương Varuṇa và hoàng hậu Vimalā nghe. Khi nghe pháp xong, đức Long vương và hoàng hậu phát tâm trong sạch bèn gả công chúa Virandati cho Dạ-xoa Puranaka và dạy Dạ-xoa đưa hạ thần trở về. Dạ-xoa vâng lời để hạ thần ngồi trước, hấn ngồi giữa, sau là công chúa Virandati, cho ngựa bay lên trần gian, thẳng đến kinh đô của bệ hạ. Dạ-xoa đáp xuống để hạ thần giữa công chúng rồi từ tạ chớ nàng Virandati về chỗ ngụ của Dạ-xoa. Tâu, đây là ngọc ma-ni dành cho đức Chuyển Luân Vương, có thể cho thành tựu đầy đủ sự mong muốn. Dạ-xoa Puranaka biết ơn hạ thần, nên biếu ngọc ma-ni này, hạ thần xin dâng lên bệ hạ”. Đức Bồ-tát quý dâng ngọc ma-ni đến đức vua Thnañjeyakoraba. Đức vua Thnañjeyakoraba và đại chúng được nghe câu chuyện của đức Bồ-tát Vidhurapandita chịu bao điều thống khổ như vậy, ai ai cũng đều thương xót rơi lệ và tán tụng rằng: “Ngài ôi! Tuệ lực của ngài rất cao quý không chi so sánh bằng, từ đây cầu xin ngài ở được an vui”. Tiếng ca tụng câu chúc của dân chúng khi ấy vang rền khắp trong xứ. Đức vua bèn tường thuật sự nằm mộng của ngài cho đức Bồ-tát nghe rồi dạy tổ chức cuộc lễ mừng đức Bồ-tát đến nửa tháng. Lúc ấy cả dân cư nam, nữ, các quan quân, hàng triệu phú v.v... đều trang phục chỉnh tề mang lễ vật đến cúng dường đức Bồ-tát. Đức vua dạy dân chúng phóng sanh súc vật rất nhiều. Đức Bồ-tát bèn thuyết pháp, khuyên dạy nhân dân bố thí, trì giới để gieo trồng cội phúc trong đời này và kiếp sau. Đức Bồ-tát luôn luôn tinh tấn bố thí bố thí, trì giới tham thiền không dám để duôi, sau khi thác ngài được sanh lên cõi trời. Những người thực hành theo lời chỉ giáo của đức Bồ-tát, khi tan rã ngũ uẩn đều được lên thiên cung cả.

Satthā imaṃ dhammadesanaṃ āharitvā - Đức Giáo chủ dẫn tích đức Vidhurapandita xong, ngài liền gọi các tỳ khuru mà rằng: “Này các thần! Như Lai chẳng phải chỉ sáng suốt trong phương pháp độ sinh trong kiếp cuối cùng này mà thôi đâu. Thuở Như Lai luân hồi là Vidhurapandita đó, Như Lai cũng có trí tuệ sáng suốt như thế”. Đức Thế Tôn thuyết tiếp đến pháp Tứ diệu đế, rồi hợp tiền kiếp lại như vậy: “Sadā - Trong thuở ấy cha mẹ của đức Vidhurapandita nay là đức Tịnh Phạn Vương và Māyā hoàng hậu; vợ của đức Vidhurapandita nay là nàng Gia-Du-Đà-La; con trưởng của đức Vidhurapandita nay là La-Hầu-La; nàng Vimalā nay là tỳ khuru ni Upavannatherī; đức Long vương Varuṇa nay là Đại đức Xá Lợi Phất; đức Điều vương nay là Đại đức Mục Kiền Liên; đức Đế Thích nay là A Nậu Lô Đà; đức vua Thnañjeyakoraba nay là Ānanda; Dạ-xoa nay là đức vua Kanthasaka. Tất cả những kẻ tùy tùng nay là hàng Phật tử. Đức Vidhurapandita aham eva tức là Như Lai là bậc Chánh đẳng Chánh giác, đã giác ngộ tất cả các pháp như thế.

Vidhurapandita jātakam nitthitam – Dứt truyện đức hiền minh Vidhura

3. Vessantara jātika – truyện đức Vessantara (Bồ tát tu hạnh bố thí ba-la-mật)

Phussati varavannāveti idaṃ satthā kapivatthun upanisāya nigrodhārāme viharanto pokkharavassam arambha kathesi – Đức Thiên Nhon Sư, khi trú trong thành Kapilavastu, ngài nghỉ an tại tịnh xá Nigrodhārāma của dòng Thích Ca đã tạo dâng. Ngài đề cập đến đám mưa cho có nhân, rồi Ngài thuyết về truyện Vessantara có cả 500 đại A-la-hán, nhất là đức đại Ca Diếp (Mahakassapathera) theo Phật ngôn như vậy:

Yadā: Sau khi đức Giáo chủ được giác ngộ Chánh đẳng Chánh giác, ngài thuyết Pháp Luân⁶⁰ (Dhammacakkapavattana sūtra) lúc độ năm anh em nhóm Kiều Trần Như xong,

⁶⁰ Pháp như bánh xe lăn tròn.

ngài bèn đến kinh đô Rājagaha, nghỉ an tại Trúc Lâm tịnh xá hết mùa đông (hemanta). Do đức Udāyithera dẫn đường, Đức Phật ngự đi cùng hai muôn vị Thinh văn giác trọn 60 ngày⁶¹ mới đến kinh đô Kapilavastu là lần đầu tiên⁶².

Khi đó, dòng Thích Ca được tin đức Giáo chủ ngự đến, đồng phát tâm hoan hỷ dạy tạo tịnh xá Nigrodhārāma và trang hoàng xinh đẹp, để thỉnh Đức Thế Tôn vào nghỉ an và cúng dường. Đến nơi Phật ngự, những thân bằng quyết thuộc đều nghĩ rằng: Đức Siddhattha (Sĩ Đạt Ta) có uy nghiêm tề chỉnh, hào quang sáng rỡ, thật đáng tôn kính, song phần đông chúng ta là ông bà, cha mẹ, cô bác, chúng ta không nên lễ bái người, bèn tìm ngồi phía sau các thanh niên. Đức Giáo chủ hiểu rõ tánh tình của thân tộc như thế, ngài tìm cách tiếp độ cho thân quyến dứt bỏ tính ngã mạn, tà kiến. Ngài liền nhập tứ thiền dùng thần thông bay lên giữa không trung làm cho các bụi tung bay mù mịt, chiếu hào quang rực rỡ thật là thiêng liêng mầu nhiệm. Đức Tịnh Phạm Vương xem thấy phi thường như vậy, bèn đưa tay lên lễ bái Đức Thế Tôn. Trong giờ ấy có đám mưa to như thác đổ, nhưng chẳng một ai bị ướt. Tất cả Hoàng gia đều hết lòng kính phục uy đức của Phật, đồng quỳ lạy không còn ngã mạn, tà kiến như trước. Sau khi đó, chư tăng hội nhau về pháp lạ thường của Phật mà từ xưa chưa từng thấy. Đức Thế Tôn ngự đến nơi tăng hội, phán hỏi cho rõ câu chuyện đàm thoại của chư tăng. Ngài bèn phán rằng: “Này các thầy tỳ khưu! Chẳng phải có đám mưa lạ thường như thế trong kiếp này đâu, xưa kia cũng đã có như vậy”, rồi Ngài mặc tướng. Chư tăng được mong nghe tiên tích, nên quỳ lạy cầu Phật giảng tiếp.

Đức Thế Tôn giảng rằng: Atite kāle: Này chư tăng! Thuở xưa có một đức vua danh là Srīsañjeyatri vì trong kinh đô Jetuttara, ngài là hoàng tử của đức vua Srīmahārāja, hoàng hậu tên là Supārasuppatidevī là công chúa của đức vua Madharāja. Nguyên nhân mà nàng có tên gọi là Supārasuppatidevī đó, vì nàng được thí mùi trầm hương đến Phật Vipassī, từ kiếp trước. Nàng sinh tử luân hồi trong cõi người và cõi trời, thường có mùi trầm hương có nơi thân thể nàng, trong mỗi kiếp. Có kiếp nọ nàng sanh làm hoàng hậu của đức Đế Thích tại Đạo Lợi Thiên cung, nhờ mùi trầm hương từ nơi thân thể của nàng phát ra, nên đức Đế Thích ban cho nàng là Supārasuppatidevī như thế. Khi gần đến ngày hạ sanh, lia thiên cung, nàng được đức Đế Thích là chồng của nàng chấp thuận 10 điều yêu cầu là: 1) Xin cho tôi được làm hoàng hậu của đức vua Srīsañjeyatai kinh đô Jeruttara; 2) Xin cho tôi có cặp mắt đen huyền như cặp mắt thỏ; 3) Xin cho tôi được giữ tên cũ là Supārasuppati; 4) Xin cho tôi sanh con trai có trí tuệ là đức tin là nơi nương nhờ của những kẻ nghèo đói và cô độc; 5) Lúc có thai, xin cho bụng tôi đừng lớn hơn ngày thường; 6) Xin cho đôi nhũ tôi đừng lớn, cho khuát và đẹp mãi mãi; 7) Xin cho cặp lông mày tôi được xanh kiêu diễm, và tóc tôi hẵng đen mãi đừng bạc; 8) Xin cho nhan sắc tôi tốt đẹp như vàng mà thợ bạc thường trau dồi; 9) Xin cho tôi có thể lực phóng thích tội nhân được thoát khổ, như ý; 10) Xin cho tôi được nghe tiếng thanh tao của những loài công ở gần hoàng cung và xin cho có bậc trí tuệ thường hội họp với tôi, để nhờ giải những điều thắc mắc, nghi ngờ của tôi.

Iti sāvāra gahetvā tāto jutāmaddha rañño oggamahesiyā kucchiyamhinibbatti... uttamarūpadharā ahoṣi – Khi nàng Supārasuppati xin được 10 điều rồi, liền giảng sanh vào thai bào của hoàng hậu của đức vua Madharāja, đến 10 tháng sanh ra có mùi thơm như trầm hương, dung nhan rất xinh, đức vua đặt tên là Supārasuppati như trước. Khi nàng lên 16 tuổi, đến lúc trưởng thành, vua cha gả nàng cho hoàng tử Sañjayakumāra. Hoàng tử Sañjayakumāra lên kế vị trị vì trong thủ đô Jetuttara, nàng Supārasuppati được phong làm hoàng hậu có cả 16 ngàn cung nữ hầu hạ.

⁶¹ Đường xa 60 do tuần.

⁶² Nhằm ngày rằm tháng tư.

Khi đức Đế Thích xem thấy nàng Supārasuppati được như nguyện, chỉ còn thiếu điều thứ tư là xin cho nàng sanh con trai có trí tuệ, và đầy đủ đức tin. Đức Đế Thích bèn đi thỉnh đức Bồ-tát tại cung trời, cầu ngài giáng sanh xuống phàm gian để bỏ túc pháp thập độ và tế độ chúng sanh. Đức Bồ-tát nhận lời thỉnh cầu của đức Đế Thích, bèn giáng sanh vào lòng hoàng hậu Supārasuppati. Từ ngày hoàng hậu Supārasuppati thọ thai, nàng chỉ làm việc lành, mỗi ngày nàng bố thí 60 ngàn lượng vàng. Do đó, nhà chiêm tinh đoán rằng: “Hoàng hậu sẽ sanh hoàng nam là bậc đại phúc, có đức tin trong sạch phi thường không ai sánh bằng”. Đức vua càng hoan hỷ ban thưởng cho hoàng hậu nhiều báu vật, để nàng tiêu phí tùy sở thích. Khi nàng mang thai được 10 tháng, sanh ra một hoàng nam đặt tên là Vessantarakumāra, vì sinh giữa đường của đoàn người thương mại. Thuở đó có sáu muôn Chư thiên cũng giáng sinh vào thai bào phụ nhân của các quan đại thần và cũng đồng thời sinh ra, đều là bộ hạ tùy tùng của đức vua Vessantara (Bồ-tát) sau này.

Đức Vessantara là dòng dõi của chư Phật Tổ, khi lên 8 tuổi, ngài thường bố thí mỗi ngày 100.000 kahapana⁶³ và phát nguyện rằng: “Nếu có ai đến xin thân thể, tứ chi nhỏ lớn, mắt, mũi, tim, gan v.v... thì ta có thể xẻ da, lóc thịt, móc mắt, mổ ngực lấy tim đem bố thí bất nghịch ý”. Do uy lực của tác ý lành thế nguyện như thế, khiến cho địa cầu rung động, thật là huyền diệu. Trong thuở ấy, có một voi cái, từ trên không trung, mang một von con tên là Paccayanāgena đến dâng để làm bảo tọa cao quý cho đức Bồ-tát. Khi lên 16 tuổi, đức hoàng tử Vessantara thông suốt Tam phê đà. Đức vua Srīsañjeya nhường ngôi báu và cưới công chúa Madrī của đức vua Maddharāja cho đức Bồ-tát, có cả 16 ngàn cung phi tùy tùng. Không bao lâu, hoàng hậu Madrījeya sanh được một hoàng nam tên là Jāli, và một công chúa danh là Kanha. Đức vua Vessantara (Bồ-tát) có tâm rộng lớn, xuất của kho bố thí mỗi ngày 10 muôn lượng vàng trong sáu phước xá.

Một hôm đức Bồ-tát ngự trên voi Paccayanāgena, đến quan sát phước xá, bất ngờ có bọn Bà-la-môn từ thành Kalinga đến xin voi mà ngài đang ngự cưỡi. Đức Vessantara liền hoan hỷ nhận lời và cho các Bà-la-môn cả vật trang điểm voi đáng giá là hai triệu tám muôn lượng vàng, và 500 nài voi. Do đó, nhân dân trong thành bất bình, đồng nhau kéo vào đền tâu xin đức vua Srīsañjeya đuổi đức Bồ-tát ra khỏi kinh đô, vì đây là voi báu của quốc gia có nhiều uy lực. Đức hoàng phụ Srīsañjeya khi được nghe lời tâu của nhân dân như thế, ngài nghĩ rằng không thể tranh biện với chúng dân được, nên ngài cho đòi đức Bồ-tát đến và phán rằng: “Này hoàng nhi Vessantara! Nay chúng dân đồng nhau đến tâu xin tâu đuổi hoàng nhi ra khỏi thành, do hoàng nhi không nghĩ sự lợi hại của triều đình, cho voi báu đến các Bà-la-môn. Vậy hoàng nhi hãy đi ẩn nơi nào thanh vắng đi, mai hậu thái bình hoàng nhi trở về trị vì thiên hạ như trước. Nếu hoàng nhi cưỡng lại lời yêu cầu của nhân dân ắt có hại, vì họ phần ưất hoàng nhi đã bố thí rất nhiều của cải, họ sợ cho đế nghiệp sẽ mất. Vậy hoàng nhi hãy vâng lệnh cha tránh một thời gian đi”. Bồ-tát nghe cha phán, rất vui lòng, ngài bèn bố thí mỗi món 100, 7 lần như vậy, trọn ba ngày rồi mới ra đi. Đức Bồ-tát vào cung nội cho nàng Madrī hay rằng: “Tất cả của cải mà ta đã cho nàng, và tài sản phát sanh lúc hồi môn, nàng hãy cất giữ để dành làm của”. Nghe như thế, nàng Madrī tâu hỏi chồng rằng: “Voi của ấy em phải làm thế nào?”

– Nàng hãy dùng làm vật thí: cơm, nước, y phục, v.v... đến kẻ nghèo đói cô độc và dâng cúng đến các bậc tu hành, như thế gọi là của chôn cao quý, chẳng có chi quý báu hơn sự bố thí, không sợ kẻ gian phi cướp đoạt. Nàng chớ nên để đuôi, hãy tinh tấn tôn trọng, phụng sự phụ vương và mẫu hậu của ta, chẳng nên trái ý nghịch lời. Nếu có vị vua nào vừa lòng,

⁶³ Kahapana lồi 2.5đ.

đem nàng về làm hoàng hậu, nàng phải vâng giữ hành theo cho hài lòng đức vua ấy, chớ nên thương tiếc quyến luyến ta. Riêng phần ta, ta sẽ vào rừng chịu chết”.

Được nghe chồng nói như thế, nàng Madrī lấy làm nghi ngờ, bèn hỏi rằng: “Vì sao mà hoàng thượng phán như vậy, từ trước thần thiếp chưa từng nghe những lời như bảo như hôm nay, dường như thần thiếp thuộc về hạng hạ lưu, không biết câu: phụ nữ xuất giá tùng phu. Tâu, hoàng thượng ngự đi trong nơi nào, thần thiếp cũng xin đi theo hầu hạ, dầu cực khổ gian lao đến đâu, thần thiếp nguyện vui buồn cùng chia sẻ xin theo phụng sự để đền đáp công ơn dạy dỗ của hoàng thượng cho đến ngày mạng chung. Thần thiếp là Madrī nguyện không bao giờ xa chồng được, dù là phải đói khát, ăn trái cây, sống trong cảnh màn trời chiếu đất, hay bị tai nạn đến nỗi hại mình, thần thiếp nguyện theo phụng sự hoàng thượng cho trọn niềm phụng đạo. Nếu hoàng thượng không chuẩn cho, thần thiếp là Madrī đây cũng đành nhảy vào lửa thiêu mình còn hơn sống mà xa lìa chồng. Như vậy hay hơn là goá bụa cho người chê trách rằng chỉ có chồng trông khi được vui, đến lúc khổ lại bỏ nhau, thần thiếp xin theo hoàng thượng vào rừng núi chung vui, chung khổ cùng nhau, như voi cái dính theo voi chúa, có ngà xinh đẹp, trải đi trong nơi ẩm thấp mà cũng ráng đi theo gót voi chúa, thế nào, tôi đây cũng nhất nguyện theo chồng, không màng gian lao khổ cực; nếu có tai hại xảy đến, tôi hy sinh đến trước chịu chết cho chồng để báo đáp ơn sâu cho trọn niềm nhân nghĩa”.

Đức vua ban cho sáu muôn bộ hạ, hộ vệ đức Bồ-tát cùng nàng Madrī và hai hoàng tôn trên một chiếc long xa thặng bốn ngựa. Khi đi được nửa đường, đức Bồ-tát thì xe và bốn ngựa, và cho tất cả bộ hạ trở về. Ngài ẵm trai Jāli, vợ bông gái Kanhā đi bộ được 35 do tuần mới đến kinh đô Jetuttara. Dân cư biết rõ là đức Vessantara Bồ-tát và nàng Madrī khổ cực như thế, đồng đem nhau đến viếng than khóc thương hại vô cùng. Phần đông chạy đến báo cho đức vua Ceta đang trị vì trong xứ Matuttara hay. Đức vua Ceta gặp đức Bồ-tát tại phước xá, bèn than van kể lể rằng: “Đại vương ôi! Đại vương quen dùng vật thực cao lương mỹ vị, ngự vắng lai bằng long xa quý báu, ngôi trên bảo tọa, nằm giường ngà nệm gấm, có cung phi mỹ nữ hầu hạ. Nay ngài ngự đi vào rừng dùng núi làm kinh thành, lấy đất làm gối, thọ thực những trái cây, chỉ nghe tiếng điều thú, thế thì thảm khổ đến dường nào. Ôi! Ngài phải chịu biết bao giao lao khổ nhọc. Tâu, xin ngài đừng ngự đi đâu, thỉnh ngài ở lại đây, chúng tôi xin dâng tất cả sự nghiệp Đế vương đến ngài trọn quyền sử dụng, chúng tôi đồng tình nguyện làm bộ hạ của ngài”. Dù được lòng tốt của đức vua Ceta cầu khẩn khuyên lơn thế nào, đức Bồ-tát vẫn khước từ, ngài chỉ một lòng cương quyết tiến hành không nao núng. Đức vua Ceta đưa đức Bồ-tát đến núi Gandhamadana, xa 15 do tuần, đức Bồ-tát ngự đi đến trước gặp hai cây da có trái ngọt như mật ong, có bóng mát, ngài bèn nghỉ an thân thể tại đây. Sáng ra, ngài ngự đi tới nữa, đến núi Nālika là nơi ngụ của loài Kinnara⁶⁴ múa hát như trên thiên cung và có ao nước đủ các loại hoa sen tươi đẹp. Đức vua Ceta gặp người thợ săn tên Cetaputta, ngài liền dặn dò Cetaputta nên bảo vệ đức Bồ-tát và nàng Madrī, rồi xin từ tạ trở về kinh đô. Khi ấy, Bồ-tát ẵm trưởng nam Jāli, nàng Madrījeya bế thứ nữ Kanhā đi theo Cetaputta vào núi Girivankata.

Có vị trời Vessukamma vâng lệnh đức Đế Thích xuống tạo hai tịnh thất cách xa nhau, có đủ cả vật dụng thường ngày tiện nghi, trước khi đức Bồ-tát chưa đến. Vị trời Vessukamma viết bản bố cáo rằng: “Những người muốn xuất gia chớ nên nghi ngờ chi, hãy vào ngụ trong tịnh thất này và được trọn quyền dùng các vật dụng sẵn có, tùy sở thích cho phạm hạnh cao quý hằng được tăng trưởng”, rồi dùng uy lực nguyện cho phi nhơn và các loài ác thú có tiếng không vừa lòng hãy tránh xa ra, đừng đến đây quấy nhiễu, và

⁶⁴ Chúng sanh đầu mình người, đuôi thú.

khuyên Chư thiên tuân lệnh đức Đế Thích hộ trì đức Bồ-tát và cả gia quyến được an vui. Thi hành xong nhiệm vụ, vị trời Vessukamma bèn trở về thiên cung.

Đức Bồ-tát ngự đến gần mé ao sen Sanketu, đi quan sát chung quanh trong các nơi gần đây, thấy con đường mòn có dấu chân người đi, ngài nghĩ rằng: có lẽ trong nơi đây có đạo sĩ tu hành mới có con đường đi vào núi như vậy. Ngài đi tới trước xem thấy có tịnh thất đủ cả vật dụng mà vị trời đã hoá ra đó, thấy có chữ đề trên bảng, ngài xét biết có đức Đế Thích thấy việc lành đáng làm, nên ngài từ bi biến ra để bố thí nơi đây. Ngài nghĩ như thế, đức Bồ-tát phát tâm phi lạc khiến ngài càng vững bước trên đường tu luyện. Đức Bồ-tát bèn vào tịnh thất cởi tất cả võ khí (gươm, cung tên) rồi ngài cạo tóc tu đạo sĩ. Xong, ngài trở ra ngoài tịnh thất, tâm thần vui tươi phát sanh hỷ lạc và tuyên bố rằng “Hạnh phúc thay” rồi ngài trở lại dẫn nàng Madrī và 2 trẻ vào một tịnh thất khác. Nàng Madrī cũng cạo tóc làm đạo sĩ nữ tu phạm hạnh được an vui trong nơi ấy.

Nàng Madrī đạo sĩ nữ vì hết lòng thương yêu kính mến chồng và từ bi đến hai con, mong mỗi chồng và hai trẻ được ở an tu hành, nên đến trước Bồ-tát quỳ bạch rằng: “Bạch ngài, xin ngài từ bi xá lỗi, cho phép tôi từ đây vào rừng hái trái về dâng ngài và nuôi hai con, ngài chỉ ngự an nơi tịnh thất, không cần phải nhọc thân tâm vào non hái trái. Chính tôi là Madrī đây xin hết lòng phụng dưỡng, đi tìm các thứ trái cây dâng ngài dùng và hai trẻ được an vui, còn phần dư lại để chiêu cho hai trẻ dùng, hoặc có người từ phương xa đến, thì ngài được dịp để bố thí pháp thí ba-la-mật theo sở nguyện. Cầu ngài phê chuẩn và nhận lời đây lòng thành kính tri ân của tôi, xin ngài xem tôi như kẻ nô tỳ hầu hạ ngài vậy”. Đức Đạo sĩ Bồ-tát nhận lời yêu cầu của đạo sĩ nữ Madrī mà rằng: “Nàng phát tâm trong sạch nguyện phụng sự như thế, ta cũng chấp thuận theo lời của nàng, nhưng còn một điều nữa là về phép tu phạm hạnh chúng ta cần phải thọ trì cho tinh khiết, ta nay là hàng xuất gia, nhất là đã lánh tình ái, thực hành pháp Sa-môn. Thông thường phụ nữ là bất tịnh đến phạm hạnh (itthīmalam brahmacariyassa). Vậy kể từ đây, nàng chớ nên đến tìm ta trong khi khuất mặt của hai trẻ, cả ngày lẫn đêm cho đến trọn đời đạo sĩ chớ nên để duôi”. Nàng Madrī hết lòng hoan hỷ quỳ lạy thọ lời giáo huấn của đạo sĩ, tinh tấn hành theo không dám vi phạm.

Một buổi sáng, đạo sĩ nữ thức sớm, mặc y quét dọn chỗ ngụ sạch sẽ trong và ngoài tịnh thất, sắp đặt vật dụng cho có thứ tự, xách nước đổ đầy trong các nơi chứa nước. Khi thấy đạo sĩ Bồ-tát mở cửa đi ra, nàng mới vào trong quét dọn kỹ càng, múc nước rửa mặt. Trang hoàng đầu đầy tươm tất, nàng dạy hai con ở chơi gần đạo sĩ, để nghe đạo sĩ sai khiến và dạy bảo. Phần nàng đạo sĩ sắp đặt xong xuôi, mang giỏ vào rừng tìm hái trái ngon ngọt dùng làm thực phẩm được. Khi đầy giỏ, vừa đủ cả bốn vị dùng, nàng liền trở về tịnh thất cho kịp giờ thọ thực. Về đến phước xá, nàng Madrī dẫn hai con cùng đi tắm rửa cho khoẻ. Xong nàng soạn các thứ trái cây để giữa dâng cho đạo sĩ một phần, còn lại nàng cùng hai trẻ cùng nhau ăn quả độ nhật. Lúc dùng xong, đạo sĩ nữ quét dọn các nơi rồi dẫn hai con về tịnh thất riêng của nàng.

Đức Bồ-tát trì giới trong sạch, ngài rải tâm từ bi bác ái đến với tất cả chúng sanh vô hạn, đều đủ các hướng. Do Bồ-tát thực hành pháp bác ái đáo bỉ ngạn, khiến tất cả loài thú trong châu vi do tuần đều phát tâm thương xót nhau, thú dữ cũng không ra ngoài chung quanh 3 do tuần núi Girīvanka. Bốn vị hoàng gia được ngự an vui trong tịnh thất, trên núi Girīvanka trọn 7 tháng.

Tadā kālīngatthetunaviṭṭha brahmnagāmvāsī jūjakonāmabrah mano bhikkhācariyāya kahāpanasatam labhitvā ekasmiṃ brahmana kulethapetvā punathanam pariyesa natthāyagatoti tasmim cirāyante brāhmana kulam sañjetvā pacchā itarena āganta vā

cotiyamānānam kahāpanedatum asakkontam amittatā panam nāma attanodhitaram tassa adāsi – Có một Bà-la-môn già nghèo khó, ngụ trong xứ Kalinga. Lão già này cô độc, thường đi xin ăn từ làng này đến xóm nọ, nhịn ăn mỗi ngày được 100 kahāpana sợ để trong mình của ấy sẽ hao mòn tiêu mất, nên tìm người bạn thân có thể tin cậy được, để gửi số tiền đó, rồi đi xin ăn trong nơi khác. Hai vợ chồng người bạn của lão ăn mày, trong thời gian sau, suy sụp nghèo đói và thấy lão Jūjaka vắng bóng lâu ngày, tưởng là ông đã chết mất, liền lấy số tiền ấy tiêu phí dần dần cho đến hết. Ngày nọ, bất ngờ lão ăn mày Jūjaka trở lại nhà người bạn hỏi lấy số tiền gửi. Hai vợ chồng người bạn rất nghèo không tiền trả lại, nên phải năn nỉ sẽ trả. Nhưng ông lão không vừa lòng, rầy la quở trách rằng: “Nếu không trả thì ông sẽ thừa đến nhà chức trách”. Hai vợ chồng người bạn khẩn khoản không được bèn xin gả con gái tên là Amittadā để trừ số tiền ấy. Lão Jūjaka vừa lòng, bèn dẫn nàng Amittadā về làm vợ. Hằng ngày, lão Jūjaka vẫn đi xin đem về nuôi vợ. Phần nàng Amittadā là gái hết lòng phụng sự chồng, không nghĩ rằng có chồng già là xấu hổ, chỉ nghĩ vì do duyên phận đã tạo, nay phải chịu và vui lòng để báo đáp ơn sâu cho cha mẹ, nên nàng rất siêng năng lo làm các công việc cho vừa lòng chồng. Các thanh niên thấy nàng Amittadā còn trẻ và có nhan sắc, nên tỏ lời trêu ghẹo trong khi lão Jūjaka đi vắng, song nàng Amittadā tỏ ra lãnh đạm với những lời chọc ghẹo ấy. Những trai thanh niên lấy làm bất bình, nên dùng lời nhục mạ rằng: “Trẻ thơ mà lấy ông già không biết xấu”. Sau cùng bảo các thiếu nữ chặn đường đánh chửi, làm cho nàng Amittadā rất then thua bức tức, về than khóc với lão Jūjaka rằng: “Nếu không có người giúp đỡ tôi xách nước kiếm củi thì tôi không ở với ông nữa”. Lão Jūjaka khuyên lon an ủi và hứa sẽ tìm trẻ giúp việc cho nàng. Lão tính sẽ phải vắng mặt lâu ngày, nên dặn bảo nàng Amittadā đừng ra khỏi nhà mà bị người ta hiếp đáp và khinh rẽ.

Lão Jūjaka bèn mang bị lên đường, vừa đi vừa hỏi thăm đến chỗ Bò-tát ngụ, vì biết rõ đức Bò-tát có nguyện bố thí bất nghịch ý, ai xin vật chi, có thì ngài bố thí ngay. Tìm đến chân núi Girivanka, hỏi thăm đường đi lên núi, gặp anh thợ săn Cetaputta mà đức vua trong thành Mātura đã gửi gắm và cho quyền ngăn cấm kẻ lạ mặt tìm đến làm khổ Bò-tát. Khi nghe lão Jūjaka dối gạt rằng ông là đại diện của đức vua Srīsanjeya, sai đến thỉnh đức Vessantara Bò-tát kể vị như trước, anh thợ săn rất mừng, hết lòng tiếp đãi lão Jūjaka, vì tin chắc lão là đại diện của đức vua. Anh thợ săn niềm nở mời lão dùng cơm với mật ong và thịt rừng, xong dọn chỗ cho ông an nghỉ trọn đêm tại chân núi. Sáng ra, người thợ săn chỉ đường cho lão Jūjaka đi lên núi. Lên lối nửa đường lại gặp một ông Đạo sĩ là Accutatapasa được lão Jūjaka cho biết rằng ông là đại diện của đức vua cho sai đến thỉnh đức Vessantara Bò-tát. Vị Đạo sĩ cũng hết lòng trọng đãi cho lão Jūjaka dùng các thứ trái cây và dọn chỗ cho lão an nghỉ. Trong đêm ấy, lão Jūjaka hỏi thăm biết rõ tình trạng sống hằng ngày của đức Bò-tát. Sáng ra vị Đạo sĩ đưa lão Jūjaka một khoảng đường rồi chỉ nẻo cho lão đi ngay đến tịnh thất của đức Bò-tát. Lão đi gần đến vừa thấy dạng tịnh thất của đức Bò-tát, lão nghĩ rằng: “Giờ này nàng Madrī đạo sĩ nữ vào rừng hái trái đã về, vậy ta chờ xem đã, lệ thường phụ nữ hay có tính bòn xén và quỵên luyến chồng con, của cải, nếu ta trình diện tỏ bày việc xin con thì nàng không cho mà còn cản trở sự bố thí của chồng nàng nữa. Như thế công việc của ta bất thành, vậy ta nên tạm nghỉ đêm nay, sáng ra nàng Madrī vào rừng hái trái chỉ còn đức Vessantara với hai trẻ, chừng ấy ta sẽ thực hành theo ý nguyện. Khi kết quả, ta sẽ trở về cùng vợ ta, thế mới được an vui và không thất lợi”. Lão Jūjaka liền tìm nơi kín đáo để ngừa thú dữ, và nghỉ mệt trọn đêm đó. Trong đêm lão Jūjaka ngủ gần tịnh thất ấy, nàng Madrī Đạo sĩ nữ, sau khi dỗ hai con ngủ rồi, nàng băn khoăn lo nghĩ quanh quẩn việc gì đâu đâu không ngủ được, dường như có điềm chẳng lành xảy đến cho nàng. Đêm về khuya quá mỗi mệt, nàng mơ nàng thấy một người to tướng, mạnh bạo, dị hình,

da đen, mặt nám, mặc y nhuộm đà, mắt sâu, má thõn, hai tai vất hoa đỏ, tay cầm dao bén nhọn, quơ múa vào gân cửa tịnh thất, la hét chửi mắng, đánh đập nằng, dùng dao mổ lấy tim nằng, nhưng nằng không cưỡng lại, chỉ la cho đến tắt tiếng. Khi giật mình tỉnh giấc nghe trái tim đập mạnh, uể oải tâm thần, nằng lấy làm kinh khủng và nghĩ rằng: “Ta chưa từng nằm mộng như vậy. Không biết tìm ai để bàn về điềm mộng này, cho biết lành dữ thế nào”. Nhìn trước xem sau, tư bề quanh quẽ, chỉ thấy có chồng nằng là đạo sĩ mà thôi. Vì quá nóng lòng lo sợ, nằng Madrī liền đứng dậy đi đến tịnh thất của chồng, nằng kêu cửa và xin đạo sĩ từ bi tha lỗi cho. Đức Bồ-tát bèn hỏi ai đấy?

– Bạch, tôi là Madrī.

– A, nằng quên rồi sao, giờ này không phải thời cho nằng đến đây, trong đêm tối như vậy.

– Bạch, vì tôi nằm mộng thấy điều lạ thường khiến tôi rất lo sợ, cầu ngài từ bi đoán cho tôi rõ.

– À, nằng ngồi phía ngoài đó, không nên vào trong. Vậy nằng nằm mộng điều chi hãy tỏ bày đi, ta sẽ giải cho nằng nghe.

Đức Bồ-tát nghe rõ từ đầu chí cuối, với trí tuệ Ba-la-mật, ngài đoán biết rằng: “Sáng này có kẻ ăn xin đến thọ thí. Ôi! Đáng tội nghiệp cho hai con, mai này sẽ lìa xa cha mẹ. Thương thay cho nằng Madrī sẽ chịu khổ, vì lìa xa con thơ khờ dại, hiu quạnh một mình ở chỗ rừng sâu không được thấy mặt hai con yêu mến như thường ngày nữa, nếu ta nói ngay ra thì rất trở ngại cho con đường giác ngộ của ta”. Nghĩ như thế, ngài bèn đáp rằng: “Này nằng Madrī, vì nằng đã quen nằm trên giường ngà chiếu ngọc, dùng cao lương mỹ vị, nay nằng bỏ đèn vàng điện gấm, trải tuyết dầm sương, phải dùng trái cây mà tự mình đi tìm kiếm, nằm trên lá cây làm cho tứ đại bất hoà, ngũ không an giấc nên nằng thấy mộng lạ thường, làm cho nằng phải buồn lòng lo sợ, nằng hãy trở về an nghỉ đi”. Nằng Madrī vâng lời từ tạ trở về tịnh thất nhưng lòng vẫn còn thắc mắc chẳng yên.

Trời dưng sáng, tiếng các loài chim líu lo cùng nhau bay đi kiếm ăn, nằng bèn ẵm hai con đem đi rửa mặt và dùng lời an ủi hai con rằng: “Này hai con yêu mến của mẹ ôi! Hồi khuya này, mẹ nằm mộng thấy điềm khác thường, mẹ có đến hỏi cha hai con, ngài đoán là không gì lạ. Song mẹ chẳng an lòng, tin đâu. Hai con nên lóng tai nghe lời mẹ dạy: Này con Kanhā ôi! Con đừng để đuôi, quá ham chơi nhé, đừng chạy rong xa anh con nhé. Con Jālī cũng nên ráng xem chừng em nhé, nên thương xót em con ngây thơ khờ dại. Hai con hãy gắng ghi lời mẹ dặn dò mọi lẽ, phải cẩn thận và thương yêu nhau”. Nói xong, nằng Madrī ẵm hai con nâng niu hôn hít một hồi, rồi tay bồng Kanhā tay dắt Jālī đến tịnh thất của chồng để hai con yêu mến trước mặt Bồ-tát và bạch rằng: “Cầu xin ngài tế độ tôi với, xin ngài từ bi thương xót hai con, ghé mắt xem chừng và kêu gọi cho trẻ chơi gần bên chân ngài. Hai con khờ dại chỉ biết giỡn chơi mà thôi, ví như thú con, khi xa cha mẹ bơ vơ một mình, thường hay đùa giỡn vui chơi, không biết tai họa xảy đến là thế nào. Ngài ôi! Cầu ngài giúp tôi, để chăm nom hai trẻ trong lúc này, chúng là bạn yêu mến, trong cơn khổ cực của tôi. Vậy ngài nên tội nghiệp Madrī đi, chớ bỏ qua lời cầu khẩn của tôi”. Khẩn cầu gởi gắm xong, nằng lạy tạ lui về tịnh thất, sắp đặt mang giỏ vào rừng hái trái. Vừa ra đi nhớ đến hai con, nằng bèn vội quay trở lại dặn bảo, nâng ẵm tung tiu hai con không không đành rời bước, khác nào cảnh từ biệt cuối cùng của tình mẫu tử: “Này hai con quý mến của mẹ ôi! Nếu mẹ có thể xẻ thân ra làm hai, mẹ xẻ ngay phân nửa đi, nửa ở lại vừa lòng thỏa thích đến hai con quý mến của mẹ. Ôi! Tâm mẹ rất quyến luyến hai con trong giờ này, mẹ không đành lìa hai con vào rừng hái trái. Thương hại cho hai con sanh ra cô độc, xa lìa hoàng tộc, chỉ có mẹ mà không gần được trọn ngày. Đến xế chiều mẹ mới trở về, sáng ra lại đi nữa

chẳng có ai bên cạnh chăm nom săn sóc hai con. Vậy hai con phải tự thận trọng nhau đi, đầu đuôi chỉ có hai anh em mà thôi; vì mắc nghiệp xưa nên nay mẹ phải chịu xa hai con như vậy. Ôi! Nay hai con quý mến của mẹ! Mẹ xin già từ hai con”. Nàng Madrī ra đi mà lòng vẫn quẩn quít khó dứt đời, liếc nhìn hai con quý mến còn khờ dại, khiến nàng sa lệ; chân bước đi, nhưng mặt còn ngoảnh lại nhìn con vô cùng bận bịu, song phải buộc lòng ngưng lệ để vào rừng hái trái đem về nuôi ba hoàng gia trong lúc ấy.

Ánh sáng bình minh vừa ló mọc, lão Jūjaka nghe tiếng chim ríu rít trên cành, khiến lão vui mừng hăng hái trời dậy, tìm nước rửa mặt xong, lần đến tịnh thất của đức Bồ-tát. Đức Bồ-tát thấy lão Jūjaka đến lấy làm hoan hỷ, gọi mời lão rằng: “(Ehivattabbo) Nay Bà-la-môn! Mời ngươi là bạn đại hạnh, dẫn ta đến hướng Niết-bàn. Ngươi hãy vào nghỉ an đi, ngươi giúp cho ta đem hai con bố thí ba-la-mật”. Đức Bồ-tát liền gọi con trưởng nam là Jālī tiếp rước lão Jūjaka rồi ngài nói câu kệ rằng: “Utthehi Jālī patitṭha porānamviyadissati brāhmanam viyapassā mi nandiyomābhikirareti aham pitātapassāmi yo so brāhmāvadissati atthikoviya āyāti atitthinobhavissatiti – Con ôi! Con Jālī nên hiểu tâm trạng của cha, con có ưa thích ông lão đó chăng?” Jālī nghe cha dạy nên vừa theo ý cha, song chưa biết lão Bà-la-môn này giả là đạo sĩ đến làm hại hay xin vật chi, Jālī ngoan ngoãn chạy đến lão Jūjaka và lễ phép thưa rằng: “Thưa, tui ông đựng vật chi mà nặng vậy? Đưa đây cháu xin mang hộ cho”. Lão Jūjaka nghe nói tắc lưỡi nghĩ thầm: Đứa bé này có lẽ là Jālī con của đức vua. Thông thường loài công có màu lông lóng lánh không bao giờ hoại mất, như gai không mài cũng nhọn tự nhiên, thế nào, dù ta có xin được đứa trẻ này về, nó cũng rắn mắt khó dạy, để ta dùng lời đe dọa dẫn mặt nó trước, mà rằng: “Mày là đứa con ai vô lễ, dám đến gần bậc trưởng thượng, hãy tránh ra đi, đừng ngỗ nghịch, coi chừng cây gậy này đây, không thấy sao?” Vừa nói vừa trợn dục: “Mày muốn lãnh một cây gậy này không?” Rồi quơ gậy dọa nạt. Trẻ Jālī bèn tránh xa và nghĩ rằng lão này thật là hung tợn. Lão Jūjaka dọa nạt trẻ Jālī rồi lần vào quì lạy đức Bồ-tát tỏ lời thiện cảm rằng: “Tâu Bệ hạ ngự lên ngự nơi đây được an vui chăng? Thường ngày có thú dữ đến chăng? Thực phẩm có đầy đủ chăng? Thấy Bệ hạ từ bỏ đền vàng gác tía lên đây, tôi lấy làm cảm phục vô cùng và hằng khẩn cầu được cho Bệ hạ sức khỏe kiện toàn tinh tấn tu hành mau đến ngày giải thoát. Tâu bệ hạ, nước của năm con sông, nhất là sông Hằng (Gangā) hằng chảy ra đại hải, mà biển to cũng không bao giờ tràn ngập, thế nào, tôi đây là kẻ ăn xin ngày này qua tháng nọ, cũng vẫn chưa no đủ. Vì thế không nệ tuổi già sức yếu, khổ cực, gian lao trải bao dặm trường lên ải xuống đèo đến đây tôi chỉ mong cầu xin Bệ hạ cho hai trẻ Jālī và Kanhā để đem về làm tôi tớ, cầu Bệ hạ hoan hỉ bố thí ba-la-mật đến tôi đi”.

Đức Bồ-tát nghe lão Jūjaka tỏ lời cầu xin hai con, ngài hoan hỷ, ví như kẻ nghèo được vàng, người khát gặp nước, ngài liền đáp: “Này ông lão ôi! Ông đến xin hai trẻ quý mến, ta vui lòng dứt sự quyền luyết cho đến ông. Nhưng ta mong ông lưu lại một đêm chờ nàng Madrī trở về cho nàng thấy mặt hai con, vì nàng sanh và dưỡng hai trẻ từ lâu, tâm bố thí ba-la-mật của nàng cũng sẵn có, để cho nàng được như nguyện. Vậy ông hãy nán đợi nàng trở về, sáng mai sẽ đi cũng chẳng muộn”. Lão Jūjaka tâu: “Ngài muốn cho tôi ráng đợi đến mai chờ lệnh bà trở về, điều này khiến cho tôi lo ngại lắm (itthīyomantam). Thông thường phụ nữ có nhiều mưu chước hẹp hòi, chỉ tốt ngoài miệng chớ trong lòng hằng bòn xén, dính mắc không muốn rời những nhân vật của mình đã có, khó dứt bỏ đem làm việc lành, muôn người chỉ có một, thật là khó. Nếu nàng thương tiếc hai con không chịu cho thì ngài cũng mất duyên lành bố thí ba-la-mật, khó được đạo quả Niết-bàn chăng? Tâu, nếu ngài có đức tin bố thí, cầu ngài từ bi gọi hai trẻ cho tôi dẫn về làm tôi tớ giúp việc cho vợ tôi là Amittadā tốt hơn là buộc tôi phải lưu lại đây một đêm nữa”. Đức Bồ-tát nghe lời tâu của lão Jūjaka, không chịu nán lại, ngài bèn khuyên bảo rằng: “Vậy ông nên dẫn hai trẻ này

đến kinh đô của đức vua Srīsanjeya, rồi Phụ vương ta sẽ ban thưởng ngựa, bò, trâu, tôi trai, tôi gái, vàng bạc không thiếu chi”. Lão Jūjaka tâu: “Tôi không dám đâu, nếu đem hai Hoàng gia đến đức Phụ hoàng, sợ e ngài cho tôi là kẻ trộm cháu, ngài bắt hành phạt hoặc xử tử tôi, chùng ấy lấy đâu mà khiếu nại. Tâu, tôi đến đây vì tình thương vợ, nên tôi không nệ tuổi già cực nhọc, mong đến xin được hai trẻ đem về cho vợ sai khiến là được toại nguyện rồi, tôi không mong cầu điều chi cao sang hơn nữa. Vậy nếu Bệ hạ sẵn lòng bố thí, xin ngài gọi hai trẻ đến giao cho tôi ngay bây giờ đây”.

Thương thay cho Jālī và Kaṇhā được nghe biết điều không may sắp diễn đến, hai trẻ run sợ, ví như thú con được nghe tiếng cọp thét, mong tìm đường trốn thoát. Trẻ Jālī bèn nắm tay em là Kaṇhā chạy ra khỏi tịnh thất, tìm ẩn trong kẹt cây, nhưng vẫn sợ lão Jūjaka tìm gặp, nên cố tìm trốn núp từ cội cây này đến cội cây khác, nhưng nơi nào cũng thấy không kín, hai trẻ liền xuống ao trầm mình, lấy lá sen che đầu, mong trốn cha và lão ăn mày vì quá kinh sợ. Không thấy hai trẻ trong nơi đó, lão Jūjaka bắt bình bèn tỏ lời trách cứ đức Bồ-tát rằng: “Tâu, trước tiên, ngài đã tỏ tâm trong sạch hoan hỷ, bố thí không ngần ngại, tôi chưa hết lời mà ngài đã vui lòng cho con, vậy thật đúng theo lời đồn, là bậc vua chơn chánh đáng kính hơn hết. Nhưng chẳng biết ngài nghĩ thế nào lại bảo tôi chờ nàng Madrī về, khi thấy tôi không vừa lòng, ngài bèn dạy tôi đem hai trẻ đến đức vua Srīsañjeya, sau cùng biết tôi không tuân theo, ngài lại ra dấu cho hai con trốn tránh. Hai trẻ thấy cha ra ám hiệu nên chúng đã ẩn mình vắng bóng. Bậc vua chúa mà tính tình như trẻ con, nói quá lời như thế có nên chăng? Tôi chưa từng thấy vị hoàng đế nào như đức Vessantara này”. Đức Bồ-tát biết hai trẻ chạy ẩn mình, nên lão ăn mày mới dám sĩ nhục ngài, ngài bèn nói: “Ông lão ôi! Ông đừng trách cứ ta, để ta tìm hai trẻ cho”. Rồi ngài theo dấu chân hai trẻ mà đến ao sen, đức Bồ-tát than với con bằng kệ ngôn rằng: “Ehitāta piyaputta purethamana paramiṇ hatayamme bhisiñcetha karoṭhacavanam mama yānanāvāvamehotha aca lābhavasāgarā jātipāraṃ gamissāmi santāressaṃ sadevakanti ehiammapiyādhita piyāme dānapāramiṇ hadayammebhisiñcetha daroṭha vacanaṃ mama yānanāvāvamehotha aca lābhavasāgarā jātipāraṃgavissāmi uddharissaṃ sadevakanti tamatthaṃ pakāsento satthā āha tato kumare ādāya jālinkaṇhā jinañbho brāhmanassa adādānaṃ sīvinamratṭha vaddhanoti tato kumāre ādāpha jālinkaṇhā jinañcubho ... cano ime tāniammā udikkhanti sokaṃ pativinessatiti – Nay con Jālī, con yêu quý của cha ôi! Con sinh trong nhà vua, hàng quý tộc, tại kinh đô Sirvirāja, lẽ đâu con dạn dĩ, đành bỏ cha, cho lão Bà-la-môn vô lễ nhục mạ cha, con có nghe chăng? Con quý mến! Chúng ta là dòng vua cao quý, chưa từng bị ai đến tỏ lời chê trách. Con ôi! Con có biết chăng? Cha rất quý mến sự giác ngộ, mong độ tận chúng sanh thoát vòng sanh tử, mà trong đời chưa ai từng thực hành được. Những thuyền nào mà kẻ thương mãi đã tạo chắc chắn bằng các cây danh mộc, khít nhau và bền vững có họa hình sư tử v.v... khi đến mùa, họ dùng chuyên chở đầy các hàng hóa, chờ lúc biển êm sóng dịu, họ trương buồm tách ra bề khơi, chẳng may gặp cơn gió lớn, sóng to tạt vào thuyền tan rã, chìm trong đại hải. Những thủy thủ đều làm mồi cho cá, chẳng còn dư sót, bởi thuyền đời không kiên cố. Nay hai con ôi! Hai con hãy dòm thấy xa. Hai con hãy là chiếc thuyền báu vững bền, cho cha đưa chúng sanh đến bờ kia, tức là Niết-bàn, thoát vòng sanh tử. Vậy hai con nên chăng ẩn mình dưới ao sen, hãy lên giúp cha để cha bố thí ba-la-mật trong giờ này đi”. Trẻ Jālī khi nghe được lời than thở và khuyên giải của cha mới nghĩ rằng: “Ta đây là con của đức vua, vì sao lại im lặng cho cha kêu đòi ba lượt, thật là không nên đâu. Dù lão già này có tàn nhẫn đánh đập hoặc giết hại, ta cũng mặc đời, tùy ý”. Trẻ Jālī liền vệt lá sen lên đi, hôn chân phải của cha khóc ròng. Đức Bồ-tát hỏi: “Còn em con ở nơi nào, Jālī?”

– Thừa Phụ vương, lệ thường chúng sanh khi có sự lo sợ, thì mau tìm đường thoát thân là lẽ cố nhiên.

Đức Bồ-tát bèn gọi Kanhā bằng những lời khuyên nhủ như đã kêu Jālī vậy. Trẻ Kanhā cũng xét thấy anh như Jālī nên mau lên khỏi ao, đến hôn chân trái của cha, thật đáng thương cho hai trẻ hiếu đạo cao quý này. Hai anh em nhìn nhau giọt lệ tuôn rơi, vật mình khóc kể dưới chân của đức cha lành. Trước thảm trạng thương tâm ấy, đức Bồ-tát lấy làm cảm động, cúi đỡ hai con, không ngăn được giọt lệ, đành để rơi lã chã trên mặt con yêu quý, tâm ngài héo hon không đứng vững, khòem xuống an ủi lau mặt cho hai con. Ngài đỡ hai đứa trẻ đứng dậy và nói rằng: “Này Jālī và Kanhā con ôi! Hai con ráng nghe lời cha, hãy vui và tươi tỉnh lên đi. Con Kanhā ơi! Con hãy ngược mặt lên nhìn cha, rồi vui vẻ tươi cười thế mới xứng con rồng cháu giống. Con ưu sầu thảm khóc làm gì, cha đây có phải là phụ thân con chẳng? Hai con đã sáng suốt và nhận định chắc rồi; nếu cha có sẵn vàng bạc châu báu đầy đủ, cha đâu nỡ để cho hai con đi lang thang bị hành hạ khổ sở như vậy. Ôi! Giờ đây cha vô cùng sầu thảm, thấy hai con yêu quý hơn muôn phần vàng bạc”. Đức Bồ-tát bèn đánh giá hai con như chủ đánh giá bò, mà thốt rằng: “Hai con hãy nhớ lời cha dạy: Nếu có ai đến mua chuộc hai con ra khỏi tay lão Jūjaka. Con Jālī tìm cho đầy đủ ngàn lượng vàng. Về phần con Kanhā, phải có bò sữa, bò đực, ngựa, tời trai, tở gái, mỗi loài một trăm và một ngàn lượng vàng đưa đến tay lão Jūjaka giờ nào, thì hai con mới được tự do trong giờ ấy. Con ôi! Con chớ trách cha là thiên vị thương con không đồng nhau không phải thế đâu nghe, Jālī”. Đức Bồ-tát bèn vỗ về hai con rằng: “Lại đây hai con hiếu thuận, đừng chậm trễ, lão Bà-la-môn chờ đợi”. Ngài nắm tay Kanhā dẫn đến tịnh thất để ngồi trên tảng đá. Đức Bồ-tát múc một ve nước trong, gọi lão Jūjaka rằng: “Này Bà-la-môn ôi! Hãy vào lãnh ba trẻ đi”. Ngài rưới nước trên tay lão Jūjaka và chú tâm rãi lòng từ bi, phát sanh tình cảm trong sạch rằng: “Bà-la-môn ôi! Cả hai con ta đây, ta quý mến như quả tim, như đôi mắt của ta vậy. Vì ta rất yêu chuộng sự giác ngộ trăm phần hơn con ta, cầu uy lực của sự bố thí này, xin cho ta sẽ được chứng quả Phật bảo trực giác (Buddharatanañāna) trong ngày vị lai”.

Bhikkhave! Này chư tăng! Đức Vessantara Bồ-tát, khi ngài đem hai con quý mến thí đến lão Jūjaka, lúc ngài rưới nước trên bàn tay lão Jūjaka khiến cho địa cầu dày 240 ngàn do tuần phải chấn động, đây là huyền diệu phi thường.

Này các thầy tỳ khuru! Khi lão Jūjaka được đức Bồ-tát cho hai con rồi, lão liền kéo lôi hai kẻ đến và trói cả hai tay của trẻ lại, lão cầm mỗi dây lôi đi, la hét chửi mắng, đánh đập trước mặt đức Bồ-tát, không chút thương xót, vị nể. Trẻ Jālī khóc và than rằng: “Cha ôi! Vì sao cha không lòng thương hại giùm mẹ Madrī là bạn cơ hàn, buổi sáng này, lúc mẹ con vào rừng hái trái, đem con phó thác cho cha, khóc than kể lể, bây giờ cha đành để cho lão bất hạnh này tự do dày xéo hai con trước mặt cha như thế có nên chăng? Xin trăm lạy ông, tội nghiệp chúng tôi, đừng quá đánh đập, chửi mắng chúng tôi. Ông ôi! Tôi xin lạy ông, em tôi còn bé thơ khờ dại. Ôi, thương hại em tôi quá”. Vừa khóc vừa van lơn đưa lưng đỡ đòn che chở cho em. Thảm thay cho trẻ Jālī bị đánh nhiều lần roi ngang dọc, rướm máu khắp mình rên la than khóc, cầu khẩn mà lão Jūjaka chẳng chút từ tâm, nên kêu đến cha, xin cha khuyên can ông lão nương tay đánh đập: “Cha ôi! Nỡ nào cha lãnh đạm để cho chúng con bị hành hạ tàn nhẫn như vậy, rất thê thảm cho em con khờ dại, chịu sao thấu những trận đòn đau. Ôi! Thật là vô cùng thảm hại. Cha ôi! Xin cha tưởng đến chút tình phụ tử cứu vớt con với. Xin ông từ bi chờ chốc lát chờ mẹ con về rồi sẽ dẫn đi, giờ đây mẹ con cũng sắp về đến. Ôi, tội nghiệp em con vô cùng đau đớn”. Jālī khóc và ôm em than thở, chỉ còn trông cậy ở mẹ hiền mau trở về kịp, cho mẹ con gặp mặt. “Ôi! Mẹ ta trở về hay

chưa hoặc đã đến nửa đường?” Càng trông càng vắng bóng mẹ. Lão Jūjaka nào kiêng nề lệnh vua, ông vẫn đánh chửi hành hạ hai trẻ. Trẻ Jālī kêu la nài nỉ bất thành bèn than với em rằng: “Kañhā em ôi! Lấy ai để cứu khổ chúng ta, cha ta đã lãnh đạm rồi. Cha ôi! Nếu cha không thương hại con, thì xin cha tưởng đến em Kanhā. Ôi! Em tôi còn nhỏ dại, chỉ biết la khóc kêu mẹ mà thôi, thật đốn đau biết dường nào. Cha ôi! Lẽ nào cha im lặng như tảng đá to, không lay động vì gió, đành lòng để cho hai con cam chịu khổ hình như vậy”. Ông lão đánh chửi và kéo lôi hai trẻ không chút từ tâm, hai trẻ càng la khóc càng bị đánh chửi bội phần. Trẻ Jālī kêu cha xin từ biệt và than cùng em rằng: “Em ôi! Biết bao giờ mới trở lại thấy cha và mẹ quý mến của chúng ta nữa. Chúng ta chắc phải bị ông Jūjaka hành hạ cho đến chết theo sở thích của ông rồi”.

Khi trẻ Jālī kêu cha tiếp cứu, đức Bồ-tát vẫn tham thiền, không để ý đến. Thảm thay cho trẻ Jālī liếc xem em Kanhā, than khóc và khuyên giải rằng: “Này em Kanhā, những người nam nữ nào đã sanh ra trong đời chưa đến Niết-bàn, đều phải chịu khổ não, lo sợ như anh em chúng ta đây. Khổ này đâu sánh bằng những nỗi đau đớn của mẹ chúng ta, khi trở về mà không thấy anh em ta, thì ắt mẹ vật mình than khóc, vì con là bạn thân lúc cơ hàn. Mẹ ôi! Mẹ thường được an vui hơn hờ với Kanhā và Jālī mỗi ngày, mà nay phải vắng bóng, lìa xa tình mẫu tử. Ôi! Thật là vô lương tâm khổ”. Đức Bồ-tát khi nghe được hai trẻ khóc than, trong ngày ấy không thể dằn sự đau lòng được, nhưng vì thẹn với Chư thiên nên ngài ngự vào tịnh thất khóc thầm rằng: “Ôi! Con là bạn lúc cơ hàn của cha. Con đã từng làm nghiệp thế nào, hôm nay phải chịu khổ cực vất vả cho lão Jūjaka hành hạ tàn nhẫn đến thế, lão lôi kéo còn thêm đánh đập, xiết bao đau lòng xót dạ. Ôi! Giờ xé này, mẹ con gọi nhau lại dùng quả đờ lòng, người lo tắm rửa cho con, thay quần đôi áo, vỗ về con ngủ. Hôm nay, ai từ bi cho con ta tắm, bị đánh đập dày vò thân thể, chân không mang dép, quần áo tả tơi, nằm bờ té bụi, trăm bề khổ não. Hai con quý mến của ta ôi! Ông lão thật là độc ác đánh hai trẻ trước mặt ta, như ngư phủ đập cá chẳng chút khoan hồng”. Nghĩ đến đây, ngài phát tâm bất bình muốn giết lão Jūjaka, song nhờ trí tuệ ngài quán tưởng kịp về đức tính của hàng thuộc về dòng dõi Chư Phật rằng: “Ta đem con ra bố thí mong chứng được Phật quả, lẽ nào ta lại làm trở ngại con đường giác ngộ. Này Vessantara người chớ nên nghĩ quấy, khi đã cho rồi, mặc hấn muốn hành động thế nào tùy sở thích, người không nên để ý đến, đã thí rồi còn thương tiếc là có sao?” Ngài liền vào tọa thiền cho tâm yên lặng, sắc mặt ngài trở nên vui tươi, tinh thần sáng suốt.

Khi lão Jūjaka dẫn hai trẻ đi, lão lỡ chân vấp té, lại đứng dậy bẻ roi đánh đập hai trẻ trước tịnh thất của đức Bồ-tát. Thảm thương thay cho hai trẻ thân hình bầm dập vô cùng đau đớn. Trẻ Jālī gọi em mà than rằng: “Này em Kanhā ôi! Người đời họ nói, không cha có mẹ cũng vui, vắng mẹ con phải cút cô thiết thòi, trẻ nào xa cha còn mẹ cũng vừa chịu được, chớ lìa mẹ còn cha cũng như không, khác nào không cha mẹ vậy, dù có bị khổ não đến đâu cha cũng điềm nhiêm. Do đó, mà người đời hằng cho ân đức của mẹ là cao hơn. Lời nói đó thật là đúng dẫn em ôi, như chúng ta vì xa mẹ nên mới bị lão Jūjaka hành hạ như thế này”. Khi lão Jūjaka dẫn hai trẻ đi đến đường gồ ghề, ông vấp chân té nhào lăn, hai trẻ thừa cơ lén chạy trở về tịnh thất của cha. Lão Jūjaka đứng dậy được bèn đuổi theo đánh đập. Hai trẻ ngã lăn, la khóc kêu cầu cứu: “Ôi! Cha ôi, cha có hay chẳng giờ này chúng con bị khổ trăm bề thâm. Ôi! Tội nghiệp em Kanhā còn nhỏ dại, xin ông thương xót đừng đánh em tôi”. Lão Jūjaka lôi kéo hai trẻ dần dần xa tịnh thất của đức Bồ-tát. Thương thay bé Kanhā khóc than thảm thiết, vì quá đau đớn mỗi một kêu anh mà rằng: “Anh Jālī của em ôi! Em khát sữa đói lòng đi không nổi nữa”. Trẻ Jālī an ủi em rằng: “Em Kanhā ôi! Em ráng đi đường còn xa, chẳng có ai đến tiếp cứu mình đâu. Bạn cơ hàn của anh ôi! Nếu em đuối sức nằm đây, anh cũng nguyện chết theo em, tham sống làm gì phải

chịu khổ thế này”. Thảm thay cho hai trẻ than thở cùng nhau, bơ vơ cảnh lạ chỉ còn trông cậy ở Chư thiên. Hai trẻ khẩn vái: “Cầu trời cho mẹ chúng tôi mau đến chỗ này, được gặp mặt chúng tôi, cho mẹ con thấy nhau lần cuối cùng, còn không bao lâu lão Jūjaka sẽ dẫn chúng con ra khỏi rừng núi rồi, biết đâu mà tìm con. Mẹ ôi! Nếu mẹ trở về không thấy mặt chúng con, thì mẹ khổ não biết bao, không cùng tả xiết. Mẹ ôi! Chừng nào chúng con mới được hội ngộ xum vầy hết khổ được vui hỡi mẹ!”

Nói về đức Bồ-tát là dòng dõi chư Phật. Ngài bồ tát pháp thập độ, thí hai con yêu quý cho lão Jūjaka dẫn đi trong nơi gồ ghề thảm trạng như thế, làm cho thế giới đều chuyển động. Đáng thương cho trẻ Kaṇhā ấu thơ chưa rời vú mẹ, phải chịu cho lão Jūjaka kéo lôi đánh chửi. Khi được nghe những lời than van cầu khẩn của trẻ, Chư thiên trong rừng đều cảm động, thương hại cho hai trẻ phải lìa cha mẹ và chịu trăm bề khổ cực, rồi đây đến lúc nàng Madrī trở về không thấy hai con yêu mến, nàng phải vật mình kêu la khóc kể, thật là thê thảm biết bao. Muốn cho đức Bồ-tát được bồ tát bố thí ba-la-mật, nên ba vị trời biến ra làm sư tử, cạp và beo nằm giữa đường đi, không cho nàng Madrī trở về sớm, sợ gặp lão Jūjaka xin con, e có sự trở ngại bồ thí ba-la-mật của Bồ-tát.

Nàng Madrī từ buổi sáng ra khỏi tịnh thất hàng có tâm xôn xan, bức rức không yên, lo cho hai con sẽ bị việc chẳng may. Đi đến nơi đã quen hái trái, thấy lạ thường, hôm qua cành lá sum suê, nay lại biến đâu chả thấy, vì thế mà nàng Madrī phải đi đến nơi này chỗ nọ, để tìm hái trái mất nhiều thời giờ hơn mọi bữa, thậm chí cho đến hoa cũng khó kiếm được. Nàng cố tìm quả cho mau đầy đủ đặng về sớm, để thấy mặt hai con. Tay đang hái trái mà tâm vẫn nghĩ tưởng đến con, sợ có việc chẳng lành xảy đến. Nàng cố gắng hái trái cho vừa đủ, không cần lựa chọn trái ngon như mọi khi. Nhìn lên thấy mặt trời gần lặn, lấy làm lo sợ, nàng liền bươn bả trở về. Chợt nhìn thấy ba ác thú nằm cản đường, nàng phát rộ lên một cơn khủng hoảng, thật là thảm khổ. Biết theo lối nào mà về, cả hai bên đường đều là cây gai, tảng đá chập chồng không nơi tẩu thoát. Hai con ôi! Nhớ đến hai con mẹ càng thêm rối lòng bức rức, biết đường nào mà trở về được. Bất đắc dĩ ngồi xuống khẩn vái rằng: “Xin ba ngài rủ lòng từ tránh đường cho tôi về tịnh thất, được kịp thời, thương hại cho hai con tôi còn ấu thơ không ai chăm nom, bé Kaṇhā con của tôi còn bú, giờ này trẻ khát sữa trông mẹ rất đáng thương. Trời đã tối, xin ba vị về hang ngọc nghỉ an. Cho phép tôi đem trái cây về nuôi chồng con. Tôi là Madrī công chúa của đức vua Maddharāja và là hoàng hậu của đức vua Vessantara. Tôi thương chồng mong theo để báo ân và làm trọn phụ đạo, xin ba vị từ bi mở đường cho tôi tội nghiệp”. Ba vị trời được nghe lời cầu khẩn, khóc than của nàng Madrī xin đường về tịnh thất, ba vị cảm động tránh đường, nàng Madrī liền quảy giỏ lên vai chạy thẳng về đến tịnh thất, là nơi hai con quen chơi giỡn chờ đón mẹ. Không thấy hình dạng con trong nơi nào, nàng hoảng hốt kêu to rằng: “Báu Kaṇhā, con Jālī của mẹ ơi! Con ngoan của mẹ đâu? Mẹ về đến rồi, vì sao con yêu quý không chạy đến rước mẹ? Mọi ngày trước, hai con trông mẹ về chạy đến mừng quỳnh và hôn mẹ, con Jālī chọn lựa trái cây, con Kaṇhā quần quít theo đòi sữa, nằm nghiêng ngửa trên mình mẹ theo sở thích. Hai con yêu quý của mẹ ôi! Hai con chưa từng dẫm chân trên đất, chưa bị ai rầy la, chỉ quen nghe tiếng mẹ ru hát vỗ về, có mẹ quạt nòng đắp lạnh, mẹ hằng chăm nom đủ mọi điều, hai con chưa từng xa mẹ một ngày. Ôi! Ta chưa từng gặp tình trạng khổ não thái quá như ngày hôm nay. Mẹ không nệ dầm sương phơi nắng, đi tìm trái nuôi con và chồng mỗi ngày không biết mệt, mẹ bỏ hai con mồ côi từ trưa, khi mẹ trở về hai con vội vã đến mừng, thấy mặt con vui cười, mẹ liền vui sướng, quên hết tất cả sự mệt nhọc. Ôi! Từ trước mẹ quen nghe tiếng hai con líu lo dịu dàng êm ái nơi đây. Đây là dấu chân của Jālī, kia là dấu chân của Kaṇhā, mẹ còn nhớ được, đó là nơi hai con chơi cát, kia là đồ chơi còn để lại, vậy hai con yêu mến của mẹ đâu? Ôi hai con đi nơi nào mà mẹ chưa gặp. Tịnh

thất này ời! Trước kia cảnh vật vui vậy, là nơi hội mặt hai con đũa giỡn hi hả cùng nhau trước mặt mẹ, nay lại im lìm vắng vẻ như chốn mồ hoang. Có lẽ hai con đã lìa xa hẳn ngực mẹ, trong giờ này chẳng?” Thoáng qua một niềm an ủi, nàng Madrī hy vọng rằng: “Hay là chồng ta bảo hai con nên ngụ trong tịnh thất chẳng, vì hôm nay ta về trễ?” Nàng nửa mừng nửa lo, vụt chạy hỏi đạo sĩ rằng: “Tâu, ngài có gìn giữ hai con đây chẳng?” Đức Bồ-tát mặc dù biết rằng nàng Madrī rất khổ tâm, nhưng ngài muốn thoa dịu lòng bồn bộn của sự thương tiếc, nên ngài bèn quở trách rằng: “Nàng chung vui cùng ai mà lâu thế? Đến giờ này mới về tìm hỏi con, ai biết được. Nàng chớ đến trong giờ này, hãy ra khỏi cho mau đi”. Nàng Madrī chạy tìm con cả đêm, than khóc kêu gọi con ời, con hỏi, biết là biệt tích, nàng té nằm bất tỉnh dưới thang, nơi tịnh thất của chồng. Đức Bồ-tát thấy thế bèn nghĩ rằng: Nếu ta không nói thật ra cho nàng rõ, ắt nàng sẽ bẽ ngực chết ngay. Ngài liền bung thau nước bước xuống lau mặt cho nàng hồi tỉnh, rồi phán rằng: “Này nàng Madrī ôi! Cả hai con chúng ta, anh đã đem bố thí cho lão Jūjaka rồi, nàng hãy chú tâm bỏ túc bố thí ba-la-mật đi”. Nàng Madrī bèn hoan hỷ bằng tiếng “Sādhu! Sādhu” (phải rồi, lành thay). Nàng Madrī tâu: “Nếu ngài từ bi nói thật như thế, dù sống hay chết tôi cũng không quá đau lòng xót dạ đâu. Tâu, vì sao ngài không cho tôi biết sớm?”

– Này nàng Madrī! Nếu ta vội cho nàng hay khi nàng vừa từ trong rừng vừa mới trở về còn mệt nhọc, ta thấy như thế, sự nóng nảy và yêu mến hai con thái quá, sẽ siết chặt tim nàng, vì hai trẻ là bạn cơ hàn. Này Madrī ôi! Chớ nên sầu thảm vì hai trẻ đi xa”.

– Tâu, vì tôi đã cố gắng chăm nom từ lâu, xin hoan hỷ bằng sự đem hai trẻ bố thí ba-la-mật, cầu cho tâm của ngài được mát mẻ.

– Này nàng Madrī! Nếu ta không cho theo tâm trong sạch thì quả địa cầu này đâu có rung động.

Rồi ngài tường thuật tự sự cho nàng Madrī nghe, Chư thiên và trời Đế Thích đồng tỏ lời tung hô hoan hỷ vang lừng trên không trong thời ấy. Khi hai hoàng gia phát tâm mát mẻ trong sạch vui thích sự bố thí ba-la-mật, đang ngụ trong tịnh thất riêng tại núi Girivanka mà tu hành, đức Đế Thích là chúa cả Chư thiên tại Đạo Lợi Thiên cung, hằng có thiện chí hoan hỷ hộ trì những trời, người, nhất là bậc cố gắng bỏ túc pháp thập độ, cầu được giác ngộ Chánh Biến Tri. Ngài suy xét thấy đức Bồ-tát, vì sự bố thí hai con yêu quý mà làm cho địa cầu rung động, nếu có kẻ nào đến xin nàng Madrī là bạn thiết lúc cơ hàn, ngài sẽ thỏa thích cho nữa, khiến ngài phải cô độc vắng vẻ một mình. Khi ấy, ngài có thể tự cấp⁶⁵ được chẳng? Vì mình phải đích thân vào rừng hái trái nuôi thân như thế. Vậy ta nên hạ san để giúp ngài. Ta sẽ biến làm vị Bà-la-môn trong sạch như đạo sĩ rồi vào tỏ lời thiện cảm cho đức Bồ-tát phát đức tin, xong ta sẽ xin nàng Madrī về làm nội trợ. Khi đức Bồ-tát vui lòng bố thí nàng Madrī đến ta và thỏa thích trong pháp ba-la-mật, ta sẽ xin gọi nàng lại để phụng sự đức Bồ-tát và cầu ngài chớ nên cho kẻ khác. Lúc đức Đế Thích xét nghĩ như thế, trời vừa rạng đông, ngài bèn hạ san xuống nhân gian biến làm đạo sĩ đến ngay tịnh thất của hai hoàng gia trước giờ nàng Madrī vào rừng hái trái.

Đức Đế Thích hoá ra bậc tu phạm hạnh có tướng mạo trang nghiêm đáng kính mến, đến đứng gần vừa phải lễ, rồi tỏ lời thiện cảm như vậy: “Kaccinubho tokusalam kaccibhota anāmayam kacciuñchenayāpetha kaccimūlaphalābahū kaccidamsācamakasā appame vāsiriṅsapā vanebālamigākiṅṇe kaccihinsānavijjatīti – Ôi! Bậc trưởng thượng đến ngụ trong nơi hẻo lánh, tu phạm hạnh trong tuyết sơn xa nhà người như thế, tôi xin hỏi đến sự lành dữ ra sao? Thân tâm ngài hằng được an vui mạnh khoẻ chẳng? Ngài chế ngự thân tâm

⁶⁵ Tự cung cấp cho mình.

tinh tấn, bỏ túc tham thiên đã lâu, mà thân thể có mỗi mệt ốm đau chi chằng? Vả lại, ngài đến đây tu hạnh đạo sĩ trong chôn xa người, không nơi khát thực, ngài hằng khi tìm hái trái trong rừng, vô tài chủ giữ gìn, đem về độ nhật phải chằng? Tôi thẩm định ngài hành như thế mới ngụ nơi đây được; những khoai củ nhỏ lớn đáng làm thực phẩm và các trái cây đã kiếm, tích trữ để dành trọn năm có đầy đủ chằng? Trong rừng tuyết sơn này là nơi mà thiên hạ đồn là chỗ ở của các loài ác thú bốn chân, chúng nó hằng lại đến kẻ vãng lai, những người giữ mình khỏi điều lo sợ thật là rất khó, ngài ngụ trong nơi đây không có sự khó chịu vì ác thú bốn chân chằng? Xin ngài cho tôi rõ để tôi mừng với”. Đức Bồ-tát lắng nghe những lời thiện cảm của vị Bà-la-môn vấn an như thế, ngài rất vừa lòng rồi tuần tự đáp theo lời hỏi đó rằng: “Này thầy Bà-la-môn, sự mạnh khoẻ an vui, thân tâm không bệnh hoạn và lo sợ hằng có đến chúng tôi trong nơi đây. Chúng tôi không có sự mệt mỏi chi cả, những muỗi, ruồi không làm bận đến chúng tôi, thậm chí đến khoai củ, hoa quả cũng được dồi dào. Các ác thú bốn chân cũng chẳng làm hại, trái lại chúng rất yêu mến chúng tôi. Do đó, chúng tôi ngụ được an vui, không lo sợ chi cả. Chúng tôi hằng rãi tâm bác ái đến tất cả mọi loài và không nghĩ đến loài nào là thù nghịch cả. Chúng tôi ở được an vui trong rừng này trải qua 7 tháng. Nay được thấy ông là người tu hành, dùng da thú làm y phục là nhân cho quả thành Chư thiên trong kiếp vị lai. Nay ông vào đến đây, gọi là người thú nhĩ trong sự gặp gỡ tôi ở chôn này. Này ông Bà-la-môn ơi! Sự đến trong nơi này của ông tuy quen biết, song tôi cũng thiết tưởng cũng có điều tốt, tôi không nghi ngờ điều chi là nguy hại cả. Ông là kẻ từ phương xa mới đến, tôi xin mời ông vào nơi chứa nước, tắm rửa nghỉ an cho khoẻ, rồi dùng các loại quả ngon ngọt vừa lòng đi. Những trái cây có trong mùa này như: xoài, thanh trà, trái dâu... đã có sẵn trong tịnh thất, ông hãy chọn lấy mà dùng cho vừa miệng. Các trái ngon tôi cũng chẳng cất giữ, xin ông hãy thọ thực cho no đi. Lại nữa, trong lu khạp có chứa những nước trong sạch, mát mẻ và tinh khiết, tôi đã tích trữ đầy đủ, nếu vật gì vừa lòng, xin ông hãy tự tiện dùng theo sở thích”. Khi đức Bồ-tát tỏ lời trọng đãi ông đạo sĩ Bà-la-môn là đức Đế Thích biến ra đó, cốt để nêu cao phẩm giá trị của ông Bà-la-môn đạo sĩ ấy, vì ngài rất vui lòng với sự bố thí ba-la-mật, cố ý làm cho vị Bà-la-môn không ngần ngại và có dịp muốn xin chi thì tự tiện yêu cầu, nên ngài liền tỏ lời hỏi về sự mong mỏi vào rừng của vị Bà-la-môn này: “*Athatvaṃ kenavaṇṇena kenavāpanahetunā anupapattosi brahāraññaṃ taṃ me akkhāhipucchitoti* – Tôi xin hỏi ngài, những vật mà hạng người họ tường thuật lại để tán dương là có giá trị, dùng lời quyến rũ rằng là có trong rừng này, nên ông mới dám băng rừng lướt bụi, không nệ gian lao, nguy hiểm mà đến non tuyết lãnh này. Những vật mà ngài cho là có giá trị, sự cần thiết khích lệ ngài phải vào đây. Tôi xin hỏi, vậy ngài hãy trình bày cho phân minh để tôi được tường tri”. Lúc đó, vị Bà-la-môn được dịp tỏ rõ thiện chí với lòng từ bi rộng lớn của đức Bồ-tát, nên ngài liền tỏ lời xin nàng Madrī hoàng hậu theo kệ ngôn rằng: “*Yathāvārivahopure sabbakālaṃ nakhiyyati evaṃ taṃ yāci tāgañchin bhariyaṃ medehiyācitoti* – Nước hằng chảy xuống trong nơi thấp theo từng bậc cho đến đại hải là nơi cuối cùng giới hạn của địa cầu, không ngừng nghỉ. Tôi được biết ý chí khuynh hướng của ngài ưa thích bỏ túc thiện pháp nhất là bố thí, nên tôi mới tìm đến đây hy vọng xin vật mà ngài có thể cho được. Nay tôi xin thú thật cùng ngài, cầu ngài bố thí ba-la-mật là cho Madrī đạo sĩ nữ đến tôi, vì là nơi vừa lòng của tôi”. Đức Bồ-tát được nghe như thế, ngài phát tâm hoan hỷ rằng: “Đây là một pháp bố thí ba-la-mật, mà tôi chưa được dịp làm, khó cho thường nhân thi hành được, là thiện pháp đầy đủ trong tâm, ngài bèn đáp bằng kệ ngôn rằng: “*Dadāminavikampāmi yaṃ mama yācasibrahmana santaṃ nappaguytrāmi dānemeratemanoti* – Này ông Bà-la-môn ơi! Dù là với việc phước to lớn, tâm tôi cũng chẳng thờ ơ thối chuyển. Vật gì mà ông mở miệng xin trong lúc này, tôi cũng vui thích đem cho, tôi không lòng thương tiếc vì vợ mà để lòng bòn xén. Những vật chi

thuộc quyền sở hữu của tôi, tôi cũng sẵn lòng đem bố thí vô ngại. Tôi không tính giấu diếm đối với những người đang mong mỏi, tôi vẫn hoan hỷ luôn luôn trong sự đem của ra bố thí, một lòng bất thối, theo lời tôi đã tuyên bố”.

Đức Bồ-tát phán như thế, rồi phát tâm trong sạch bỏ túc bố thí ba-la-mật, một tay nắm nàng Madrī, một tay tưới nước xuống tay vị Bà-la-môn, trình bày rõ rệt sự cho vợ dứt khoát đến thầy Bà-la-môn. Khi ấy quả cầu lay động như lúc thí con của ngài đến lão Jūjaka, thật là một việc cao thượng hiếm có trong đời. Đức Đế Thích được rõ chí hướng bố thí thanh cao của đức Bồ-tát, ngài rất hài lòng và nghĩ rằng: Hôm qua đức Bồ-tát thí hai con yêu quý đến lão Jūjaka, thật là kỳ diệu trong thế gian, mặc dù như thế mà lão Jūjaka không phát tâm hoan hỷ, lại hành hạ đánh đập, chửi mắng, kéo lôi hai trẻ trước mặt đức Vessantara Bồ-tát là vị thí chủ, khiến ngài phải một cơn buồn thảm bất bình. Hôm nay, ta hoan hỷ ca tụng đến sự cho cả con và vợ, cho ngài vui mừng đầy đủ trong sự bố thí, mà trên thế gian không ai thi hành được, để ngài càng thêm tác ý lành bội phần, thêm nghị lực trong sự giác ngộ. Đức Đế Thích suy nghĩ đến đây bèn tỏ lời tán dương đức Bồ-tát bằng kệ ngôn rằng: “Tamattham pakāsento satthā āha”.

Đức Thế Tôn muốn cho ý nghĩa được rõ rệt, nên tuyên bố Phật ngôn như vậy: “Tesam sam kappamaññāya devindoetadabravi sabbe jītātepacchā yedibbāye camanussā ninnāditātepathavī saddoteti. Divaṅgato samantāvijjutā āgu girīnamvā patissuttā tassa teanumodanti ubhonāradapabbatā indocabrahmā capajāpatica somoyamovessavaṇṇocarājā sabbe devā anumodanti dukkaram hīkarotiso duddadam damānānam dukkaram kamma kubbatam asantonānukubbanti satam dhammoduramṇayo tasmā satañcāsatañca nānāhoti itogati asantonirayam yanti santasaggaparā yanā yametam kumāre adadā bhariyam adadāvanavasam brahmayānamamokakamma saggetetam paccatūti – Nay chur tṅg! Hṅy lṅng nghe ý nghĩa của cổ tích. Bậc chúa tể lớn hơn tất cả Chư thiên trên Đạo Lợi Thiên cung, được hiểu rõ tự sự rồi suy nghĩ đến điều lợi ích của hai bậc xuất gia tu pháp ba-la-mật đúng theo chánh giáo, khiến đức Đế Thích phát tâm hoan hỷ tán dương đức Bồ-tát, ngài hài lòng với sự thí con bằng kệ ngôn như vậy: Ôi Ngài ơi! Bậc cao quý thắng qua tất cả kẻ thù nghịch, người trau dồi đường trời sẽ được lên trời trong ngày vị lai. Vả lại hạng nào dù là Chư thiên mà có tâm ác, tạo nghiệp dữ, bỏ điều lành, không tu chính trong cõi người, hoặc người hay phi nơn có ác tâm, ganh tỵ người bỏ túc điều lành, đến quấy nhiễu làm cho thí chủ bất bình, bực tức là những phiền não phá hoại thiện pháp, bậc cao quý đều thắng được cả. Đây là sự thật, có bằng chứng rõ rệt sự rung động của địa cầu, có ý nghĩa hoan hỷ thiện pháp của bậc cao quý ấy, thấu đến cõi trời, có ánh sáng chói loà trên không trung, chỉ cho thấy rằng Chư thiên trong các hướng đều cảm phục và hoan hỷ. Các núi to lớn, là nơi cư ngụ của những đại đạo sĩ cũng rung rinh, chứng tỏ sự vui thích với pháp bố thí ba-la-mật của ngài; cho đến chư Phạm thiên cũng đến hoan hỷ pháp thí ba-la-mật của ngài trong lúc này.

Ôi, bậc đại nhân cao quý! Ngài là hàng xuất chúng thật. Ngài can đảm trừ dứt tâm bòn xén, bợn nhơ. Ngài thí con, vợ trong lúc khó khăn như vậy thật là hy hữu. Khi các hàng thiện trí tuệ thức trong sạch khỏi lòng bợn rít keo kiệt, bố thí vật quý hoặc vợ, con yêu quý được, là việc cao thượng làm cho mình trở nên thượng lưu. Hàng vô trí tuệ nhiều phiền não, phóng tâm hằng thiếu nghị lực, không dám làm việc lành, vì pháp của bậc thiện trí tuệ thức là điều khó cho thường nhân thực hành được. Con đường đi đến kiếp sau của hai hạng người trí tuệ thức và vô trí tuệ thức khác nhau. Kẻ vô trí tuệ thức nhiều phiền não thường thọ sanh theo nghiệp ác, phải sa đọa vào bốn ác đạo. Hạng trí tuệ thức luôn luôn không bỏ qua việc lành sẽ được lên nhàn cảnh. Nay ngài là bậc cao quý đáng tán tụng, là bậc cao

nhân đang bị câu thúc trong Tuyết Sơn hiu quạnh, chỉ có vợ con là bạn cơ hàn, mà ngài vẫn còn tạo được đường Phạm thiên, không kể đến sự cơ hàn vất vả trong hiện tại. Ngài đã bố thí hai con trong ngày hôm qua, nay có tâm trong sạch bổ sung thiện nghiệp thí hoàng hậu có ân đức phụng sự ngài. Sự đại thí con, vợ là pháp cao thượng, ngài sẽ được đặc kỳ sở nguyện không sai”.

Đức Đế Thích biến ra vị đạo sĩ, khi đã giảng pháp thiện trí tuệ thức, hoan hỷ sự bố thí ba-la-mật của đức Bồ-tát vừa với đức tin rồi, ngài bèn gọi nàng Madrī lại cho đức Bồ-tát bằng kệ ngôn rằng: “*Dadāmbhotobhariyaṃ maddīnsabbaṃ gasobhaṇaṃ tvañcevamaddiyāchando maddīcapatināsaha yathāmayocasañkho ca ubhosamākavaññino evaṃ tvañcamaddīca samānamanacetasā avaruddetatha araññasmiñ ubhosammathassame khattiyāgotta sampannā sukhātāmāhupetito yathā puññānikayirātha dadantā aparāparanti – Ô, bạch ngài! Tôi đây có lòng vui thích ngài không có chi sánh bằng. Tôi hoan hỷ xin trả nàng Madrī lại, tôi không mong dẫn nàng đi và yêu cầu ngài nhận lãnh nàng Madrī để dùng làm người phụng sự, vì tôi nghĩ rằng ngài nên cần đến nàng thật, và nàng cũng đáng làm bạn với ngài, ví như sữa tươi trong sạch vừa với nôi trắng tức là vỏ ốc mà thợ đã trau dồi bóng láng, có màu trắng trong sạch thế nào, ngài cùng nàng Madrī đều có nước tâm trong sạch một màu như nhau. Tôi biết rõ cả hai vị là dòng vua cao thượng. Hai ngài đến ngụ tu phạm hạnh trong rừng này, thật là ít ai làm được. Ngài nên suy xét vật chi nên bố thí, thì ngài bố thí để bỏ khuyết pháp thập độ theo sở thích của ngài”.* Khi đức Đế Thích đã tỏ lời thiện cảm như thế, sắc mặt ngài vui tươi, bay lên không trung và nói rằng: “*Sakkohamasmidēvinno āgatosmitavantike varamvarassurajisi vareatṭhadadāmiteti – Ô, Đại vương ôi! Tôi đây không phải ai xa lạ đâu, chính là Đại vương Đế Thích đây, có thể cho kết quả những mong muốn, hoặc giúp ngài được như nguyện. Vậy cầu ngài chọn những điều chi mà ngài cần thiết, hãy cho tôi biết để tôi cho ngài được như sở thích không sai”.* Khi đức Bồ-tát nhận ra vị đạo sĩ khi này không phải là thường nhân, chính là đức vua trời Đế Thích trên Đạo Lợi thiên cung, ngài bèn phát tâm trong sạch hoan hỷ đáp rằng: “*Tâu, Đại vương là chúa cả Chư thiên, xin ngài sẵn lòng ban cho 8 điều yêu cầu của tôi: 1) Xin cho Phụ vương tôi là đức Sanjeyamaharāja có tâm vui thích theo sự hành động của tôi và Phụ vương tôi mời tôi về kế vị như trước; 2) Khi tôi có quyền sát hại, xin cho tôi đừng vừa lòng trong việc giết người, dù một kẻ nào có tội nặng đến đâu, tôi vẫn giữ lòng từ bi thương hại xử tội nặng thành nhẹ, hoặc phóng thích cho họ khỏi tử hình; 3) Xin cho tôi hằng thương xót chúng dân và là nơi nương tựa của mọi người, xin cho những người nam nữ, già trẻ, sang hèn đều là bộ hạ tùy tùng nương cậy với tôi như trước và thường được an cư lạc nghiệp; 4) Xin cho tôi đừng say mê làm lạc, tà dâm vợ con kẻ khác dù có phụ nữ đến yêu tôi, tôi đừng xiêu lòng luyến ái; 5) Xin cho tôi được kế vị theo thập vương pháp và được vừa lòng quần chúng; 6) Trước ngày tôi được quyền cao tước cả, xin cho tôi có đầy đủ thực phẩm theo sở thích vừa với tâm bố thí của tôi; 7) Xin cho những của mà tôi đã đem ra bố thí phát sanh lên đầy kho, trở lại như trước; 8) Xin cho tôi thọ trì giới được trong sạch mãi mãi đến khi mệnh chung, được sanh lên cõi trời luôn luôn như vậy”.* Khi đức Đế Thích được nghe 8 điều yêu cầu của đức Bồ-tát, ngài nhận lời rồi biến trở về Thiên cung.

Pamattamaṃ pakāsento satthā āha – Đức Thế Tôn tuyên bố về đức Đế Thích nhận lời của đức Bồ-tát yêu cầu bằng Phật ngôn rằng: “Tassatamaṃ vacanaṃ sutvā devindoetābravi aciraṃ vada tetāto pitā tamdatṭhamessati idaṃ datvā naghavā devarājāsujampati vessavatarassavaraṃ datvā saggakāyaṃ pakka-mīti – Nay các thầy! Đức Đế Thích nhận lời yêu cầu của đức Bồ-tát Vessantara như vậy, ngài bèn đáp lại cho vừa lòng đức Bồ-tát rằng: Ô! Không lâu, đức vua tại thủ đô Sañjeya là phụ vương của đức Vessantara sẽ ngự đến rừng núi tuyết sơn này, do tâm vui thích mong được thấy hoàng nhi là con yêu quý của

ngài. Đức Đế Thích chỉ tỏ bấy nhiêu lời vừa với quả phúc sẽ phát sanh theo thứ tự. Đức Đế Thích có danh là Sayampatī, ngài là chồng của công chúa con của đức A-tu-la vương, tỏ lòng khoan hồng trong sự ban phước đến đức Vessantara rồi trở về thiên cung, như vậy.

Evam boddhisattoca maddīca sammodamānā sakkadatiye assamevasiṅsu
jūjakopikumare gahetvā satthīyojanamaggaṃ paṭipajjidevatvā
kumarānamarakkhamakamsu jujakopisuriye atthamgamitekumāre gacchebanthitvā
bhūmiyaṃ nipajjāpetvā sayamaṅḍabālamiggabhayena rukkham
āruyhasākhavitappabhaṅḍareseyyatīti.

Nói về đạo sĩ và đạo sĩ nữ cả hai nếu là dòng dõi nhà vua, đức Vessantara là giòng giống Đức Phật, còn nàng Madrī là công chúa con của đức vua Maddharāja cùng nhau ngự được an vui trong tịnh thất, tham thiền tu phạm hạnh trong tuyết sơn. Nói về khi lão Jūjaka dẫn hai trẻ lần theo đường rừng trải qua 60 do tuần, nhờ Chư thiên thương xót bảo hộ, nên hai trẻ được an vui khỏi điều nguy hiểm.

Một hôm, bóng hoàng hôn vừa thấp thoáng, những tiếng thú rừng kêu la inh ỏi, lão Jūjaka lo sợ ác thú, tìm đến gốc cây to, dùng dây buộc chân hai trẻ tại gốc cây, còn phần lão thì leo lên nhánh ẩn trú đề nghĩ qua đêm. Thê thảm thay cho hai trẻ, phải chịu cảnh màn trời chiếu đất lạnh lẽo, quần áo, thân thể lấm lem bụi đất, khóc than thảm thiết. Khi ấy có hai vị trời trên cây thấy hai trẻ quý tộc bơ vơ, cô độc nên động lòng biến ra làm cha và mẹ của hai trẻ, ẵm bồng che chở, nâng niu hai trẻ như con ruột, vị Thiên nữ cho Kaṇhā bú sữa, vị Thiên tử cho trẻ Jālī dùng thực phẩm, rồi vỗ về cho ngủ trọn đêm vì lòng trong sạch và thương hại hai trẻ cô quạnh không cha mẹ. Trời dưng sáng, hai vị trời bèn để hai trẻ nằm xuống rồi biến mất. Sáng ra, lão Jūjaka dẫn hai trẻ ra khỏi rừng. Đến đây có hai nẻo, một ngã đi đến kinh đô Sañjeja và một ngã về Kalingarāstha, Chư thiên khiến cho lão Jūjaka lầm lạc đi theo đường Cetuttara vừa đúng 15 hôm thì đến thủ đô Sañjeja.

Sáng ngày ấy, tại kinh thành có một cuộc lễ long trọng nên dân chúng dọn quét đường xá sạch sẽ, treo cờ kết hoa xinh đẹp. Vào canh năm ngày ấy, đức vua Sañjeja nằm mộng thấy có một lão mặt đen, mặt thỏ, cầm hai hoa sen mới nở, vào đến tận bệ rồng, hai tay cung kính dâng đến đức vua. Đức vua thọ lãnh hai hoa sen rồi dặt lên hai tai của ngài. Hoa sen rớt xuống trước mặt mùi thơm ngọt ngào, khiến đức vua rất vui mừng, giật mình tỉnh giấc. Sáng ra, đức vua truyền đòi các thầy Bà-la-môn đến để bàn điều chiêm bao. Các vị Bà-la-môn bèn tâu rằng: “Tâu bệ hạ, chúng tôi đoán chắc Bệ hạ sẽ được trùng phùng với các hoàng tộc đã lìa xa từ lâu trong ngày nay”. Đức vua được nghe qua rất mừng, ban thưởng cho các Bà-la-môn và ngự trên long xa ra cửa thành. Khi đó, lão Jūjaka dẫn hai trẻ vừa đến trước mặt vua, do Chư thiên che mắt quan quân nên không ai ngăn cản. Đức vua liếc thấy không rõ, nên không nhận thật là cháu, ngài bèn tỏ lời rằng: “Kassetammukhamābhati hemamvuttattamagginā nikkhamvajātarūpassa ukkāmmukhampahamsitaṃ ubhosadisapaccamaṅgā ubhosadisalakkhanā jālissasadisaeke ekākaṇhājīnāyathā sihāvilā vanikkhantā ubhosampatīrūpakā jatarūpamayāyeva imedissantidārakāti – Các quan ơi! Các quan ơi! Hai trẻ theo lão Bà-la-môn đi qua trước mặt trăm đó là con cháu của ai? Hai trẻ khô ngô, mặt mày sáng rỡ, hai trẻ đều xinh đẹp, trẻ trai bên kia giống như cháu Jālī, trẻ bên này không khác cháu Kaṇhā chút nào, hiệp với điều chiêm bao mà trăm đã thấy khi hôm. Tướng mạo cử chỉ của hai trẻ là con giòng quý tộc. Cả hai đi đứng nghiêm trang như sư tử ra khỏi động vàng, diện mạo hai trẻ như vàng ròng ánh sáng, rõ rệt là cao quý cho đến ngũ căn cũng thế”. Khi đức vua tỏ ý khen ngợi hai cháu như thế, ngài bèn sai một vị cận thần đến bắt lão Bà-la-môn và hai trẻ vào châu lập tức. Tuân lệnh vua, vị cận thần liền ra dẫn lão Jūjaka, và hai trẻ đến giữa sân rồng.

Đức vua không để cho các quan tra vấn, e sai lạc ý muốn của ngài. Đức vua bèn phán hỏi ngay lão Bà-la-môn rằng: “Này lão ôi! Hai trẻ này lão được từ đâu mà đến đây?”

– Tâu Thánh thượng, hai trẻ đây là con của đức Vessantara, ngài ngự được an vui và hành đạo trong núi Tuyết Sơn. Ngài cho hai trẻ đến tôi bằng đức tin trong sạch để bỏ khuyết pháp thí ba-la-mật. Tôi đi từ núi Tuyết Sơn mới vừa đến đây, buổi sáng này.

– Này lão! Lão dám lừa dối trẫm sao? Hai trẻ như ngọc quý thế này, ai lại đem cho đến người để làm tôi mọi. Người lấy chi làm bằng, nếu không trẫm sẽ căn cứ theo luật hình mà sửa trị

– Tâu, tôi đâu dám dối lệnh Hoàng thượng, đức Vessantara đã phát nguyện bố thí đến kẻ nghèo đói cô độc, ví như địa cầu là nơi nâng đỡ tất cả chúng sanh, hoặc như nước các sông rạch làm cho người thú được mát mẽ an vui thế nào, nước tâm của đức Vessantara cũng vậy. Tâu lệnh Hoàng thượng, đó là bằng chứng xác thực của già Jūjaka, xin Bệ hạ từ bi thương xót xét lại cho lão nhờ.

Khi ấy, các triều thần văn võ được nghe lão Jūjaka tâu như thế, đều tin chắc và bàn cùng nhau rằng: “Này tất cả chúng ta đến hội họp trong nơi đây, hãy quan sát sự tích của đức Vessantara khi ngài còn trị vì trong kinh đô này, ngài đã bố thí đến tất cả kẻ nghèo đói và cô độc, thậm chí đến voi báu, ngài cũng cho, khiến cho chúng dân bất bình, nên phải lánh đi vào non tuyết lãnh mà vẫn còn bố thí hai con yêu quý đến lão Jūjaka. Xem đây thì rõ, thật khác thường, cổ kim chưa từng thấy, nếu ngài thí của kho thì gọi là do đức tin, nay lại nữa đem hai con như cặp mắt mà dứt bỏ đi, là khác với thói quen từ ngàn xưa”. Khi đó, hai trẻ Jālī và Kanhā được nghe, liền nhớ đến ân đức cao dày của cha lành mà động lòng không thể nhịn nín với những lời phê phán của triều thần. Hai trẻ định tỏ lời ngăn ngừa của các quan, ví như núi Tu Di sơn bị gió thổi lay chuyển nghiêng chiều, mà nhờ uy lực của Chư thiên dùng tay chống đỡ cho đứng vững lại như trước. Trẻ Jālī bèn quì tâu rằng: “Tâu đức Tổ phụ, các quan dễ dôi dám đồng nhau khinh rẻ cha chúng tôi như vậy có nên chăng? Vì Phụ vương chúng tôi bỏ đai vàng, vào ngự trong rừng, họ mới dám đem nhau trách cứ, xem thường không lòng kính nể. Tâu, đức Tổ phụ ôi! Trước mặt đức Tổ phụ mà các quan không kiêng sợ, lại dùng lời vô lễ như thế. Lúc Phụ vương cháu tu trong rừng nghèo khổ, thì của kho đâu mà bố thí, chỉ có hai cháu quý mến mà thôi, nên mới kiên gan dứt bỏ, mong được giác ngộ để tế độ tận chúng sanh, như các đức Bồ-tát từ xưa kế thống dòng dõi chư Phật vậy. Bậc thượng lưu quân tử làm những việc cao quý lợi ích cho đời như thế mà họ là hàng hạ lưu dám tỏ lời trách cứ như vậy. Cầu đức Tổ phụ phán đoán theo công lý, cho biết hàng thuộc hạ của đức vua như thế có xứng đáng chăng?” Được nghe lời tâu của hai cháu, đức vua phán rằng: “Này hai cháu quý mến ôi! Hai cháu đừng tỏ lời phiến trách các quan. Chúng ta đây đều vui thích với sự đại thí của cha cháu, cháu đừng buồn, có ai dám tỏ lời khinh rẻ đâu. À! Khi cha cháu đem hai cháu ra bố thí như vậy, có tâm hoan hỷ hay buồn tiếc chi chăng? Cháu nên tường thuật lại cho Tổ phụ nghe rõ tự sự đi”. Trẻ Jālī bèn tâu tất cả câu chuyện từ đầu chí cuối cho đức Tổ phụ nghe đầy đủ. Đức vua Susanñjeyarāja thấy hai cháu còn đang ở trong quyền lực của lão Jūjaka, ngài bèn phán hỏi rằng: “Này hai cháu ngọc ôi! Cha và mẹ chúng cháu đều là dòng dõi Hoàng gia, từ trước hai cháu từng ngồi trên vé của Tổ phụ, nay sao hai cháu lại đổi tánh thờ ơ ví như khách lạ, vì sao cháu nữ ngồi xa Tổ phụ như vậy?” Trẻ Jālī tâu: “Tâu, Tổ phụ từ bi dạy bảo như thế, song hôm nay hai cháu là tôi đòi, đâu dám lên ngồi trên báu tọa, làm cho Tổ phụ giảm giá trị, hổ mặt với triều đình. Do đó, hai cháu hổ thẹn sợ nhỡ lây đến Tổ phụ, nên xin ngồi xa xa như kẻ tôi tớ như vậy”.

– Cháu Jālī oi! Vì sao nữ hoàng lời hạ mình như vậy. Những câu nói chua cay của cháu như người đem lửa đốt mặt, hoặc như kẻ ngồi trên lò lửa, làm cho Tổ phụ phải bức rức xôn xao ngồi không yên trên ngai vàng, cháu chớ tỏ lời buồn trách Tổ phụ làm chi. Cháu ngọc oi! Tổ phụ sẽ chuộc lại hai cháu bằng tất cả báu vật trong đền, không để cho hai cháu làm nô lệ của lão Jūjaka đâu. Ồ, lúc cha cháu thì hai cháu đến lão Jūjaka có ra giá là bao nhiêu chăng? Cháu hãy nói cho Tổ phụ biết đi nhé, Jālī”.

Nhân đó, trẻ Jālī liền quì tâu: “Cha chúng cháu có dạy về phần cháu là 1000 lượng vàng, nhưng phần em ngọc Kanhā thì cha cháu đánh giá rất cao: bò, trâu, ngựa, voi, tòi trai, tở gái mỗi loại 100 và 1000 lượng vàng. Khi nào những báu vật mà cháu đã kể đây, trao đến tận tay đầy đủ cho lão Jūjaka này giờ nào rồi, thì hai cháu sẽ được tự do, ra khỏi tay của lão Jūjaka trong giờ ấy”. Đức vua Sañjeya phán rằng: “Chỉ có bấy nhiêu đó phải chăng?” – “Vâng!”. Đức vua bèn dạy mở kho lầy của báu đem trao cho lão Jūjaka. Các quan đồng nhau đem tiền và của giao đủ đến lão Jūjaka và ban thêm một dinh thự 7 tầng, bởi công khó của lão đem hai cháu đến cho trẫm. Từ đây, lão Jūjaka ngự trong điện cao 7 tầng, có đầy đủ vật dụng cần thiết, có tòi trai, tở gái hầu hạ, hưởng đời sống hạnh phúc an vui.

Đức vua Sañjeya khi đã chuộc được hai cháu ngọc, ngài rất thỏa thích, hoàng hậu và cung phi đồng nhau đến mừng rỡ, âm bông, nâng niu hai cháu. Đem tắm rửa, trang phục, cho thọ dụng đầy đủ sự cao sang quyền quý của nhà vua, dỗ hai trẻ an nghỉ trên giường rộng, nệm gấm, có cung nga hầu hạ ngày đêm, “hết con bĩ cực, tới hồi thối lai”. Đức vua Sañjeya hỏi hai cháu rằng: “Này cháu Jālī và Kanhā, song thân của hai cháu được mạnh khỏe bình an và tìm hái trái vừa đủ nuôi thân không? Sự lo sợ về thú dữ có xảy đến chăng? Được an vui hay khổ cực thế nào? Hai cháu hãy tỏ cho Tổ phụ biết rõ đi”. Trẻ Jālī và Kanhā tâu rằng: “Tâu đức Tổ phụ, Tổ phụ hỏi thăm về sự khổ vui của cha mẹ cháu. Tâu, cha mẹ cháu vẫn được khỏe mạnh và tìm hái trái đủ no lòng. Các ác thú nhỏ lớn cũng không đến phá hại, do cha cháu hằng rãi lòng từ bi đến tất cả mọi loài, cho nên chúng sinh trong rừng chung quanh chỗ ngụ đều có tâm mát mẻ, chẳng hề xảy ra điều chi đáng lo sợ cả. Tâu đức Tổ phụ, thương thay cho mẹ chúng cháu, buổi sáng lo dậy sớm quét dọn tịnh thất, săn sóc hai cháu, lo gánh nước cho đầy đủ trong các nơi chứa, rồi dặn dò nâng niu hôn hít hai cháu, khi mẹ Madrī vào rừng tìm hái trái, chọn những trái ngọt ngon, nhỏ lớn, không nài cực nhọc gian lao nguy hiểm, chỉ mong sao cho chồng con được no đủ thì hài lòng. Mỗi ngày hằng tìm hái trái vừa đủ để đem về dâng đến cha cháu và nuôi hai cháu. Tổ phụ ôi! Không phải chúng cháu Jālī và Kanhā dám nhiều lời thêm bớt, đặt điều dối gạt Tổ phụ đâu, hai cháu còn nhỏ dại không hiểu được tâm trạng của đức Tổ phụ sao. Thông thường chúng sanh, sanh ra trong thế gian hằng có phiền não, chưa đạt đến Niết-bàn thì hay thương yêu triu mến, nhiều tình dục, không thương cái chi bằng thương con. Cha cháu có tâm quyền luyện cháu không bao giờ quên đâu. Tổ phụ ôi! Lẽ đâu Tổ phụ lại quên cha cháu, không thương tiếc chút nào, nên đành bỏ cha cháu quạnh hiu cô độc, không thấy rằng là bậc hiem có. Cha cháu là bậc Đế vương quý báu trên đời, mà lẽ nào Tổ phụ nữ nào tin những lời vô lễ của chúng dân, đành đuổi cha cháu ra khỏi đền vàng, cho hết thầy phần uất đi”.

– Ôi! Thật thế, cháu Jālī oi, trước kia vì Tổ phụ nghe lầm hiểu quấy. Cháu oi, cháu đừng than trách làm cho Tổ phụ đau lòng hối hận, bởi Tổ phụ đây chưa kịp quan sát chu đáo, vì lòng dân quá xôn xao, phần uất, nên Tổ phụ lo sợ, nghi ngờ, chỉ tin lời của dân gian mới đuổi cha cháu ra khỏi đền vàng, cũng do dân chúng nhiều lời châm chích, khiến Tổ phụ bất bình, đấy là cái nghiệp của Tổ phụ vậy. Tổ phụ cam chịu lỗi lầm, làm cho con và hai cháu phải khổ cực gian lao. Vậy cháu Jālī hãy đi thỉnh cha cháu trở về trị vì như trước đi.

Trẻ Jālī tâu rằng: “Tâu, cháu đâu dám trái lệnh của Tổ phụ, nhưng được Tổ phụ ngự đi cùng thì càng quý hơn”. Khi đức vua Sañjeya được nghe lời tâu của cháu Jālī thì càng phát tâm hoan hỷ bèn đáp rằng: “Đúng lắm, để Tổ phụ đi rước thì cha cháu mới không còn nghi ngờ. Cháu hãy là hướng đạo đến núi Girīnanka nơi xuất gia của cha cháu”. Đức vua bèn ra lệnh cho quan quân dẫn binh ủng hộ đi rước đức Vessantara Bồ-tát trở về. Dân chúng đồng đi theo rất đông để nghinh đức Bồ-tát, quan quân rần rộ ăn mặc từng đoàn: tốp mặc đồ trắng, vàng, đoàn mặc y xanh, đỏ, ồn ào náo nức sắp vào rừng Tuyết sơn.

Khi đức vua Sañjeya chuẩn bị quân binh đến nghinh tiếp đức Vessantara, ngày ấy lão Jūjaka dùng bữa quá no, cho đến chất lửa không thể tiêu hoá thực phẩm được, lão phải chết ngay. Đức vua cho thiêu thi hài rồi bố cáo cho thân quyến lão hay, song cũng chẳng thấy ai đến nhìn nhận, nên đức vua dạy đem tất cả tài sản của lão Jūjaka nhập vào kho quốc gia. Qua ngày thứ 7, đức vua dẫn hoàng hậu, cung phi các quan quân xuất hành, đoàn binh rần rộ đi trọn 45 ngày, đường xa 60 do tuần mới đến núi Girīnanka.

Jālī kumāro pimuccalindasaratire khandhāvāramnivāsāpetvā cudaserathasahassānī āgatāmaggābhimukhā nevathapā petvā tasmiñpadesi sīhabyagghadīpikhaggādīsū ārakkhamsusamvidahi hatthi ādīnamsaddomahā ahoṣīti – Hoàng tôn Jālī làm hướng đạo, dẫn quan quân đi trước, khi đến ao sen Mucalinga bèn dừng binh an nghỉ chờ hoàng Tổ phụ. Đi đến 45 ngày, trải qua 60 do tuần mới tới chỗ ngụ của đức Bồ-tát. Đức vua Sañjeya vào trước và phán rằng hoàng hậu và hai cháu sẽ vào sau. Khi đức Bồ-tát và nàng Madrī thấy Phụ vương đến, chạy ra quỳ lạy nơi chân. Vua cha tỏ lời an ủi, hỏi han và hàn huyên ấm lạnh của hai con rằng: “Hai con ngự nơi đây được an vui chăng? Hằng ngày hái trái làm thực phẩm được no lòng chăng? Có ác thú đến quấy nhiễu chăng?” Đức vua thấy sắc mặt hai con có vẻ tiêu tụy nên ngài mũi lòng rơi lệ. Đức Bồ-tát và nàng Madrī khóc ròng và tâu rằng: “Tâu, hai con được an vui, hằng ngày vào rừng hái trái nuôi thân vừa đủ, ác thú cũng không đến phá hại”. Đức Bồ-tát tâu hỏi vua cha rằng: “Tâu Phụ vương, Phụ vương và Mẫu hậu được sức khỏe kiện toàn như xưa chăng? Các quan quân, cung phi và mỹ nữ và dân chúng được mạnh khỏe, trong nước vẫn được thái bình chăng?” Đức vua Sañjeya đáp: “Tất cả mọi người đều bình an, vui vẻ và không còn bất bình như xưa nữa”.

Nói qua mẫu hậu là mẹ của đức Bồ-tát, từ vào đến cửa tịnh thất, đức Bồ-tát và nàng Madrī xem thấy đồng quỳ mọp bên chân mẹ khóc than kể lể. Đoàn nàng Madrī thấy hai con là Jālī và Kanhā, nàng quá mừng chạy lại ôm con, mũi lòng khóc nức nở, ba mẹ con khóc đến ngất xỉu, khiến cho đức Bồ-tát, vua cha và mẫu hậu lầy lăm não nùng cũng bất tỉnh. Tất cả quan quân cung phi mỹ nữ thấy thế, đều cảm động không biết gì cả như một cơn mê. Trong bầu không khí trang nghiêm và linh động ấy, khiến tất cả thế giới huyền não, địa cầu lay chuyển, cho đến núi Tu Di sơn cũng chiêu theo pháp ba-la-mật. Đức Đệ Thích dùng thiên nhãn quan sát thấy rõ rằng: Ô! Đức vua Vessantara có sự động tâm vì xa lìa hoàng tộc đã lâu, nay được tái ngộ, ngài đang than khóc với 5 Hoàng gia, nếu ta không cứu độ, sợ 5 Hoàng gia ấy phải mệnh chung. Đức Đệ Thích liền cầm ô vàng bay xuống rưới nước cam lồ thành mưa rớt nhằm thân thể của sáu vị Hoàng gia và tất cả quan quân đều được tỉnh lại. Sau khi được an hảo, đức vua Sañjeya tỏ lời mời đức Vessantara trở về kế vị như trước. Đức Bồ-tát xin khước từ rằng: “Ngày trước con bố thí mà phải bị đuổi đi vào rừng, nay trở về không tiện, xin Phụ hoàng tha lỗi cho”. Đức vua Sañjeya nghe đức Bồ-tát tâu như thế, bèn tỏ lời an ủi khuyên giải rằng: “Này hoàng nhi ôi! Trước kia vì thấy dân chúng xôn xao bất bình nên cha không kịp xét kỹ, phải làm việc quấy làm như thế. Vậy hoàng nhi từ bi đến dân gian mà tha thứ cho. Tất cả quan quân cũng đều quỳ tâu xin đức Bồ-tát rộng lượng khoan dung, khẩn cầu đôi ba lượt, Bồ-tát mới chấp thuận. Ngài và

nàng Madrī trở vào thay đổi y phục đạo sĩ trở thành cư sĩ, ngài nhìn tịnh thất mà rằng: “Ôi, tịnh thất này, ta đã nương nhờ trong nơi đây để bồ tát pháp ba-la-mật được 9 tháng 15 ngày, từ đây ta đâu còn sẵn sóc, quét dọn nữa”. Nghĩ đến càng ngậm ngùi tác dạ. Ngài nhiều quanh ba vòng tịnh thất để tỏ lòng nhớ ơn rồi trở ra. Vua cha và tất cả 60 ngàn quan quân đều chuẩn bị sẵn nước thơm tắm cho Bồ-tát và mặc long bào đến ngài, đồng thời làm lễ dâng cực⁶⁶ trong nơi ấy. Lễ tôn vương xong, quan quân thỉnh đức Bồ-tát lên long xa đồng nhau hộ giá trở về kinh đô Jetuttara.

Tại kinh thành, tất cả triều thần và dân chúng đều trang hoàng đèn đài nhà cửa, đường xá để cung nghinh đức Vessantara Bồ-tát. Trong hàng dân, nhất là kẻ nghèo đói, cô độc rất hân hoan nghinh tiếp, vì họ tin rằng sẽ được đức Bồ-tát ban nhiều ân huệ. Đến kinh thành trời đã tối, đức Vessantara ngự vào đền vàng an nghỉ. Đêm ấy, ngài nghĩ rằng: Sáng mai đoàn ăn xin biết ta đã trở về đền, đồng nhau hoan hỷ tấp nập đến chờ lãnh của thí. Hỡi ơi! Như thế, của cải đâu vừa cho ta bố thí lúc này? Khi đó làm cho đức Đế Thích nóng nảy ngồi trên bảo tọa không yên, khi biết rõ, ngài liền cho mưa bảy báu xuống đầy đủ trong đền, đức Bồ-tát xem thấy lấy làm vui mừng, ngài dạy bá cáo cho dân gian hay, để đến thọ thí. Tất cả dân nghèo trong xứ đều được thọ lãnh của thí đầy đủ, nhưng chẳng hết của báu ấy, đức Bồ-tát bèn cho nhập số vàng còn dư vào kho. Ngài phóng thích các tội nhân như sở thích. Từ đây đức Bồ-tát hằng tinh tấn bố thí, trì giới v.v... mong bồ tát pháp thập độ cho viên mãn để được giác ngộ trong ngày vị lai. Ngài sống đến 120 tuổi mới thăng hà, được sanh lên Thiên cung Đâu Suất Đà (Dusita) có tên rõ rệt là Dusitadevaputta. Những người thực hành theo giáo huấn của đức Bồ-tát, khi mạng chung được sanh lên Đạo Lợi Thiên cung cả.

Satthā imam gāthāsahssapati manditam mahavessanrājatakam āharitvā. Đức Giáo chủ thuyết về tích đức Vessantara gồm có 1001 kệ ngôn vừa xong. Ngài giảng tiếp rằng: Bhikkhave – Này các thầy tỳ khuru! Trên không trung mưa rót xuống giữa nơi hội họp trong thuở trước, hội Như Lai sanh ra là dòng vua như vậy.

Kế tiếp, Đức Thế Tôn thuyết pháp Tứ Diệu Đế nhất là khổ đế xong rồi, ngài hội các tiền kiếp lại như vậy: Jūjakobrāhmanoluddho – thuở ấy, lão ăn mày Jūjaka thèm khát đó, nay là Đề Bà Đạt Đa; Amittadāca – nàng Amittadā nay là nàng Ciñcamānavikā; Jetaputta – người thợ săn Jeta nay là Channathera; Tapaso – đức Acutta đạo sĩ nay là đức Xá Lợi Phất; Sakko – đức Đế Thích nay là A Nậu Lâu Đà; Vessukammo – vị trời Vessukamma nay là đức Mục Kiền Liên; Maggarumhisihorāja – vị trời biển ra sư tử nay là đức Upalī, vị trời biển ra cọp nay là đức Simbalī, vị trời biển ra beo nay là Culanāgamabāthera; vị trời biển ra Bồ-tát đạo sĩ (khi hai trẻ bỏ dưới gốc cây) nay là đức Mahakaccāyana; vị Thiên nữ biển ra nàng Madrī cho trẻ Kaṇhā bú, nay là nàng Visākā đại thí chủ; Maddharāja – đức vua Maddharāja Phụ vương nàng Madrī nay là Mahānāma, dòng Thích Ca; Dāna veyyāvaccāmacco – cận thân chỉ huy sự bố thí cho đức Vessantara nay là nhà triệu phú Cấp Cô độc; Sanjayo – đức vua Sañjeya nay là đức Tịnh Phạn Vương; Phussatidevī – hoàng hậu Phussati nay là Māyā hoàng hậu (Phật mẫu), nàng Madrī nay là mẹ Rāhulā; Jālīkumaro – trẻ Jālī nay là Rāhulā; trẻ Kaṇhā nay là tỳ khuru ni Upavaṇṇatherī; parissāsahajātāca – tất cả 60.000 quan quân đều là hàng Phật tử; Vessantaro – đức Vessantara nay là aham eva tức là Như Lai, được chứng quả Chánh đẳng Chánh giác vậy.

Evam saṅkhepena sammata – Thuyết truyện Vesantara tóm tắt chỉ bấy nhiêu

Đây xin lượt giải về 13 thiên theo thứ tự là:

⁶⁶ Tôn lên ngôi vua.

Thiên thứ I: Dasavaraṅga: Giải về khi Đức Phật ngự đi đến kinh đô Kapilavatthu (Ca-Tỳ-La-Vệ), ngài hiện thân thông làm mưa, rồi Ngài thuyết truyện đức Vessantara và tiền nghiệp của nàng Supārasuppatī. Đức Đế Thích nhắc lời yêu cầu mà nàng Supārasuppatī, cầu xin 10 điều...

Thiên thứ II: Himabānaṅga: Giải về khi nàng Supārasuppatī giáng sanh từ Đạo Lợi Thiên cung vào lòng bà hoàng hậu của đức vua Sañjeya. Thuở ấy, đức Bồ-tát giáng sinh xuống nhân gian, ngài có danh hiệu là đức Vessantara. Bồ-tát được voi báu Paccaganāga rồi bỏ thí, ngài được nàng Madrī làm hoàng hậu. Nàng Madrī sanh trai Jālī và gái Kaṇhā. Bọn Bà-la-môn xứ Kalingara đến xin voi báu, đức Bồ-tát thí voi, dân chúng bắt binh, dẫn nhau đến cầu xin đức vua Sañjeya xin đuổi đức Vessantara đi ngự trên núi Girīvankata.

Thiên thứ III: Dānaṅga: Giải về đức Vessantara đại thí các báu vật mỗi món 7 lần, rồi lạy từ biệt vua cha và mẫu hậu. Đức vua Sañjeya ngăn nàng Madrī không cho theo chồng. Nàng Madrī trình bày về tình trạng góa chồng, đức Vessantara ngự ra đi với hoàng hậu Madrī và hai con, được nửa đường, ngài thí xe và ngựa, đồng thời cho quân hộ tống trở về.

Thiên thứ IV: Vanappavesanaṅga: Giải về đức Vessantara ngự đi đến xứ Ceta. Đức vua Cetaṅga thỉnh ngài ở lại và xin nhường ngôi. Đức Vessantara không nhận lời, ngài hỏi thăm đường đi đến núi Girīvankata, rồi từ giả đức vua Ceta, dẫn nàng Madrī và hai con thẳng lên núi Girīvankata.

Thiên thứ V: Jūjakakaṅga: Giải về lý lịch lão Bà-la-môn Jūjaka là kẻ ăn xin cho đến khi được nàng Amittadā là vợ. Do trai thanh niên chọc gheo, nói xấu và bọn Bà-la-môn nữ đánh chửi, nàng Amittadā bèn bảo lão Jūjaka đi tìm tội trai, tở gái. Lão Jūjaka chịu lòng vợ, đi tìm đức Vessantara để xin Jālī và Kaṇhā. Trước hết gặp Cetaputta, thợ săn bảo vệ Bồ-tát bị lão Jūjaka dùng lời dối gạt nên khỏi bị hại.

Thiên thứ VI: Cūlavannaṅga: Giải về khi Cetaputta chỉ dẫn đường đến núi Girīvankata cho lão Jūjaka và dặn lão đến hỏi thăm đức Đạo sĩ Accutta.

Thiên thứ VII: Mahavanaṅga: Giải về lão Jūjaka được gặp đức Đạo sĩ Accutta. Đạo sĩ nghi lão đi xin Jālī và Kaṇhā. Lão Jūjaka bèn dùng lời dối gạt tự xưng là đại diện của đức vua cha Sañjeya đến thỉnh đức Vessantara về kế vị. Đạo sĩ Accutta tin lời bèn chỉ đường cho lão Jūjaka đến núi Girīvankata.

Thiên thứ VIII: Kumāraṅga: Giải về lão Jūjaka đến ngủ bên ao sen gần tịnh thất Bồ-tát. Nàng Madrī nằm mộng. Đức Vessantara đoán điềm chiêm bao của nàng Madrī. Nàng chẳng an lòng rất lo sợ, nhưng sáng ra phải vào rừng hái trái nuôi chồng con. Lão Jūjaka vào hầu đức Vessantara Bồ-tát, cầu xin Jālī và Kaṇhā. Jālī và Kaṇhā chạy xuống ao sen trốn. Đức Vessantara phán gọi hai con, rồi cho đến lão Jūjaka. Lão Jūjaka buộc hai tay trẻ lỏi đi đánh và chửi đến khi ra khỏi rừng.

Thiên thứ IX: Madūkaṅga: Giải về ba vị trời hoá ra ác thú cản đường nàng Madrī. Nàng cầu khẩn xin đường về cho đến mặt trời gần lặn, ba ác thú mới mở đường. Nàng Madrī chạy thẳng về tịnh thất tìm kiếm hai con nhưng chẳng thấy, nàng cầu hỏi chồng. Đức Bồ-tát lại quở trách. Thương hại nàng Madrī tìm con trong đêm cho đến khi té xỉu bất tỉnh dưới thang tịnh thất của chồng. Lúc bấy giờ, ngài Vessantara mới từng thuật tự sự và an ủi nàng. Nàng Madrī phát tâm hoan hỷ trong sự đại thí của chồng.

Thiên thứ X: Sakkakaṅga: Giải về khi đức Đế Thích biến ra vị Bà-la-môn đến xin nàng Madrī. Đức Vessantara rất hoan hỷ cho ngay. Vị Bà-la-môn xin gửi nàng lại cho đức Vessantara.

Thiên thứ XI: Maharājakaṇḍa: Giải về lão Jūjaka dẫn hai trẻ đến kinh đô Jetuttara. Đức vua Sañjeya chuộc hai trẻ. Trẻ Jālī tỏ bày sự khổ cực của đức Vessantara và nàng Madrī. Đức vua Sañjeya dạy sắp đặt dẫn binh đi rước đức Vessantara tại núi Girīvankata, do trẻ Jālī hướng đạo.

Thiên thứ XII: Chakathiyakaṇḍa: Giải về trẻ Jālī dẫn quân binh đến núi Girīvankata. Đức Vessantara cùng nàng Madrī nghe tiếng quân binh đồng ra ngoài tìm xem. Đức Sañjeya và bà Supārasuppati đến gặp đức Vessantara. Hai trẻ gặp mẹ. Tất cả sáu Hoàng gia và quân binh than khóc cho đến bất tỉnh nhân sự. Đức Đế Thích hoá mưa xuống cứu độ, sáu Hoàng gia và quân binh được hồi tỉnh. Đức vua Sañjeya cùng quan quân đồng thỉnh Vessantara Bô-tát về kế vị như trước.

Thiên thứ XIII: Ugarakaṇḍa: Giải về đức Vessantara Bô-tát và nàng Madrī hoàn tục. Cả sáu Hoàng gia sum họp dẫn binh trở về kinh đô Jetuttara, đức Vessantara lên thống trị và bổ túc ba-la-mật pháp như xưa.

Tất cả 10 truyện đức Bô-tát tu hạnh ba-la-mật đầy đủ, trước khi được giác ngộ thành Phật. Mười tích này rất dài, các bậc trưởng thượng từ xưa hằng sùng bái, thường đem thuyết pháp trong các cuộc đại lễ, nhất là trong ngày Vu Lan bồn (từ 23 đến cuối tháng 8 trong mỗi năm). Dù là phiên dịch bằng cách vắn gọn không đầy đủ chi tiết, song có thể giúp cho hàng độc giả nhận được chí tu hạnh ba-la-mật của Bô-tát.

Bổ thí ba-la-mật có năm chi: 1) bổ thí không mong được quả báo như người muốn được lợi trong sự buôn bán; 2) bổ thí không có tâm dính mắc với vật thí như vật đem gửi cho kẻ khác; 3) bổ thí không chú tâm tích trữ như chứa của để dành; 4) bổ thí không nghĩ rằng sau khi thác sẽ được vật đã thí; 5) bổ thí vì nghĩ rằng bổ thí là điều tốt, cao thượng đáng làm và chơn chánh.

Bổ thí của bậc thiện trí tuệ thức có năm chi: 1) saddhāya dānaṃ deti: cho theo đức tin; 2) sakkaccaṃ dānaṃ dānaṃ deti: cho bằng sự tôn kính; 3) kālena dānaṃ deti: cho theo thời⁶⁷; 4) anuggahitacittena dānaṃ deti: cho bằng tâm tế độ; 5) attānañca parañca anupahacca dānaṃ deti: cho do không phá huỷ mình và người.

Phước báu của sự bổ thí theo đức tin là: addho mahaddhano mahābhogo: là người sẽ được sự giàu có; abhirūpadassanīyo pāsādiko: là người sẽ xinh đẹp kiêu diễm.

Phước báu của sự bổ thí bằng cách tôn kính là: addho mahaddhano mahābhogo: là người sẽ được sự giàu có; sassusā: sẽ có con vợ, tôi, tớ là người dễ dạy.

Phước báu của sự bổ thí theo thời là: addho mahaddhano mahābhogo: là người sẽ được sự giàu có; atthaparipūra: có lợi ích đầy đủ trong khi sắp chết.

Phước báu của sự bổ thí bằng tâm tế độ là: addho mahaddhano mahābhogo: là người sẽ được sự giàu sang; ulārapañcakāmagunacitto: chỉ có tâm vừa lòng với ngũ dục tuyệt hảo.

Phước báu của sự bổ thí không phá huỷ mình và người là: addho mahaddhano mahābhogo: là người sẽ được sự giàu có; bhogābhayo: không lo sợ đến của cải là quả phúc trong kiếp vị lai

Nguyên nhân bổ thí có 8 điều là: āsajjadāna: sự bổ thí đã chuẩn bị trước; bhayadāna: bổ thí vì sợ; adāsīdāna: bổ thí vì nghĩ rằng họ đã cho mình trước; dassatidāna: bổ thí vì nghĩ rằng họ sẽ cho mình mai hậu; sāhudāna: bổ thí và tin chắc rằng là việc tốt; pacadāna:

⁶⁷ Thí theo thời là như mùa nào có trái gì, có vật chi sanh theo mùa thì thí vật ấy.

bồ thí vì nghĩ rằng ta phiền não đây do chưa được bồ thí để dành từ trước; kittisaddadāna: bồ thí vì mong được danh tiếng; cittāṅkārādāna: bồ thí mong cho tâm được trang hoàng để hành pháp minh sát.

Tám cách bồ thí của bậc thiện trí tuệ thức: sucidāna: cho vật trong sạch; paṇīdadāna: cho vật quý; kāladāna: cho theo thời; kappiyadāna: cho vật nên cho đến bậc xuất gia; viceyyadāna: cho đến người mà mình chọn rằng là bậc đáng cho; abhinhadāna: thường bồ thí, không lựa ngày; pasādadāna: có tâm trong sạch khi cho; datvādāna: cho rồi thỏa thích.

Quả báo của sự bồ thí: Bốn phần phước của sự thí thực phẩm trong Catukanipāta ānguttara nikāya là: Tuổi thọ, sắc đẹp, an vui, sức mạnh, trong kiếp sanh ra làm người và Chư thiên. Có Phật ngôn như vậy: Yosaññātānaṃ paradattabhojināṃ kālena sakkaccaṃ dadāti bhojanaṃ cattāri thānāni anuppavecchati āyuñca vaṇṇaṃca sukhaṃ balañca. Āyudāyī baladāyī sukhaṃ vaṇṇaṃ dādo naro dighāya yasavā hoti yattha yatthūpapajjati – Kẻ nào dâng thực phẩm đến bậc chế ngự ngũ căn, thường thọ thực mà người cúng dường. Kẻ đó gọi là dâng bốn món tức là tuổi thọ, sắc đẹp, an vui, sức mạnh đó. Người cho tuổi thọ, sắc đẹp, an vui, sức mạnh đó hằng được sống lâu, có quyền thế trong nơi họ đi thọ sinh như vậy.

Năm quả báo của bồ thí: Trong kinh Sīhasūtra có ghi năm quả báo của sự bồ thí là: piyo: là nơi biết thương yêu của quần chúng; bhajo: là nơi tìm tới của người lành; kitti: có danh thơm tiếng tốt; visārado: dạn dĩ trong nơi hội họp; sugati: được thọ sinh trong cõi trời, đây ám chỉ phước báu ở kiếp vị lai.

Đức Phật giải đáp lời hỏi của nàng Sumanā công chúa về quả báo sự bồ thí.

Trong Tạng kinh quyền I, đoạn thứ bốn Pathamapaññāsaka có ghi rằng: Nàng Sumanā công chúa có 500 thiếu nữ tùy tùng vào hầu Đức Phật, sau khi lễ bái xong, công chúa bèn bạch hỏi rằng:

Vấn: Bạch Phật! Hai vị Thinh văn của ngài đều có đức tin, trí tuệ và giới đức đồng nhau, song một vị có sự bồ thí còn một vị không bồ thí. Sau khi tan rã ngũ uẩn được sanh lên cõi trời, cả hai vị trời ấy có khác nhau chăng, bạch Phật? *Đáp:* Nay nàng Sumanā! Hai vị trời đó khác nhau, vị có bồ thí hằng được cao sang, sống lâu, sắc đẹp, an vui, có quyền tước và chủ tể hơn vị không bồ thí.

Vấn: Bạch Phật! Khi hai vị trời ấy giáng sanh xuống làm người có khác nhau chăng, bạch Phật? *Đáp:* Khác nhau Sumanā! Người có bồ thí hằng được phước cao hơn người không bồ thí về sự sống lâu, sắc đẹp, an vui, quyền tước và chủ tể.

Vấn: Nếu hai vị ấy xuất gia, có khác nhau chăng, bạch Phật? *Đáp:* Khác nhau Sumanā! Người có bồ thí hằng tốt hơn người không bồ thí năm điều: đầy đủ bốn vật dụng và là nơi thương yêu vừa lòng của hàng phạm hạnh nữ.

Vấn: Nếu cả hai vị được chứng quả A-la-hán thì khác nhau chăng, bạch Phật? *Đáp:* Nay nàng Sumanā! Về phần giải thoát thì không giống nhau đâu.

Vấn: Thật rất là kỳ diệu, bạch Phật! Người đời nên bồ thí làm phước thật, vì quả phúc hằng có nhiều sự bảo hộ đến người và trời cùng hạnh xuất gia, bạch Phật? *Đáp:* Như thế Sumanā! Người nên bồ thí và làm phước vì phước có thể che chở ủng hộ đến người, trời và bậc xuất gia. Đức Thế Tôn bèn giảng tiếp rằng: Vàng trắng khi ra khỏi đám mây, hằng rực rỡ hơn tất cả tinh tú, thế nào, người có đức tin dứt của bồ thí, có giới đức thì hằng chói lọi hơn tất cả kẻ bôn xén như thế đó. Mây phát lên làm cho mưa to, nước đầy tràn ngập trong nơi ẩm thấp thế nào, chư Thinh văn của đức Chánh đẳng Chánh giác là hạng nhiều sự hiểu biết, là bậc hiển minh hằng đè nén kẻ rít róng do năm điều là: tuổi thọ, sắc đẹp, an

vui, quyền tước và chủ tể, thế đó. Những người có của hằng được cao sang trên cõi trời như vậy.

Đây chỉ cho ta thấy rằng bốn thiện pháp là: Đức tin, trì giới, trí tuệ cho thọ sinh trong cõi người và trời như nhau. Chỉ có quả bố thí khác hơn là cho tuổi thọ, sắc đẹp, an vui, quyền tước và chủ tể được cao quý. Quả phúc sự dốt bỏ của cải ra bố thí đó hằng được đầy đủ của cải và hạnh phúc.

– *Dứt tác phẩm Thập độ (Pl.2505-Dl.1961* –